

#1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

Tác giả của cuốn tiểu thuyết bán chạy "Không Khoan Nhượng"

BRAD THOR

Một cuốn tiểu thuyết trinh thám li kỳ, hấp dẫn nhưng cũng rất kinh hoàng... Các fan hâm mộ Dan Brown và Thomas Harris sẽ muốn đọc tác phẩm bậc thầy này của Brad Thor - Midwest Book Review.



TRUY SÁT

TAKE DOWN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

BRAD THOR

Hoàng Yên dịch

—★—

TRUY SÁT

• TAKE DOWN •

IPM & NXB VĂN HÓA THÔNG TIN

ebook@vctvegroup | 28-07-2020

CHƯƠNG 1

CHỢ DJEMMA EL-FNA
MARRAKECH, MOROCCO
NGÀY 11 THÁNG 5

Thường thì người ta chỉ nhận ra được là mình đã xuất hiện nhầm chỗ, vào thời điểm không thích hợp, vào lúc đã quá muộn. Đó chính là trải nghiệm trớ trêu của Steven Cooke, vì đến tận phút chót của đời mình, Cooke vẫn nghĩ rằng mình đã may mắn trúng giải độc đắc trong nghề điệp viên tình báo.

Chàng trai 26 tuổi tóc vàng và mắt xanh đã có mặt tại cuộc gặp hoàn toàn vô tình. Thật ra, Cooke chẳng có việc gì phải đến khu chợ ngoài việc cô em gái đã nhờ anh mua và mang về một chiếc áo choàng dài kiểu Thổ Nhĩ Kỳ có đai thắt ngang lưng trong chuyến về thăm nhà cuối tuần đã dự định từ lâu nhưng vẫn chưa thực hiện được.

Còn cả đồng việc phải giải quyết trước khi về nhưng Steven vẫn không thể từ chối yêu cầu của Alison. Hai người thân nhau thậm chí hơn cả anh em ruột và là bạn thân từ hồi còn bé. Alison thực ra là người duy nhất biết Steven làm nghề gì, thậm chí bố mẹ Steven cũng không hề biết con trai mình là một điệp viên CIA.

Steven mới đến Marocco được gần một năm và cũng khá thông thạo Marrakech. Nằm tại trung tâm thành phố, khu chợ là một mê cung của những lối đi hẹp và ngoắt ngoéo. Xe lừa chất nặng hàng

nằm ngổn ngang lộn xộn trên những con phố nóng nực, bắn thiu trong lớp bụi mờ cổ hũu dày đến mức đứng trên khu quảng trường lớn cũng không thể nhìn thấy những bức tường gạch xây bằng bùn của thành phố, thậm chí người ta chẳng nhìn thấy dãy núi Atlas từ khu chợ. Cái nóng gay gắt khó chịu khiến cho Cooke cảm thấy hài lòng khi đi vào trong dãy chợ có mái che để tìm mua áo choàng cho Alison.

Khi đi tắt qua những lối đi chính của khu chợ, Steven lướt mắt qua một cửa hàng nhỏ bán cà phê và đột ngột dừng ánh mắt của mình vào một người khách - một người đàn ông đã biệt tăm hai ngày trước vụ tấn công 11/09 mà nước Mỹ vẫn đang tìm kiếm kể từ đó đến nay.

Nếu đúng thế thì phát hiện của anh sẽ không chỉ là một chiến công của ngành tình báo Mỹ mà còn là cơ hội để bản thân trở thành một điệp viên trẻ nổi bật. Hấp dẫn đấy, nhưng Cooke tự nhủ rằng mình gia nhập CIA để phụng sự tổ quốc trước tiên chứ không phải chỉ cố gắng để nhận khen thưởng.

Steven dùng điện thoại di động gọi cho cấp trên và thông báo về những gì mình thấy, cộng thêm cả thông tin là có một đối tượng nam chưa rõ danh tính khác vừa vào quán cà phê và ngồi cùng bàn với người đàn ông đó. Vì không có ai hỗ trợ, điều khả dĩ nhất cấp trên của Steven có thể làm là yêu cầu một trong những vệ tinh do thám của mình tập trung thu thập thêm thông tin. Thế nhưng phần lớn nhất của việc thu thập thông tin lại thuộc về Steven. CIA có một loạt những câu hỏi tối quan trọng và cần Steven thu thập thông tin nhiều nhất có thể về người đàn ông trong quán cà phê cũng như những dự định của anh ta.

Cảm thấy chất adrenaline chảy rần rật trong máu, cả sự sợ hãi và cả sự phấn khích, Cooke cố tập trung vào những gì mình đã được huấn luyện để tự kiềm chế bản thân.

Điều Steven cần làm đầu tiên là làm sao có được dữ liệu lưu lại cuộc gặp giữa hai người đàn ông trong quán cà phê. Không thể đường hoàng bước vào quán với gương mặt da trắng đậm chất Mỹ của mình vì điều đó sẽ đánh động đối tượng, Steven cần phải kiếm cho ra một cái máy ảnh. Đi nhanh nhất với tốc độ an toàn, cuối cùng anh cũng tìm được thứ mình cần, nhưng vấn đề duy nhất là Steven không có đủ tiền. Móc túi trong chợ nhiều như rươi, bản thân thì không bao giờ mang thẻ tín dụng còn tiền mặt chỉ mang vừa đủ tiêu vặt, vật giá trị duy nhất mà Steven có là chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Kobold Chronograph và người bán hàng vui vẻ đồng ý đổi chiếc đồng hồ của anh lấy một chiếc máy ảnh kỹ thuật số Canon, loại có ống kính tương đối tốt đi kèm một thẻ nhớ dung lượng cao.

Từ một vị trí trên mái nhà đối diện với quán cà phê, Steven vừa chụp ảnh, vừa quay những đoạn video ngắn với hy vọng chuyên gia phân tích của CIA ở Langley có thể giải đoán được. Lý do để người đàn ông lộ mặt ra nơi công cộng hẳn sẽ cực kỳ quan trọng không kém gì cuộc gặp này.

Steven đã dùng hết thẻ nhớ dung lượng cao và chuẩn bị thay nó bằng thẻ nhớ đi kèm máy của nhà sản xuất, định sẽ dùng để chụp những bức ảnh về chiếc xe hơi của người đàn ông khi rời quán, thì nghe thấy một tiếng động sau lưng mình.

Tiếng sợi dây rít lên trong không khí rồi thắt chặt vào cổ anh. Steven quờ quạng vô vọng vì một chân kẻ thắt cổ đã chẹn chặt vào

lượng anh và bắt đầu cảm thấy đường thở của mình tắc nghẽn. Khí quản Steven thắt lại, chiếc máy ảnh rơi xuống mái nhà kêu lộc cộc.

Kẻ ám sát không để ý đến hiện trường đổ vỡ lộn xộn khi lôi xác người điệp viên CIA trở ra khỏi bức tường rồi nhét cái máy ảnh và thẻ lưu dữ liệu vào túi. Điều duy nhất mà Abdul Ali quan tâm là làm sao để không có bất cứ chứng cứ gì về cuộc gặp ở quán cà phê được tồn tại.

Người Mỹ sẽ sớm biết việc này và lúc đó thì đã quá muộn.

CHƯƠNG 2

PHÒNG TÌNH HUỐNG, NHÀ TRẮNG
WASHINGTON, DC
18 THÁNG 05

Tổng thống Jack Rutledge bước vào phòng và ra hiệu cho những người còn lại đang đứng quanh bàn họp ngồi xuống. Ông mới bắt đầu nhiệm kỳ thứ hai của mình được khoảng năm tháng nhưng đã phải vào phòng họp này nhiều lần hơn cả hai năm trước gộp lại.

Tổng thống đã dự định tập trung giải quyết những vấn đề chủ chốt thuộc lĩnh vực chính sách nội địa trong nhiệm kỳ thứ hai của mình mà ông đã hứa hẹn trong chiến dịch vận động tranh cử trước đây để tăng uy tín cho bản thân. Hơn thế nữa, ông muốn chuyển giao cho người kế nhiệm, một người thuộc Đảng Dân Chủ hoặc Đảng Cộng Hòa, một đất nước tốt đẹp hơn đất nước ông đã được người tiền nhiệm của mình giao lại. Dù vậy, cuộc chiến chống khủng bố vẫn đặt ra nhiều dự định cho Rutledge.

Trái ngược với thông tin Thư ký Báo chí của Nhà Trắng cung cấp cho giới truyền thông, lực lượng khủng bố vẫn âm mưu chống lại Mỹ và quyền lợi của Mỹ thì không hề giảm, những quyền lợi này thậm chí còn trên đà tăng đáng kể còn nước Mỹ thì thiếu cả chân lẫn tay để giữ vững con đê bảo vệ quyền lợi của mình.

Cứ mỗi một âm mưu tấn công khủng bố mà nước Mỹ chặn được, có lẽ sẽ có đến ba âm mưu khác hình thành. Nhịp hoạt động trong

lực lượng tình báo, quân sự và hành pháp khẩn trương hơn bao giờ hết và mặc dù đã thu được những thành quả đáng kể trong phòng chống khủng bố mà phần lớn những công dân bình thường không bao giờ biết được, tất cả những gì nước Mỹ có thể làm chỉ là bơi đúng. cỗ máy nước Mỹ đang vận hành ngoài công suất của mình và việc cả hệ thống thuế má nặng nề đổ sụp trong tình trạng hoàn toàn kiệt quệ chỉ còn là vấn đề thời gian, cần phải làm gì đó, và phải làm ngay.

Đó là những gì tất cả những người có mặt trong phòng lúc đó cùng nghĩ đến trong khi tổng thống kết thúc sơ lược phần nội dung các hồ sơ trong cặp tài liệu của mình trước khi ông nhường lời cho Tướng Bart Waddel, Giám đốc Cơ quan Tình báo Quốc phòng.

“Cảm ơn tổng thống”, Tướng Waddel nói. Ông là một người trạc bốn mươi tuổi, tóc màu sẫm và khá cao. Tướng Waddel đứng dậy và bấm nút chiếc điều khiển từ xa bật màn hình plasma lớn phía trước và những màn hình nhỏ đặt cố định trên bàn họp trở về chế độ hoạt động với biểu trưng của Cơ quan Tình báo Quốc phòng. “Những hình ảnh mà tôi sắp trình bày sau đây được chụp vào sáng nay hợp nhất từ hai nguồn thông tin. Nguồn thứ nhất là một xê-ri ảnh chụp từ vệ tinh do thám theo yêu cầu của Cục Tình báo Trung ương khi điệp viên của họ phát hiện được đối tượng tại Bắc Phi, Marocco. Nguồn thứ hai là về căn cứ hoạt động của đối tượng khoảng 6.000 km phía Đông-Nam của Somali”.

Tướng Waddel mở đoạn video đầu tiên bằng phần mềm Powerpoint, đoạn phim chiếu cảnh một chiếc Land Cruiser đỗ lại trước cổng một khu nhà một tầng cũ kỹ bị thời tiết bào mòn. “Những gì các bạn nhìn thấy là một trường nam sinh Hồi giáo, hay còn gọi là madrass, nằm ở ngoại vi Mogadishu. Đối tượng ra khỏi xe từ cửa

bên phải là Mohammed bin Mohammed, bí danh Abu Khabab al-Fari mà những chuyên viên phân tích của chúng ta vẫn thường gọi là M&M. Đối tượng này là chuyên viên cao cấp về chế tạo bom và cũng là Chủ tịch ủy ban vũ khí hủy diệt hàng loạt của Al-Qaeda. Sinh năm 1953 tại Algeria, tên này cũng đã được đào tạo về cả hai lĩnh vực vật lý và hóa học”.

Tướng Waddel tiếp tục với một loạt ảnh khác: “Mohammed không những chỉ xây dựng và vận hành cơ sở sản xuất vũ khí nguyên tử, hóa học và sinh học ở Tora Bora gần Jalalabad mà còn huấn luyện cho hàng trăm người cách sử dụng những loại vũ khí này. Đa số các bạn chắc không lạ gì những bức ảnh chụp xác động vật chết như chó, mèo, lừa... bên ngoài cơ sở này”.

Mặc dù đúng là đã xem qua nhưng những người có mặt bên bàn họp đều biết sẽ không dễ chịu gì nếu phải xem lại những bức ảnh đó. Họ cùng gật đầu biểu lộ sự đồng tình một cách hoàn toàn.

Những bức ảnh này chỉ tăng thêm lo ngại cho chúng ta về các thí nghiệm bột than anthrax và chất độc sinh-hóa ghê tởm của M&M.

Khi tấn công vào cơ sở này năm 2001, người của ta tìm thấy rất nhiều tài liệu của Mohammed. Chúng có nội dung tương đồng, thậm chí còn tàn bạo hơn so với tài liệu hướng dẫn thực hiện các hoạt động khủng bố phát hiện được tại các cơ sở của Al-Qaeda tại Afghanistan và Pakistan. Các tài liệu của Mohammed mang nhiều nội dung cải tiến các thiết bị nổ và cũng là một bước tiến lớn trong khả năng công nghệ của Al-Qaeda.

Cơ sở này hoàn toàn bị bỏ trống và Mohammed đã sơ tán đến một địa điểm hiện chưa xác định được trong dãy núi Hindu Kush vào ngày 09 tháng 09, hai ngày trước khi Trung tâm Thương mại Thế

giới và Lầu Năm Góc bị tấn công. Mặc dù đã có nhiều manh mối, chúng ta vẫn chưa có được những thông tin xác thực về Mohammed cho đến sáng nay”.

“Chúng ta có biết hẳn định làm gì tại ngôi trường Hồi giáo đó không?”, Ngoại trưởng Jennifer Staley hỏi.

Tướng Waddel xoay về phía James Vaile, Giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương CIA, ý xem ông này có muốn trả lời câu hỏi không.

Vaile nhìn Staley và nói: “Chúng tôi có những báo cáo cho thấy một số phần tử thuộc Al-Qaeda lợi dụng sự thiếu vắng một chính phủ trung ương tại Somali để tái thiết lập cơ sở và trại huấn luyện”.

Bộ trưởng Bộ An ninh Nội địa Alan Driehaus lắc đầu: “Tôi cho rằng vì chúng ta không có động thái gì tại Mogadishu và các khu vực kế cận nên tình hình trở nên có vẻ thuận lợi hơn cho chúng”.

“Sao ông biết chúng ta sẽ không có động thái gì?”, Tham mưu Trưởng, Tướng Hank Currutt lên tiếng. Là một người yêu nước đã từng đổ máu trên chiến trường, ông không ưa Driehaus. Tướng Hank biết là với vị trí của Bộ trưởng Bộ An ninh Nội địa, ông này dĩ nhiên muốn kêu gọi một người có kinh nghiệm trận mạc hơn là một viên biện lý chỉ thông thạo mọi thứ trong tòa án.

Về phần mình, Driehaus cảm thấy bức bối vì tướng Hank ám chỉ mình không nắm sát thực tế và thâm niên hơn hai mươi năm phụng sự tại Bộ Tư pháp không cao quý bằng chừng ấy năm phục vụ trong quân ngũ. “Nhìn lại toàn cảnh vụ trực thăng Điều hâu đen rơi và sự thật là lực lượng của chúng ta dàn trải quá mỏng”, Driehaus nói, “Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên mất bình tĩnh để rồi lại rơi và một tình

huống xung đột nữa ở đó. Tôi cho rằng chúng ta cần phải rất nhạy cảm để có thể nhận biết động thái mưu đồ quyền lực ở đây”.

“*Mưu đồ quyền lực?*”, tướng Hank đáp lại. “Đó là điều ông nghĩ đến à?”

“Tôi nói là nhận biết, chỉ có mù mới không thấy điều đó phát sinh từ đâu mà thôi”.

“Để tôi cho ông biết điều này. Chúng tôi gửi những người lính trẻ ra chiến trường bên kia biên giới chiến đấu cho sự tự do và mảnh đất mà chúng tôi đã từng yêu cầu chỉ đủ dùng để chôn những người trong số họ mãi mãi không quay về”.

Phòng họp hoàn toàn yên lặng.

Tổng thống thường khuyến khích trao đổi những khác biệt về quan điểm một cách ôn hòa và hiệu quả giữa các thành viên nội các của mình nhưng không biết ở một vài điểm, Driehaus không làm như thế. Hank Currutt là người có mặt tại “Chiến trường Biển Đen”, nơi diễn ra cuộc đổ súng ô nhục trong suốt 18 giờ đồng hồ tại khu chợ Bakara, trung tâm của Mogadishu. Con số thương vong lên đến 18 lính chết và hơn 70 bị thương.

Còn quá nhiều những vấn đề cần bàn đến hơn là việc đề thái độ đối địch của Driehaus và Currutt trở thành tâm điểm của cuộc họp. Tất cả cần phải tập trung vào những vấn đề trước mắt và tổng thống Rutledge đã khôn khéo để Currutt đi đến ngưỡng đủ để kéo Driehaus ra, nhường chỗ cho những nội dung hiệu quả hơn.

Tổng thống lên tiếng: “Theo như tôi hiểu, mọi lựa chọn đều có thể thực hiện tại thời điểm này. Mohammed là một trong những mối đe dọa nguy hiểm nhất và thành thực mà nói tôi đã từng hy vọng với số bom được thả xuống Tora Bora, chúng ta đã nghiền nát tất cả những

rặng núi mà hẩn lẩn trốn và như thế, không có thêm tin tức gì về hẩn. Nhưng theo nguồn tin gần đây thì tình hình lại khác với những gì chúng ta nghĩ và tôi muốn chúng ta thảo luận những biện pháp thích hợp. Tướng Waddell, nguồn tin do người của ông cung cấp, ông có ý kiến gì không?”

“Thưa tổng thống, từ những tài liệu thu thập được và thông tin thẩm vấn có được từ những đối tượng tình nghi ta tạm giữ tại Gitmo và Afghanistan, Mohammed đang cho người lắp ráp những thiết bị tinh vi để thực hiện các hành động khủng bố trong lòng Hoa Kỳ. Chúng ta hiện có người theo dõi hẩn và tôi nghĩ cần phải rèn sắt khi còn nóng. Sẽ không có cơ hội thứ hai như thế này. Cần phải triệt hạ đối tượng”.

“Giám đốc Vaille?” Tổng thống quay sang người đứng đầu CIA. “Ông có đồng ý không?”

“Cơ bản là tôi đồng ý, tuy nhiên chúng ta có một vấn đề trong trường hợp này”.

“Vấn đề gì?”, Waddell hỏi.

“Mặc dù những nỗ lực của chúng ta mang lại kết quả, Al-Qaeda vẫn đang tái tổ chức lại. Chúng đang cố gắng thực hiện vô số những hoạt động khủng bố với những giai đoạn, mức độ khác nhau tại Hoa Kỳ và ở nước ngoài mà chúng ta vẫn đang theo dõi và ngăn chặn.

“Như Ngài Tổng thống đã biết, một trong những tin đau đầu nhất mà chúng ta có được gần đây là Al-Qaeda đã tiến rất gần đến việc tổ chức khả năng phóng vũ khí hạt nhân không định trước vào lãnh thổ Hoa Kỳ. Dựa vào nhiều nguồn tin khác nhau, kể cả việc điệp viên CIA mất tích cũng như xê-ri ảnh chụp tại khu chợ Marrakech, Mohammed bin Mohammed hoàn toàn có khả năng thiết kế và điều

khởi vũ khí hạt nhân. Quan điểm của CIA là tối ưu hóa mục tiêu an ninh quốc gia, Mohammed cần phải được bắt sống để thẩm vấn”.

“Ý ông là bắt sống và để cho một chính phủ thân Mỹ tra tấn và thẩm vấn”, Bộ trưởng Driehaus tiếp. “Cách tốt nhất cho nước Mỹ hơn là tự mình làm lấy”.

Vaile quay sang người đứng đầu Bộ An ninh Nội địa bằng một ánh mắt rất thiếu thân thiện.

“Rồi chúng ta sẽ gửi hắn đến đâu? Đặc biệt là cánh báo chí đã ầm ĩ lên về chuyện này. Các nước Tây Âu thì không cho phép chúng ta sử dụng sân bay của họ làm điểm quá cảnh nữa. Vậy tôi xin mạn phép cho rằng chúng ta sẽ quay lại với các cơ sở dự phòng. Ai Cập, hay Jordan?”

“Alan, ông đứng về phía nào? Vaile hỏi.

“Tôi đứng về phía nguyên tắc của luật pháp”, Driehaus đáp.

Tất cả mọi người có mặt trong phòng họp đều hiểu rằng Bộ trưởng Driehaus không ủng hộ chính sách chuyển giao tù nhân cho những chính phủ nước ngoài thân Mỹ thẩm vấn khai thác thông tin hòng lách luật cấm tra tấn tù nhân.

Không chuyển ánh mắt của mình khỏi Driehaus, Giám đốc CIA Vaile tiếp: “Chưa cần bàn đến chuyện Mohammed sẽ được thẩm vấn ở đâu, điều mà tôi hiểu là các chính sách của tổng thống được thực hiện để phục vụ tổ quốc, đặc biệt là CIA”.

“Với tất cả sự kính trọng của mình đối với tổng thống, tôi không nghĩ là ông đúng”, Driehaus đáp lại. “Chúng ta là một quốc gia đặt nguyên tắc luật pháp lên hàng đầu và điều chỉnh mọi chính sách dựa trên luật pháp, kể cả việc đưa quân vào các quốc gia thù địch.

Nếu không áp dụng nguyên tắc luật pháp như thế, chúng ta chẳng khác gì bọn khủng bố”.

“Đủ rồi đây!”, tướng Hank Currutt gầm lên, ông đứng bật dậy khỏi ghế của mình chỉ thẳng mặt Driehaus. “Tôi sẽ không nghe thêm bất cứ những thứ rác rưởi thiếu tính xây dựng thế này nữa”.

“*Thiếu tính xây dựng?*” Driehaus hỏi lại. “Quả là một cách hay ho để gọi những quan điểm không đồng tình với mình”.

“Nghe đây tên khốn tự mãn, nếu ông không thích cách làm việc ở đây hãy từ chức đi và kiếm một cái bằng biểu tình rồi gia nhập với cái đám tâm thần đứng ngoài hàng rào ở đại lộ Pennsylvania thì hơn”.

Một lần nữa nội dung cuộc họp lại đi vào thế bí. “Hãy ngồi lại với nhau và bình tĩnh”, tổng thống lên tiếng. Thấy Currutt có vẻ không muốn, tổng thống ra lệnh, “Tướng Currutt, tôi nói là *ngồi xuống*”.

Khi tướng Currutt đã yên vị trở lại, tổng thống quay sang Driehaus: “Alan, ông có cách suy nghĩ sắc sảo, đặc biệt là trong các vấn đề về an ninh nội địa và đó chính là lý do tại sao...”

“Thưa Ngài Tổng thống”, Driehaus ngắt lời, “Kẻ địch lợi dụng chính sách chuyển giao tù nhân của chúng ta để tăng cường tuyên truyền chống phá. Thực tế cho thấy với sự tập trung của giới truyền thông về chính sách này, kẻ địch cũng không cần phải tăng cường hơn nữa. Chúng có đầy người sẵn sàng nằm ngoài cửa dài hàng dãy phố để biểu tình và chính sách này làm chúng ta có vẻ ngoài giống những kẻ đạo đức giả”.

“Không hề”. Tổng thống nhấn mạnh, ông cảm thấy càng lúc càng khó chịu với cái cách mà một thành viên nội các do chính mình chỉ định tỏ ra đối lập với những thành viên còn lại. “Chính sách này làm

cho chúng ta mạnh mẽ hơn. Còn nữa, nó mang lại kết quả. Luật dân sự về giao tranh và luật học chẳng có ý nghĩa gì đối với kẻ địch, những kẻ sẵn sàng làm tất cả để đạt được điều mình muốn. Nếu muốn thắng, chúng ta cũng phải dùng chiến lược tương tự, thắng bằng mọi giá. Alan, tôi rất tiếc phải nói rằng một quốc gia từ chối thay đổi chính sách một cách linh hoạt, quốc gia đó có thể coi là đã gần tan vỡ. Trong trường hợp này, chúng ta cần tạm thời bỏ qua nguyên tắc của luật pháp để cứu chính nó”.

Nhận xét của tổng thống nhấn mạnh vào sự kính trọng còn lại của Driehaus đối với ông. “Chúng ta biết Mohammed đã trao đổi thông tin với những chuyên gia chế tạo bom người Pakistan và nhóm Hezbollah, những đối tượng đã hỗ trợ Richard Reid chế tạo quả bom giấu trong giày trên chuyến bay từ Paris đến Boston năm 2001. Hãy dùng yếu tố này buộc tội hắn. Nếu chúng ta mở phiên tòa xét xử hắn tại Mỹ, một phiên tòa công bằng, điều đó sẽ rất có lợi cho việc cải thiện hình tượng của chúng ta ở nước ngoài. Đồng thời, phiên tòa cũng chuyển đi nội dung chúng ta vẫn mạnh mẽ”.

“Ramzi Yousef đánh bom Trung tâm Thương mại Thế giới hồi năm 1993”, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Laura Finley xen vào, “Ta bắt được hắn, xử và giam hắn tại Super Max ở Colorado; thế nhưng tất cả những điều đó là được gì cho ta? Chú của Khalid Shaikh Mohammed, gia nhập Al-Qaeda và tham gia vào vụ đánh bom Trung tâm Thương mại năm 2001. Hắn được xét xử bởi một phiên tòa công bằng và nhận án chung thân và nếu được hỏi, tôi sẽ nhận xét rằng chúng ta đã mạnh tay nhưng cũng chẳng ngăn chặn được gì. Alan, chúng ta đã từng làm việc trực tiếp với nhau và ông biết rằng tôi rất khâm phục ông, nhưng tổng thống nói đúng. Ta không nên mang dao để tham dự một cuộc đấu súng”.

Driehaus định đáp lại thì Ngoại trưởng Jennifer Staley lên tiếng, “Là người trực tiếp đại diện và liên quan đến hình ảnh của Hoa Kỳ ở nước ngoài hàng ngày, hàng giờ, quan điểm của tôi là thế này. Những rò rỉ thông tin qua báo giới về việc chúng ta thẩm vấn tù nhân có làm ảnh hưởng đến hình ảnh của chúng ta ở nước ngoài không? Chắc chắn là có. Nhưng điều quan trọng nhất để phân biệt đúng - sai là Hoa Kỳ an toàn hơn vì những điều chúng ta đang làm”.

“Nói vậy có nghĩa là chúng ta không quan tâm điều gì sẽ xảy ra với những tù nhân này một khi họ được chuyển giao cho một chính phủ khác?”

“Tù nhân thường sẽ được giao lại cho chính phủ của nước sở tại mà tù nhân đó là công dân, hoặc chính phủ của nước có lệnh truy nã gắt gao tù nhân đó. Báo chí có bóp méo vai trò liên quan của chúng ta thế nào đi nữa thì chúng ta thật ra vẫn chỉ có vai trò rất nhỏ kể từ thời điểm chuyển giao trở đi”.

“Vậy là vẫn sẽ có một phần mang tên xá tội cho chúng ta trong việc này - nói cách khác, phỉ tay”, Bộ trưởng Bộ An ninh Nội địa nhận xét.

Staley đủ thông minh để cuộc đối thoại không tiếp tục theo chiều hướng đối đầu trực diện. Thay vì làm thế, Staley đáp, “Nhận xét của tôi là thậm chí tổng thống đáng kính Lincoln đã hoãn lệnh đình quyền giam giữ trong thời gian Nội chiến. Tôi cho rằng thông tin chúng ta thu thập được qua việc chuyển giao tù nhân có lý của nó”.

Driehaus nhìn quanh bàn. “Có vẻ tôi là người duy nhất với một ý kiến riêng. Không ai ở đây quan tâm đến việc đặt một cái tên khác cho vai trò thẩm vấn tù nhân bí mật của chính sách này hay sao?”

“Có đấy”, một giọng nói vang lên từ phía đầu bàn bên kia, “Có tôi”.

Sửng sốt, mọi người quay tròn tia nhìn về phía Giám đốc FBI, Martin Sorce. Khi cảm thấy sự chú ý của những người còn lại, Martin Sorce nói tiếp, “Đây sẽ là một trong những thành viên cao cấp nhất của Al-Qaeda mà chúng ta đã từng triệt hạ. Tuy nhiên, việc thực thi chính sách chuyển giao tù nhân của chúng ta trải quá rộng, một số chính phủ hợp tác mà chúng ta hiện đang cộng tác trong lĩnh vực này đã tuyên bố sẽ không nhận thêm tù nhân. Một vài vụ “được đánh giá là vượt ngục” đã xảy ra mà chúng ta biết nguyên nhân là do Al-Qaeda sắp xếp bằng các khoản tiền hối lộ, mua chuộc và các mối quan hệ mật thiết với những đối tượng liên quan đến chính phủ sở tại”.

“Nói vậy nghĩa là mọi chuyện không đơn giản như ngồi chơi ném phi tiêu trong chính quyền sở tại pha cà phê nóng và chuẩn bị bộ dây chích điện cho đối tượng của ta. Với tù nhân ở độ quan trọng và nguy hiểm như thế này, tôi muốn an ninh được đặt lên hàng đầu và phải đảm bảo rằng bất cứ chính phủ nào chúng ta chuyển giao đối tượng này sẽ không mất hấn”.

“Đó là một ý hay”, giám đốc CIA lên tiếng, “việc bắt giữ Mohammed bin Mohammed sẽ gây ra rất nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề an ninh. Al-Qaeda sẽ làm mọi cách để giải thoát hấn. Nếu để hấn làm khách của người Ai Cập hay Jordan, không có gì đảm bảo là họ sẽ giữ được chân hấn lâu. Hãy nhìn lại những gì xảy ra trong vụ đánh bom tàu USS Cole ở Yemen. Mặt khác, nếu chúng ta chuyển hấn đến Gitmo, chúng ta sẽ không có toàn quyền ép hấn cung cấp thông tin được và đồng thời ta lại cần có được thông tin về

việc chuyển giao công nghệ vũ khí hủy diệt hàng loạt của Al-Qaeda càng sớm càng tốt”.

“Vậy việc này sẽ đưa chúng ta đến đâu?”, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Finley hỏi.

“Trong một hẻm núi sâu một bên là đá hoa cương còn bên kia là sự chỉ trích của giới truyền thông”, Ngoại trưởng đáp. “Bộ trưởng Driehaus có một điểm đúng, đó là khi chúng ta không thể làm gì để thay đổi ảnh hưởng xấu từ giới truyền thông thì dù có thực hiện bất cứ động thái nào, chúng ta cũng không thể làm hỏng việc”.

CHƯƠNG 3

Khoảng hai mươi phút sau tổng thống tuyên bố dừng cuộc họp và thông báo với các thành viên là ông sẽ cần trọng cân nhắc những đề xuất của họ. Rutledge thậm hỏi tại sao chiến thắng trong một cuộc chiến chống khủng bố và chiến thắng được giới truyền thông lại khác biệt đến thế. Liệu còn phải có bao nhiêu vụ 11/09 nữa thì dân Mỹ mới có thể nhận ra họ đang phải đối đầu với những kẻ khủng bố đã man đến chừng nào? Đây là một trong những thách thức lớn nhất đối với chính quyền của ông, tuy nhiên, tổng thống biết rằng dù cho quyết định của mình có thể bị chỉ trích đến đâu thì lợi ích của quốc gia và dân tộc vẫn phải được đặt lên hàng đầu - thậm chí điều đó là rất khó để đồng bào ông chấp nhận được.

Khi tổng thống chuẩn bị rời phòng thì Bộ trưởng Quốc phòng Robert Hilliman - người đàn ông đáng to lớn, tóc bạc ngoài sáu mươi tuổi với chiếc kính viền kim loại và bộ vét hiệu Brooks Brothers phẳng phiu - bước vào, “Thưa Ngài Tổng thống, chúng tôi có thể trao đổi với Ngài một chút được không?”. Đứng cạnh ông là tướng Waddel với một tập tài liệu trong tay.

Khi phòng họp chỉ còn lại ba người, Waddel chuyển tập tài liệu cho Hilliman; ông này mở tập tài liệu ra và bắt đầu: “Thưa tổng thống, ngay sau vụ 11/09, Ngài đã yêu cầu tôi giao nhiệm vụ cho

một số cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch tạm giữ và thẩm vấn tù nhân để khai thác thông tin tình báo quan trọng”.

“Với nỗ lực của CIA thì kết quả cuối cùng là chính sách chuyển giao tù nhân cho chính phủ khác”, tổng thống đáp.

“Vâng, thưa Ngài, tuy nhiên Bộ Quốc phòng đã tiên liệu tình huống mà các nhân vật chớp bu của Al-Qaeda như Mohammed bin Mohammed, Ayman al-Zawahiri, thậm chí cả Bin Laden có thể sử dụng những biện pháp khả thi để đối phó với chính sách chuyển giao tù nhân của ta”.

“Ý ông là ông có một giải pháp khác cho vấn đề đã nêu ra trong cuộc họp?”

“Tôi tin là như thế, thưa tổng thống”.

“Vậy tại sao ông không đề cập đến việc này trong cuộc họp?” Rutledge hỏi.

Hilliman trả lời bằng cách lấy bản đề xuất trong tập tài liệu ra và đưa nó cho Rutledge.

Tổng thống đọc bản đề xuất hai lần và ông còn đọc thêm một lần nữa để đánh giá tính khả thi trước khi hỏi, “Có bao nhiêu người liên quan để thực hiện đề xuất của ông?”

“Càng ít càng tốt, thưa tổng thống”, Waddel đáp, “Đây là một kế hoạch hoàn toàn không chính thống và chúng tôi cho rằng càng ít người biết về nó càng tốt”.

“Như thế sẽ làm mọi việc êm dịu hơn”, Rutledge nói trong khi ông lật những trang cuối của bản đề xuất. Đọc thật chậm rãi, ông hỏi: “Các ông tự tin đến mức nào về tính khả thi của đề xuất này? Tôi không thích một viễn cảnh tự tô màu hồng, loại I. Tôi muốn có sự đánh giá sát thực”.

Waddel quay sang nhìn Hilliman, ông này đáp: “Vì những nhân tố nhất định vượt quá khả năng kiểm soát của chúng ta, chúng tôi cho rằng có sáu mươi phần trăm khả năng thành công”.

Những gì vừa được nói ra không làm tổng thống hài lòng: “Đó không phải là một con số tốt lắm”.

“Đúng vậy thưa tổng thống. Nhưng nếu cân nhắc tình huống, chúng tôi đánh giá mức độ lợi ích sẽ vượt lên hẳn nguy cơ”.

“Tôi không đồng ý với ông”, Rutledge đáp, “Nếu việc này rò rỉ đến công chúng, tác hại của nó sẽ không thể lường được”.

“Tôi hiểu, thưa Ngài”, Waddel tiếp lời, “Nhưng chúng ta có nhiều khả năng để chặn thông tin rò rỉ ra ngoài”.

“Chỉ với sáu mươi phần trăm thành công”, tổng thống nhận xét, “Ông nên có một mức độ thành công cao hơn”.

Hilliman và Waddel có thừa kinh nghiệm để biết khi nào nên dừng tranh luận để nội dung bản đề xuất tự bộc lộ sự cần thiết của nó. Cả hai đều biết rằng Jack Rutledge sẽ quyết định đúng đắn, cho dù quyết định ấy khó khăn đến đâu đi nữa. Ông là người như thế.

Đọc thêm vài phút nữa, tổng thống gật đầu: “Tôi muốn các ông luôn nhắc và yêu cầu tôi đẩy mạnh các bước cần thiết trong bản đề xuất này”.

“Sẽ là như thế, thưa tổng thống”, Hilliman đáp.

Tướng Waddel nhắc đường điện thoại mật của Phòng Tình huống quay số gọi Cơ quan Tình báo Bộ Quốc phòng, nói vắn tắt năm từ mà ảnh hưởng sau này của những từ ấy vượt quá sự tưởng tượng của tất cả những người nghe: “Tiến hành kế hoạch Driftwood”.

CHƯƠNG 4

BỜ BIỂN SOMALI

15 KM VỀ PHÍA NAM MOGADISHU

22 THÁNG 5

Mohammed bin Mohammed nhét một nắm tiền địa phương, từng tờ một, vào túi quần của cậu bé trước mặt trước khi dừng lại tại ngôi trường nam sinh trên đường trở về. Cậu bé 11 tuổi đã từng là một cậu công tử, có lẽ không công tử như những cậu bé châu Âu hay Arab mà cậu quen, nhưng với những gì cậu có thì cũng không khác biệt nhiều lắm.

Tắm xong, Mohammed pha thêm cho mình một tách trà nữa và bước ra thềm ngôi biệt thự. Trời hôm nay tối hơn giờ này ngày thường - những đám mây dày đặc của cơn bão đang kéo đến phủ kín sao trời, cảm thấy cơn mệt mỏi phần vì bệnh của mình, phần vì chuyến đi Marroco gần đây, Mohammed tựa lưng vào lan can đá lắng nghe tiếng sóng của Ấn Độ Dương vỗ vào bờ biển gần đó.

Đứng thêm vài phút nữa hứng gió biển, Mohammed quay trở vào trong vì chẳng thể biết được ảnh hưởng của cơn bão đối với việc kết nối vệ tinh ra sao, Mohammed còn vài phần nữa phải chuyển. Quá trình chuyển giao hầu như đã hoàn tất.

Vì sở thích cá nhân, Mohammed quyết định sống một mình tại ngôi biệt thự gần biển, nhưng không hề buông lỏng an ninh. Không chỉ có người của mình canh gác tất cả các hướng tiếp cận ngôi biệt

thự, Mohammed còn được bảo vệ bởi hàng loạt những tay súng chuyên nghiệp người địa phương. Ngoài ra, khu vực bờ biển còn được chôn mìn sát thương và ngôi biệt thự được gia cố thêm bằng thép và bê-tông kiên cố chống tấn công từ máy bay do thám điều khiển từ xa loại Predator Drone mà bọn ngoại đạo Mỹ thường sử dụng.

Với lợi thế không có sự hiện hữu của chính quyền trung ương cũng như chẳng có lực lượng vũ trang nào quản lý địa phương, những người như Mohammed bin Mohammed có thể làm bất cứ gì mình muốn ở Somali. Chỉ trong vòng ba năm, Al-Qaeda đã mở đến hàng chục trại huấn luyện bí mật trên khắp Somali rồi gửi một lượng quân khủng bố đáng kể đến Iraq để rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm chiến đấu thực tế. Hơn nữa, sau sự thất bại ê chề với du kích quân địa phương, người Mỹ không còn muốn làm bất cứ điều gì ở đây. Điều này biến Somalia trở thành địa điểm hoàn hảo để lập căn cứ hoạt động và trong thế giới riêng này của Mohammed, mọi thứ đều diễn ra hoàn hảo, sức khỏe cũng được cải thiện trông thấy.

Trong căn phòng ngủ nhỏ của mình, Mohammed cẩn thận mở chiếc cặp chế tạo đặc biệt bằng titan lấy ra và khởi động chiếc máy tính cá nhân Macintosh PowerBook được mã hóa của mình.

Thỉnh thoảng trong lúc làm việc, tâm trí Mohammed lại quay trở lại với hình ảnh cậu bé đứng cạnh mình hai mươi phút trước và mỗi lần như vậy, Mohammed cảm thấy bực tức. Mỗi lần bực tức lại đi kèm với một cảm giác - cảm giác nhói nhẹ ở lưng, bên dưới khung xương sườn và cơn buồn tiểu kéo đến. *Quá nhiều trà và quá nhiều sex.* Mohammed tự nhủ khi đứng dậy đi toilet. Đang bước qua cửa phòng ngủ thì tim hần nhảy dựng lên đến tận cổ.

“Đưa hai tay lên đầu”, giọng nói đanh lên từ một trong số những người mặc đồ chuyên dụng tác chiến màu đen với đầy đủ vũ khí trong tay.

Mohammed hoàn toàn sửng sốt. *Ngôi nhà đã bị đột nhập bằng cách nào?*

Người mặc áo đen một lần nữa ra lệnh cho Mohammed đưa hai tay đặt lên đầu, lần này nói bằng tiếng Arab.

Bỏ ngoài tai, Mohammed quay ngược lại chạy vào phòng về phía chiếc PowerBook. Ngay lập tức, hai cực điện có ngạnh được phóng ra từ khẩu Taser X26 xé toạc chiếc áo hần đang mặc rồi dính chặt vào lưng Mohammed. Luồng điện nhanh chóng chạy khắp cơ thể làm tê liệt cơ bắp, Mohammed ngã vật xuống như khúc gỗ, mặt đập xuống sàn đá.

Cả tay và chân Mohammed đều bị khóa bằng còng Flexicuff và điều cuối cùng hắn nhìn thấy trước khi bị lôi ra khỏi phòng là hai người mặc áo đen trong số đó tiến đến gần chiếc máy tính.

Nếu để ý, họ đã có thể thấy cái cười nhếch mép của Mohammed.

Vài giây sau, một tiếng nổ lớn vang lên làm rung chuyển phòng ngủ của Mohammed, hành lang bên ngoài tung tóe những mảnh titan, vôi vữa vụn và những phần cơ thể người bị cháy đen.

CHƯƠNG 5

CAO NGUYỄN SCOTTISH
29 THÁNG 5

Eileanaigas là ngôi biệt thự mười hai phòng nằm ở rìa phía Bắc của một hòn đảo cách biệt rừng phủ kín giữa lưu vực sông Beaulieu. Ngoài vẻ tráng lệ của gỗ bulô bạc, linh sam Douglas, gỗ vân sam và gỗ thông, ngôi biệt thự này còn bao gồm một bể bơi nước nóng ngoài trời, những cụm vườn nhỏ đối xứng, một hầm rượu lớn và hệ thống an ninh ngang tầm và không kém bất cứ hệ thống an ninh dành cho các nguyên thủ quốc gia nào. Hệ thống an ninh ở đây là tối cần thiết vì chủ nhân của ngôi biệt thự có không ít kẻ thù quyền lực, mà nhiều người trong số họ đã từng là khách hàng cũ của chủ nhà.

Còn được biết đến với cái tên “Gã Lùn”, chủ ngôi biệt thự Eileanaigas sống theo phương châm: kiến thức không thể cân bằng quyền lực, chỉ có ứng dụng kiến thức một cách hợp lý mới cân bằng được quyền lực. Và nếu được ứng dụng một cách hoàn toàn chuẩn xác, kiến thức còn có thể bằng với sự thịnh vượng đáng kinh ngạc.

Với phương châm sống của mình, gã Lùn đã trở nên giàu có bằng việc mua, bán và trao đổi thông tin mật. Sự nhạy bén trong kinh doanh và sở thích sở hữu những thứ tốt nhất có thể lại là sự tương phản trái ngược với vóc dáng của gã Lùn. Chỉ cao không đầy

một mét, gã Lùn không thể với được đồ vật trong nhà mà không cần bắc thang, bê ghế, thường là phải dùng đến thang dạng nhỏ bằng gỗ cứng chạm khắc cầu kỳ. Ngôi biệt thự là sự tương phản của cách mà gã Lùn nhìn nhận bản thân mình và chỉ một số khu vực mang tính riêng tư nhất của ngôi biệt thự này được thiết kế cho phù hợp với vóc người của gã Lùn.

Một sự tương phản về nhìn nhận bản thân khác của gã Lùn là hai con chó trắng như tuyết giống Cáp-ca, Argos và Draco không bao giờ rời chủ. Argos và Draco là giống chó nghiệp vụ của quân đội Nga và lực lượng tuần tra biên giới Đông Đức cũ, nặng hơn chín mươi cân và cao hơn một mét. cả hai đều sung sức và cực kỳ hung tợn đối với người lạ có mặt trong lãnh thổ của chúng. Chúng là lực lượng bảo vệ hoàn hảo cho lãnh địa của gã Lùn, và đối với một người có cuộc sống song song với sự lật lọng và đe dọa , chúng thực sự an toàn vì bản năng của loài chó không bao giờ phản bội. Thật ra, gã Lùn luôn tự tin rằng có một lúc nào đó, hai con chó sẽ cứu mạng mình.

Lúc này, Argos và Draco ngồi thận trọng gần lò sưởi, bên ngoài cơn bão mùa hè đang mạnh dần lên. Mặc dù hơi ấm từ ngọn lửa tỏa ra làm cơn buồn ngủ kéo đến, chúng vẫn dán chặt mắt vào người đàn ông vừa đến.

“Whisky chứ?” gã Lùn hỏi khách.

“Tôi không uống rượu”, khách đáp. Khuôn mặt anh ta có đôi mắt nhỏ dài nằm trên chiếc mũi đặc trưng của người Arab. “Tôi rất ngạc nhiên, tưởng ông biết rõ về tôi nhiều hơn cơ đấy”.

Gã Lùn cười mỉm và rót cho mình một ly Brandy Germain-Robin. “Abdul Ali, tên khác Ahmed Ali, Imad Hasan và Ibrahim Rahman;

ngày sinh: không xác định được; nơi sinh: không xác định được mặc dù giới tình báo phương Tây phỏng đoán là Bắc Phi, có lẽ là Algeria hoặc Morocco và vì thế biệt danh do CIA đặt là ‘người Berber’*’.

“Mặc dù vẫn chưa có cơ quan tình báo phương Tây nào có được ảnh chân dung nhưng họ phỏng đoán rằng gã đã thực hiện nhiều lần giải phẫu để thay hình đổi dạng. Nói được hơn năm ngoại ngữ, gã đã từng sống hơn một chục quốc gia trên thế giới mà quá nửa số đó là các nước phương Tây. Mục đích của tất cả việc này là biến nhân thân gã thành một bóng ma - một người có mặt ở những nơi mình muốn vào bất cứ lúc nào mà không ai biết anh có từng thực sự xuất hiện ở đó hay không”.

“Giới tình báo cho rằng gã đã từng được tập huấn về hoạt động nghiệp vụ đặc biệt cũng như tình báo quân sự nhưng không ai biết hoặc có thể biết đối tượng đào tạo cho gã là ai. Gã nằm trong danh sách các đối tượng nghi vấn liên quan đến hơn ba mươi sáu vụ tấn công khủng bố vào các mục tiêu phương Tây cũng như trực tiếp dính líu vào mười một vụ ám sát đáng chú ý, trong đó có hai điệp viên MI-6* ba điệp viên Mossad* và bốn nhân viên chìm đặc biệt của CIA”.

“Thông tin nhận dạng của gã là chiều cao khoảng 1,7-1,9 mét, vết chàm hình mũi mác bên vai trái. Nói một cách ngắn gọn, gã là một trong những đối tượng được tất cả các cơ quan tình báo phương Tây đặt lên danh sách theo dõi đặc biệt nhất”.

Ali hoàn toàn ấn tượng. “Thông tin chuẩn lắm, trừ vết chàm, tôi chẳng có vết chàm nào cả”.

“Bây giờ thì có đấy”, gã Lùn đáp. “Tôi đã bổ sung thông tin này vào hồ sơ riêng của anh và xác nhận chéo với ba nguồn thông tin

của mình. Có thể một ngày nào đó nó sẽ có ích cho tôi, coi như một phần thưởng đi. Al-Qaeda đã mang lại cho tôi những cơ hội kinh doanh đáng kể trong những năm qua”. Gã Lùn leo lên ghế bành của mình, “Nhưng thôi, hãy nói về lý do anh đến đây đi”.

“Tôi nghĩ là ông biết tại sao tôi đến đây”.

“Đúng. Anh đến vì chuyện người của anh ở Somalia, Mohammed bin Mohammed”.

Ali gật đầu.

“Tôi đã gửi tất cả tài liệu tôi có được về việc này cho cấp trên của anh. Điều tôi không hiểu là anh vẫn muốn gặp trực tiếp tôi”.

“Kinh nghiệm của tôi cho thấy là ngay cả khi công việc của chúng ta đều chứa đựng nhiều điểm tế nhị, không có gì có thể thay thế được một cuộc gặp trực tiếp”.

“Cứ cho là như thế, nhưng cuộc gặp này vẫn khá bất thường”, gã Lùn đáp, nắm ly rượu bằng đôi tay bé xíu của mình.

“Cũng có những điểm bất thường xung quanh việc Mohammed mất tích”.

“Ali, lý do duy nhất khiến tôi đồng ý gặp anh là mối quan hệ làm ăn lâu dài giữa tôi và cấp trên của anh. Nếu có gì cần hỏi, mời anh tự nhiên”.

Ali quan sát thái độ của gã Lùn trong vài giây trước khi hỏi. “Tôi muốn biết anh đã tìm được những thông tin gì”.

“Như tôi đã nói, tất cả đều nằm trong tập tài liệu. Giống như cách làm việc của tôi, tài liệu được chuẩn bị rất tỉ mỉ”.

“Tôi cũng vậy, nhưng đôi khi thông tin phụ và nhỏ lại có thể bị bỏ bên ngoài”.

“Tôi không bao giờ bỏ sót thông tin phụ, nhỏ hay những dạng thông tin tương tự”, gã Lùn đáp.

“Không thể chắc chắn một cách tuyệt đối đâu. Có những thông tin có vẻ vụn vặt nhưng lại trở nên hết sức quan trọng đối với chúng tôi hiện nay. Xin hãy chiều ý tôi”.

Gã Lùn nhấp một ngụm Brandy dài và biết rằng nói dối Ali sẽ có thể là một sai lầm cực lớn. Không có gì đảm bảo rằng liệu Al-Qaeda có một mảnh trong trò chơi xếp hình mà gã Lùn lại không hề biết. Tất cả mọi thứ mà gã Lùn có thể làm là tuân thủ kế hoạch của mình và điều không tránh khỏi là có lẽ Al-Qaeda sẽ đến thăm vấn gã Lùn vì gã Lùn là một trong số rất ít người biết về nơi ẩn trốn của Mohammed bin Mohammed. “Người của anh tại Somali là mục tiêu bắt giữ của một nhóm đặc nhiệm bí mật Mỹ”.

“Mỹ”, Ali lặp lại, “Không phải Israel sao? Ông chắc chắn về điều đó chứ?”

“Tài liệu mà tôi chuyển cho cấp trên của anh cũng đề cập đến điểm này, Mohammed được đưa bằng tàu riêng đến bờ Đông của Mỹ và sau đó được chuyển đến thành phố New York bằng máy bay trực thăng”.

“Và ông ta vẫn còn sống?”

“Theo như tôi hiểu thì là như thế, nhưng Mohammed có vấn đề về sức khỏe, hình như là vấn đề nghiêm trọng...”

“Bệnh về thận”, Ali ngắt lời, kết thúc câu nói thay cho gã Lùn, “chúng tôi biết như vậy”.

“Vì thế, sẽ không thuận tiện cho những người bắt giữ thăm vấn ông ta”.

“Đây là điểm tôi không hiểu. Nếu người Mỹ bắt ông ta, sao họ lại đưa luôn ông ta đến Mỹ mà không giao lại cho một chính phủ thân Mỹ nào đó thẩm vấn ông ta trước?”

“Ali, tôi không diễn dịch thông tin tình báo. Tôi chỉ chuyển thông tin mà thôi. Anh còn muốn hỏi gì nữa không?”

“Có đấy”, tên sát thủ nhà nghề đáp. Khi thấy Ali luồn tay vào bên trong áo khoác, hai con chó giống Cáp-ca bắt đầu gầm gừ.

Gã Lùn đặt ngón tay lên cái cò nhỏ xíu của vũ khí bí mật cài dưới bàn làm việc của mình trong khi tay kia ra hiệu cho chó của mình yên lặng.

Biết là có súng bên dưới bàn chĩa vào tầm bụng mình, Ali chậm rãi rút một tờ giấy từ túi trong áo khoác của mình, đặt lên bàn và đẩy về phía gã Lùn.

Gã Lùn đọc tờ giấy và lý do tại sao Ali muốn gặp trực tiếp mình biết. “Tổ chức của anh không trả tiền để tôi tư vấn nhưng tôi sẽ cho anh lời khuyên. Miễn phí. Hãy coi vụ này là tổn thất đã rồi và tiếp tục công việc của mình. Thậm chí nếu tôi có thể tìm được địa điểm chính xác lúc này của Mohammed, đề xuất của anh là tự sát. Không thể thực hiện được”.

“Ông không cần lo về chuyện đó. Chúng tôi chỉ cần biết liệu ông có thể đưa một người của chúng tôi và thiết bị của họ đến nơi cần thiết vào khung thời gian định sẵn hay không”, Ali đáp.

“Có đủ tiền thì mọi việc đều là có thể, nhưng - “

“Hai mươi triệu đôla, quan trọng nhất là ông sẽ được trả gấp đôi giá bình thường của ông cộng với năm triệu đôla thưởng thêm nếu như kế hoạch được thực hiện thành công”.

“Thành công có nghĩa là sau khi anh có thể giải thoát cho người của mình”.

Ali gật đầu. “Hãy coi đó là một khoản thưởng động viên”.

Gã Lùn im lặng trong chốc lát, làm động tác như mình đang cân nhắc đề nghị của Ali. Dưới tay mình, với số tiền này, gã Lùn sẽ đủ để có được những gì mình cần từ đầu mối NSA của mình, nhưng gián điệp hai mang tại Bộ Quốc phòng sẽ đắt hơn rất nhiều. Tuy vậy, gã Lùn tin chắc hẳn có thể có những gì hắn cần mà số còn lại cho hắn vẫn là rất lớn. “Ali, vấn đề lớn nhất mà anh đang đối mặt là thời gian. Nếu anh cho thêm thời gian, khả năng thành công của anh sẽ cao hơn”.

“Sẽ không có thêm thời gian. Theo lịch định, Mohammed sẽ phải thực hiện hoạt động chuyển giao tối quan trọng cho chúng tôi trong thời gian ngắn nhất”.

“Vậy có lẽ tôi sẽ phải đề nghị anh tìm người khác thực hiện đề xuất của anh”.

“Sẽ không có ai khác cả. Đối tác mà Mohammed đang thương lượng vụ chuyển giao mà tôi đã nói sẽ chỉ làm việc với ông ta mà thôi. Nếu Mohammed không thể gặp đối tác đúng hạn, chúng tôi sẽ mất vụ này và đối tác kia sẽ tìm một khách hàng tiềm năng khác. Nếu trường hợp này xảy ra, những gì chúng tôi mất sẽ còn lớn hơn nhiều sự mất mát một thành viên cấp cao của tổ chức”.

“Anh có phiền không nếu tôi muốn biết về nội dung của vụ chuyển giao đó?”

“Điều đó hoàn toàn không liên quan đến việc của ông”, Ali đáp.

Gã Lùn cười nhẹ và hoàn toàn hiểu rằng Al-Qaeda đang lúng mua thứ gì vì chỉ có rất ít thứ mà Al-Qaeda lại sẵn sàng bỏ ra nhiều

tiền đến thế để đưa được đại diện đàm phán của mình ra đúng hạn. “Nếu anh thành công, người Mỹ sẽ thậm chí mở cả cửa địa ngục để tìm ra anh, tất cả các anh”.

Abdul Ali không hiểu gã Lùn định nói đến thành công trong việc giải cứu Mohammed bin Mohammed hay vụ chuyển giao với sự đàm phán của Mohammed. Nhưng dù sao cũng chẳng quan trọng. “Chúng tôi đã đưa ra giá của mình, bây giờ là phần của ông. Nhận hay không?”

Hãy nghĩ nếu đã từng mơ về một cơ hội như thế này trong chừng ấy năm, gã Lùn liệu có thể làm gì hơn là chấp nhận.

Khi rời ngôi biệt thự, Abdul Ali không thể kìm một nụ cười mỉm vì việc gã Lùn nhận lời đề nghị và giúp người của Al-Qaeda thực hiện điều mình muốn đã là một cái kết định sẵn. Điều làm kẻ sát thủ chuyên nghiệp thỏa mãn nhất là gã Lùn không hề biết rằng Al-Qaeda đã biết chính hắn là người bán đứng Mohammed bin Mohammed cho người Mỹ. Mạng lưới liên lạc của Al-Qaeda có thể không phủ khắp nhưng vẫn có hiệu quả một cách bất ngờ.

Sự có ích của gã Lùn sẽ sớm phát huy tác dụng và ngay khi sự có ích đó được tận dụng hiệu quả đến cùng, Ali sẽ cảm thấy thú vị khi đưa cuộc sống ký sinh của gã Lùn đến một điểm kết cực kỳ bi thảm.

CHƯƠNG 6

MONTREAL, CANADA
NGÀY 3 THÁNG 7

Sayed Jamal vừa bước vào phòng ngủ trong căn hộ mình thuê bằng tiền trợ cấp của chính phủ, Scot Harvath nện báng khẩu Heckler & Koch vào sống mũi khiến tên khủng bố đổ gục xuống sàn, máu mũi tứa ra đầm đìa.

“Mày không biết là Thánh Allah luôn thích thánh đường kín người đi lễ sao?” Harvath vừa nói vừa bập còng Flexicuff khi đã bẻ ngoặt tay Jamal ra sau lưng. “Ông ấy không vui vì mày bỏ buổi cầu nguyện sáng. Tao cũng thế”.

Khi Harvath đứng thẳng dậy, anh ta đá vào sườn Jamal một cú thật mạnh, khẳng định sự bực bội của mình về việc Jamal quay về căn hộ sớm.

Cũng giống như Ahmed Ressay - tên khủng bố gốc Algeri bị bắt tại biên giới Mỹ và Canada với hơn 120 pound* thuốc nổ và kế hoạch cho nổ sân bay quốc tế Los Angeles đêm giao thừa năm 1999 - Sayed Jamal cũng là một tên khủng bố gốc Algeri lợi dụng chính sách định cư rộng rãi của Canada ẩn náu ở phía Bắc biên giới, lập kế hoạch tấn công Mỹ.

Với những con phố xinh đẹp và kiến trúc kiểu châu Âu, Montreal khiến nhiều người quên rằng mình chỉ cách bang New York có hai

mười chín dặm. Nhưng Scot Harvath không còn là một trong số những người đó.

Mỗi khi tìm thấy một đồng penny* Canada, một hoặc cùng lắm hai lần một năm, trong mớ tiền xu của mình, Harvath thường đùa rằng Canada là một lực lượng xâm lăng kiên trì nhất trên thế giới - lâu lâu mới lọt ra một đồng penny trong nắm bạc khác loại, lúc khác thì một ca sỹ trở nên nổi tiếng, lâu lâu chút nữa thì một diễn viên lớn, mỗi lần chỉ cần một... Với tốc độ đó phải đến mười ngàn năm nữa Canada mới có thể chinh phục được Mỹ, nhưng Canada đang trên con đường đó và người Mỹ cần phải tỉnh giấc. Nhưng khi Canada trở thành một khu vực được những tên khủng bố Trung Đông lợi dụng để hoạt động tấn công Mỹ thì câu chuyện đùa của Harvath chắc không còn buồn cười chút nào.

Khi đến được Canada, lãnh thổ sau này có thể dùng để ẩn náu, những “người tìm nơi định cư” chỉ cần khai báo mình thuộc diện tị nạn chính trị và sau đó sẽ nhận được sự bảo hộ của chính phủ Canada theo công ước của Liên hiệp quốc. Chỉ cần có thế. Cơ chế giám sát kiểm tra lỏng đến mức gần một trăm phần trăm trường hợp xin tị nạn chính trị có kết quả là một phiên điều trần hoàn chỉnh bao gồm cả nội dung tư vấn pháp lý miễn phí, tiền tiêu và một nơi để ở trong khi những đối tượng tị nạn xin định cư thường phải quá hai năm mới thêm trình diện thẩm phán Canada - nếu như họ còn chút nào thiện chí muốn đến trình diện.

Cùng với cơ chế kiểm tra giám sát lỏng lẻo như vậy cộng với thiếu vắng sự có mặt của lực lượng hành pháp, đa số những kẻ giả danh xin định cư đến được Canada và gia nhập các tổ chức khủng bố Hồi giáo có liên kết chặt chẽ với Al-Qaeda. Một trong các tổ chức được biết đến là Tổ chức Hồi giáo Vũ trang Algeri, gọi tắt là GIA, và

chính GIA là nguyên nhân khiến đặc vụ Scot Harvath có mặt tại Canada.

Mỹ đã nỗ lực thuyết phục chính phủ Canada dẫn độ Sayed Jamal về Mỹ xét xử nhưng thất bại. Jamal trước đây đã từng là một giáo sư hóa và sau đó tìm thấy tôn giáo của đời mình - Hồi giáo cực đoan - chính xác hơn là gia nhập GIA, cùng các thành viên khác của GIA đến Iraq, cầm súng chống lại chủ nghĩa đế quốc xâm lược phương Tây mà nói cách khác, đó là quân đội Mỹ.

Có một điểm thú vị là trong hàng ngũ những chiến binh nước ngoài ở Iraq thì người gốc Algeri lại có tỉ lệ cao nhất, hơn hai mươi phần trăm. Trong khi các tổ chức khủng bố Syria sản sinh ra các tay bắn tỉa ngoại hạng thì các tổ chức khủng bố Algeri, đặc biệt là GIA, lại có những chuyên gia chất nổ hàng đầu. Thực tế là các loại bom mìn sát thương cài trên đường kinh khủng đến mức thậm chí những chuyên gia dày kinh nghiệm trong lực lượng đặc nhiệm bom mìn của Hải quân Mỹ cũng phải e sợ, nhất là lại do chuyên gia chế tạo bom hàng đầu của GIA, Sayed Jamal chế tạo.

Với hơn hai trăm lính Mỹ chết và bị thương bởi thiết bị nổ đặc biệt phóng từ xa, gọi tắt là EFP, do Jamal chế tạo với tầm bắn trong vòng ba trăm foot và khả năng xuyên thủng thép dày 4 inch người Mỹ tập trung mọi khả năng để tìm ra hắn. Khi tình hình quá căng thẳng, Jamal trốn sang Canada và bịa ra một câu chuyện giàu tình tiết và nhận được giấy phép cho tị nạn. Nhưng kể cả khi kẻ khủng bố Hồi giáo không hoạt động trực tiếp trong tổ chức của mình thì bản chất khủng bố Hồi giáo cực đoan vẫn không hề mất đi. Những thông tin của Cục An ninh Quốc gia về xu hướng khủng bố gia tăng cho thấy Jamal đã và đang tiến hành các kế hoạch tấn công khủng bố nội địa Mỹ.

Khi đã xác định được nơi ẩn náu của tên khủng bố, chính quyền Mỹ gửi yêu cầu dẫn độ và mặc dù có cả núi chứng cứ tạo điều kiện cho việc dẫn độ, Canada vẫn từ chối. Thủ tướng Canada cảm thấy không đủ thuyết phục Jamal chính là đối tượng theo sự mô tả của Mỹ. Thậm chí là ông còn tỏ rõ là sẽ không cân nhắc việc dẫn độ nếu như chính phủ Mỹ không cam kết bỏ án tử hình cho trường hợp này. Và theo cách hiểu của mình, của chính phủ Mỹ, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra.

Ngay sau khi các cuộc thương thuyết không thành công, một bản hồ sơ của tình báo Canada về Jamal xuất hiện một cách thần kỳ trên bàn làm việc của tổng thống Jack Rutledge mà chẳng cần phải hỏi, ông cũng biết nó từ đâu tới. Ông hiểu cách thức hoạt động hậu trường và biết rằng nhiều thành viên cấp cao trong ngành tình báo Canada đã chán ngấy việc những đối tượng Hồi Giáo cực đoan lợi dụng chính sách nhân đạo của nước mình.

Hoàn toàn ở thế chủ động và Jamal bị trói chặt, Harvath còn một việc nữa phải làm, việc nguy hiểm nhất trong nhiệm vụ của mình - xử lý máy Laptop của Jamal.

Harvath cũng được báo trước là hai đặc vụ Mỹ đã thiệt mạng trong khi xử lý máy tính PowerBook của một thành viên cấp cao Al-Qaeda. Harvath không biết điều gì làm mình cảm thấy lo ngại hơn - việc chính phủ Hoa Kỳ đã triệt hạ một thành viên Al-Qaeda cao cấp đến mức mặc dù được cấp phép dạng trên cả tối mật Polo Step*, anh vẫn không được biết thành viên đó là ai hay việc hai thành viên của đội đột kích thiệt mạng tại chỗ khi máy tính của tên khủng bố tự kích nổ.

Tất cả những gì Harvath biết là Laptop của Jamal có thể chứa một nguồn thông tin tối quan trọng và vì Jamal có liên quan đến thành viên cấp cao của Al-Qaeda đã nói trên nên cũng rất có thể máy tính của tên này cũng được trang bị thiết bị nổ và một công tắc thủy ngân dạng nghiêng.

Harvath sẵn sàng bỏ ra cả một năm tiền lương để có công cụ hỗ trợ xử lý thiết bị nổ tự hủy trong những tình huống như thế này. Thực tế là anh không có công cụ hỗ trợ hiệu quả nào, công cụ loại xoàng cũng không nổi. Harvath chỉ có hai bình phun rồng và một can xốp giữ lạnh chứa đá khô.

Phương án thực hiện là dùng Quick Freeze, một dạng sản phẩm dùng làm lạnh tức thì các mẫu sinh thiết trong y học, để vô hiệu hóa mực thủy ngân trong công tắc nghiêng. Ngay khi công tắc nghiêng ngừng hoạt động trong vài giây, Harvath có thể an toàn đặt chiếc Laptop vào thùng lạnh rồi chuyển nó qua biên giới và trao lại cho đội kỹ thuật tháo ngòi nổ. Phương án tốt nhưng không ngờ Jamal lại quay về nhà quá sớm vì thế Harvath chuyển sang tập trung vào Jamal và hiện tại anh không có đủ Quick Freeze để làm đông công tắc thủy ngân.

Harvath buộc phải tìm ra một cách nào đó. Quay trở về tay không, hoặc tệ hơn là không còn tay nào, không phải là lựa chọn anh muốn.

Đã từng là thành viên của đội đặc nhiệm Hải quân thuộc Hải quân Mỹ, kinh nghiệm mà Harvath có được khi là mật vụ tại Nhà Trắng và hiện tại là đặc vụ mật chống khủng bố của Bộ An ninh Nội địa chỉ khẳng định thêm nội dung tập huấn hoạt động đặc nhiệm anh từng

tham dự - luôn có giải pháp cho tất cả mọi vấn đề, điều cần làm là phải bằng mọi cách tìm ra được giải pháp.

Liếc nhanh chiếc đồng hồ đặc biệt Suunto X9Mi được cấp cho chuyến đi Canada này, Harvath biết mình sắp trễ hẹn và như thế sẽ rất tệ khi ra khỏi Canada qua biên giới về Mỹ.

Trong khi nhắm nhanh các lựa chọn trong đầu, Harvath chợt nhớ rằng Sayed Jamal là một chuyên gia chế tạo bom, và là một chuyên gia giỏi. Những báo cáo về Jamal mà Harvath đã đọc khẳng định rằng Jamal là một người rất tỉ mỉ. Nếu là người tỉ mỉ, chắc chắn hẳn cũng rất cẩn trọng. Câu hỏi đặt ra là liệu Jamal có thứ mà Harvath đang tìm không và nếu có thì hẳn cất giấu chỗ nào?

Tóm tóc giật ngược đầu Jamal ra sau, Harvath dí nòng súng vào dưới cằm Jamal: “Mày có nhiều thiết bị quan trọng trong này, Sayed. Nếu có cháy nổ, sẽ tổn kém kha khá đấy - chưa tính đến chuyện sẽ bị dòm ngó thế nào. Còn nhớ vụ cháy hóa chất mà Ramzi Yousef phạm phải ở Philippines chứ? Nếu tao nhớ không nhầm, người của nó bị bắt khi quay lại tìm máy Laptop sau vụ cháy, đúng không? Nhưng tao nghĩ mày thông minh hơn thế. Nói cho tao biết, mày để bình chữa cháy ở đâu?”

Jamal nhử vào mặt Harvath và chửi bằng tiếng Arab “Ebnel Metanaka!”. Harvath thúc mạnh nòng súng vào phần thịt mềm dưới cằm Jamal. “Mày muốn tiếng Anh hay tiếng Arab cũng không sao. Tao không quan tâm. Tao muốn biết mày để bình chữa cháy ở đâu”.

Tên khủng bố chuyên tạo bom cố nhử vào mặt Harvath lần nữa nhưng không kịp vì đã lĩnh ngay một cú đá vào hạ bộ. Harvath biết rằng hỏi sẽ không ăn thua gì nhưng luôn cần phải hỏi lịch sự - và Scot Harvath sẽ chẳng là ai nếu không lịch sự.

Anh kéo tên khổng bố về phía bếp và tìm thấy bình chữa cháy bên dưới bồn rửa. “Sayed, lựa chọn tốt đấy”, Harvath nhận xét khi lôi bình chữa cháy ra “bình chữa cháy bột dùng bắn lắm. CO₂ lúc nào cũng sạch và lạnh hơn nhiều”.

Đưa mắt nhìn quanh, Harvath hỏi: “Nào, máy cắt bánh falafel của máy ở đâu, thằng khốn?”

CHƯƠNG 7

Khoảng 45 phút sau, Harvath dừng lại bên vệ đường, lôi Jamal khỏi cốp xe và nút hai cục bông vào mũi hắn để chặn máu. Sau khi đã khoác chiếc áo gió và khóa dây kéo kín phía trước che hoàn toàn chiếc áo lấm lem của tên khủng bố, Harvath đẩy Jamal lên ngồi ghế trước, cài dây an toàn và nói cho hắn biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu hắn giở trò.

Jamal lại một lần nữa cố nhổ vào mặt Harvath nhưng anh đã giáng một cú trời đánh vào vùng bụng làm tên này đổ gập người ra phía trước.

Quay ra bằng ghế sau có chiếc túi đựng đồ lặt vặt mua tại một cửa hàng ngoại ô Montreal, Harvath lấy ra một thanh Sôcôla của hãng PowerBar và một chai nước suối. Ở tuổi ba mươi sáu, chuỗi ngày sống thả phanh với bia và bánh kẹp thịt pho-mát đã hoàn toàn lùi về phía sau. Với chiều cao 1.8 mét và hơn 80 kg cơ bắp, Harvath có hình thể trội hơn hầu hết nam giới ở nửa độ tuổi của mình nhưng anh vẫn cảm thấy mình cần phải tập luyện nhiều hơn nữa để duy trì hình thể. Nếu được giao nhiệm vụ tại một nước Hồi giáo và cần phải có râu quai nón, chỉ trong vài ngày Harvath sẽ có hai vệt râu bên má màu xám lẫn với màu nâu nhạt so với màu tóc của mình. Cha anh, một giảng viên của đội đặc nhiệm Hải quân, người đã mất trong một

tai nạn khi giảng dạy, có mái tóc chuyển màu xám hoàn toàn khi ông mới bốn mươi tuổi.

Mặc dù những vết chân chim bắt đầu xuất hiện ở cuối đôi mắt xanh sáng của mình, chẳng có gì khiến Harvath cảm thấy không chịu được. Ai sớm hay muộn cũng sẽ già đi. Những dấu hiệu tuổi tác làm anh phải suy nghĩ xem mình sẽ tiếp tục làm việc cho chính phủ dưới sức ép như thế này trong bao lâu nữa. Việc không thu thập được bất cứ thông tin hữu ích nào qua nhiệm vụ của mình với đối tượng khủng bố, thành viên cao cấp của Al-Qaeda mà chính phủ Mỹ vừa nắm được chỉ là một trong chuỗi những thất vọng mà Harvath phải miễn cưỡng sống cùng.

Harvath một mặt kính nể tổng thống và yêu nước nhưng anh cũng phát bực với hàng núi thủ tục quan liêu và nhiều kẻ vớ vẩn. Vừa là thành viên đặc nhiệm Hải quân, vừa là nhân viên Mật vụ của Nhà Trắng, Harvath hiểu rõ giá trị của điều lệ và các qui trình chỉ huy. Nhưng khi tổng thống lập ra chi nhánh quốc tế của Bộ An ninh Nội địa với cái tên Văn phòng Hỗ trợ Điều tra Quốc tế và giao cho một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất, Harvath đã nghĩ khác đi.

Còn được gọi với cái tên dự án Apex, đội đặc nhiệm bí mật của Harvath được giao nhiệm vụ thu thập tin tình báo và là công cụ thực hiện cho chính phủ Mỹ nhằm trung hòa và ngăn chặn các hoạt động khủng bố nhằm vào nước Mỹ và các lợi ích khác của chính phủ Mỹ ở phạm vi toàn cầu.

Về mặt “kỹ thuật” mà nói thì dự án này không tồn tại và Harvath cũng chỉ là một “đặc vụ” không hơn nhưng mới chỉ năm ngoái, một thượng nghị sỹ với chủ ý mở rộng ảnh hưởng của mình ở Nhà Trắng đã tìm cách moi được thông tin về vai trò thực sự của Harvath đối với Apex, ép anh phải từ chức. Dù mọi việc đều mang tính tạm

thời, thì việc không biết động thái sắp tới là gì hay cuộc sống cá nhân sẽ ra sao nếu vỏ bọc bị lộ đều là những trải nghiệm chẳng hề thú vị cho anh.

Vẫn tự nhủ thăm mình phải thi hành những nhiệm vụ thăm lặn và ít được ghi nhận nhưng Harvath vẫn ngày càng cảm thấy chán ngán những chính trị gia bè cánh tiến thân bằng cách dẫm lên lưng những đồng bào yêu nước vô tội của họ, mà có chăng thì cũng chỉ có cái tội dành cho tổ quốc mình một tình yêu chân thành...

Harvath thực sự cảm thấy như thế khi tặng cho sếp của mình, Gary Lawlor, món quà là một viên đạn cỡ 5 li được buộc trang trí bằng một băng lụa đỏ. Đạn cỡ này được dùng để hạ những mục tiêu ở xa và Gary hiểu rằng viên đạn tượng trưng cho Harvath với những điệp vụ triệt hạ các đối tượng khủng bố ở nước ngoài còn ý nghĩa của băng lụa đỏ thì đã hoàn toàn rõ ràng.

Công việc này có thể trở nên dễ thở hơn với Harvath nếu anh có đủ thời gian để tạo dựng những góc nhỏ riêng tư trong cuộc sống cá nhân của mình, như những người đàn ông bình thường khác. Phần lớn bạn bè anh, kể cả những thành viên trong đội đặc nhiệm Hải quân cũng đã lập gia đình và có con. Harvath không muốn điều đó ngay ngày mai nhưng anh muốn có thể nhìn thấy một mốc thời gian cho một gia đình riêng của mình không quá xa trong tương lai. Dĩ nhiên, việc đầu tiên là tìm được người phụ nữ thích hợp nhưng thực tế là hầu hết những người mà Harvath biết đều không chấp nhận được đặc thù công việc của anh, điều thường xuyên dập tắt mọi hy vọng ngay khi một mối quan hệ mới được ươm lên. Đã từng có một người phụ nữ có khả năng chấp nhận được đặc thù công việc của Harvath, thậm chí hai người đã chuẩn bị chuyển về sống cùng nhau

tại DC* nhưng cuối cùng thì yêu cầu công việc của Harvath đã biến dự định này thành không thể.

Mặt tốt của vấn đề là nếu Harvath quyết định ngừng phục vụ cho chính phủ, anh cũng vẫn sẽ nhận được không ít lời đề nghị về làm việc cho lĩnh vực này của tư nhân. Thực ra, Harvath đã từng cân nhắc kỹ khả năng liệu mình có nên nhận làm giảng viên cho một trung tâm đào tạo chiến thuật khá nổi tiếng Valhalla ở Colorado. Điều làm anh lo là một khi đã bước chân vào lĩnh vực tư, mỗi khi đứng trước gương, anh không biết liệu mình còn nhìn thấy một người ái quốc nữa không.

Đó vẫn là điều phải quyết định và anh biết rằng việc này chắc chắn sẽ còn đè nặng lên tâm trí mình cho đến hết kỳ nghỉ cuối tuần tới.

Khi vòng xe qua vòng xoay chuẩn bị chuyển làn, Harvath chợt nhận ra mình đang tiến gần đến một trạm kiểm tra của cảnh sát.

Một vẻ mặt đặc ý hiện ra trên khuôn mặt Sayed Jamal khi nhận ra cứu cánh của mình. Sayed biết rằng dù Harvath là ai, làm việc cho cơ quan nào của chính phủ Mỹ cũng không thể đưa hắn ra khỏi lãnh thổ Canada một cách hợp pháp mà không có sự đồng thuận của hắn. Tên ngoại đạo Mỹ này quá ngu xuẩn khi lôi mình ra khỏi cốp xe, Sayed nghĩ, vì hắn đã có thể lái qua trạm cảnh sát mà chẳng gặp bất cứ rắc rối gì nếu cứ để nguyên mình trong cốp. Sayed biết là chỉ sau vài phút nữa, chỉ vài phút, hắn sẽ lại được tự do và thoải mái kể cho các phóng viên nghe về các trải nghiệm khủng khiếp mà bọn ngoại đạo đế quốc Mỹ đã bắt hắn phải trải qua.

Harvath giữ vẻ mặt bình thản khi xe anh tiến đến gần trạm kiểm tra.

“Vui lòng xuất trình bằng lái và đăng ký xe”, một cảnh sát mặc đồng phục của Cảnh sát Kỵ mã Hoàng gia Canada mang súng trường yêu cầu khi Harvath hạ kính xe xuống.

Harvath làm động tác lục tìm giấy tờ trong túi quần, “Có lẽ tôi quên mang giấy tờ theo rồi, anh biết đấy, đi một chuyến sang Canada vui quá mà”.

Viên cảnh sát nhìn quanh xe nói, “Nhiều người quên giấy tờ lắm. Ai đi cùng anh thế?”

“Cứu tôi với”, Jamal hét lên vì biết rằng đây là cơ hội tự do của mình. “Tôi bị cưỡng ép - “ đang gào lên thì hần nghẹn lại vì bị cùi chỏ Harvath nện một cú vào miệng.

“Anh đừng để ý đến anh ta”, Harvath nói tiếp và biết rằng viên cảnh sát không những không mang súng trường mà cũng chẳng đi tuần biên giới. “Anh ta chỉ hơi khó chịu một chút. Đến tháng ấy mà”.

“Có lẽ thế nhỉ”, viên cảnh sát đùa. “Tôi thấy miếng băng vệ sinh rồi”.

“Anh ấy có lẽ hơi bồn chồn một chút khi sắp qua biên giới vào Mỹ mà thôi”.

“Tôi cũng sẽ cảm thấy như thế trong trường hợp của anh ta, đặc biệt là với vai trò tác giả của những vụ nổ gây chết và bị thương cho nhiều quân nhân Hoa Kỳ” đặc vụ cơ quan tình báo Canada trong bộ đồng phục Cảnh sát Kỵ mã Hoàng gia Canada đáp rồi ra hiệu cho các xe chặn đường mở lối ra.

Khuôn mặt dính máu của Jamal tái đi. *Người Canada biết và ủng hộ việc này.*

“Chúng tôi chỉ muốn biết chắc là anh tóm được hắn”, đặc vụ Canada nói, “có chi tiết gì thêm về chuyến đi này mà anh cần cho

chúng tôi biết không?”

“Có lẽ anh nên cử một đội đến lục soát nơi ở của hắn. Có rất nhiều vật liệu chế tạo bom ở đó, ngoài ra thì mọi thứ đều bình thường”.

“Đi nhé”, đặc vụ Canada ra hiệu bằng cách vỗ nhẹ vào cửa xe của Harvath. “Cảm ơn đã dành thời gian đi thăm Canada. Chúc chuyến đi tốt đẹp”.

“Sẽ như thế”, Harvath cười và vẫy tay khi xe bắt đầu chuyển bánh.

Xe chạy khoảng 2km thì đến một khoảng rừng thưa rồi dừng lại. Harvath ra khỏi xe và kiểm tra vị trí GPS đã định trên chiếc đồng hồ đa năng Suunto của mình rồi bật chức năng lập lịch trình. Anh lấy hộp xốp giữ lạnh và lôi Jamal ra khỏi xe, đẩy hắn tiến về phía khu rừng.

Chỉ một khoảnh khắc sau cả hai nghe thấy tiếng cành cây gãy nhẹ và Harvath biết có người lạ quanh đây. Liếc mắt lên trên bên trái, anh thấy một đội đặc nhiệm trang bị hỏa lực mạnh với những thiết bị theo dõi điện tử quanh những gốc cây gần đó.

“Hoan nghênh đã đến Hoa Kỳ”, một trong số đó lên tiếng, “có gì cần phải khai báo không?”

“Có đấy”, Harvath đáp, đẩy Jamal lên phía trước và trao hộp xốp giữ lạnh chứa máy Laptop bị đông đá cho họ. “Canada là một đất nước tuyệt vời. Bia rất ngon, con người thân thiện và họ vừa mới bắt đầu chương trình hỗ trợ chống khủng bố thú vị”.

Đội đặc nhiệm đưa Harvath và Jamal ra khỏi khu rừng rồi đến thị trấn Rouses Point, New York, nơi Harvath bắt đầu nhiệm vụ của mình và để xe ở đó trước khi sang Canada.

CHƯƠNG 8

Sau phần báo cáo ngắn gọn, Mike Jaffe, trưởng đặc vụ Liên ngành Chống khủng bố hỏi, “Bây giờ cậu định đi đâu? Về DC dịp mừng 4-7 cuối tuần này hả?” Harvath lắc đầu. “Mình sẽ ghé thành phố New York gặp một người bạn cũ mới đi Afghanistan về”.

Mike cười, “Vậy cậu sẽ xem pháo hoa Ngày Độc lập ở đâu?”

“Chắc là từ trong quán bar thôi”:

“Không đùa đấy chứ”, Jaffe thốt lên với giọng New York không lẫn vào đâu được. “Để tớ nói cho cậu biết nhé, chỗ đẹp nhất để xem pháo hoa Ngày Độc lập là khu Brooklyn, trên đại lộ Furman, đoạn giữa Atlantic và Quảng trường Cadman ấy”.

“Tôi sẽ nhớ chỉ dẫn của cậu”.

“Nếu đói bụng thì đến tiệm Lundy Brothers ở đại lộ Emmons mà ăn một tô ‘New York đỏ’ chính cống nhé. Nhớ gọi cả một ly kiểu ‘trứng đánh’ nữa, ở đây họ sẽ cho vào ly cậu một cái bánh quế thay cho que khuấy cốc-tai đấy”.

Harvath cười, lắc đầu. Anh không biết món “New York đỏ”, càng không biết tại sao lại cần phải tìm đúng loại “chính cống”. Harvath cũng chưa bao giờ uống một ly “trứng đánh” trong đời nhưng có lẽ đó chính là phong cách của những người New York. Đối với họ mặt

trời lặn và mọc chỉ ở New York và bất cứ nơi nào khác trên thế giới cũng đều chỉ xếp hạng hai.

“Cậu nhớ hết rồi chứ?” Jaffe, dáng người cao lớn với mái tóc bạc, hỏi khi thấy Harvath có vẻ lơ đãng. “Cậu có muốn mình viết lại cho cậu không?”

“Chắc tớ sẽ nhớ được”, Harvath đáp, “Thế còn bọn cậu thì sao? Nghỉ cuối tuần ở Catskills trước khi đưa anh bạn kia đến vịnh Guantanamo hả?”

Jaffe cười. “Thực ra bọn tớ định đem tất cả cáo trạng của anh bạn đánh vào với nhau rồi treo anh bạn này bên ngoài đồn Fort Drum. Chắc chỉ cần bán vé một cú đấm một đola và quảng cáo với lính bộ binh ở đó chơi trò bịt mắt đập quả với anh bạn này là quá đủ”.

Harvath thích sự hài hước của Jaffe, anh nói. “Bán vé kiểu ấy kiếm hơi ấy chứ”, biết là đồn Fort Drum ở New York là nơi đóng quân của Binh đoàn Bộ binh số 10, đơn vị mất nhiều người nhất ở chiến trường Iraq, đặc biệt là trong các vụ mìn nổ.

“Không may là bọn tớ không có đủ thời gian để làm như thế”, Jaffe tiếp, “Cục muốn giải hẩn xuống Tòa nhà Liên bang, khu Manhattan hôm nay để tiến hành các thủ tục xử lý. Sau đó thì hẩn sẽ là vấn đề của người khác”.

Harvath chẳng hề ghen ty với những người sẽ phải bỏ kỳ nghỉ cuối tuần với gia đình và bạn bè để thẩm vấn Sayed Jamal. Đó là việc cần phải làm và anh biết rất rõ. Hoa Kỳ không thể nghỉ ngày nào trên mặt trận chống khủng bố, thậm chí cả ngày kỷ niệm độc lập của mình. Bọn khủng bố luôn cố gắng tìm những điểm yếu có thể lợi dụng và nước Mỹ cần phải luôn đi trước một bước.

Nhìn Jaffe đi cùng với đội của mình, Harvath cảm thấy một sự thật không thay đổi được; dù có nỗ lực đến thế nào, Hoa Kỳ cũng không thể luôn đi trước trong tất cả mọi lĩnh vực. Lần này, cũng như nhiều lần trước, họ đã gặp may. Nhưng tất cả chỉ là như thế. Mặc dù đã lôi được một đối thủ lớn ra khỏi sàn đấu, vẫn còn rất nhiều những kẻ khác chờ sẵn đến lượt thay người.

Mặc dù đã bị ngăn chặn và đẩy lùi nhiều lần, danh sách kẻ thù của nước Mỹ vẫn còn rất dài và có vẻ vẫn tiếp tục dài ra không có điểm dừng. Những công dân Mỹ hoạt động trong lĩnh vực chống khủng bố đều biết một sự thật chưa được nói đến; đó là liệu nước Mỹ có bị khủng bố tấn công nữa hay không, mà là sẽ bị tấn công vào lúc nào.

Harvath mong là ngày đó sẽ không bao giờ tới vì anh biết rằng nếu nó tới thì ngày 11 tháng 9 khủng khiếp sẽ chỉ là một phần của dàn đồng ca khủng bố mà thôi.

CHƯƠNG 9

Đi từ Rouses Point đến Manhattan mất khoảng năm tiếng rưỡi nhưng với sự trợ giúp của một bình đầy cà phê, chân ga luôn lút sà, George Clinton và nghị viện Harvath chỉ cần bốn tiếng đồng hồ.

Mở cửa nóc và cửa kính, bản “Tear the Roof Off the Sucker” vang lên từ dàn loa phía sau chiếc Chevy TrailBlazer đen, Harvath phóng xe qua cầu Triborough nhằm hướng Manhattan khoảng sau hai giờ chiều một chút. Nhìn về phía đường chân trời với dòng xe tấp nập chuẩn bị đón kỳ nghỉ cuối tuần, anh nghĩ thời tiết không thể đẹp hơn - khoảng 26°C, ngập nắng và độ ẩm khá thấp, một kỳ nghỉ cuối tuần hoàn hảo.

Sau một tiếng bên ngoài thành phố, Harvath gọi điện cho bạn thân của mình, Robert Herrington, lính thuộc lực lượng đặc nhiệm Delta đã nghỉ hưu mà bạn bè của hai người vẫn gọi thân mật là “Bob viên đạn” để hẹn nơi gặp nhau.

Vì Bob vẫn đang dọn đồ ở Hội Cựu chiến binh Manhattan, cả hai hẹn gặp tại quán rượu quen của Harvath, Pig & Whistle gần Quảng trường Thời đại, nơi cả hai đã từng bắt đầu cuộc hẹn đầu tiên của hội Nghiện rượu nặc danh, lang thang từ quán này sang quán khác.

Lái xe loanh quanh khu kế cận khoảng hai mươi phút, Harvath dừng lại ở gara rẻ nhất mà anh thấy, rồi đồng ý trao ba panh máu và một bộ phận nội tạng quan trọng của cơ thể trên danh nghĩa để được thanh toán sau rồi bước qua bốn dãy nhà tới quán Pig.

Phục vụ bàn và khách trong quán dán mắt vào màn hình TV. Harvath chọn một ghế ở quầy bar, gọi một vại bia Bare Knuckle Stout* và cố nhắm lại những sự kiện vừa xảy ra.

Các kênh trên TV đều đang đưa tin nóng về một vụ bắt giữ con tin tại một trường phổ thông tại khu Bronx. *Bắt đầu kỳ nghỉ cuối tuần và Ngày Độc lập thế này mới hay làm sao*, Harvath tự nhủ. Anh gọi một phần ăn trưa và cố quên thế giới và những vấn đề của nó trong phút chốc.

Trí nhớ Harvath quay lại lần đầu tiên anh gặp Bob Herrington, cả hai cùng được cử làm giảng viên khóa tập huấn Tác chiến Đặc biệt cho lực lượng đặc nhiệm của một chính phủ Nam Mỹ thân Mỹ. Nhiệm vụ cuối cùng của đội đặc nhiệm là trình diễn các kỹ năng đồng thời tập hợp lại tại một khu đất cao nơi tổng thống, tướng tá và các nhân vật VIP dự khán. Mấu chốt của nhiệm vụ này là làm sao thực hiện được tất cả các nội dung trong một khung thời gian tương đối hạn hẹp.

Mặc dù mọi thành viên của đội đặc nhiệm đều trình diễn các kỹ năng tốt hơn mức hai giảng viên Mỹ của họ mong đợi, rõ ràng là đội vẫn không thể có đủ thời gian để tập hợp tại khu vực khán đài trên đỉnh đồi theo khung thời gian đã định. Bob đã làm gì? Ngay khi đội đặc nhiệm có mặt tại khu vực thung lũng bên dưới, khuất tầm nhìn từ khán đài, Bob tập hợp súng trường của cả đội, nhét vào balô chuyên dụng của mình và bắt đầu dẫn cả đội chạy lên đỉnh đồi.

Harvath không hiểu Herrington đang làm gì. Tiến gần đến khu vực nằm trong tầm nhìn của khán đài, Bob giao lại súng cho mỗi thành viên của đội khi họ chạy ngang qua điểm tập hợp cuối cùng, dĩ nhiên đội đặc nhiệm hơi lúng túng một chút và phải mất vài phút, tất cả các thành viên mới đổi được đúng súng cho nhau. Harvath tiến lại gần và anh thấy Bob mỉm cười, chính lúc đó, Harvath học được bài học lớn nhất về tinh thần lãnh đạo - điều quan trọng nhất là cả đội cùng nhau nỗ lực để đạt được mục tiêu. Làm thế nào không quan trọng mà điểm quan trọng nhất là cả đội cán đích cùng một lúc.

Bob đã có thể nhận công đầu về mình nhưng đó không phải là tính cách của anh. Đền bù lớn nhất là Bob nhìn thấy đội đạt được thành công. Harvath thích Bob ngay từ lúc mới gặp nhưng trên khu thao trường bụi bặm ở Nam Mỹ ấy, anh đã dành cho Bob một sự kính trọng và một tình bạn trong nhiều năm liền, một tình bạn hơn cả những mối liên hệ khăng khít của một cơ sở các điệp vụ mà cả hai cùng thực hiện. Harvath vẫn thường đùa rằng Bob đã trở thành một người anh trai mà anh chưa bao giờ muốn có.

Khoảng bốn mươi lăm phút sau, khi Harvath định gọi một vai bia nữa thì “Bob viên đạn” xuất hiện và vỗ đồng xu huy hiệu của lực lượng Đặc nhiệm Liên ngành lên quầy bar. Luật là cứ có huy hiệu và đã từng vào một đội mà lại không mang theo mình thì sẽ phải mua một chầu, còn nếu có mang theo thì người đặt huy hiệu ra để thách người kia sẽ phải đãi chầu đó. Harvath lần này là người thắng, anh luôn tay xuống dưới miếng lót vai bia và lấy huy hiệu của mình ra.

Harvath hỏi nhân viên quầy bar xem có rượu Cognac Louis XIII không rồi quay sang bắt tay bạn cũ. “Anh khá lắm, anh bạn!”, Harvath nói và nhẹ nhàng lắc tay Bob vì biết bạn mình có vết thương ở vai.

“Có lúc thắng thì cũng phải có lúc thua chứ nhỉ”, Herrington đáp; anh cao hơn Harvath ít nhất 7cm và có bộ ngực vạm vỡ hơn. Mái tóc nâu cắt gọn nhưng Bob vẫn để hàm râu quai nón *tự do* kiểu dân Afghanistan. Quay sang cô phục vụ quầy bar, Herrington nói: “Cho bọn tôi một thêm một lượt nữa, thứ mà anh chàng này đang uống, và một vai to cho tôi nhé”.

“Anh ấy uống bia đen vai lớn đấy, anh yêu ạ”, cô phục vụ quầy bar người Ireland cười tình tứ.

Bob nở nụ cười duyên dáng nhất của mình, “VẬY cho tôi hai vai lớn nhé, tôi không thích anh chàng này vượt lên trước chút nào”.

Cô phục vụ quầy bar quay lại lấy ba vai bia. Khi cô vừa ra khỏi tầm nghe, Harvath nói với Bob “Tôi nghĩ cô ấy thích anh đấy”.

“Trái tim và khối óc. Tôi có cả hai mà”.

Harvath cười. Anh luôn thấy vui khi biết Bob vẫn duy trì được tâm trạng tốt. Bên trong nụ cười và vẻ hài hước vô lo, Harvath biết việc nghỉ hưu của Bob không dễ dàng với anh chút nào. Đó cũng chính là lý do lớn nhất để Harvath quyết định dành kỳ nghỉ cuối tuần mừng 4 tháng 7 ở thành phố New York.

Lý do khác là lúc này Harvath chẳng có ai để chia sẻ kỳ nghỉ cuối tuần với mình. Người phụ nữ duy nhất anh muốn có lại đã đính hôn và đang chuẩn bị cưới một người khác chứ không phải anh.

Như thể đọc được suy nghĩ của Harvath, Bob hỏi ngay: “Này, Meg thế nào?”

Harvath biết là Bob sẽ hỏi vì cả hai đã từng trong đội giải cứu con tin và Meg Cassidy là một trong số những con tin trong vụ không tặc vài năm trước đó. Meg là người duy nhất thấy mặt tên không tặc nên sau đó cô đã được dùng để nhận dạng và tìm dấu vết đối tượng

này. Một phần của chương trình tập huấn dành cho Meg do Bob và các đồng nghiệp lực lượng Delta thực hiện *bên kia hàng rào* tại Fort Bragg. “Meg sắp cưới rồi”, Harvath đáp. “Trả lời luôn trước khi anh hỏi, đúng là cô ấy sắp cưới, nhưng mà cưới người khác”.

“Thế thì anh là tên gốc nhất mà tôi biết, anh hiểu không?”

“Rất vui được gặp anh, Robert”, Harvath đáp khi cô phục vụ quay lại với ba vại bia, một đặt trước mặt anh và hai cho Bob.

Khi cô phục vụ đã đi khỏi, Bob tiếp, “Meg Cassidy là người hợp với anh nhất mà tôi đã biết và anh để tuột cô ấy khỏi tay như thế sao?”

“Chuyện phức tạp lắm”.

“Cô ấy là phụ nữ”, Bob nhấp một ngụm bia và tiếp “Phụ nữ lúc nào cũng phức tạp cả”.

Harvath không hề muốn tiếp tục chủ đề này. “Chuyện này qua rồi, được không?”

“Được với tôi nếu anh thấy được”

“Được thôi”, Harvath đặt lại vại bia trên miếng lót.

“Vậy anh có đang hẹn hò với ai không?” Bob hỏi.

“Không”.

Herrington cười, “Vậy thì anh *không thật sự ổn* và chuyện này vẫn *chưa thực sự* qua, phải không?”

“Anh thôi đi, có được không?”

“Ít nhất thì cứ nhận mình là *đồng tính* đi. Hải quân hay không hải quân thì anh cũng đã từng là lính hải quân rồi.

Đồng tính thì có chỗ cho mực ống đấy. Người ta nói gì nhỉ? *Khi mọi sự tồi tệ, có đồng tính cũng chẳng sao?*”

“Anh là đồ khốn”, Harvath đáp, “Ngừng ngay cái việc dí mũi vào đời tư của người khác đi và tôi sẽ thích bàn về việc xảy ra ở Afghanistan hơn đây”.

Lần này thì Bob lại chính là người im lặng. Mặc dù không có ý đó, Harvath đã khơi dậy nỗi đau vẫn chưa lành của anh.

Cuối cùng thì Herrington cũng lên tiếng, “Anh mất bao nhiêu người trong vụ tổng thống bị bắt cóc?”

“Nhiều đấy”.

“Thế đấy”, Bob đáp, “Tệ thật. Anh có biết điều gì có thể tệ hơn không?”

Harvath lắc đầu.

“Đó là chứng kiến người của mình bị thương, trở nên tàn tật và luôn bị các cơn đau giày vò. Như thế tệ hơn việc nhìn người của mình chết nhiều, ít nhất nếu chết, họ không còn cảm thấy đau đớn nữa”.

Harvath ra hiệu cho cô phục vụ mang thêm một lượt bia nữa và hỏi. “Chuyện gì đã xảy ra ở Afghanistan?”

Bob chờ đến khi Harvath bắt đầu uống vai bia mới và giục mình thêm mới trả lời. “Bọn tôi nhận nhiệm vụ hạ một mục tiêu gần Heart. Bằng cách nào đó, chúng biết tin và đánh chặn trên đường đến, đánh rất rát.

“Một thành viên của đội bị thương mất cả chân và tôi phải vác đồ của cậu ấy. Đáng lẽ tôi đã phải nhận ra dấu hiệu phục kích nhưng đã không nhận ra được vì không ở đúng vị trí của mình. Hai thành viên phía trước bị dính hỏa lực mạnh. Tôi thì bị nhẹ hơn họ nhưng chung quy vì tôi mà cả ba đều nghỉ hưu sớm vì lý do sức khỏe”.

“Anh nghĩ là lỗi do anh không ở đúng vị trí?”

“Vị trí đội trưởng, đúng thế”.

“Vớ vẩn, Bob, anh biết điều đó”, Harvath thốt lên. “Không ai có thể đúng vị trí của mình trong suốt thời gian được, anh cũng thế. Vì vậy mà vị trí sẽ được đảo liên tục”.

“Nhưng lúc ấy là đến lượt tôi ở phía trước”.

“Mà anh còn đang phải vác đồ của người bị thương nữa. Không thể làm cả hai việc cùng lúc được”.

“Chắc chắn là không bao giờ thế nữa”.

“Chuyện vớ vẩn thôi, Bob”.

“Chuyện không may không thể xảy ra với tôi và đội *của* tôi. Bọn tôi chả sao cả, một vết xước cũng không trong gần hai năm và rồi *bùm*, cả ba cùng dính. Một người không bao giờ đi lại được nữa, mất chức năng làm đàn ông và người kia mù vĩnh viễn. Anh ấy sẽ không bao giờ nhìn thấy con mình lớn lên và tất cả chỉ vì tôi đã không ở vị trí phía trước trong khi đáng lẽ phải như thế”.

Harvath biết rõ về Bob và anh biết về danh tiếng của Bob trước khi biết về con người anh. Thật ra hầu hết mọi thành viên thuộc lực lượng Tác chiến Đặc nhiệm đều biết điều đó. Bob có thể mang cả một tiểu đoàn trên lưng. Anh là một vận động viên cừ khôi với thể chất của một người lính tốt nhất mà quân đội Mỹ từng có. Từ ngày nhập ngũ sau khi tốt nghiệp trung học, kinh qua các đơn vị biệt kích, đội 7 bộ binh lừng danh rồi lực lượng Delta, Bob luôn là người dẫn đầu. Đó không phải là bản ngã, đó chỉ đơn giản là Bob - mà không ai có thể kìm chân được.

Việc Bob bị dày vò với thương tích của đồng đội mình không làm Harvath ngạc nhiên. Hầu hết lính Mỹ đều như vậy, và Bob cũng thế.

Chân lý, tự do và bản sắc là những giá trị thể hiện rõ trên phim ảnh nhưng sự thật là trên chiến trường, người ta không chiến đấu vì lý tưởng, mà chiến đấu cho và chiến đấu cùng với đồng đội bên cạnh mình.

Nhìn vào mắt bạn, Harvath cố làm dịu bớt mặc cảm của Bob bằng cách lặp lại: “Bob, chuyện không may thôi mà”.

“Ừ, có lẽ thế. Nhưng đó không phải là cái kết mà tôi muốn”, Herrington dừng lại và tợp một ngụm bia. “Tôi muốn được đứng ở phía trước và muốn có một cơ hội nữa để chứng tỏ với đội của mình và bản thân mình là tôi vẫn có thể làm được - những gì đã xảy ra không liên quan đến việc tôi già đi hay chậm chạp hơn”.

Harvath không muốn chủ đề này sẽ xoay quanh cho đến hết kỳ nghỉ cuối tuần. Bob dứt khoát cần phải thoát ra khỏi tình trạng này. “Anh và đội của mình đã thực hiện mấy vụ kể từ lần nghỉ về thăm nhà năm ngoái?”

“Hai”

“Còn lần tệ nhất mà anh có?”

“Lần thứ năm”.

Harvath giả vờ suy nghĩ một chút rồi đáp, “Anh biết không, có lẽ đó là ý tốt khi bên quân đội quyết định cho anh giải ngũ. Ý tôi là, chỉ có hai điệp vụ quốc tế thành công trong top 10? Anh đúng là xuống dốc rồi”.

Bob không nhìn anh nhưng Harvath có thể thấy nét mặt chán nản của Bob dần chuyển sang một nụ cười. Anh đẩy sự hài hước đi xa hơn một chút nữa. “Lạy Chúa, Bob, anh đã bốn mươi tuổi rồi. Đến tuổi mà người ta sắp phải thay răng giả và thay xương hông cho anh rồi, thay vì đưa cho anh một khẩu súng và giao cho anh những

nhiệm vụ nguy hiểm nhất liên quan đến an ninh quốc gia. Đó là việc của bọn trẻ hơn như tôi”.

Herrington cười ngoác miệng. “Thứ nhất, anh chỉ trẻ hơn tôi có bốn tuổi thôi và thứ hai, là lính Hải quân hay không thì tôi cũng có thể cho anh đo ván chỉ trong một phút ở New York này. Thế nên đừng có mà tinh vi. Khó mà đi hẹn hò với các cô cuối tuần này lắm nếu tôi dùng quả đấm tô đen hai mắt anh đấy”.

Harvath đang định đùa Bob thay ngạn ngữ mô tả người chỉ huy từ “trầm lặng, nhanh nhẹn và nguy hiểm chết người” sang “lão hoá, chậm và điếc” thì anh ta đã liếc lên màn hình TV và nói, “Không ổn rồi”.

Harvath nhìn lên theo và thấy nhiều xe cỡ lớn của đơn vị phụ trách các tình huống khẩn cấp thuộc sở cảnh sát New York vây quanh khu vực bắt giữ con tin tại ngôi trường trong khu Bronx.

“Đơn vị phụ trách các tình huống khẩn cấp thường sử dụng xe loại nhỏ hơn, hai người một đội”, Herrington tiếp. “Mấy cái xe cỡ lớn kia dùng để huy động hỏa lực mạnh. Họ sẽ không sử dụng đến xe này nếu tình huống không trở nên quá xấu. Ít nhất tôi đếm được bốn cái, nghĩa là có bốn đội sẽ tham gia. Đây rõ ràng không phải tình huống bắt giữ con tin thông thường”.

Harvath biết là ngoài quân đội thì đơn vị phụ trách các tình huống khẩn cấp thuộc sở cảnh sát New York không phải là đơn vị Tác chiến Đặc biệt SWAT lớn nhất, nhưng họ là một trong những đơn vị mạnh nhất. Thành viên của mỗi đội thuộc đơn vị này gắn kết với nhau như người nhà trong các cuộc giao tranh với tội phạm và mỗi đội thường có xu hướng tác chiến độc lập, họ sẽ chỉ yêu cầu hỗ trợ nếu thực sự cần thiết. Những hình ảnh tái hiện cuộc thảm sát tại

ngôi trường Beslan ở Nga dần hiện lên trong suy nghĩ Harvath. Trường học là mục tiêu tấn công khủng bố hoàn hảo và nếu nó xảy ra ở đây, tại Mỹ, thì mức độ ảnh hưởng của nó là không thể tưởng tượng nổi. Harvath vẫn thường tự hỏi tại sao chưa có lực lượng khủng bố nào nhắm vào mục tiêu trường học ở Mỹ. Trong trường hợp đó, tầm phủ sóng của báo chí cũng như cơn đau tim cho cả dân Mỹ cũng sẽ không còn chỗ để thể hiện tình hình.

Harvath vừa định nói suy nghĩ của mình với Bob thì một góc màn hình TV chia ra làm hai ô tường thuật về hai tin nóng khác - vụ cháy tại Trung tâm ứng phó các trường hợp khẩn cấp tại tòa thị chính thành phố New York David Brown và tin thứ hai về một đối tượng bắn tỉa nhắm vào máy bay tại sân bay LaGuardia, khu Queens.

Nghe xong phần tin, Herrington lắc đầu. “Nếu không biết rõ hơn tôi nghĩ chắc là có người đang chơi trò hót váng sữa. Rõ ràng là tác giả vụ bắt con tin tại ngôi trường ở khu Bronx lôi được một cơ sở kha khá đội tác chiến của sở cảnh sát New York đến đó đấy chứ”.

“Giống như ở Beslan vậy”. Harvath nói.

“Anh thấy đấy”, Bob tiếp, “Càng lúc càng có nhiều đội đang trên đường đến hỗ trợ. Rồi lại đến vụ sân bay. Họ có mọi chi tiết cụ thể đến từng mái che, thang máy bay, từng ngọn cỏ một trong bán kính hai dặm mà một tên bắn tỉa có thể lợi dụng. Rõ ràng là kẻ nào lọt được vào vòng hai dặm đó và gây ra vụ này chắc chắn là một tay chuyên nghiệp”.

“Hoặc hôm nay chỉ là một ngày tồi tệ ở New York”.

“Không biết được”.

“Coi nào Bob. Có ai muốn khuấy động tất cả các đội tác chiến như vậy chứ?”

Herrington trả lời Harvath đúng lúc màn hình TV quay trở lại vụ cháy tại Trung tâm ứng phó các trường hợp khẩn cấp tại tòa thị chính thành phố New York dưới cầu Brooklyn, “Có lẽ ai đó cũng có cùng mục đích và muốn cơ sở chỉ huy dự phòng của thành phố”.

“Anh có thực sự nghĩ rằng đây chỉ là một phần của một cuộc tấn công quy mô lớn không?”

“Ai mà biết được? Nhưng nếu anh không phản đối thì tôi chẳng muốn ngồi trong quán bar tại Quảng trường Thời đại này nếu cuộc tấn công đó xảy ra”.

CHƯƠNG 10

Dù có máy điều hòa không khí và đã xịt khử mồ hôi, chiếc áo Polo tím mà Nassir Hamal mặc theo yêu cầu của chỉ huy vẫn dính chặt vào cơ thể đầm mồ hôi của mình. Tất cả những kẻ tử vì đạo đều được cho sử dụng thuốc, chính xác là Valium, để giữ được bình tĩnh tại thời điểm quyết định. Giáo sỹ của nhà thờ Hồi giáo tại New Jersey đã trấn an họ rằng uống các loại tân dược này sẽ không ảnh hưởng gì đến việc lên thiên đàng của họ. Có nhiều người đã nhận và uống thử thuốc trước nhưng Nassir từ chối. Hắn tin rằng khi thời điểm của mình đến, hắn sẽ đối mặt với đoạn kết của đời mình với một trái tim mạnh mẽ đầy tình yêu dành cho đạo Hồi. Nhưng lúc này khi đang hòa vào dòng xe dài bất tận trên phố 54 chỉ với những suy nghĩ, trấn trở của mình và một máy phát radio FM hồng, Nassir không còn được tự tin như thế.

Nhìn sang chiếc điện thoại di động để ở ghế phụ, Nassir định gọi cho chỉ huy của mình nhưng rồi lại thôi.

Cả hai đã thức thâu đêm để cầu nguyện, đọc đi đọc lại các lời răn của kinh Koran và nói về thiên đàng trong khi những người khác ngủ. Chỉ huy như một người anh trai của Nassir và tin tưởng kể cho hắn rằng nhà tiên tri Mohammed, với ánh hào quang bình yên của Ngài, đã gặp mình trong giấc mơ và dặn phải giao cho Nassir nhiệm

vụ quan trọng và khó khăn nhất. Đó là một vinh dự mà Nassir đã nhận với lòng trung thành tột bậc và tinh thần trách nhiệm của mình.

Dù không được phép nói lời chào, trong trường hợp này là vĩnh biệt, mẹ và em gái, cả hai đã nhập cư vào Mỹ cùng Nassir mười năm trước, hẳn hy vọng cả hai sẽ hiểu. Hẳn cũng hy vọng cả hai sẽ trân trọng khoản trợ cấp mà chỉ huy của mình đã hứa sẽ trao lại cho gia đình những kẻ tử vì đạo. Cộng đồng Hồi giáo tự lo cho người của mình - điều mà Nassir cho rằng văn hóa phương Tây thiếu một cách nghiêm trọng.

Không nghĩ đến việc gia đình mình cảm thấy thế nào, trong thâm tâm Nassir biết mình đang làm một việc đúng. Tại nhà thờ phía bắc Chicago, khi được hỏi liệu có muốn gặp và tham vấn một lãnh tụ Hồi giáo thông thái đang ở thăm thành phố hay không, Nassir đã nhận lời ngay. Vỡ mộng khi công việc kinh doanh thất bại, hôn nhân đổ vỡ và những gì còn lại chỉ là sự hiện hữu bị đè nén, chà đạp tại nước Mỹ của mình, Nassir đã tìm chân lý mới cho mình khắp mọi nơi, cho đến khi hẳn tìm được điều có thể lấp đầy sự trống rỗng bên trong mình - đạo Hồi.

Nassir cũng đã kịp vứt bỏ bộ sưu tập đĩa của mình, bỏ thuốc lá và trừng phạt em gái hàng ngày vì những thứ nhảm nhí xấu xa, các loại bạn không đáng có và những thứ quần áo Mỹ hở hang, vô đạo đức. Cho đến một ngày, em gái Nassir đã lấy hết dũng khí bảo hẳn là nếu không thích nước Mỹ và tất cả những thứ thuộc về nơi này thì có lẽ hẳn nên trở về tổ quốc. Nassir đã nghĩ rất kỹ về việc này và thậm chí đã để dành tiền mua vé máy bay và thu xếp nơi ở với một gia đình hẳn quen khi quay về nhưng trước khi điều ấy xảy ra thì lãnh tụ Hồi giáo đã xuất hiện. Khi đã gặp nhau một thời gian, lãnh tụ Hồi giáo đó đã cho Nassir một ý tưởng - ý tưởng yêu cầu hẳn vinh

danh Thánh Allah lên trên dục vọng và những khao khát cá nhân của mình.

Thấy dòng xe bắt đầu nhích trở lại, Nassir rẽ nhanh chiếc xe tải nhỏ Fedex giả hiệu của mình vào Đại lộ số 3 và lái về hướng Bắc. Đi qua vài khu nhà, Nassir đã thấy mục tiêu của mình. Chẳng suy nghĩ lâu, Nassir bắt đầu nhẩm những lời răn đặc biệt của kinh Koran mà hần và những kẻ cùng tử vì đạo được nhắc để cầu xin sức mạnh và lòng can đảm cho những giây phút sắp tới - những khoảnh khắc mà chưa ai trong số họ từng trải qua.

CHƯƠNG 11

4:30 chiều. Dòng người hối hả cho kỳ nghỉ cuối tuần. Bước ra khỏi Quảng trường Thời đại cùng Herrington, Harvath tự hỏi cả hai đang làm gì. Đa nghi một cách hợp lý là điều kiện tiên quyết trong công việc của họ nhưng liệu nó có quá mức chút nào không? Phần lý trí trong suy nghĩ của Harvath cho rằng việc rời một quán bar lớn có một cô phục vụ bàn nhan sắc trên trung bình là hơi quá mức, nhưng phần còn lại thì có lẽ Bob có lý hơn.

“Mình đi đâu đây?” Harvath hỏi.

Bob chỉ về phía Nam Broadway “Nếu có khủng bố, Quảng trường Thời đại rất có khả năng là mục tiêu đầu tiên. Tôi biết một nhà hàng rất khá, không xa Hội Cựu chiến binh lắm. Mình đến đó đi”.

“Hội Cựu chiến binh? Anh đã ở đó quá đủ rồi. Chưa chán đến đó cơ à?”

“Anh sẽ ngạc nhiên đấy, không phải Hội Cựu chiến binh thời ông nội của mình đâu Scot. Ở đó khá hơn nhiều rồi”.

“Vậy giờ họ khử trùng dụng cụ và các thứ khác hả?”

“Hơn thế chứ, nếu họ phải cưa chân anh, họ sẽ cho anh hăm hai viên đạn để khỏi phải cắn vào lưỡi ấy chứ”.

Bob vẫn không hề mất khiêu hài hước của mình chút nào. “VẬY còn xe của tôi thì sao?” Harvath hỏi.

Thấy một chiếc taxi vừa trả khách gần đấy, Bob vẫy tài xế, “Cứ để ở đây, bao giờ xong mình quay lại rồi anh lấy xe sau”.

Xe chạy. Harvath nhìn dòng người nhộn nhịp hai bên hè phố, dòng suy nghĩ của anh quay lại các bản tin trên TV ở quán Pig & Whistle. Nếu chỉ coi là những vụ việc không liên quan xảy ra ngay ngoại vi Manhattan, chúng thực sự nghiêm trọng nhưng chưa đến mức kinh hoàng. Còn nếu xâu chuỗi, chúng quá ngẫu nhiên, ngẫu nhiên đến mức cả Scot Harvath và Bob Herrington đều không thể tin được. Thậm chí những người cùng ngành với Harvath và Herrington chắc cũng có cùng suy nghĩ. Họ được huấn luyện để nối, xâu chuỗi các mảnh nhỏ để có được toàn cảnh sự việc.

Việc của Harvath lúc này là nghỉ ngơi, thư giãn nhưng anh vẫn không thể không nghĩ về những gì Bob nói. “Cứ cho là anh đúng về những gì xảy ra bên kia sông đi, vậy tại sao anh nghĩ là có ai đó muốn tìm chân tất cả các đội đặc nhiệm?”

“Tôi có thể nghĩ đến triệu câu trả lời cho câu hỏi của anh”, Bob đáp, mắt liếc qua một chiếc xe tải vẽ graffiti nhằng nhịt đậu bên ngoài một ngân hàng gần đó, “nhưng chẳng có câu trả lời nào mang lại kết quả cả đâu”.

“Tách ra cho đơn giản nhé, lý do cầm chân các đội đặc nhiệm khả dĩ nhất là ngăn họ không thể can thiệp đối tượng tiếp cận mục tiêu hoặc đường rút của mình, đúng không?”

Xe chạy lướt qua, ánh mắt của Bob chuyển sang một nhóm tài xế taxi đỗ xe hàng đôi gần một quầy thức ăn nhanh truyền thống của người đạo Hồi đang sôi nổi về một chủ đề gì đó. “Ừ, thì sao?”

“Vậy nếu anh là gã đánh bom cảm tử chuẩn bị lao máy bay vào một tòa nhà cao tầng, chẳng có lý do gì phải lo về đội đặc nhiệm vì lúc mà họ biết anh định làm gì, vì theo lý thuyết mà nói thì lúc ấy đã quá muộn”.

“Cũng còn tùy anh định làm gì chứ. Nếu không phải là đánh bom cảm tử, hoặc cũng không phải lao máy bay vào nhà cao tầng mà là thứ gì đó khác thì sao?”

Harvath quay lại nhìn kính hậu xe taxi, “Ví dụ như?”

“Tôi chẳng biết”, Herrington đáp. “Những thứ mới xem trên TV làm tôi có cái cảm giác muốn thốt lên *ái chà*”.

“Thói quen cũ khó bỏ đây”.

Bob cười.

“Khá hơn rồi đây”, Harvath quyết định đổi chủ đề. Cả hai đã tranh luận khá nhiều. “Tôi có được uống Louis XIII anh nợ tôi ở nhà hàng mình sắp đến không?”

“Chắc là không, về phần uống thì chắc là phải tìm cho anh một quán bar xịn dành riêng cho dân *đồng tính*. Có khi ở đấy anh sẽ tìm được mấy anh chàng Hải Quân đáng yêu không chừng”.

Harvath giơ ngón tay giữa lên dứ dứ và Bob lại cười.

Giao thông dưới phố 34 dần trở nên khá hơn và Herrington chỉ đường đi cho tài xế taxi.

Khoảng 15 phút sau khi xe đang qua phố 28, radio trong xe thê lên những âm thanh hoảng loạn bằng thứ tiếng mà cả Harvath và Herrington đều không hiểu.

Khi Scot hỏi chuyện gì đang xảy ra, tài xế taxi lắp bắp, “Cầu... cầu... Queensboro”.

“Cầu Queensboro làm sao?”

“Cầu vừa mới bị nổ rồi”.

CHƯƠNG 12

ĐƯỜNG CAO TỐC
LONG ISLAND

Tim và Marcy không ngại đưa hai cô con gái vào trung tâm thành phố, thật ra, cả hai cùng thích làm như thế bởi con gái họ có thể đi uống chút gì đó mà không lo về chuyện chúng sẽ lái xe về nhà như thế nào.

Trên đường đi, cả nhà chúng kiến dòng xe cộ nối đuôi nhau vào giờ tan tầm từ khu Manhattan đổ ra, hướng về Fire Island*, Hamptons và Montauk Point. Tim liếc sang Marcy hiểu ngay ý anh. “Lạy Chúa, may mà chúng ta không kẹt trong dòng xe đó”, Marcy nói.

Hai cô con gái được bố mẹ thả tự do làm những gì mình muốn. Cả hai định sẽ đến mua sắm ở Soho trước rồi đi ăn tối với bạn tại một nhà hàng sang trọng tại Chelsea. Chương trình sau khi ăn tối xong là đến hộp đêm nổi tiếng tại Midtown* nhưng cả hai không muốn đến đó quá sớm nên đã quyết định là nếu lái xe qua mà chưa thấy có ai xếp hàng thì sẽ giết thời gian tại phố 56, khu Town mà cả hai cùng thích, uống vài ly vang là vừa vặn đến giờ vào hộp đêm.

Mặc dù Marcy dễ tính để con nghe gì trên xe cũng được nhưng cô đã hài hước xin chúng cho phép mình chuyển radio trên xe sang kênh WCBS năm phút để nghe bản tin giao thông. Không phải là

người hay lo xa, nhưng với tình hình giao thông tại khu Bronx, Brooklyn và Queens thì Marcy vẫn muốn đảm bảo rằng đường đi thuận lợi và không bị kẹt xe phía trước.

Theo bản tin giao thông đài WCBS, giao thông đến cầu Williamsburg và qua sông vào khu hạ Manhattan đều bình thường. Marcy chuyển radio trở lại kênh Power 105 và tập trung vào tay lái.

Hai cô gái cười nói, tán gẫu và than thở về mùa hè cuối cùng của sự tự do thực sự trước khi tốt nghiệp trường Yale - tự nhiên như thể không có sự hiện diện của hai bậc phụ huynh phía trước vậy. Điều đó cũng chẳng sao với Tim và Marcy, họ đã quá quen với việc sự hiện diện của mình bị tảng lờ.

Khi xe đến cầu Williamsburg, dòng xe bắt đầu chậm lại. Marcy kiên nhẫn bám đuôi xe trước nhích từng chút một nhưng càng lúc càng cảm thấy khó chịu. Lúc có đủ khoảng trống để chuyển làn, Marcy bật xi-nhan và đánh lái sang trái. Dấn lên thêm được khoảng sáu thân xe, Marcy nhận ra nguyên nhân làm cả dòng xe bị chậm lại. Một chiếc xe thùng xấu xí màu nâu giấy với biển hiệu *Công ty tạo hình mỹ thuật Birchman* đang bò với tốc độ ít nhất là mười lăm dặm mỗi giờ dưới tốc độ hạn chế thấp nhất, trong khi các xe khác đều cố gắng đi từ hai mươi dặm mỗi giờ trở lên.

Marcy nhìn Tim, anh nói, “Đừng nói đến việc ấy”.

“Anh xem đây”, Marcy đáp và nhấn ga cho xe chạy song song với xe tải. Trong cabin xe tải là hai người đàn ông da nâu sẫm. *Trông họ giống người Mexico*.

“Em đã bảo mà”, Marcy lên tiếng.

“Cho qua đi Marcy. Xã hội lúc nào chả có người này người kia”.

“Thì em cũng biết như thế. Về chuyện lái xe thì người Đức nhanh nhất, người Ý lái điên nhất còn người Mexico thì ở dạng lái chậm nhất”.

“Anh phản đối nhận định của em”, Tim lên tiếng, “Anh là người Ý đấy”.

“Chính vì thế em mới phải lái xe, để em khỏi phải lo”.

Tim cười. Marcy chẳng bao giờ thay đổi. “Em nhìn xem, cái xe tải này có lẽ là cái xe sơn màu xấu nhất mà anh đã từng thấy đấy”.

“Anh nghĩ là nhân viên tạo hình mỹ thuật phải sáng tạo hơn, phải không nào?”

“Vẽ hoa lá cành một chút, hay vẽ thêm cái gì đó cũng được cơ mà”.

Bây giờ lại đến lượt Marcy cười. Đôi khi cô có cảm giác Tim đã bỏ lỡ cơ hội của đời mình. Tim rất có khiếu về mỹ thuật và Marcy cũng nhận ra rằng những nhân vật nổi tiếng về mỹ thuật nói chung đều liên quan đến nước Ý. Caravaggio, Da Vinci, Michelangelo... đều là người Ý.

“À, mà em xem này”, Tim tiếp, “Làm việc cho Brichman ngoài việc lái một chiếc xe xấu xí và mặc đồng phục thì họ đều đeo một loại đồng hồ như nhau”.

Marcy liếc mắt qua cửa kính và thấy hai người lái xe tải đang nhìn đồng hồ. “Chắc là họ sắp muộn cuộc hẹn kế rồi. Bảo sao lái xe vội vàng đến thế”.

Tim cố nén cười. Mặc dù Marcy thường hơi nghiêm nghị so với Tim nhưng thỉnh thoảng cũng khá hài hước. Trước đây thì tính nghiêm nghị của Marcy cũng có lúc làm Tim cảm thấy bần khoản,

nhưng sau khi sống với nhau đủ lâu khiến Tim chấp nhận điều đó như một thuộc tính bất di bất dịch của cô.

Marcy nhấn ga vượt chiếc xe tải thùng và hỏi, “Anh thấy sao?”

Tim nhòm người ra phía trước cố tìm điều mà vợ mình nhìn thấy qua cửa sổ xe. “Gì cơ?”

“Có một cái xe khác y như thế này làm tắc bên đường ngược chiều kia kìa”.

“Ở đâu cơ?”

“Mình vừa mới vượt qua nó thôi”.

“Ài chà, mình chỉ muốn vượt qua cho xong. Sao chỗ nào cũng thấy xe của cái công ty này nhỉ”.

“Vào lúc này nữa chứ, làm tắc đường vào giờ này thì khác gì giết người ta”.

Vài giây sau, một tiếng nổ kinh khủng rung lên. Hai cô con gái gào thét trong tiếng kính cửa sổ bị sức ép thổi vụn và Marcy mất lái không điều khiển được chiếc SUV nữa. Tiếng sắt thép bị xoắn vặn mài vào nhau tạo nên một âm thanh kinh hoàng chói tai. Mọi thứ tối đen như mực.

CHƯƠNG 13

| HỒ GENEVA, WISCONSIN

Jack Rutledge luôn cho rằng tổng thống và phi công không bao giờ được uống rượu, nhất là vào buổi chiều. Việc này không dễ chịu chút nào và vì thế, dù Rutledge đang thưởng thức một ly vốt-ka với nước tăng lực lúc này, trong kỳ nghỉ của mình nhưng ông vẫn có một ly trà chanh Arnold Palmers bên cạnh.

Nhắm nháp ly nước, tổng thống nhận ra rằng không có nhiều nơi trên đất Mỹ mà ông lại thích như hồ Geneva và chẳng thể tìm ra câu trả lời tại sao mình không phát hiện ra điều này sớm hơn. Bạn học cũ của ông, Rodger Cummings, một nhà đầu tư bất động sản thành đạt đến từ Chicago đã mua một ngôi nhà ở đây ba năm trước và tổng thống đã có dịp đến thăm nơi này sáu lần. Hồ Geneva đã trở thành nơi để ông lui về nghỉ trong chiến dịch bầu cử căng thẳng đến mức khốc liệt của mình - một vài ngày chỉ đơn thuần là nghỉ ngơi, gạt công việc sang một bên; và dần dà nó đã thành một nơi mà ông ưa thích, thậm chí còn hơn cả Trại David.

Nơi đây còn được người ta ví von như Hamptons của miền Tây nước Mỹ và dù nhiều người cho rằng hồ Geneva đẹp nhất trong tiết hè thì tổng thống lại thấy lúc nào đến đây cũng đều phù hợp.

Sự ưu ái của tổng thống dành cho hồ Geneva hơi hài hước một chút bởi bên kia hồ, từ nơi mà ông đang đứng, là ngôi nhà của cố tư

bản công nghiệp, Donald Fawcett, người đã bí mật dàn xếp vụ bắt cóc chính mình nhiều năm trước. Đó cũng chính là nơi hai thượng nghị sỹ Mỹ, đồng mưu với Fawcett, đã lãnh một kết thúc đáng buồn.

Vừa ngắm thuyền buồm và xuồng nhỏ các loại qua lại trên hồ, tổng thống cảm thấy hài lòng khi mình đã nhận lời mời của anh bạn cùng phòng thời sinh viên. Nơi đây luôn mang lại cho ông một cảm giác yên bình. Hồ Geneva mang lại một tác động sâu sắc cho Rutledge, giúp ông tạm dừng những trần trở của người đứng đầu một đất nước tự do để cảm nhận được chính mình, một người có tên Jack Rutledge.

Tổng thống mang theo khá nhiều tiểu thuyết mà ông muốn đọc từ lâu nhưng tiếc rằng, bất kể đang ở đâu, phải sau buổi họp tổng thống hàng ngày, ông mới có thể thưởng thức được. Lúc này, ông đang phải “hát” tại bữa tối mà bạn mình tổ chức, một bữa tối họp mặt nhỏ với khoảng năm mươi người mà phần lớn trong số họ là những người đóng góp chủ chốt trong chiến dịch tranh cử của ông, nhờ vào kỹ năng gây quỹ của Cummings. Sau phần phục vụ cốc-tai sẽ là các món ăn nhẹ và tổng thống đã xong phần việc của mình, hướng tới ba ngày thư giãn thực sự.

Điều có thể làm cuối tuần của Rutledge trở nên hoàn hảo là Amanda, con gái ông, có thể đi nghỉ cùng bố nhưng lúc này đang là dịp hè và cô gái đang tuổi lớn có những người bạn khác của mình.

Biết là tổng thống sẽ thấy mệt, Rodger đã tinh ý đẩy tiệc bắt đầu sớm hơn. Cầu nổi màu trắng trước nhà, đã từng thuộc về một nhà tài phiệt đường sắt Illinois, nhô ra mặt nước ấm và lặng của hồ Geneva, cầu nổi được bà Cummings trang trí rất phong cách với hoa tươi, những cây cọ nhỏ và lồng đèn đan bằng sợi liễu gai. Thực khách đứng chuyện trò với nhau phía cuối cầu, nơi dọn sẵn ghế của

hãng nội thất Adirondack xanh da trời nổi liền với phần mở của đuôi thuyền chạy bằng hơi nước *Jolly Rodger* cao xấp xỉ 20 mét.

Tổng thống ngỏ lời mời Meg Cassidy, công dân của Chicago, cũng là người sống tại khu vực hồ Geneva, ghé thăm mỗi khi ông về nghỉ tại đây. Meg, chỉ với vai trò một công dân bình thường, đã cống hiến cực kỳ tận tụy giúp cho chính phủ lần ra dấu vết một trong những đối tượng khủng bố nguy hiểm nhất thế giới. Không có vai trò của Cassidy, nước Mỹ có lẽ không bao giờ chặn được đối tượng khủng bố mà mình chưa bao giờ nhận diện được.

Meg đi cùng với hôn phu của mình. Mặc dù đó là một người có tư chất, nhưng anh ta vẫn không có được cốt cách như Scot Harvath. Tổng thống luôn tiếc là Meg và Scot cuối cùng không đến được với nhau bởi cả hai là một cặp trời cho, ngoại trừ yêu cầu sự nghiệp của mỗi người không cho phép họ gắn cuộc đời của mình với người kia, mà điều đó thì tổng thống đã tiên liệu là sẽ xảy ra.

Tổng thống, Meg Cassidy và hôn phu của cô đang chuyện trò vui vẻ thì trưởng mật vụ an ninh của tổng thống, Carolyn Leonard, nhẹ nhàng tiến đến. Carolyn xin lỗi về sự đường đột của mình và khẽ nói gì đó vào tai tổng thống, ông lập tức khựng lại.

“Thứ lỗi cho tôi nhé”, tổng thống bắt tay Meg và chồng chưa cưới của cô, “Tôi có chút việc đột xuất và phải đi ngay”.

“Mong là không quá nghiêm trọng, thưa tổng thống”. Meg đáp lại và tổng thống đã nhanh chóng được nhóm mật vụ hộ tống tới chiếc *Jolly Rodger*.

“Có chuyện gì thế Carolyn?” Rutledge hỏi khi ông thấy đội đặc nhiệm Hải quân lãnh trách nhiệm đảm bảo an ninh cho ông khi hiện diện gần hồ trong bộ đồ chuyên dụng ướt đẫm với vũ khí sẵn sàng.

“New York có chuyện rồi”, Leonard đáp.

“*Có chuyện* nghĩa là sao?”

“Thông tin hiện tại mà tôi có rất hạn chế, thưa tổng thống. Có lẽ tốt hơn là để các chuyên viên báo cáo với ngài trong chuyến bay”.

Rutledge không muốn chờ đến lúc đó, ông muốn có câu trả lời ngay, vì Amanda, con gái ông đang nghỉ tại Long Island* với bạn. Nhưng khi tổng thống định hỏi trưởng mật vụ an ninh về Amanda thì cánh quạt chiếc trực thăng chuyên dụng của ông đã kịp gài lên xé gió khiến không ai có thể nghe được gì.

CHƯƠNG 14

| THÀNH PHỐ NEW YORK

Thấy dòng xe không nhích được chút nào, Harvath bèn đặt tờ hai mươi đôla cạnh tài xế taxi rồi nhảy ra ngoài với Bob.

Theo Bob thì họ chỉ cách Hội Cựu chiến binh sáu khu phố và quyết định sẽ đi bộ đến đó. Trên đường đi, quán xá kín đặc người dán mắt vào màn hình TV xem những hình ảnh mới nhất về vụ nổ kinh hoàng tại cầu Queensboro.

Khi đến nơi, cả hai len qua lối vào lộn xộn của quán. Mọi người, kể cả cảnh sát Hội Cựu chiến binh, đều cố lách đến gần những màn hình TV trong quán. Bob dẫn Harvath lách qua đám đông, lên gác rồi vào văn phòng của bác sỹ Sam Hardy. Hardy trạc gần năm mươi, dáng cao và gọn với cái đầu hói và một ánh mắt mà khi nhìn vào, người đối diện ông biết ngay rằng Sam đã từng bôn ba khắp nơi, mà không chỉ một lần trong đời.

Hardy đang dán mắt vào màn hình chiếc TV trên bàn làm việc của mình và nói với Bob khi Bob và Harvath bước vào, “Có vẻ như đây là một loạt các vụ tấn công”.

“Một *loạt*?” Harvath hỏi khi Bob giới thiệu anh với Hardy. “Chúng tôi mới biết về vụ cầu Queensboro thôi. Có những vụ tấn công khác nữa à?”

Hardy gật đầu. “Tin mới được đưa gần đây thôi nhưng có vẻ như tất cả cầu và hầm đường bộ ra vào Manhattan đều bị tấn công”.

Harvath thừ người, miệng há ra vì ngạc nhiên mất một lúc, mắt vẫn dán vào màn hình TV của Hardy. Cuối cùng anh lên tiếng “Có lẽ bây giờ tôi đã hiểu tại sao có người muốn tìm chân tất cả các đội đặc nhiệm”.

“Và cũng là lý do có người muốn vô hiệu hóa Trung tâm ứng phó các trường hợp khẩn cấp”, Bob nói thêm vào rồi quay sang Hardy, “Anh có thêm nguồn tin nào khác không?”

“Không”, Hardy đáp, “Nhưng có lẽ sẽ có thêm sớm thôi”.

“Anh đang nói về ai thế?” Harvath hỏi.

Herrington không trả lời câu hỏi của Harvath mà quay sang Hardy, “Cho tôi mượn chìa khóa của anh được không?”

“Để làm gì?”

“Tôi muốn cho Scot lên trên tầng thượng và xem xung quanh một chút”.

“Tôi sẽ lên cùng các anh”, Sam nói. “Tôi cũng muốn xem thế nào. Đội tôi viết mấy chữ để trên bàn trong trường hợp có ai đến mà không gặp chúng ta ở đây”.

Từ tầng thượng, cả ba có thể nhìn thấy những đám khói khổng lồ từ phía cầu Queensboro và một số điểm khác trong thành phố. Dưới phố, mọi người nhốn nháo, sợ hãi và nhiều người còn cố chạy xuống phố 23 và sông Đông để có thể quan sát những gì đang xảy ra tại Queensboro và cầu Williamsburg.

Cả ba sững sờ, không nói được gì. Khoảnh khắc mà họ đang trải qua kéo dài dường như vĩnh viễn bởi ấn tượng hoang tàn và kinh

khủng trước những gì họ đang chứng kiến.

“Cầu và hầm đường bộ”, cuối cùng Harvath cũng cất được tiếng, “Bị tấn công vào ngày đầu tiên của kỳ nghỉ lễ lớn nhất trong năm. Sẽ có bao nhiêu người thiệt mạng? Hàng ngàn? Hay hàng chục ngàn?”

“Phải đến chừng ấy”, bác sỹ Hardy lắc đầu, “Chỉ ít cũng phải đến chừng ấy”.

Không ai trong số họ cần phải liên tưởng mà tự khắc đều nhớ đến cái buổi sáng ảm áp tháng Chín năm 2001 ấy, ngày mà một nhóm không tặc khủng bố dùng máy bay đâm thẳng vào làm sập tòa Tháp Đôi. Cả ba cùng cảm thấy sự sợ hãi, bối rối, và sự giận giữ cay đắng vì một lần nữa kẻ thù của nước Mỹ lại gieo rắc chết chóc và tàn phá lên đất nước và nhân dân họ.

“Al-Qaeda”, Bob thốt lên, hơi thở nghẹn lại.

Harvath biết là Bob có lý. Những cuộc tấn công này đều có hơi hướng và kịch bản kiểu Al-Qaeda. Dương đông kích tây rồi đánh chọc sườn bằng một loạt các vụ tấn công đúng kiểu giáo trình khủng bố Al-Qaeda. Đột nhiên bản khoán của Harvath về việc bỏ nghề đặc vụ, chuyển sang làm tư không còn đề nặng lên suy nghĩ của anh nữa. Điều mà anh muốn, ngay tại thời điểm này là một phát đạn công lý cho công bằng và Harvath biết Bob Herrington cũng cảm thấy y như mình.

Trong lúc cả ba vẫn đang đứng nhìn các cuộn khói trong ráng chiều thì cánh cửa dẫn lên tầng thượng bật mở. Ba người xuất hiện sau cánh cửa. Bề ngoài của họ đúng như Bob đã mô tả trong email và Harvath nhận ra họ ngay.

“Các anh ổn cả chứ?” Hardy lên tiếng khi những người mới đến tiến lại gần.

“Chúng tấn công mọi nơi!” Paul Morgan thốt lên. Đó là một thanh niên trạc hai tư tuổi với chiều cao cỡ 1,8 mét mặc quần kaki và áo sơmi trắng thơm kiểu sinh viên, tương phản với giọng đặc Bronx. Morgan phát âm chữ “mọi nơi” thành “moọi.... nơi”. “Tất cả cầu và hầm đường bộ, bác sỹ ạ. Chúng phá sập mọi thứ rồi”.

“Paul, chúng ta vẫn chưa biết chúng đã tấn công chính xác bao nhiêu chỗ cơ mà. Bình tĩnh một chút”. Harday đáp.

“Morgan đúng đấy, bác sỹ Tracy Hastings lên tiếng. Đó là một cô gái trạc hai mươi sáu tuổi với mái tóc vàng thắt thành hai bím phía sau. Harvath luôn thích phụ nữ có vẻ ngoài như Tracy. Nhiều người cho rằng chỉ trẻ con mới thắt bím tóc, nhưng đối với Harvath, một cô gái với mái tóc thắt thành bím như thế thật hấp dẫn. Đúng như lời Bob nói, Tracy có một vẻ ngoài không chê vào đâu được. Cô tập thể thao bất cứ lúc nào có thể và kết quả là cơ thể Tracy trở thành một tác phẩm điêu khắc nghệ thuật. Thường thì Harvath không bị lôi cuốn bởi phụ nữ với nước da nâu như mình, hoặc thậm chí hơn mình nhưng Tracy có một kiểu hấp dẫn khiến anh không thể rời ánh mắt của mình ra được. Tracy hẳn cảm thấy ánh mắt của Harvath, cô quay mặt đi và tiếp, “Các kênh TV đều đưa tin nóng. Chúng tấn công mọi cây cầu và hầm đường bộ - có những chỗ bị đến hơn một lần”.

“Như thế là thừa”, Rick Cates, người thứ ba, cũng là người còn lại trong nhóm những người mới đến lên tiếng. Rick cao gần một mét chín, mắt đen, đầu cạo trọc và mặc một chiếc áo phông in dòng chữ *Súng đạn không giết người, tôi mới là kẻ giết người*. “Đây chính là kiểu tấn công mà chúng ta vẫn nói tới”, Rick tiếp với cơn thịnh nộ trên khuôn mặt, cảm giác mà tất cả bọn họ đều đang có.

Hardy cố gắng làm tắt cả bình tĩnh hơn. “Chúng ta vẫn chưa biết đích xác chuyện gì đang xảy ra, thở sâu và bình tĩnh lại, được chứ?”

“Tất cả cầu nội và ngoại Manhattan đều bị đánh sập”, Hasting không chịu, “làm sao còn có thể bình tĩnh nổi cơ chứ?”

“Đúng thế”, Hardy đáp. “Mọi người cần phải dừng lại và bình tĩnh trong một phút”.

Harvath không biết mối quan hệ của bác sỹ với những người mới đến như thế nào, nhưng có vẻ tất cả bọn họ đều nghe theo lời ông, kể cả Herrington. Sau khoảnh khắc yên lặng mà bác sỹ yêu cầu, ông lần lượt giới thiệu họ với nhau, hạ sỹ Paul Morgan, lực lượng Lính thủy đánh bộ Hoa kỳ, đại úy Tracy Hastings, Hải quân Hoa kỳ và trung sỹ Rick Cates, thuộc Lực lượng bộ binh.

Ngay lúc Harvath vừa bắt tay với bộ ba xong, một chiếc trực thăng xanh-trắng 412 EP đặc trưng của cảnh sát New York lượn qua tầng thượng nơi họ đứng. Chiếc trực thăng bay gần đến mức tất cả đều có thể nhìn thấy một tay súng bắn tỉa của cảnh sát trên máy bay với khẩu 50 ly đời mới của cảnh sát, khẩu súng có khả năng hạ mục tiêu cách xa đến hơn một dặm.

“Hoan hô!”, Morgan hét vang trong khi vung nắm đấm vào không khí. “Hạ bọn khốn ấy đi!”

Như những khán giả trong một trận tennis căng thẳng, tất cả cùng quay đầu hướng mắt theo chiếc trực thăng vọt lên mạn sông Đông hướng về phía cầu Queensboro âm ỉ cháy. Liệu khi máy bay đến nơi thì có còn ai ở đó không, không ai có thể trả lời được nhưng là những người lính, họ trân trọng khi thấy đồng đội của mình tiến lên phía trước, đương đầu và ngăn chặn cái ác.

Chiếc trực thăng đang qua giữa khu sông Đông, thu hẹp khoảng cách với cây cầu thì một vệt khói bất ngờ vạch ngang bầu trời. Cates là người đầu tiên hiểu được điều gì đang xảy ra và anh hét vang như thể phi công lái chiếc trực thăng có thể nghe thấy mình, “Tên lửa vác vai RPG đấy!”

CHƯƠNG 15

Abdul Ali không cần phải nghe tiếng nổ cũng biết là chuyện gì đã xảy ra. Hắn gần như có giác quan thứ sáu trong những việc kiểu này, đặc biệt là khi sát cánh cùng các chiến binh được đào tạo kỹ lưỡng của mình. Người Séc là một ngoại lệ và luôn là sự lựa chọn nhiều hứng thú. Với tóc cắt ngắn và râu cạo sạch sẽ, khuôn mặt họ không bị để ý đến nhiều như người Arab. Mặc dù họ là thành phần tốn kém nhất trong chiến dịch này, rõ ràng là khóa tập huấn của lực lượng đặc nhiệm rất đáng đồng tiền. Cho đến lúc này thì gã Lùn vẫn chứng minh được việc biết mình đang làm gì.

Trong khi Ali còn đang băn khoăn chỉ dùng hai đối tượng nguy trang để kích nổ cầu và hầm thì kế hoạch dùng xe tải và xe thùng giả của Fedex và công ty tạo hình mỹ thuật lại thành công. Thậm chí nếu một chiếc trong số chúng bị cảnh sát chặn và kiểm tra thì các bao phân bón rõ ràng rất hợp lý trên xe của công ty tạo hình mỹ thuật và không có nhân viên cảnh vụ hay cảnh sát nào kiên quyết đến mức mở bưu kiện của Fedex để kiểm tra - trừ khi nghi vấn lái xe; nhưng trong trường hợp đó thì Ali đã chọn những người tốt nhất của mình cho chiến dịch tử vì đạo này. Tất cả bọn họ đã dành đêm cuối cùng của cuộc đời mình cạo sạch râu tóc, đọc kinh Koran và tẩy uế theo nghi lễ để chuẩn bị lên thiên đàng. Thậm chí nhóm mà

Ali e rằng dễ mất tinh thần nhất cũng đã hoàn tất nhiệm vụ một cách hoàn hảo. Những chiến binh tử vì đạo đã phục vụ hân và Thánh Allah thật tuyệt vời.

Theo những gì nghe được trên sóng radio, các đòn đánh vào hệ thống cầu và hầm, tính luôn cả những hầm cho các tuyến tàu điện ngầm và tàu nổi tuyến thành công hơn cả mức Ali mong đợi. Các tay súng bắn tỉa và những vị trí có tên lửa vác vai đã chặn được tất cả máy bay trực thăng, máy bay thường, tàu thuyền và phà trên không và quanh khu vực Manhattan. Lực lượng cảnh sát và các đơn vị phản ứng nhanh đều bị cầm chân và họ sẽ mất thời gian để lấy lại được cân bằng thể trận, và đó chính là điều mà những kẻ khủng bố muốn có. Thánh Allah đã phù hộ cho nhiệm vụ của chúng.

Hai chiếc SUV đen dán kính tối màu với bộ đèn nháy của cảnh sát được đặt mua qua Internet rồi ga lao lên vỉa hè trước khu nhà sang trọng ở phố 84. Khu nhà có tám tầng đồng đề công ty Transcon. Với tác phong quân đội, những người trên hai chiếc SUV với vũ khí hạng nặng và mặc áo giáp chống đạn nhảy xuống xe và vào các vị trí tác chiến. Từ ủng dưới chân đến mũ trùm đầu, mọi thứ đều màu đen trừ biển giả gắn trên áo giáp chống đạn có dòng chữ **Đội giải cứu con tin FBI**, gọi tắt là **HRT**.

Một nửa số đó chốt chặn cửa bên hông, nửa còn lại tiến lên phía cửa trước, vô hiệu hóa camera theo dõi rồi gắn một khối thuốc nổ lớn lên cửa chính. La to cảnh báo những người còn lại, nhóm ở cửa trước tìm chỗ nấp rồi kích hoạt khối thuốc nổ. Nhóm cửa hông cũng cho nổ phá cửa tương tự rồi với vũ khí tự động tối tân sẵn sàng trong tay, tất cả tiến vào bên trong tòa nhà.

Mặc dù nhân viên tiếp tân với mái tóc xám ngay lập tức với tay vào ngăn bàn có khẩu Beretta nhưng vẫn không kịp. Đạn găm như

mưa vào người cô ta khi nửa số đột kích tiến vào chiếm sảnh lớn và số còn lại quét hết các khu vực khác của tòa nhà ba tầng.

Chúng xả súng vào bất cứ nhân viên Transcon nào gặp trên đường đi - cả đàn ông lẫn phụ nữ, nhiều người trong số họ chạy ra khỏi phòng với súng ngắn hoặc thậm chí những khẩu súng trường cưa nòng trong tay.

Trong vòng chưa đầy bốn phút từ lúc tràn vào, vũ khí của nhóm đột kích ngừng nhả đạn. Không khí tràn ngập mùi thuốc súng. Ali lột bỏ mũ trùm đầu rồi dùng bộ đàm liên lạc với người của mình nhưng với những gì được báo cáo qua bộ đàm, Ali vẫn chưa được nghe điều mình muốn. Không có bất cứ dấu hiệu nào cho thấy sự hiện hữu của Mohammed bin Mohammed trong tòa nhà. Trong khi các thiết bị điện tử mà gã Lùn giải thích rằng sẽ duy trì tín hiệu làm người Mỹ tin rằng tòa nhà vẫn hoạt động bình thường được lắp đặt thì Ali buột miệng khế rủa thảm và liếc mắt nhìn đồng hồ. Nạp thêm đạn vào súng, Ali cố nhằm tính sẽ mất bao nhiêu thời gian để đến Midtown.

CHƯƠNG 16

TÀNG THƯỢNG
309 PHỐ 48

Như thế là thế nào? Tại sao không thể gửi máy bay trực thăng đến đó?”, Mike Jaffe hỏi gặng trong khi tay anh nắm chặt chiếc điện thoại vệ tinh khiến nó sắp vỡ đến nơi. “Vớ vẩn. Tôi nói cho anh biết, nếu như anh không tìm được cách, cứ coi như đây là dấu chấm hết cho tất cả mọi thứ đi”.

Jaffe nghe đầu dây bên kia, một giọng nói cũng không kém phần khẩn trương, một lúc rồi tiếp, “Không được. Họ có thể dùng trang phục màu đen và tiếp cận sau khi đêm xuống. Nếu không được như vậy, tôi sẽ phải thu xếp cách khác. Chúng ta đã hiểu nhau chưa?”. Đến đây, Jaffe cúp máy rồi đưa cho người phó của mình, Brad Harper, trung sỹ binh đoàn Lính thủy đánh bộ, một anh chàng vạm vỡ khoảng hai mươi lăm tuổi.

“Phương án di tản không khả thi à?” Harper hỏi và nhét chiếc điện thoại vào túi quần.

“Rõ ràng là họ cảm thấy không thuyết phục rằng vụ đột kích có liên quan đến anh bạn ở dưới nhà của chúng ta”.

“Không đùa đấy chứ? Chính họ thông báo cho ta về các hành vi nghe lén điện thoại. Al-Qaeda biết hẩn ở đây”.

“Chúng biết hắn ở New York nhưng chúng ta không biết là chúng có thông tin hắn ở trong tòa nhà này”.

“Vậy ta cần phải làm gì?”

“Lúc này phải sẵn sàng nhưng chưa được làm gì ngay. Một máy bay của sở cảnh sát New York vừa bị hạ bằng súng bắn tỉa nên không phận Manhattan coi như đông cứng và không khả thi cho đến khi ta nhận được thông báo mới”.

“Đi bằng đường thủy có được không?”

Jaffe lắc đầu. “Thuyền của sở Cảnh sát New York, nhân viên cảng vụ và lực lượng Bảo vệ Bờ biển đều bị tấn công bởi những tay súng bắn tỉa tầm xa ở cả sông Đông và sông Hudson. Họ cũng đã nhận được lệnh tạm rút cho đến khi có lệnh mới”.

“Có nghĩa là chúng ta sẽ không có lực lượng hỗ trợ”.

“Cũng không hẳn”.

“Vậy kế hoạch là gì?”

“Chúng ta sẽ làm theo cách đã từng tập dượt”, Jaffe đáp, “Vũ khí sẵn sàng và bịt kín cửa lên tầng này lại”.

“Rồi sao nữa?”

Jaffe nhìn Harper rồi nói, “Rồi chúng ta sẽ tặng cho anh bạn tù thêm một ít nhiệt tình để khai những thông tin cần thiết trước khi quá muộn”.

CHƯƠNG 17

Khi chiếc Blackberry của Harvath đổ chuông, anh vẫn chưa hết sốc. Mặc dù hầu hết điện thoại di động tại thành phố New York đều không thể gọi đi hay nhận cuộc gọi vì hệ thống quá tải, máy của Harvath vẫn hoạt động bình thường vì được kết nối với một kênh riêng của chính phủ trong trường hợp khẩn cấp. Harvath xin lỗi những người còn lại để nghe điện thoại, anh bước sang phía bên kia của tầng thượng và đưa máy lên, “Harvath nghe đây”.

“Scot, cậu đây rồi. Cảm ơn Chúa”, đầu dây bên kia, Gary Lawlor, sếp của Harvath thốt lên. “Cậu đang ở đâu đấy?”

“Manhattan, số 1 phố 23, tôi đang đứng trên tầng thượng của Trung tâm y tế Hội Cựu chiến binh”.

“Nói cho tôi biết việc gì đang xảy ra ở đó đi”.

“Thành phố đang bị tấn công, đó là những gì chúng tôi biết. Tôi vừa thấy một chiếc trực thăng sở cảnh sát New York bị tên lửa vác vai bắn hạ. Từ những gì được biết thì tất cả hệ thống cầu và hầm ra vào Manhattan đều bị phá hủy”.

“Đó cũng chính là những gì chúng tôi được biết từ Bộ An ninh Nội địa. Mọi nguồn nhân lực của địa phương, chính phủ, liên bang đều

được huy động - Lính thủy đánh bộ, không vận, tất cả vào công tác tìm kiếm - cứu hộ trên diện rộng”.

“Nếu cần tôi trình diện nhận nhiệm vụ thì chỉ cần cho địa điểm, sếp ạ”. Harvath đáp.

Lawlor mở tập tài liệu trên bàn, “Có mấy vụ nổ xảy ra tại các tháp Điều khiển Không lưu ở New York và New Jersey làm hệ thống điều khiển không lưu ở khu vực cầu bị tê liệt. Dựa trên những thông tin mà tôi đang có ở đây, tôi lo rằng đây là những vụ nó dàn trận đánh dấu những cuộc tấn công sắp xảy ra”.

“Sếp nghĩ rằng chúng định tái diễn vụ 11/09?”

“Chưa khẳng định được điều đó. Khi các vụ bắn tỉa diễn ra tại LaGuardia, Cơ quan Hàng không Liên bang đã bắt đầu chuyển hướng các chuyến bay. Tuy nhiên mọi tình huống đều có thể xảy ra. Vì cậu đang ở đó, chúng tôi cần cậu xác minh xem chuyện gì đã xảy ra”.

“Tôi sẽ làm điều đó bằng cách nào?”

“Tôi không biết, Scot ạ. Theo những gì tôi nghe được thì tình hình ở New York cũng đã hỗn loạn rồi. Ở đó họ có nhiều người giỏi nhưng các kênh thông tin phối hợp với nhau đều gãy cả, giống như vụ 11/09. Ai cũng đều cố gắng đến những địa điểm bị tấn công nhanh nhất có thể để cứu những người còn sống sót và con số những nơi bị tấn công cao hơn khả năng cứu trợ nhiều. Tôi không thể thu xếp bất cứ sự hỗ trợ nào, ít nhất là tại thời điểm này”.

Đánh giá sơ bộ các cuộc tấn công, Harvath không ngạc nhiên, tuy nhiên anh cần thêm thông tin để đi tiếp các bước sâu hơn. “Gary, ở New York có khoảng 8 triệu người. Tôi cần phải tìm ai và mục tiêu là gì?”

“Ta đã nghe lén được một cuộc đàm thoại hôm nay và nó có liên quan đến ‘kẻ chế tạo bom của Thánh Allah’, đối tượng đã được cưỡng bức đưa đến New York, vi phạm các điều lệ của luật quốc tế”.

“Không thể như thế được”, Harvath thốt lên, “Không ai có thể moi được thông tin nhanh đến như thế. Ta mới bắt được Sayed Jamal sáng nay. Sao chúng lại biết ta đã bắt được hắn, thậm chí còn biết là đang giữ hắn ở đâu?”

“Đó là câu hỏi mà cậu cần tìm câu trả lời”, Lawlor tiếp, “Tôi muốn cậu trực tiếp thẩm vấn Jamal. Nếu các cuộc tấn công vừa diễn ra do Al-Qaeda thực hiện thì rất có khả năng Jamal góp phần lên kế hoạch và huấn luyện người cho chúng. Kiểu gì thì hắn cũng biết đoạn kết của kế hoạch này”.

“Hắn đang bị bên Đặc nhiệm Chống khủng bố giam giữ. Sao ta không để điều tra viên của họ thẩm vấn hắn?”

“Vì có ai đó đã để lộ thông tin là ta tóm được Jamal và đưa hắn đến New York. Nếu ta chưa xác định được thông tin rò rỉ qua kênh nào thì tôi không thể tin ai khác trong việc này ngoài cậu. Hiểu không?”

“Sếp đã thử liên lạc với tổng thống chưa?”, giọng Harvath cũng gấp gáp đầy phần nộ không kém Gary Lawlor.

“Dĩ nhiên là tôi đã thử nhưng DC hiện nay cũng lộn xộn không kém gì New York. Thực ra lúc đó ông ấy đang ở Wisconsin nhưng có lẽ bây giờ đã lên chuyên cơ bay về rồi. Nghe này Scot, hai ta đều biết rằng tổng thống sẽ được bảo vệ cẩn mật và chỉ có những người thân cận nhất với ông ấy mới có thể tiếp cận được trong nhiều giờ tới. Ta phải tự thân vận động thôi và tôi lệnh trực tiếp cho cậu, làm gì với Jamal tùy ý cậu để có được thông tin ta cần. Tôi không muốn có

bất cứ người vô tội nào phải chết nữa. Nếu việc cậu thẩm vấn hấn mà chưa đủ phép tắc mà gây hậu quả thì ta sẽ lo việc đó sau”.

Đó là tất cả những gì Harvath cần nghe, nhưng thuyết phục lực lượng Đặc nhiệm Chống khủng bố đồng ý để anh thẩm vấn Jamal theo cách mà anh muốn, kể cả với những cảnh đổ nát diễn ra hôm nay vẫn chỉ khả thi trên lý thuyết mà thôi.

CHƯƠNG 18

KHÔNG LỰC I

CHUYÊN CƠ AIR FORCE ONE CỦA TỔNG THỐNG

Vị trí tổng thống yêu cầu Rutledge cần có khả năng tách cuộc sống cá nhân khỏi công việc nhưng ông không làm được điều đó trong thời điểm này.

Ông chẳng bao giờ phải giải thích về việc mình đặt ưu tiên làm cha trước ưu tiên vai trò của tổng thống. Từ khi vợ ông mất bởi căn bệnh ung thư vú, Amanda, con gái ông, là thứ quý giá duy nhất ông còn lại và lúc này Rutledge không biết được Amanda có an toàn không.

“Có tin gì mới không?” Tổng thống hỏi khi Carolyn Leonard bước vào phòng riêng của ông trên chiếc chuyên cơ *Air Force One** Boeing 747.

“Vẫn chưa có gì mới thưa tổng thống, tôi rất tiếc”, Carolyn đáp.

“Sao lại như thế được? Chúng đi hai xe, phải không?”

“Đúng thế, thưa tổng thống”.

“Và cô vẫn không thể liên lạc được với một xe nào à?”

“Không thưa ngài, nhưng Amanda và bạn cô ấy đi cùng với Marcy Delacorte và Tim Fiore. Chính tôi chọn họ theo tiêu chí phù hợp cho Amanda. Họ là những người giỏi nhất của tôi và chúng ta sẽ sớm nhận được tin từ họ”.

Tổng thống rất muốn hỏi sớm là khi nào nhưng làm thế chẳng khác gì đè nặng sức ép lo lắng của ông lên vai Carolyn. Ông cần phải giữ mình luôn mạnh mẽ. Ông cũng biết rằng Carolyn đã làm tất cả những gì có thể. Mặc dù thế nhưng ở đoạn kết của mọi câu chuyện người ta luôn thấy có nhiều thứ nên làm. Lúc này đây cả hai đều không biết phải làm gì. “Có tin gì từ các cơ quan địa phương không?”

“Họ đi đến Manhattan, các dấu lần theo thiết bị kết nối với vệ tinh địa tĩnh GPS cũng cho thấy như thế. Chúng tôi sẽ tìm được cô ấy. Tôi xin hứa với ngài như vậy, thưa tổng thống”.

“Cảm ơn Carolyn”, tổng thống đáp, “Có tin gì mới cho tôi hay luôn nhé”.

“Tôi nhớ rồi thưa ngài”, Trưởng đặc vụ Carolyn Leonard đáp khi bước ra khỏi phòng để về vị trí chuẩn bị cất cánh.

Dịp đến Wisconsin lần này là dành cho kỳ nghỉ nên tổng thống đã để nhân viên của mình ở lại DC nghỉ cuối tuần với gia đình họ. Thế nên khi ông tập trung vào giải quyết vụ thành phố New York, tổng thống sẽ phải phối hợp với nhân viên của mình qua đường video bảo mật trực tiếp từ văn phòng trên không của ông.

Tổng thống đã sớm nhận ra khó khăn đầu tiên cần phải vượt qua là tách sự kiện thực khỏi các giả thuyết. Phần nào giống như lúc vụ 11/09 xảy ra, tin đồn đoán lan rộng một cách quá mức trên khắp cả nước và các biện pháp ứng phó khẩn cấp được tiến hành ngay lập tức. Mọi người đều biết rằng nước Mỹ *lại* một lần nữa bị khủng bố tấn công.

Sau khi nghe tham mưu trưởng Charles Anderson tóm tắt sơ lược qua máy thu phát video trong khi máy bay lặn bánh và cất

cánh, tổng thống lên tiếng, “Chỉ có vậy thôi sao? Đây là tất cả những gì ta biết à?”

“Chúng tôi vẫn đang nỗ lực thu thập thêm thông tin, thưa tổng thống”.

“Làm thế quái nào mà chỉ có chừng này hả Chuck?”

“Dòng thông tin và các kênh kết nối từ New York ra bên ngoài rất chậm”.

“Không phải là từ sau 11/09 ta đã thiết lập những trình tự để khắc phục rồi hay sao?”

“Đúng là như vậy”, Anderson đáp, “Nhưng với một loạt những vụ tấn công thế này thì sự cộng hưởng của nó là rất lớn”.

“Có nghĩa là?”

“Là dù các trình tự truyền tin có tốt đến đâu đi nữa thì nhân sự vẫn cần phải bình tĩnh lại sau các cú sốc, đánh giá tình hình và chuyển tin đến các cấp chỉ huy. Điều này sẽ cần thời gian”.

Tổng thống không thích câu trả lời của Anderson, nhất là khi hàng ngàn mạng sống đang bị đe dọa, trong đó có Amanda của ông. “Tốt như thế vẫn chưa đủ. Rất nhiều người đang bị thương và hấp hối. Họ mắc kẹt trong những cây cầu đổ, dưới những đường hầm đặc khói và lửa, họ tìm cách khỏi chết đuối trên sông Hudson và sông Đông. Nếu chúng ta không có phương án liên lạc và phối hợp một cách hợp lý, những người dân đó không có cơ hội sống sót và tôi không chấp nhận điều đó. Người dân Mỹ không chấp nhận điều đó, kể từ ngày 11/09.

Tôi không quan tâm ông sẽ phải đá đít bao nhiêu người nhưng đi ủng vào và bắt đầu đi, khỉ thật. Ta lập ra những hệ thống phản ứng nhanh để làm việc đó. Ta phải học được từ những sai lầm nên hãy

hành động theo cách mà ta đã học được từ những sai lầm đó. Hiểu chưa?”

“Tôi hiểu, thưa tổng thống”. Anderson đáp.

“Tốt”, Rutledge tiếp, “Lúc nào tôi có thể nói chuyện với thị trưởng New York?”

“Bây giờ thì chưa được. Trung tâm chỉ huy các trường hợp khẩn cấp của thị trưởng là một trong những mục tiêu tấn công của bọn khủng bố và chúng tôi hiện đang rất khó khăn để có thể tìm được ông ấy”.

Tổng thống vung tay phẫn nộ, “Không thể tin được. Thống đốc thì sao?”

“Thống đốc hiện nay đang trên đường về từ Albany nhưng ông ấy còn biết ít thông tin về vụ tấn công hơn chúng ta. Ngài có muốn tôi nói máy với ông ấy và chuyển sang kênh đối thoại trực tuyến không ạ?”

“Không, tôi muốn được nói chuyện với thị trưởng Brown trước và nghe ông ấy trình bày về tình hình người của mình và họ cần gì. Tôi không muốn tất cả mọi thứ được lọc qua thống đốc. Đó đã từng là vấn đề với New Orleans rồi”.

“Các cấp chỉ huy đều có trình tự, thưa tổng thống”.

“Nhưng không phải trong trường hợp này. Tôi muốn ông bằng mọi cách tìm được thị trưởng và nói kênh liên lạc giữa ông ấy và tôi càng sớm càng tốt. Hiện nay ta không có bất cứ thông tin nào dự đoán những thành phố khác có nguy cơ bị tấn công, đúng không?”

“Đúng thế, thưa ngài”.

“Có lẽ cần phải cảm ơn Chúa về điều đó”, Rutledge nói, ông thả tập tài liệu xuống bàn trước mặt mình rồi đưa hai tay xoa mặt. “Phát

biểu của tổng thống thì sao?”

“Tôi nghĩ là lúc này vẫn còn hơi sớm”, Anderson đáp.

“Sớm ư? Chuck, người dân đang hoảng loạn”, một giọng nói vang lên ngay phía sau tham mưu trưởng. Camera quay sang và đó chính là Geoff Mitchell, thư ký báo chí của tổng thống. “Họ cần tổng thống trấn an và ta cần làm điều đó càng sớm càng tốt”.

“Trấn an họ về việc gì? Ta còn chưa biết đích xác chuyện gì đang xảy ra ở New York và ta cũng không thể kiểm soát được tình hình, hơn nữa chưa ai biết kẻ nào đứng sau vụ này. Với tất cả những điểm này tôi nghĩ rằng không có hình thức trấn an nào phù hợp cả”.

“Ông không thể giữ tổng thống trong những bức tường kín Chuck. Tổng thống chưa có mọi câu trả lời nhưng điều đó không quan trọng. Người dân cần nhìn thấy ông ấy. Tất cả chỉ cần có vậy. Họ cần ông ấy nói với họ rằng mọi thứ đều sẽ ổn. Thậm chí nếu chúng ta làm điều này đúng cách, thậm chí tổng thống còn có thể thừa nhận rằng mình chưa có mọi câu trả lời nhưng đang cố gắng hết mức để tìm hiểu và khắc phục mọi vấn đề. Và dĩ nhiên tổng thống sẽ cần tuyên bố dứt khoát rằng đòn đáp trả của nước Mỹ với những kẻ man rợ này sẽ được thực hiện rất nhanh, chính xác và dữ dội”.

“Chúng ta sẽ bàn về băng ghi hình phát ngôn của tổng thống sau khi quyết định được tổng thống sẽ đi đâu sau khi hạ cánh ở căn cứ Mountain Home”, Anderson đáp.

“Chúng ta sẽ không đi Idaho”, tổng thống nói, “Chúng ta sẽ lên đường về DC”.

“Nhưng thưa tổng thống”, Anderson chen vào, “Tôi không nghĩ là
_”

“Chuck, chính ông nói đấy chứ. Không thành phố nào khác có nguy cơ bị tấn công. Vị trí của tôi là ở Nhà Trắng. Lúc này nước Mỹ cần có sự dẫn dắt. Tôi đã thông qua việc tiếp tục tiến hành chương trình của chính phủ, ngoài việc đó ra thì không có bất cứ thứ gì thay đổi. Ta đã hiểu nhau chưa?”

“Đã hiểu, thưa ngài”.

Tổng thống quay sang thư ký báo chí của mình. “Geoff, tôi cần được chuẩn bị một bài phát biểu. Viết ngắn gọn thôi. Chuck đúng đấy. Ta vẫn chưa nắm được tình hình và vì thế phát biểu càng ngắn càng tốt. Thông báo cho các kênh là tôi sẽ phát biểu trực tiếp trên truyền hình ngay khi về tới Nhà Trắng. Có lẽ thế nhỉ, chúng ta bắt tay vào việc thôi”.

“Thưa tổng thống”, Robert Hilliman, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, lên tiếng từ kênh truyền hình trực tuyến bảo mật của Bộ Quốc phòng, “Tôi có thể xin riêng ngài vài phút không?”

“Nói đi Bob”, tổng thống đáp sau khi nhấn nút chuyển sang chế độ hội thoại riêng, “Có chuyện gì thế?”

“Có một số quan ngại về một thông tin mà chúng tôi lén thu được sáng nay”.

“Về việc gì?”

“Thông tin đó liên quan đến việc nhân viên chính phủ Hoa Kỳ bắt cóc một công dân nước ngoài và cưỡng bức đối tượng này đến Mỹ, vi phạm thông lệ của luật quốc tế”

“Việc này không mới, Bob. Ta nghe những chuyện thế này mãi rồi, đặc biệt là cánh báo chí tập trung khai thác vấn đề trong chính sách chuyển giao tù nhân của ta”.

“Tôi biết, thưa tổng thống, nhưng việc này khác”.

“Khác thế nào? Có lẽ chỉ là một trong số hàng ngàn đối tượng mà ta đang giữ”.

“Thông tin đó được móc ra từ một cuộc hội đàm về đối tượng chế tạo bom được ta đưa đến New York”.

“Có nghĩa là..”. Tổng thống hỏi tiếp.

“Có nghĩa là đó chắc chắn là một trong hai tên”.

“Cả hai tên mà ta tóm được tại một địa điểm”.

“Mà không có cách nào để bảo vệ hoặc di tản”.

CHƯƠNG 19

SỐ 26 TÒA NHÀ LIÊN BANG

LỰC LƯỢNG ĐẶC NHIỆM CHỐNG KHỦNG BỐ

Harvath nhìn thẳng vào mắt nhân viên trực ban của Lực lượng Đặc nhiệm Chống khủng bố JTTF, “Anh nói *hắn không có ở đây* nghĩa là thế nào?”

“Chúng tôi không giữ hắn”, anh chàng nhân viên trẻ gào lên. Như nhiều người khác, anh không giữ được bình tĩnh từ sức ép của những cuộc tấn công khủng bố.

“Có lẽ hắn đã được giải đi rồi”, Herrington cố mở một lối ra cho cuộc tranh cãi nhằm tránh sự xích mích giữa nhân viên của các đơn vị khác nhau dẫn đến việc chằng đâu vào đâu cả. “Anh đã kiểm tra cơ sở tạm giam liên bang ở phía Tây chưa?”

“Tôi là ai, nhân viên mới chắc?” nhân viên trực ban đáp. “Dĩ nhiên là tôi đã kiểm tra rồi. Bên đó họ cũng không có thông tin gì về đối tượng các anh tìm đâu”.

Harvath sắp sửa mất hết kiên nhẫn. Anh và Bob Herrington đã đi bộ hai dặm rưỡi từ văn phòng FBI ở Hạ Manhattan để đến tận tổng hành dinh của JTTF để nghe anh chàng tân binh không hơn nói là ở đây họ không giữ Sayed Jamal, mà cũng chưa bao giờ nghe thấy cái tên này. “Tôi muốn anh tìm Mike Jaffe ngay lập tức”.

“Ai cơ?”, nhân viên trực ban hỏi lại.

“Cát làm tắc hết tai anh rồi hả? *Mike Jaffe*. Tôi giao đối tượng mà tôi đang hỏi cho Mike và đội của anh ta sáng nay tại văn phòng này”.

Anh chàng trực ban quá chán việc phải phí khoảng thời gian quý báu của mình cho mấy tên quái gở của Bộ An ninh Nội địa. “Bên anh làm lộn xộn hết cả lên rồi, đặc vụ Harvath. Không có ai thuộc đơn vị chúng tôi nhận nhiệm vụ chuyển tù nhân sáng nay và không có ai trong tòa nhà này, trong biên chế của JTTF, hay FBI, bất cứ ai có tên là Mike Jaffe”.

Những gì nghe thấy làm Harvath choáng như thể đầu bị đập vào tường. Máu anh dần sôi lên và cảm thấy mình sắp chạm ngưỡng không thể kiềm chế nổi. Harvath đang định cho anh chàng trực ban một bài thì Bob đã cảm ơn anh ta rồi kéo tay Harvath ra khỏi văn phòng của JTTF đi xuống phía cầu thang.

“Anh làm sao thế?” Harvath hỏi.

“Anh im đi”, Bob đáp.

“Quên đi. Tôi phải tìm cho ra Sayed Jamal và đang cố thì tự nhiên anh lại nhảy vào như thể là sẽ không -”

“Họ không giữ hẩn”.

“Ừ thì cái thằng ngốc ngồi trực ban đã nói thế rồi. Có những lúc mình cần phải cương thì mới có được thứ mình muốn chứ”.

“Ừ, nhưng anh cương quá mức rồi vì Mike Jaffe không làm việc cho JTTF”, Herrington đáp, “Mike làm cho DIA”.

“Cơ quan Tình báo Quốc phòng?”

Bob gật đầu. “Tôi gặp anh ta ở Afghanistan năm 2001. Nhóm của tôi được nhập vào một đội đặc nhiệm tác chiến truy lùng những đối tượng chủ chốt của Al-Qaeda”.

“Và Mike Jaffe là thành viên của đội đó?” Harvath hỏi.

“Anh ta là chỉ huy của đội”.

“Vậy tại sao Mike Jaffe lại đóng giả làm nhân viên JTTF?”

“Bọn tôi thường nói rằng Chúa và DIA có những cách hoạt động rất kỳ bí và khác thường. Nhưng chắc chắn là anh ta rất quan tâm đến tù binh của anh”.

“Một cách cá nhân quá mức”, Harvath đáp, anh bước xuống cầu thang.

“Anh đi đâu đấy?”

“Tôi phải đi gọi điện rồi sau đó tôi sẽ tìm ra Mike Jaffe, kể cả phải lật tung cả thành phố này lên”.

CHƯƠNG 20

Có ai đó gõ vào cửa kính xe khiến Tim Fiore choàng tỉnh, phản xạ của anh chỉ trong nháy mắt là rút khẩu SIG Sauer chĩa thẳng về phía có cử động.

“Cầu sắp sập rồi, anh phải ra khỏi đây nhanh lên”, một người lạ mặt la lên từ phía ngoài cửa kính.

Đầu Fiore đau kinh khủng như thể vừa bị nện một cú bằng tuýp nước. Trong một thoáng, anh vẫn chưa định thần được là mình đang ở đâu. “Nằm xuống đất”, anh hét lên với người đàn ông kia, “Nằm xuống đất ngay lập tức”.

Hoảng hồn, người đàn ông chạy bán sống bán chết.

Dù là nhân viên mật vụ kỳ cựu nhưng khi quay lại và nhìn thấy những gì đang xảy ra, Fiore vẫn không thể không bàng hoàng. Nửa sau chiếc xe chống đạn của anh và những người cùng đi đã biến mất; bốc hơi hoàn toàn. Nửa sau xe là nơi có khay súng bên dưới ngăn chở hàng và hàng ghế thứ ba, nơi đặc vụ Grossi và Swartley ngồi.

Một mảnh thép lớn của xe chìa ra xoắn nhọn như một cái chĩa xuyên qua hàng ghế thứ hai xuyên qua hai người bạn của Amanda Rutledge. Amanda bất tỉnh nhưng Fiore không thấy cô bị vết thương

nào. Anh chồm tới phía cô và tìm mạch. Mạch yếu nhưng quan trọng là Amanda vẫn còn sống, nhưng cô có thể cảm cự được bao lâu thì anh không chắc.

Fiore quay sang đồng đội của mình, cầm cô gục xuống ngực, bất động.

“Marcy?”, Fiore gọi trong khi tìm mạch của cô, “Có nghe thấy tôi nói không?”

Không có biểu hiện nào đáp lại.

Tháo nhanh dây an toàn, Fiore đập cửa và hét vào bộ đàm, “Đây là Echo Một. Chúng tôi bị tấn công, tôi nhắc lại, *Echo Một bị tấn công*. Yêu cầu các đơn vị có mặt tại khu vực trả lời. Hết”.

Nhảy ra khỏi chiếc SUV, Fiore vòng ra phía sau xe kiểm tra một vòng. *Thế quái nào mà chiếc SUV thứ hai cùng đoàn của mật vụ biến mất nhỉ?* Đáng lẽ nó phải ở ngay sau xe Fiore chứ. Đến đây thì anh mới để ý đến những tiếng kêu thét gần đó. Những tiếng thét sợ hãi, đau đớn. Những chiếc xe hơi bị sức ép hất tung nằm lộn ngược la liệt gần đó. Những đoạn cầu lớn biến mất hoàn toàn. Xe của Fiore bị sức ép tiếp xúc theo một góc vuông trực tiếp vào cản trước và nhìn nắp capô và nóc xe cũng có thể đoán ngay được là nó đã bị lộn nhào ít nhất là ba hay bốn vòng. Rất may mắn là chiếc xe cuối cùng tiếp đất bằng bốn bánh trên phần cầu còn nguyên vẹn. Một quả bom không thể gây ra vụ nổ cỡ này, ít nhất phải từ hai trở lên. Những người bị thương nằm la liệt khắp nơi và những ai may mắn không bị thương thì hoặc ngồi yên trong xe hầu như vô thức vì bị sốc cực độ, hoặc chạy bán sống bán chết mong thoát khỏi sự kinh hoàng của vụ nổ.

Fiore thử mở cửa hông gần chỗ Amanda ngồi nhất nhưng không được. Tình hình là vỏ xe bị sức ép vụn đến mức này thì chui qua khoang chở đồ bị xoắn nát méo mó là không thể. Fiore đành chọn cách kéo Amanda qua xác hai người bạn của cô rồi ra ngoài bằng cửa phía bên kia.

Lúc đi vòng qua phần sau chiếc xe, anh nhận ra là túi cứu thương khẩn cấp cũng biến mất cùng với những thứ khác trong khoang chở hàng. Thứ duy nhất còn lại là chiếc cang gập. Fiore cẩn thận rướn vào trong để tránh bị những mảnh sắt nhọn làm bị thương rồi tóm lấy chiếc cang.

Fiore cũng cố gắng vục những đặc vụ khác ngồi thẳng dậy trong khi di chuyển sang phía hông bên ghế lái của chiếc SUV. Nhân viên mật vụ được huấn luyện như thế nhằm giảm nguy cơ bị sát thương hay ám sát và anh thực hiện động tác phòng bị này như một phản xạ vô điều kiện.

Giật mạnh để mở cửa, Fiore bò vào sâu nhất có thể và cởi dây đai an toàn của Amanda. Anh cố gắng đỡ cổ Amanda thật nhẹ nhàng và chắc chắn trong lúc kéo cô từ từ ra khỏi xe, vòng qua mũi sắt nhọn hoắt xuyên qua cơ thể hai người bạn ngồi cạnh và chỉ ngừng lại khi đã hoàn toàn đặt cô nằm lên cang.

Đằng sau họ là hai nhíp cầu bị sập và phía trước là đường dẫn vào Manhattan, Tim Fiore xác định nhanh những tòa nhà lân cận để tìm chỗ trú ẩn. Kinh nghiệm tập huấn mách bảo anh cần đưa cô lên chỗ đất cao ngay lập tức; ở đó anh có cơ hội kiểm soát tình huống tốt hơn trong khi chờ trực thăng đến ứng cứu. Chuyển sang kênh bộ đàm của Trạm chỉ huy mật vụ, Fiore gọi, “Skybox, đây là Echo Một. Nghe rõ trả lời. Hết”.

“Nghe rõ, Echo Một”, Trạm chỉ huy đáp, “Echo Một báo cáo tình hình”.

“Chúng tôi bị tấn công. Có ít nhất hai xe chứa bom nổ tình cờ trên chặng chúng tôi đi qua. Echo Hai mất tích và hiện nay Echo Một bị mất hai đặc vụ, người thứ ba bị thương và xe bị hư hỏng nặng. Yêu cầu tiến hành chiến dịch Upswing ngay lập tức. Hết”.

“Không được Echo Một. Không thực hiện được”. Đặc vụ trực tại Trạm chỉ huy đáp. “Toàn bộ hệ thống cầu và hầm ra vào Manhattan đều bị tấn công. Chúng tôi vừa nhận được báo cáo là trực thăng của Sở Cảnh sát New York vừa bị bắn hạ bởi hỏa lực từ dưới đất. Không phận thành phố New York quá nguy hiểm và đã nhận được lệnh không sử dụng máy bay cho đến khi nào có thông báo mới. Xe có khả năng chạy được tiếp không? Hết”.

Toàn bộ hệ thống cầu và hầm? Thế là thế quái nào nhỉ? Tuy khó hiểu nhưng Fiore không mất thời gian để tìm câu trả lời, “Không được. Xe bị phá hủy hoàn toàn. Hết”.

“Echo Một, giữ nguyên vị trí. Hết”.

Giữ nguyên vị trí? Thằng cha này điên rồi chắc? Cứ đứng đây thì nguy hiểm sẽ rất lớn và Fiore cũng không dám chắc là vụ nổ vừa rồi chỉ là tình cờ đối với họ. Nếu có ai đó đang toan tính ám sát Amanda ngay lúc này thì sao?

Quan sát nhanh sự hỗn loạn xung quanh, Fiore cúi xuống kiểm tra mạch của Amanda lần nữa. Mặc dù mỗi đội đều có chuyên gia cứu thương nhưng mọi thành viên đều được huấn luyện các kỹ năng cứu thương trong trường hợp khẩn cấp. Fiore sợ rằng nếu Amanda không được hỗ trợ y tế sớm thì cô khó có thể vượt qua được.

“Skybox, chúng tôi cần sơ tán *ngay!* Hết”.

“Giữ nguyên vị trí, Echo Một. Hết”.

Fiore đang định sặc cho đặc vụ trực tổng đài về việc anh ta nên làm gì thay vì chỉ yêu cầu người khác *giữ nguyên vị trí* thì đột nhiên nghe thấy có tiếng người đi tới vòng qua mũi xe.

Anh chồm người lên che cho Amanda Rutledge ngay lập tức, chĩa súng về phía tiếng động và ngón trở ép vào cò súng sẵn sàng nhả đạn.

Thứ mà ngay sau đó Fiore thấy là một khẩu súng thò ra từ căn trước của xe. Anh hiểu rằng mình đã đúng - một cuộc tấn công thứ hai.

Ngón trở Fiore chuẩn bị bóp cò súng thì anh nghe thấy, “Lạy Chúa, Tim. Đừng bắn! Marcy đây”.

CHƯƠNG 21

“Cô làm tôi sợ đấy”, Fiore hạ nòng súng xuống, “Sao lại đi vòng ra trước xe như thế chứ?”

“Vì cửa bên tôi bị kẹt còn bên anh lại mở sẵn”, Marcy đáp, chân đứng không vững. “Chuyện gì xảy ra thế?”

“Bọn khủng bố cho nổ các xe bom. Hiện nay tất cả cầu và hầm ra vào Manhattan đều bị tấn công. Echo Hai không còn dấu vết gì, Grossi và Swartley mất tích”.

“Mất tích?”

“Xe mình bị nặng đấy”.

Marcy nhìn xuống con gái tổng thống và dùng tên bí danh của cô. “Goldilocks thế nào?”

“Còn sống, nhưng hai người bạn gái của cô ấy thì không”.

Delacorte nhìn vào hàng ghế sau và suýt không kìm nổi cơn buồn nôn. Cảnh đó thật kinh khủng. Khi đã bình tĩnh hơn, cô bắt đầu hỏi về kế hoạch trước mắt nhưng Fiore ra dấu cho cô ngưng hỏi vì anh nhận được tín hiệu từ tai nghe của mình.

“Echo Một, Skybox đây. Nghe rõ không? Hết”.

“Echo Một nghe rõ Skybox. Hết”.

“Echo Một, anh cần sơ tán khách đến đầu cầu phía Tây ngay lập tức. Khi đến nơi, tìm nơi trú an toàn. Chúng tôi đang huy động một đội đặc nhiệm và sẽ gửi họ đến đó sớm nhất có thể. Hết”.

Marcy đang kiểm tra tình hình của Amanda đáp, “Không được Skybox. Khách cần được hỗ trợ và xử lý y tế ngay lập tức. Không có đủ thời gian chờ đội đặc nhiệm. Hết”.

“Echo Một, các xe cứu thương đều đã được huy động tới đa đến các địa điểm bị tấn công, trong đó có địa điểm của anh. Có thể đưa khách đến đầu cầu phía Tây và tìm hỗ trợ y tế ở đó không? Hết”.

“Sẽ theo phương án này. Echo Một ngắt liên lạc”, Marcy đáp rồi quay sang Tim, “Anh định tiến hành như thế nào?”

“Đội tôi đi kiểm thêm người giúp ta khiêng cáng. Tôi sẽ quay lại ngay”.

Lấy thẻ ngành ra, Fiore tiến lại hai người đàn ông cao lớn đang giúp một người phụ nữ ra khỏi chiếc xe bị hư hỏng nặng, “Nhân viên mật vụ đây, tôi có một người bị thương rất quan trọng cần các anh giúp ở đằng kia”.

Hai người đàn ông theo Fiore đến chỗ Amanda nằm trên cáng cạnh chiếc SUV móp méo. “Cô ấy trông không ổn đâu”, một trong số họ lên tiếng, “Anh có chắc là anh muốn di chuyển cô ấy không?”

“Không có sự lựa chọn nào khác”, Marcy đáp, “Nếu chúng tôi không đưa cô ấy đi cấp cứu kịp thời, cô ấy sẽ không qua khỏi”.

“Cô là sếp rồi đấy”, một trong số họ lên tiếng và ra hiệu cho người còn lại khiêng một mép cáng trong khi anh ta nắm hai tay cầm phía đầu Amanda.

“Nhẹ nhàng thôi nào”, Fiore nhắc, “Đếm đến ba nhé, sẵn sàng chưa? Một. Hai. Ba”.

Hai người đàn ông nhẹ nhàng nhắc phần cáng của mình cùng với Marcy và Fiore. Một người trong số họ nhìn cô gái đang nằm bất tỉnh trên cáng rồi thốt lên, “Này, đây liệu có đúng là người mà tôi đang nghĩ không nhỉ?”

Marcy vừa định trả lời thì có một tiếng nghiêng ken két của một khối kim loại khổng lồ vang lên cùng những tiếng thét kinh hoàng. Bốn người bọn họ thấy một đoàn tàu điện ngầm chạy đường ray phía trên họ chao đảo ngay đoạn đường ray bị gãy chạy trên không ngay phía trên gần họ.

Chỉ một khắc sau, tiếng kim loại nghiêng vào nhau tạo thành một âm thanh khủng khiếp khi từng toa của đoàn tàu rơi lộn nhào qua chỗ trống của đoạn đường ray gãy, tiếp tục văng khỏi đường của ô tô chạy trên cầu rồi rơi xuống dòng sông Đông bên dưới. Đó là cảnh kinh khủng nhất mà tất cả bọn họ chưa bao giờ chứng kiến.

Chưa ngừng ở đó, mặt cầu dưới chân họ thỉnh linh rung lên một cách dữ dội. Những kết cấu thép oằn xuống rồi dần dần trật ra khỏi các nhịp nổi và mặt cầu có nguy cơ chuẩn bị sập xuống mặt nước chết chóc bên dưới.

Tim Fiore quay lại nhóm mình và hét nhanh, “Chạy!”

CHƯƠNG 22

| WASHINGTON, DC

“Lúc này không phải là lúc thích hợp để nhờ vả”, Stan Caldwell, phó giám đốc FBI, một người bốn mươi hai tuổi trông mệt mỏi, trả lời qua điện thoại.

“Ai nhờ vả?” Gary Lawlor đáp, ông đã từng là người hướng dẫn và là người tiền nhiệm của Caldwell trước khi chuyển sang Bộ An ninh Nội địa đảm trách Phòng Hỗ trợ Điều tra Quốc tế nắm dự án chống khủng bố mật có tên Apex. “Tôi chỉ yêu cầu ông thực hiện công việc của mình mà thôi”.

“Tôi đang thực hiện công việc của mình đấy thôi và đang ngộp mặt trong cái đồng phân này. Ông có biết là con số thương vong sơ bộ ở thành phố New York là bao nhiêu không?”

“Đó là những con số không hay ho gì, tôi biết. Tôi cũng nhận được những báo cáo như của ông”.

“Về khoản không hay ho gì thì ông nói đúng đấy”.

“Stan, tôi không muốn mang thêm việc cho ông”, từ đầu dây bên kia thành phố, Lawlor nói tiếp, “Nhưng có một số vấn đề hiện chưa rõ ràng và tôi cần ông hoặc người của ông giúp xác minh cho chúng tôi ngay lập tức”.

“Chẳng có gì cần phải xác minh cả. Không có người nào có cái tên mà người của ông đề cập đến làm việc cho lực lượng Đặc nhiệm Chống khủng bố JTTF ở New York cả. Thế thôi”.

“Đừng có vớ vẩn, Stan. Chúng ta biết nhau quá rõ. Tôi muốn biết vai trò của Cơ quan An ninh Quốc phòng DIA trong việc này. Tại sao họ lại đóng giả nhân viên của JTTF để tiếp nhận Sayed Jamal?”

“Gary, tôi sẽ chỉ nói thêm một lần nữa rồi sẽ phải quay lại Trung tâm Thông tin Chiến lược và Tác chiến SIOC. Những người mà nhân viên của ông giao Sayed là người của JTTF, đơn giản thế thôi. Ai đó cho rằng họ thuộc DIA là không đúng. Ông hãy nói với người của mình là nếu anh ta muốn giúp gì thì cứ kiếm một cái mũ bảo hộ rồi nhập vào đội cứu hộ gần nhất và bắt đầu đào bới đi”. Nói đến đây Caldwell gác luôn máy.

“Có thuyết phục được ông ta không?” giám đốc FBI Martin Sorce hỏi.

“Tôi nghĩ là không. Đặc biệt là ông ta đã gọi và phải để lại đến bốn lời nhắn trước khi tôi nói chuyện trực tiếp với ông ta”.

Sorce quay sang phía người còn lại trong phòng, hỏi, “Chúng tôi cần phải làm gì bây giờ?”

Nhìn chằm chằm vào hai người đứng đầu của FBI qua chiếc kính không gọng của mình, Timothy Bedford, tham mưu trưởng Cơ quan An ninh Quốc phòng đáp, “Không cần làm gì cả. Từ đây trở đi chúng tôi sẽ lo”.

Đứng lên trước khi đi, Bedford tiếp, “Còn nữa, thưa các quý ông, xin hãy nhớ đến ý nghĩa an ninh quốc gia trong việc này. Trong trường hợp có ai đó tò mò thì cuộc gặp này của chúng ta chưa bao giờ diễn ra”.

Khi Bedford đã ra khỏi phòng họp của giám đốc FBI và cánh cửa đã được hoàn toàn đóng lại, Sorce nhận xét, “Tôi chưa bao giờ ưa gã này. Chả trách Waddel dùng hắn vào cái việc dơ bẩn này. Hắn nói gì nhỉ, *cuộc gặp giữa chúng ta chưa bao giờ diễn ra?* Ít nhất có cả hai tá người thấy hắn vào phòng này. Đúng là thằng khốn”.

Caldwell cười “Ngoài việc cà-vạt của hắn thắt quá chặt thì chúng ta cần phải làm gì nữa?”

“Chúng ta còn có thể làm gì?” Sorce đứng dậy, “Ông thấy lá thư của tổng thống hắn mang đến rồi đấy. Chúng ta được yêu cầu đứng ngoài các hoạt động của họ trong những trường hợp không rõ ràng”.

“Và khi phải đối trá thì ta cần phải làm việc với - cụ thể mà nói là Gary Lawlor, cựu phó giám đốc của chúng ta?”

“Tôi cũng không muốn thế, Stan, nhưng đó là thực tế. Nghe này, giờ ta đang có quá nhiều thứ để mà lo”.

“Và sẽ là chuyện động trời nếu Gary đúng khi đề cập đến đợt tấn công khủng bố thứ hai”, Cadwell nói trong khi đang chú ý đọc một tin nhắn khẩn vừa đến máy nhắn tin của mình.

Sorce mở cửa phòng họp, bước ra và gật đầu chào nhân viên của mình trên đường quay lại tầng của SIOC. Trước khi rời đi, Sorce còn quay lại và nói, “Những giờ tới sẽ rất căng đấy, ta cần phải tập trung hết mức vào công việc hiện tại”.

“Có nghĩa là dùng mọi nguồn nhân lực và vật lực trong khả năng của chúng ta nhằm ngăn chặn bất cứ hoạt động khủng bố nào có thể xảy ra?”, Cadwell ngược mắt lên khỏi chiếc máy nhắn tin.

Khả năng đọc suy nghĩ của người khác là một phẩm chất tuyệt đối cần thiết cho sự lãnh đạo thành công của vị trí giám đốc FBI. Sorce biết cấp dưới của mình ngụ ý gì. “Trong mọi trường hợp nằm

trong khuôn khổ của luật pháp và trách nhiệm của công việc, ông luôn có sự hỗ trợ của tôi”.

“Thậm chí điều đó không làm tổng thống hài lòng?”

Sorce nhìn vào mắt Caldwell, “Lưu làm hồ sơ luôn nhé, tôi rời phòng này sau khi chỉ đạo rằng trong mọi trường hợp nằm trong khuôn khổ của luật pháp -”

“Và trách nhiệm của công việc”, Caldwell nói thêm vào. “Tôi hiểu rồi”.

CHƯƠNG 23

| THÀNH PHỐ NEW YORK

Scot Harvath nhét chiếc Blackberry vào bao cài bên thắt lưng rồi nói, “Phát ngôn chính thức của FBI là nhân viên trực ban của JTTF không hiểu rõ điều mình nói”.

Herrington nhìn Harvath, “Tôi thì nghĩ là anh ta có vẻ rất chắc chắn về những gì mình nói đấy”.

“Kể cả như thế, họ khuyên là chúng ta nên tìm một đội cứu hộ và giúp họ tìm kiếm cứu nạn”.

“Tôi nghĩ là mình nên tập trung vào truy bắt khủng bố thì hơn”.

“Tôi cũng thế”, Harvath đáp.

“Vậy chúng ta đang ở đâu?”.

“Rõ ràng là loanh quanh chẳng có manh mối nào trên góc phố *“Ignorance and Bilss”*”.

“Sao FBI lại muốn che đậy vai trò của DIA trong việc này nhỉ?” Herrington hỏi.

“Ai mà biết được? Tôi không thể hiểu nổi họ nữa. Hết ngón bịp này đến ngón bịp khác chất đống lên nhau và được bọc bởi băng đồ danh dự của chính phủ. Càng lúc càng khó tin rằng ta và họ cùng thuộc một phe”.

“Đặc vụ Harvath”, ai đó cất tiếng gọi lớn từ phía sau, “Đặc vụ Harvath!”

Cả hai quay lại và thấy nhân viên trực ban của JTTF chạy ra khỏi cánh cửa xoay của tòa nhà Liên Bang.

“Tôi nghĩ là tôi có thông tin anh cần đây”, anh ta nói.

“Gì cơ?” Herrington hỏi.

“Sở Cảnh sát New York vừa tóm một gã tại trạm tạm thời của Tập đoàn Cảng vụ Port Authority Trans - Hudson - PATH đặt tại Trung tâm thương mại Thế giới ngay bên ngoài phố Church. Họ cho rằng đó là một trong những kẻ đánh bom”.

“Điều gì khiến họ nghĩ như vậy?” Harvath hỏi.

“Họ bắt được hắn với một balô đầy thuốc nổ chưa kịp kích hoạt. Văn phòng tôi hiện không có ai có thể đến hiện trường ngay được và tôi nhận được lệnh ủy thác anh đến thẩm vấn hắn đầu tiên, nếu anh muốn”.

“Ai lệnh cho anh?”

“Stan Cadwell, phó giám đốc FBI”.

###

Trên đường đến sở Cảnh sát New York phân khu 1 tại Quảng trường Ericsson, Scot và Bob thấy quang cảnh kỳ dị của đường phố xung quanh. Một số nơi không hề có dấu hiệu của sự sống. Những nơi khác, phố xá đông nghẹt người tìm cách đổ ra khỏi khu Hạ Manhattan hướng lên phía Bắc. Theo phương án ứng cứu của thành phố, hệ thống tàu điện ngầm được phong tỏa và nhiều tuyến phố chặn không cho lưu thông trừ những xe trong trường hợp khẩn cấp. Người với xe mắc kẹt đang tìm cách thoát ra khỏi bán đảo này

đều đối diện với cơn ác mộng giao thông khi mà phần lớn các ngã đường đều tắc nghẽn vì xe của những người bỏ của chạy lấy người.

Tệ hơn, không gian như đông đặc lại trong bụi và khói. Dòng tro xám đặc trưng không khác gì tro thiêu xác nạn nhân dần phủ kín thành phố.

Harvath cố đẩy khung cảnh khủng khiếp ra khỏi nhận thức của mình và tập trung vào vấn đề trước mắt. “Vì lý do nào đó, Stan đã quyết định ném cho chúng ta một manh mối”, đó là những gì Gary nói khi Harvath gọi ông để cập nhật thông tin.

Quay sang Herrington, Harvath hỏi không dấu vẻ ngạc nhiên, “Đầu tiên thì Cadwell nói là nhân viên trực ban JTTF không biết rõ mình đang nói gì, sau đó lại bảo anh ta đuổi theo tặng cho mình món hầm vằn ngon lành trên cái đĩa bạc đất tiền. Chẳng hiểu thế nào nữa”.

“Món rau trộn này cho nhiều hoa quả quá, nhưng tôi thì biết được gì hơn?” Herrington đáp. “Nhưng theo tôi thì ta cứ giữ và chén món này đi đã”.

Trong khi trao đổi với các sỹ quan cảnh sát bắt giữ đối tượng, Harvath nhận được chiếc túi đựng tang vật chứa vài thứ mà đối tượng mang theo khi bị bắt. Balô chứa thuốc nổ đang được đội chuyên gia bom mìn xử lý và không có gì đáng kể ngoài khối thuốc nổ chưa được kích hoạt.

Scot và Bob được dẫn vào phòng thẩm vấn. Bị còng tay vào chiếc bàn phoóc mica sứt mẻ giữa phòng là một người đàn ông Trung Đông cỡ hai mươi lăm tuổi. Mặt và tay hắn đầy các vết rách và bầm dập. Những vết thương này xảy ra trong đường hầm do va đập hay khi di chuyển bằng xe cảnh sát hay gì đi nữa thì Harvath

cũng chẳng quan tâm. Điều anh muốn là thông tin, và anh mong là gã mang bom này có thông tin hữu ích.

“Masaa al-Khair”, Harvath nói, tay kéo chiếc ghế sắt phía bên kia bàn và ngồi xuống. *“Kayf Haalak?”*

Người được hỏi nhìn lên rồi nhổ vào mặt Harvath.

Sao bọn chúng thằng nào cũng khạc nhổ thế nhỉ?

Herrington nãy giờ vẫn đứng dựa vào tường đằng sau nhằm làm tăng phần đe dọa bật tới đằng trước nắm tóc tên này giật ngược ra sau mạnh đến mức anh có thể nhìn thẳng vào mắt hắn. “Bạn tao hỏi mày có khỏe không. Tao nghĩ rằng lịch sự thì phải trả lời chứ”.

“Elif nir ab tizak!” tên kia rên lên rồi lằm bằm.

Bob hiểu tiếng Arab và không lạ gì câu mạt sát của tên kia hàm ý hàng ngàn công cụ của đàn ông trám vào những khe, lỗ trên cơ thể anh. Bob đáp lại bằng một câu bằng thứ tiếng của hắn, không kém phần long trọng, *“Elifair ab dinich”*.

Tên tù phần nộ tột cùng khi đức tin của mình bị xúc phạm, cố gắng đưa đầu mình thoát ra khỏi gọng kìm của Bob. “Mẹ mày thằng khốn, mẹ mày”, hắn gào lên hết lần này đến lần khác.

Harvath ra hiệu cho Bob buông hắn ra và lùi lại phía sau. Dốc ngược túi tang vật, đổ hết những gì bên trong ra, anh nói, “Mày nhổ thêm một lần nữa thì tao sẽ để bạn tao ở lại đây dạy mày cách cư xử, rõ chưa?”

“Luật sư, tôi muốn có luật sư”, tên tù kêu lên bằng thứ tiếng Anh gãy khúc của mình.

Chính điều này làm Harvath nổi điên - bao nhiêu người Mỹ đang phải đối diện với nguy hiểm chết người chỉ để những tên khốn như thế này được xử trong một phiên tòa công bằng và ngay thẳng.

Công lý ở đâu cho hàng ngàn, nếu không phải là hàng chục ngàn người Mỹ đã chết bởi tên khốn này và đồng bọn của hắn? “Mày sẽ không có gì cả nếu không hợp tác. Không luật sư, không quan tòa, không gì cả nếu mày không trả lời những câu hỏi tao đưa ra. Hãy bắt đầu với tên của mày”.

“Tao không nói với mày. Tao nói với luật sư”.

Harvath ra hiệu và Herrington tiến tới từ phía sau đập đầu tên tù vào mặt bàn một cú như trời giáng.

“Bây giờ mày đã nghe tao nói chưa?” Harvath hỏi trong khi máu túa ra từ chiếc mũi gãy của tên tù.

Không thấy hắn đáp lại, Herrington tát thêm một cú vào má trái tên này, “Thế này đã làm mày nghe rõ chưa?”

Vẫn Herrington lùi lại sau, Harvath tiếp, “Nói một chút về cái đồng hồ Casio mới tinh của mày nhé. Dùng làm kíp nổ tốt lắm, phải không? Bạn mày Ramzi Yousef cũng dùng một cái thế này kích nổ một chai nhỏ dung dịch muối vệ sinh chứa nitroglycerine đi Tokyo cách đây không lâu lắm. Hắn gọi đó là gì nhỉ, bom siêu nhỏ, nhưng không đủ để làm nổ máy bay. Hắn đã bị bắt trước khi có đủ thời gian cải tiến công thức của mình, vinh danh thánh Allah”.

“*Waj ab zibik!*” tên tù rửa Harvath nhiễm trùng cái công cụ đặc trưng đàn ông của anh vì dám nhạo báng chúa của hắn.

Harvath lờ đi rồi tiếp, “Có lẽ cái đồng hồ này không dùng để kích nổ đâu hả? Thế thì tao cá là cả đám bọn mày đều cùng dùng chính loại này để phối hợp thời gian cho chuẩn. Đúng không?”

Tên tù vẫn không nói gì. Hắn vẫn ngồi nguyên đó, máu mũi tiếp tục tuôn ra, chảy xuống cằm rồi rỉ vào áo sơ mi.

“Điện thoại thì sao hả?” Harvath tiếp tục ép, “Motorola iDEN, đẹp ra phết, nhưng không hợp với mày lắm nhỉ. Ý tao là điện thoại di động kiểu này phù hợp với doanh nhân hơn. Radio kỹ thuật số hai chiều, tin nhắn vừa chữ vừa số, tính năng fax, chức năng truy cập Internet hiện đại. Quá nhiều tính năng để mày và các bạn mày tổ chức những bữa tiệc mừng khốn kiếp ở nhà thờ nhỉ. Nhân danh thánh Allah”.

“*Nikomak*”, tên tù gầm gừ.

Harvath lơ đi gọi ý mà tên tù khuyên chửi bới mẹ anh, anh vẫn nghịch chiếc điện thoại rồi hỏi tiếp, “Ít nhất một quả bom đã nổ trong đường hầm, bọn tao cho rằng mày hoặc là thành viên chủ chốt hoặc ngẫu nhiên, hay là kẻ hoạch cần phá hủy được càng nhiều mục tiêu càng tốt?”

Tên tù vẫn yên lặng.

“Mày được chọn để làm việc này như thế nào? Ai là người liên hệ?”

Yên lặng.

“Mày được liên hệ lần đầu tiên lúc nào?”

Vẫn yên lặng.

“Đồng bọn của mày còn những kế hoạch nào nữa? Nổ nhiều bom hơn? Định nhắm vào máy bay? Các thành phố khác? Còn gì nữa?”

Đến đây thì tên tù mỉm cười.

Bob định giáng cho hắn một cú nữa thì Harvath đứng dậy và nói, “Tao sẽ bay một chuyến qua Trung tâm Thương mại Thế giới để xem có luật sư nào muốn đại diện cho mày hay không”. Nói xong anh quay sang Herrington, “Mình đi thôi”.

Khi đã ra khỏi phòng thẩm vấn, Bob chặn Harvath lại, “Mình vừa mới chỉ bắt đầu. Gã kia chắc chắn là sợ rồi. Anh có thể cảm thấy điều đó mà”.

“Chắc chắn là tôi cảm thấy điều gì đó, mặc dù không chắc hẳn có sợ hay không. Nghe này, chúng ta đều là tín đồ của những đức tin mù quáng kiểu này nhưng mình không có thời gian để quay gã này theo kiểu mình muốn. Thậm chí sở Cảnh sát New York cũng có những giới hạn của họ khi để ta thẩm vấn người trong thẩm quyền giam giữ của họ”.

“Vậy thì đưa hắn ra khỏi thẩm quyền của họ”, Herrington đáp, “rồi đưa hắn trở lại Tòa nhà Liên bang, hay vào một phòng khách sạn nào đó, hay một tòa nhà bỏ hoang, đâu cũng được. Không quan trọng. Hắn biết điều gì đó. Anh có thể nhìn thấy điều đó qua thái độ của hắn”.

“Điều mà hắn biết là chúng ta đang tuyệt vọng. Nếu ta kẹp bi hắn, có lẽ hắn sẽ phun ra điều gì đó có giá trị, cũng có thể không. Ta cần có đòn tâm lý - giữ người thân của hắn hoặc điều gì đó tương tự. Nhưng thậm chí tên hắn vẫn còn chưa biết”.

“Cho tôi năm phút riêng với hắn tôi sẽ biết hắn tên gì”.

“Cũng có thể hắn chỉ là một con tốt của Al-Qaeda - một cách để đưa bom vào đường hầm không hơn. Tôi không muốn phí thời gian với hắn nữa. Ngoài ra có thể hắn đã giúp mà ta không nhận ra ấy chứ”.

“Như thế nào?” Herrington hỏi.

Harvath giơ chiếc điện thoại di động lên, “Bằng cái này”.

“Anh định nói với tôi rằng hắn ngu đến mức không xóa danh sách các cuộc gọi à?”

“Không. Tôi không nghĩ là hấn dùng điện thoại này để gọi”.

“Thế thì để làm gì? Nhắn tin?”

“Tôi hỏi anh cái này nhé. Anh đã ở Iraq và Afghanistan rồi. Cần bao nhiêu người để nổ một quả bom cảm tử?”

Với câu hỏi thế này thì nhiều người sẽ nghĩ rằng đó là một câu hỏi mẹo, tuy nhiên Herrington biết câu trả lời chính xác. “Một người, thêm một người với bộ điều khiển ở gần đó trong trường hợp kẻ mang bom tự sát quá sợ không dám tự kích nổ. Đó là điều mà anh nghĩ đến à? Kích nổ dự phòng?”

“Không cần thiết. Trong vụ này nếu thế thì có quá nhiều kẻ mang bom, không thể có chừng đấy đối tượng điều khiển từ xa. Những chiếc điện thoại kiểu này kết nối với các cột sóng di động và vệ tinh địa tĩnh GPS. Máy Blackberry của tôi cũng được thiết lập cấu hình tương tự. Nếu tất cả những đối tượng mang bom đều dùng điện thoại này thì chúng đều có khả năng truy cập bản đồ New York và luôn biết được chính xác vị trí của mình. Một tùy chọn tốt nếu không phải là dân bản địa ở đây”.

“Và như thế kẻ mang điều khiển từ xa có thể luôn luôn theo dõi chúng”, Herrington thêm vào.

“Chính xác. Nếu một trong số chúng bị chặn lại ở đường vào hầm, đối tượng điều khiển từ xa sẽ có thể nhận ra vị trí nơi chúng bị chặn và gọi điện hoặc nhắn tin tìm nguyên nhân, hoặc tự động cảnh báo những đối tượng mang bom khác và lên kế hoạch dự phòng. Đó là một cách rất thông minh để phối hợp tiến hành các cuộc tấn công trên diện rộng”.

“Anh có nghĩ rằng mình có thể lần lại vết tín hiệu GPS không?”

“Cái này nằm ngoài khả năng của tôi”, Harvath đáp, “Nhưng có lẽ tôi biết người có thể làm việc này”.

CHƯƠNG 24

Tôi sẽ cho mục này vào danh sách - việc cần làm ngay sau khi tìm được phương thuốc trị bệnh ung thư. Anh có điên không đấy?” Kevin McCauliff thốt lên từ đầu dây bên kia với Harvath. Cả hai cùng là thành viên của một nhóm không chính thức thuộc đặc vụ Liên bang, hàng năm dự tập huấn tại binh đoàn Lính thủy đánh bộ Marathon, Washington, DC. Ngoài việc cùng nhóm tập huấn với nhau thì McCauliff còn nắm một vị trí không thấp trong một cơ quan của chính phủ mà Harvath đã từng phải một lần nhờ cậy trước đây - Cơ quan tình báo địa lý - không gian quốc gia NSA.

Đã từng mang tên Cơ quan bản đồ và Dữ liệu ảnh Quốc gia, NSA là một nguồn thông tin tối quan trọng và hỗ trợ tác chiến cho Bộ Quốc phòng. Trong hoàn cảnh này, có lẽ đó là một trong những mặt hạn chế tiềm tàng nhất của Bộ này.

“Vậy anh nói là không làm được?” Harvath đáp.

“Không”, McCauliff tiếp, “Tôi nói là tôi không *muốn* làm điều đó. Tôi không làm vì anh yêu cầu tôi dấu cấp trên việc này”.

“Đó chính là điều tôi yêu cầu anh”.

“Tôi có thể bị sa thải, Scot. Nếu thế thì tôi sẽ làm gì đây?”

“Nếu bị sa thải, tôi sẽ tìm được việc cho anh bên An ninh Nội địa”.

Mặc dù đang ở tận Bethesda, Maryland, McCauliff cười vang như thể anh đang đứng ngoài đường ngay cạnh Harvath và Herrington. “Cảm ơn. Nhưng có lẽ tôi nhận tiền trợ cấp thất nghiệp thì hơn”.

“Vì Chúa, Kevin, chuyện này nghiêm trọng đấy. Anh đã xem những gì xảy ra ở đây chưa?”

“Dĩ nhiên là rồi. Chỗ nào cũng đưa tin cả. TV nói là còn tệ hơn cả vụ 11/ 09”.

“Còn có thể tệ hơn nếu anh không chịu giúp”.

“Scot, anh phải nói cho tôi biết tôi làm việc này cho ai”.

“Cho tôi, Kevin”.

“Mình là bạn thân nhưng như thế chưa đủ”.

“Tôi sẽ lại mời em gái anh đi ăn tối, được chưa? Như thế ổn không?” Harvath đáp. Anh biết là em gái McCauliff quý mình và sau lần giúp anh ỉm đi vụ trước, đó là điều McCauliff nhờ anh coi như trả công.

“Lần đó không phải là khủng hoảng tâm quốc gia thế này. Hiện nay cơ quan tôi cũng không có nhiệm vụ huy động nguồn lực. Nếu tôi bị lộ, sẽ cần có một câu chuyện làm vỏ bọc đấy”.

“Và tôi không có câu chuyện ấy cho anh”, Harvath đáp. “Anh sẽ phải tự nghĩ ra đấy. Kevin, làm ơn đi. Rất có khả năng những kẻ đứng đằng sau những vụ tấn công ngày hôm nay còn có những động thái khác đã được lên kế hoạch. Tôi cần anh giúp để chặn chúng lại”.

“Vậy tại sao anh không làm việc này trong nội bộ An ninh Nội địa?”

“Vì không ai ở đó có thể làm việc này tốt hơn anh”.

McCauliff im lặng thật lâu. Harvath biết rằng anh cần thêm lý do để tăng tính thuyết phục, “Và vì sáng nay, ngay trước khi cầu và hầm ở đây bị đánh sập, tôi có nhiệm vụ mật phối hợp với một nhóm Đặc nhiệm Chống khủng bố Manhattan mà thực ra là nhân viên Tình báo Quốc phòng đóng giả. Trong khi hoạt động của họ làm thông tin rò rỉ. Thông tin theo dõi thu thập được cho thấy bọn khủng bố biết về nội dung nhiệm vụ mật của tôi”.

“Không có lý. Chúng ta đều thuộc về một phe. Sao họ phối hợp với anh mà không nói cho anh biết họ là DIA?”

“Tôi mong là sẽ tìm ra câu trả lời, nhưng việc này không quan trọng bằng việc tôi tìm ra kế hoạch tiếp theo của bọn khủng bố. Anh có định giúp tôi hay không?”

McCauliff nghĩ thêm một khắc nữa rồi đáp, “Phần nhiều sẽ còn phụ thuộc vào các dữ liệu của điện thoại di động. Nếu dữ liệu được truyền đi trọn vẹn, tôi có thể dùng được. Nếu được truyền theo kênh bảo mật kiểu SSL, tôi sẽ cần thời gian để giải mã nó”.

“Chúng ta có lẽ không có đủ thời gian đâu”.

“Anh nói là điện thoại dùng mạng Nextel à?”

“Đúng”.

“Tôi quen một người ở đó và có thể moi được một ít thông tin. Tôi sẽ theo phương án này và sẽ rà soát các máy chủ lưu trữ thông tin truy cập GPS của công ty họ. Sẽ gọi lại cho anh trong nửa giờ nữa”.

Harvath mô tả thêm một số thông tin cho McCauliff mà anh có được từ chiếc điện thoại *quên* không trả vào túi tang vật của sở Cảnh sát New York rồi gác máy.

“Bây giờ mình làm gì?” Herrington hỏi.

“McCauliff là người có khả năng nhất cho việc này. Nếu có ai đó có thể biến việc phân tích những dữ liệu này thành lợi thế, đó chính là anh ấy”.

“Rồi sao nữa? Nếu sau đó ta lần theo dấu vết bọn khủng bố, sẽ vẫn chỉ có vền vẹn hai chúng ta”.

“Thành thực mà nói, tôi vẫn chưa nghĩ đến mức ấy”, Harvath đáp.

“Tôi đã nghĩ rồi”, Bob đáp. “Hãy quay lại Hội Cựu chiến binh xem thử có cách nào bổ sung lực lượng không”.

CHƯƠNG 25

Cùng với hai người đàn ông giúp, Tim Fiore và Marcy Delacorte khiêng cáng chạy bán sống bán chết xuống dốc cầu. Khi đến gần cuối cầu họ thấy ba chiếc xe cứu thương chuẩn bị rời đi, chở đầy người bị thương.

Tim gào lên gọi nhân viên sở Cảnh sát New York cách anh khoảng chục mét, “Dừng xe cứu thương lại!” Nhưng viên cảnh sát biết rằng không còn thêm chỗ trên xe, “Vẫn sẽ có thêm xe cứu thương đến ngay bây giờ đây”, anh ta đáp.

“Chúng tôi không thể chờ thêm được”, Marcy đáp trong khi chìa huy hiệu ngành của mình. “Cơ quan Mật vụ Hoa Kỳ. Chúng tôi có một người quan trọng bị thương”.

“Xe cứu thương đã chạy rồi. Chúng tôi không thể làm gì hơn được”.

Fiore nghiêng đầu ngó về chiếc xe tuần tra của viên cảnh sát và Delacorte hiểu ngay ý định của anh.

“Chúng tôi cần trưng dụng xe của anh”.

“Tôi không thể giao xe cho cô được”, viên cảnh sát đáp.

“Và tôi không xin xỏ gì đâu đây”, Marcy chĩa súng về phía anh ta. Viên cảnh sát giơ hai tay lên và đáp, “Thôi được rồi, cô cứ lấy xe đi”.

“Hãy chuyển cô ấy vào xe”, Fiore nói với hai người đàn ông đi cùng.

Cả bốn người khẩn trương đưa cáng lại gần chiếc xe cảnh sát. Viên cảnh sát nhìn họ và chột hời, “Đó có phải là-?”

Fiore gật đầu, “Bệnh viện gần đây nhất ở đâu?”

“Bệnh viện Beth Israel”, viên cảnh sát đáp, “nằm giữa đại lộ số 1 và đại lộ 15. Bệnh viện New York dưới phố chắc đã quá tải rồi”.

“Anh không lái được đâu”. Marcy nói khi ngồi vào băng sau cạnh Amanda. “Anh không biết đường ở đây mà”.

Fiore nhìn quanh và mắt anh dừng lại trên bảng táplô của một chiếc xe gần đó. Chạy nhanh về phía chiếc xe, anh rút huy hiệu ngành ra và nói ngắn gọn. “Mật vụ Hoa Kỳ”.

Quay trở lại chiếc xe tuần tra, Fiore ốp thiết bị nổi GPS hiệu Garmin iQue vào táplô xe rồi khởi động máy, không quên bật đèn nháy và còi hú. Xe máy dưới phố cố tìm cách len lên phía trước nhưng không nhích được mấy. Họ không còn đường để đi. Giao thông hoàn toàn bị tê liệt.

Nhắm vào khoảng lề đường giữa hai chiếc ô tô đỗ phía trước, Fiore hô to, “Giữ chắc”, rồi đạp ga cho chiếc xe lao đi.

CHƯƠNG 26

Thông tin mà gã Lùn cung cấp không bao gồm địa điểm giam giữ Mohammed bin Mohammed. Ali và người của hắn chỉ biết rằng nếu tìm đúng địa điểm thì những nơi phải qua vẫn không bằng bởi độ khó đột nhập và nguy hiểm là rất cao.

Cửa hiệu trên phố 47 giữa đại lộ số 5 và 6 trông chẳng có gì khác với những cửa hiệu khác trong khu trung tâm New York với hàng loạt các cửa hàng bán kim cương, nhưng Ali và người của hắn biết đó chỉ là vẻ bình thường bên ngoài. Cửa sổ và cửa ra vào được lắp kính chống đạn Lexan gia cố với các khung thép chịu lực. Cửa chính được trang bị kiểu khóa kín giữa với hai cửa phụ và người bước vào sẽ chỉ mở được lớp cửa thứ hai sau khi lớp cửa thứ nhất đã đóng hoàn toàn sau lưng. Hệ thống các lỗ thông bí mật trên sàn có khả năng bơm vào bên trong hóa chất gây tê liệt hệ thần kinh trong trường hợp thảm trải sàn với hiệu điện thế cực cao không vô hiệu hóa được những đối tượng xâm nhập. Nếu so sánh với những chuỗi cửa hàng khác được trang bị các hệ thống an ninh nghiêm ngặt thì cửa hàng này vẫn cao hơn một bậc.

Những chiến binh Chechen quyết định không đối mặt với khóa kín hai lớp cửa và theo họ thì tương quan lực lượng không cho phép đi qua đường cửa sổ - trừ khi có ai đó “mở” chúng sẵn.

Trong trang phục người Do Thái mà người ta vẫn thường thấy trên những khu phố buôn bán sầm uất, hai đối tượng người Chechen tiến vào bên trong cửa hiệu với những chiếc cặp khó phân biệt trên tay. Vài phút sau, khi nhân viên cửa hàng còn đang nhón nháo khi thấy chiếc Chevy Tahoes đen vừa đâm sầm vào bên ngoài mặt tiền cửa hàng và nằm im trên vỉa hè, hai tên Chechen bắt đầu hành động.

Hai chiếc cặp xách tay bị kích nổ với áp lực đủ để gây điếc và ánh sáng trắng làm chói mắt. Trước khi có thể phản ứng, nhân viên cửa hàng bị một trong hai tay súng hạ ngay lập tức trong khi tên còn lại đặt khối thuốc nổ lên mặt kính của cửa sổ lớn nhất. Lúc khối thuốc phát nổ thì cả hai đã có mặt trước cửa hầm bằng kim loại dày loại có tay quay để mở khóa thường thấy trong các ngân hàng lớn trước khi thâm nhập vào hoạt động bên trong của cửa hàng này.

Ba Lính thủy Đánh bộ mặc thường phục bên trong hạ được một tên bằng những khẩu M16 cưa nòng của mình nhưng mặc dù đầy kinh nghiệm, họ vẫn không thoát được sát thương bởi những mảnh lựu đạn do tên còn lại ném vào.

Sau khi hạ được tốp Lính thủy đánh bộ và toàn bộ nhóm đã tập trung lực lượng bên trong cửa hàng, đám khủng bố tiến sâu vào bên trong, xả súng tiêu diệt bất cứ động thái nào mà chúng bắt gặp trên đường đi.

Ba phút rưỡi sau, tất cả các phòng đều được lục soát kỹ càng. Hai trong số chúng thu gom xác đồng bọn vào những chiếc túi côngsô, những kẻ còn lại kiểm tra vũ khí và nạp lại đạn. Lúc thọc tay vào áo khoác để lấy băng đạn mới, Ali nhận ra mình vẫn còn mang

theo chiếc điện thoại di động - một sơ xuất không thể tha thứ. Nếu gã Lùn hoặc ai đó cần gọi hắn, họ biết phải làm như thế nào.

Tháo pin ra khỏi máy, Ali đập nát chiếc điện thoại bằng báng súng của mình và gom những mảnh vỡ lại. Lúc ra khỏi cửa hàng, hắn quẳng chúng vào miệng cống gần đó.

“Xong hết cả chưa?” Ali quay sang hỏi Sacha, một tay lực lưỡng với hàm râu quai nón rậm rì.

Tên trưởng nhóm Chechen tháo dây chiếc túi đựng các thiết bị điện tử rồi ném nó vào chiếc xe dẫn đầu rồi gật đầu.

Khi chiếc SUV lăn qua những chướng ngại vật, Ali nhìn đồng hồ và nhắm tính sẽ mất bao nhiêu thời gian để đến được mục tiêu tiếp theo. Hắn băn khoăn không biết mình sẽ có thể tìm được Mohammed bin Mohammed hay không.

###

Cách đó nửa vòng trái đất, gã Lùn đang nằm trên chiếc sofa da gần hai con chó giống Cáp-ca, Argos và Draco. Gã Lùn đang thưởng thức một ngụm Calvados chính cống trong khi xem bản nguyên gốc vở “Chuyến viếng thăm”^{*} của Friedrich Durrenmatt thì một tiếng động vang lên từ phía bàn làm việc.

Gã Lùn vung chân qua đầu sofa và nhảy xuống sàn nhà vì khoảng không giữa ghế và bàn trước mặt không lớn. Hai con chó lập tức phản ứng và theo chủ di chuyển về phòng ăn khổng lồ của tòa biệt thự. Tại đây, mọi vết tích của một phòng ăn không hề tồn tại bởi chúng được thay thế bởi hàng loạt những máy chủ cao cấp nhất cũng như các thiết bị liên lạc vệ tinh.

Một bộ thiết bị bằng kính và crôm với ba màn hình phẳng phía trên, tuy nhiên kích thước chỉ phù hợp với một đứa trẻ, được bố trí

cùng với một chiếc ghế da cùng cỡ ở cuối phòng. Ngay khi ngồi vào ghế, gã Lùn nhập một loạt mã bằng bàn phím Lucite đặt chìm trên mặt bàn và cả ba màn hình đồng loạt sáng lên. Cuộc sống với các thiết bị hiện đại tích hợp vào thế giới riêng của gã Lùn, được thiết kế cho một người với kích cỡ như gã Lùn, thật đáng ngạc nhiên.

Vài khắc sau, một loạt những thanh trạng thái đa màu dần dần biểu đồ xuất hiện khi những dữ liệu được mã hóa bắt đầu được tải xuống máy chủ của gã Lùn. Nhờ vào những thiết bị điện tử tinh vi trong chiếc túi của mình, Sacha đã thực hiện phần đầu nhiệm vụ của mình thật hoàn hảo.

Lấy chiếc PDA* treo ra khỏi túi áo khoác thể thao, gã Lùn phớt lờ những suy ngẫm về cuộc sống và chuyển phần thưởng đầu tiên cho Sacha. Cho đến giờ, mọi việc vẫn diễn ra rất, rất tốt.

CHƯƠNG 27

Khi quay lại Hội Cựu chiến binh, Harvath chờ trong phòng bác sỹ Hardy trong khi Bob lên tầng thượng tìm ba người bạn của mình. Những cảnh Harvath xem trên màn hình TV tại bàn làm việc của bác sỹ Hardy là những điều tồi tệ nhất anh đã từng chứng kiến, kể cả qua những trận chiến. Khung cảnh hoang tàn và rùng rợn dán chặt vào các giác quan của Harvath nhưng anh vẫn phải quay mắt đi chỗ khác bởi lúc này Harvath cần phải bỏ qua mọi thứ, tập trung ghép những mảnh dữ liệu mà mình có thành một bức tranh toàn cảnh.

Để tập trung, Harvath nhìn vào những tấm bằng đóng khung treo trên tường. Nhớ đến vết thương ở vai của Bob, anh nghĩ ngay rằng Samuel Hardy là một bác sỹ y khoa, nhưng khi đọc anh nhận ra đây là một tiến sỹ. *Làm thế quái nào mà một tiến sỹ lo vật lý trị liệu cho Bob nhỉ*, Harvath băn khoăn. *Trừ phi -*

Dòng suy nghĩ của Harvath bị ngắt khi bác sỹ, tiến sỹ Samuel Hardy bước vào phòng. “Có gì mới không?” ông ném tập tài liệu lên bàn và hướng về phía TV ra ý hỏi.

“Báo cáo con số thương vong đã tăng lên đến hai lần trong hai mươi phút qua”.

“Cầu Chúa giúp chúng ta”.

Harvath gật đầu và tiếp, “Tôi có thể hỏi một câu được không?”

“Dĩ nhiên rồi”.

“Anh dùng phương pháp gì điều trị cho Bob Herrington vậy?”

Hardy nhìn Harvath trong vài giây và sau đó đi đến bàn làm việc của mình. “Với tất cả sự kính nể của tôi, việc đó không có gì liên quan đến anh, Harvath ạ!”

Harvath không chịu dừng ở đây nhưng vẫn lịch sự, “Tôi cho rằng đó không phải là một dạng vật lý trị liệu”.

“Và những người mà tôi gặp trên tầng thượng nữa - Cates, Morgan và Hastings? Họ thì sao? Bob nói rằng họ cũng là những người trong *pháp đồ điều trị như* anh ấy. Về ngữ nghĩa mà nói thì tôi đặt giả thiết là một chương trình vật lý trị liệu - kiểu những người bạn cùng tập các bài tập thể lực”.

“Giả thiết của anh rất gần với thực tế, nhưng tôi muốn nhắc lại một lần nữa là tôi cảm thấy không thoải mái khi -”

“Nói về những bệnh nhân của mình”, Harvath tiếp lời Hardy. “Tôi hiểu”.

“Tôi lại không nghĩ anh thực sự hiểu”.

“Vậy sao ông không giúp tôi hiểu?”

“Tôi là một bác sỹ tâm lý”.

“Vậy thôi? Chỉ đơn giản là một ông bác sỹ tâm lý đứng tuổi?”

“Về mặt chuyên môn công việc thì không hề đơn giản chút nào. Đứng tuổi, có lẽ đúng nhưng công việc của tôi không bao giờ đơn giản”.

Harvath không phải là người ưa vòng vo, anh đã quá chán điều đó từ khi còn công tác ở Washington. “Cho phép tôi nói thẳng vào

vấn đề nhé”, anh nói, “năm phút trước tôi vẫn còn nghĩ rằng Bob Herrington có những người bạn đã giải ngũ mà tôi có thể tin cậy. Nhưng lúc này đây thì tôi không dám chắc, vậy xin ông thứ lỗi nếu tôi quá thẳng thắn khi hỏi ông thực sự đang làm gì ở đây vậy?”

Bác sỹ kéo ngăn bàn bên dưới và lấy ra một bức ảnh đen trắng của bốn người lính. Họ đều mặc đồ nguy trang sọc da cạp. “Hồi đó tôi còn trẻ, người đứng bên trái ấy”, bác sỹ giải thích. “Tám ảnh này được chụp khi tôi còn thuộc Nhóm các Lực lượng Đặc nhiệm số 5”.

“Ông đã từng là lính mũ nồi xanh à?”

“Đúng”.

“Và cuối cùng lại trở thành bác sỹ tâm lý?”

“Sau khi giải ngũ, tôi gặp rất nhiều vấn đề”, Hardy ngưng lại một phút rồi tiếp, “Bob kể với tôi anh từng là đặc nhiệm Hải quân, phải không?”

“Về mặt kỹ thuật tôi vẫn thuộc Hải quân”, Harvath đáp, “họ chỉ cho một số các cơ quan chính phủ mượn tạm tôi một thời gian thôi”.

“Vậy anh có thể hình dung và hiểu được những vấn đề mà tôi gặp phải. Khi trở về từ cuộc chiến, tôi được rất nhiều bác sỹ điều trị - cả bác sỹ tâm lý cũng như những chuyên gia tâm thần. Họ có một điểm cơ bản rất giống nhau, đó là điều khiến họ không thể giúp được tôi - không ai trong số họ đã từng ra mặt trận. Thế giới quan của họ dựa trên những nguyên tắc xử thế kiểu thiện-ác trong khi tôi lại chịu ảnh hưởng của kiểu chiến trường. Họ thậm chí không có cách nào hiểu những gì tôi được yêu cầu phải thực hiện trong chiến tranh, những điều tôi sẵn sàng làm vì tổ quốc. Đó là lý do tôi bắt đầu bước chân vào lĩnh vực tâm lý học”.

“Vậy chuyên môn của ông là giúp điều trị những người đã từng tham chiến?”

“Không phải cho tất cả mọi người”, Hardy đáp, “chỉ dành cho những người giỏi nhất. Chuyên môn của tôi được trưng dụng cho nhân sự của đơn vị Tác chiến Đặc biệt”.

“Như Bob”, Harvath nhận xét, suy đoán bước tiếp theo, “Rick Cates, Paul Morgan và Tracy Hasting”.

Hardy không nói gì, hàm ý Harvath đã có câu trả lời chính xác.

“Nội dung điều trị mà chúng ta nói tới là gì? PTSD rối loạn tâm lý hậu chấn thương dạng phức tạp?”

“Rối loạn tâm lý hậu chấn thương là vấn đề thường thấy đối với những cựu binh, nhưng không phải đối với những chiến sỹ ưu tú của chúng tôi. Điều mà chúng tôi nhận thấy là họ, đặc biệt trong trường hợp phải giải ngũ trước hạn vì chấn thương hay những lý do khác, không có khả năng tương thích với thế giới ‘thực’ - nơi mà không phải lúc nào lòng trung thành và danh dự cũng hiện hữu, trong khi cái thế giới mà họ vừa bỏ lại sau lưng - lại là một nơi mà sự gắn bó khăng khít giữa đồng đội lại là niềm tự hào toàn vẹn và tự nhiên”.

Harvath ngạc nhiên, nhưng anh vẫn chưa hoàn toàn hiểu được vai trò của bác sỹ. “Vậy là ông giúp họ hòa nhập với cuộc sống bên ngoài cộng đồng tác chiến đặc biệt của họ?”

“Có thể coi là như vậy”, Hardy đáp. “Mỗi cựu binh đều có những vấn đề riêng, bất kể họ là ai. Nhưng những cựu binh trong cộng đồng tác chiến đặc biệt thường có những vấn đề tương đồng và đó là lý do trong nhiều trường hợp, điều trị theo nhóm sẽ rất hữu ích,

giúp quá trình chuyển tiếp với đời sống dân sự trở nên thuận lợi và hiệu quả”.

Harvath đánh giá những gì mình được nghe trong vài phút và nghĩ liệu mình có còn việc gì vẫn chưa suy xét kỹ càng. Những gì Bob nói tại quán Pig & Whistle về việc để Meg Cassidy vượt khỏi mối quan hệ với anh vắng vắng bên tai nhưng anh cố lờ đi. Bác sỹ Hardy nói về những vấn đề tâm lý sâu xa, không phải quyết định của anh đặt công việc lên trên một mối quan hệ tình cảm hoàn toàn bình thường với một người khác giới.

Harvath hỏi câu hỏi mà anh cho rằng cần thiết nhất lúc này. “Nếu không xâm phạm đến nguyên tắc bảo mật giữa bác sỹ-bệnh nhân, họ có bất cứ vấn đề gì mà tôi cần phải biết không?”

“Cũng còn tùy. Anh biết về họ đến đâu?”

“Bob đã kể về họ qua email nhưng đây là lần đầu tiên tôi được gặp trực tiếp”.

“Nếu không biết anh định yêu cầu họ làm những gì, tôi e rằng sẽ rất khó để trả lời câu hỏi của anh”.

Đó là một câu trả lời khá công bằng. “Có lẽ tôi sẽ không yêu cầu họ làm điều gì cả”, Harvath đáp, “Tôi mong là như thế. Tuy nhiên, cũng có khả năng tôi sẽ yêu cầu họ làm một việc mà họ không làm trong một thời gian”.

“Bọn khủng bố vẫn chưa ngừng lại, đúng không?” Hardy hỏi.

Harvath lắc đầu. “Chúng tôi cũng nghĩ vậy”.

“Mỗi người đều có một cách phản ứng với căng thẳng trên chiến trường khác nhau. Bob Herrington là một người có khả năng lãnh đạo tuyệt vời. Nếu Rick, Tracy và Paul là người Bob muốn chọn thì tôi nghĩ rằng đó sẽ là một đội rất tốt”.

“Nếu tình hình diễn tiến không tốt thì sao?”

“Không có cách nào tiên đoán trước được. Không may là anh sẽ không biết trước cho đến khi mọi việc xảy ra”.

“Và lúc đó đã là quá muộn”.

Hardy gật đầu đồng tình. “Những triệu chứng của cựu binh khi phải tái hòa nhập với thế giới thực cần phải điều trị nhiều hơn những rối loạn khác. Hãy lại đặt họ dưới sức ép chiến đấu, cứ mười trường hợp thì có tới 9 là những triệu chứng nói trên sẽ biến mất”.

“Còn trường hợp thứ mười thì sao?” Harvath hỏi. “Tôi phải làm gì nếu nó diễn ra?”

“Anh không thể làm gì được mà chỉ họ có thể tự khắc phục được. Nó sẽ xảy ra và họ sẽ phải đối diện với bản chất thực bên trong mình. Điều đó không khác gì một trận chiến mà để thắng nó, họ sẽ phải can sự can đảm, nhiều can đảm hơn là đối diện với mũi súng kẻ địch”.

Đó là câu trả lời mà Harvath không chỉ hiểu mà còn rất cảm kích, vấn đề duy nhất là một trong số họ có thể sẽ tê liệt trong lúc những người còn lại thực sự cần anh ta.

CHƯƠNG 28

“Nói cho tôi biết có chuyện gì đang xảy ra ở New York”, Bộ trưởng An ninh Nội địa Alan Driehaus bước vào văn phòng Gary Lawlor mà không gõ cửa rồi đóng sập cửa phòng lại.

Gary chưa bao giờ để tâm đến vai trò Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoa Kỳ cũng như vị trí hiện tại của Alan Driehaus tại Bộ An ninh Nội địa. Với thái độ ngoại giao hòa nhã nhất có thể, Gary đáp nhưng càng lúc ông càng cảm thấy khó mà dấu được thái độ thiếu thiện cảm đối với Driehaus, “Rõ ràng là một số cuộc tấn công do khủng bố tiến hành ở New York. Kênh nào cũng đưa tin như thế cả”.

“Đừng có nói những thứ vớ vẩn ấy theo kiểu hạ cố với tôi. Vai trò của ông là gì hả?”

“Tôi ngừng vai trò chống khủng bố nhiều năm rồi. Đó là tiền đề để làm công việc hiện nay”.

Thái độ thiếu nể trọng mà Driehaus cảm thấy Bộ làm ông ta không thể dừng được. “Ngay trước khi tất cả những cuộc tấn công xảy ra, người của ông đã bắt một đối tượng Hồi giáo mà chính phủ Canada cho là tị nạn chính trị rồi đưa về Mỹ. Đúng hay sai?”

“Ai cho ông hay chuyện này?” Gary ngạc nhiên, ông e rằng có ai đó đã làm rò rỉ thông tin, mà làm thế nào thông tin lại lọt đến tai Bộ

trưởng Bộ An ninh Nội địa.

“Tôi có những nguồn tin riêng”.

“Vậy thì chắc nguồn tin của ông không chính xác rồi”.

“Ồ, họ có tin chính xác đấy”, Driehaus đáp, “Bên ông không nhận được tin này, đúng không? Khi thời cơ thuận lợi cho mục đích, chúng ta không thể cứ gò mình theo kiểu tôn trọng luật pháp hoàn toàn được. Ta phải dành được những gì mình muốn từ tay kẻ địch. Đó là đạo đức giả”.

“Ông muốn chúng tôi làm gì, Alan? Chờ đến lúc khủng bố hoạt động rồi bắt và tống chúng vào tù?”

“Không, tôi không có quan ngại nào với những quyền ưu tiên, nhưng phải có giới hạn. Ta vẫn có những điều lệ phải tuân theo”.

“Vậy sao? Sao ông không nói như vậy với gia đình những người bị giết hôm nay xem họ có thêm quan tâm chút nào tới những quy định luật pháp và giới hạn không. Chúng ta bị tấn công không thương tiếc bởi những kẻ tử vì đạo và cách duy nhất mà nền văn minh phương Tây này có thể tồn tại là phải dùng lực lượng áp đảo những kẻ Hồi giáo cực đoan”.

“Nhưng nền văn minh phương Tây không phải là một lực lượng hung bạo mà là sức mạnh của những ý tưởng mà một trong số đó là luật pháp và bình đẳng, ai cũng như nhau dưới những hệ thống luật này”.

“Alan, tỉnh dậy đi. Thanh kiếm là bà đỡ của văn minh và từ khi được khai hóa, mọi thứ đều diễn ra dưới mũi kiếm này. Tôi không cần biết nơi tôi sống có bao nhiêu tiệm cà phê Starbucks, hay thư ký riêng của tôi có thể tải bao nhiêu ảnh kỹ thuật số vào thẻ nhớ mini, hay máy trò chơi điện tử của cháu tôi hiện đại và gần gũi với đời

sống thực tế ra sao. Ta vẫn đang sống trong một thế giới mà kẻ mạnh luôn là người chiến thắng. Khi chúng ta khuất sau những *điều lệ* và bắt đầu co mình trong khuôn khổ quốc gia, đó là lúc bắt đầu đánh đổi xe hơi Mỹ và găng tay bóng chày lấy thảm cầu nguyện và các bài kinh Hồi giáo”.

Khi thậm chí là một sản phẩm của thập kỷ 60, Driehaus chưa bao giờ thấy nước Mỹ bị phân cấp ý thức hệ đến như thế. Sao nhiều người lại khó có thể nhận ra những tổn thất từ những chính sách hiện tại gây ra cho Hoa Kỳ đến thế? “Ông nói thế nghĩa là ta cứ quăng thẳng luật pháp ra ngoài cửa sổ hay sao?”

“Không”, Lawlor đáp. “Ý tôi là ta cần ngưng áp dụng những định chế phương Tây với kẻ thù của ta. Không có cách nào thắng cuộc chiến khủng bố nếu ta áp dụng những luật và những giá trị mà kẻ thù không bị ảnh hưởng”.

“Và đó là cách mà ông tiếp cận vấn đề? Ông và nhóm cựu binh, nhân viên tình báo hoạt động bí mật dưới danh nghĩa Bộ An ninh Nội địa, dùng những nguồn quỹ mà tôi không biết?”

“Cẩn thận đấy Alan. Ông đang chui chân lên tấm thảm trước cửa một ngôi nhà rất nguy hiểm. Một ngôi nhà mà tôi cần phải nhắc rằng ông không được chào đón”.

“Tôi không quan tâm. Tôi muốn biết những người mà ông có ở New York ngay bây giờ. Tôi biết có những người đang hoạt động dưới bóng của cơ quan mà tôi là người đứng đầu”.

Sự kiên nhẫn của Lawlor nhanh chóng chạm ngưỡng giới hạn. “Đừng để những đánh giá cá nhân ảnh hưởng đến khả năng thực hiện công việc của ông. Ông biết cơ chế này. Cơ quan của tôi *thuộc* cơ chế An ninh Nội địa, nhưng không phải *của* An ninh Nội địa”.

“Vậy mọi người đều được sinh ra bình đẳng, nhưng một số lại có quyền bình đẳng cao hơn người khác hả?”

“Tôi cho rằng nên đánh giá vấn đề theo cách tất cả chúng ta đều cống hiến cho sự vững mạnh của quốc gia”.

“Đó là một cách rất thú vị để mô tả hăm dọa làm tiền, bắt cóc và ám sát?”

Lawlor cố gắng giữ một vẻ mặt bình thản nhất cho đến khi ông bộ trưởng đi thẳng vào nội dung hoặc ra quách khỏi phòng làm việc của mình.

“Những gì xảy ra hôm nay là hồi chuông đánh thức cho đất nước này, Gary. Cuộc chiến chống khủng bố không có tác dụng. Quy mô những cuộc tấn công như thế này vào nước Mỹ là quá lớn. Ta không thể thắng với chiến lược như vậy, ông không thấy sao? Không vì việc ta tự cho mình có quyền làm gì thì ta *nên* làm như vậy. Ta có thể được đánh giá cao và ngược lại, coi không ra gì bởi những gì mình làm”.

Lawlor quay sang chòng tài liệu trên bàn làm việc của mình và không dấu vẻ bất mãn trong giọng nói, “Tôi đề nghị ông quay lại phòng tác chiến. Tôi đảm bảo rằng ở đó ông sẽ được đánh giá cao hơn”.

Driehaus tin rằng mình đã có được thông tin mình cần từ người đứng đầu OIIA* và mở cửa. Khi Driehaus chuẩn bị bước ra ngoài hành lang thì Lawlor gọi với, “Nhân tiện đây, thưa bộ trưởng”.

“Gì vậy?” Driehaus quay lại.

“Nhắc lại một chút, nền văn minh phương Tây không làm mọi người bình đẳng như nhau. Người làm được điều đó là Samuel Colt”.

CHƯƠNG 29

| NHÀ TRẮNG

Tổng thống Rutledge trao lại những bản thảo chương trình phát biểu trực tiếp của ông trên TV cho thư ký báo chí trên đường về căn cứ không quân Andrews ở Maryland. Khoảnh khắc duy nhất ông tách ra khỏi công việc là lúc Carolyn Leonard báo tin mới nhất về Amanda. Biết rằng hai người bạn của con mình thiệt mạng và hai mật vụ bảo vệ mất tích và bản thân con gái ông đang được đưa vào bệnh viện trong trường hợp khẩn cấp, ông không thể hoàn toàn tập trung vào công việc trước mắt. Carolyn hứa rằng sẽ cập nhật thông tin cho tổng thống hai mươi phút một lần, kể cả trường hợp không có gì mới hơn.

Khi đã được xác nhận là hai người bạn của Amanda đã chết trong vụ nổ cầu Williamsburg, tổng thống đích thân báo tin này cho bố mẹ họ từ chiếc chuyên cơ Không lực I của mình.

Về đến Nhà Trắng, Rutledge đọc lại bản thảo bài phát biểu cuối cùng rồi gật đầu. Từ khi về đến nơi, chưa ai nghe thấy ông nói một lời nào. Khuôn mặt ông đanh lại, rõ ràng đó là sự kết hợp của sự giận dữ và cảm giác kìm nén đến cùng quẫn.

Vẫy tay ra hiệu cho chuyên gia trang điểm, Rutledge nhìn thẳng vào camera và chờ dấu hiệu bắt đầu truyền hình trực tiếp. Khi được ra hiệu, ông bắt đầu phát biểu.

“Xin chào các bạn. Hôm nay, nước Mỹ lại bị tấn công khủng bố. Ký ức về vụ tấn công man rợ 11/09 vẫn còn rõ trong ký ức mỗi chúng ta và hôm nay kẻ thù lại dần thêm một bước nữa khi tấn công New York.”

“Hàng ngàn người dân Mỹ đã chết bởi những hành động khủng bố hèn hạ được lên kế hoạch kỹ càng của bọn khủng bố. Họ là những công dân với những nghề nghiệp khác nhau; thương nhân, bác sỹ, giáo viên, học sinh, trẻ em, những người bố, mẹ, anh chị em - nhưng đều cùng mong đợi khoảnh khắc mừng sinh nhật của đất nước này. Số người bị thương còn nhiều hơn thế, trong số đó có Amanda, con gái tôi, và hai người bạn của nó hiện đã mất trong vụ tấn công khi đang trên đường đến New York.”

“Những cây cầu cháy và những đường hầm sập đã khuấy lên sự sợ hãi, tuyệt vọng và sự giận dữ tốt cùng không nguôi.”

“Mục đích của những cuộc tấn công này là nhằm dập tắt những hy vọng tươi đẹp và tự do của thế giới, nhưng ngọn đèn dẫn dắt của nước Mỹ sẽ không vì thế mà mờ đi. Chúng ta cần vượt qua thời khắc khó khăn này và cần làm thế với những hy vọng tươi sáng hơn trước.”

“Bọn khủng bố có thể làm rung chuyển những cây cầu và những đường hầm, nhưng chúng không thể lay chuyển đất nước vĩ đại này.”

“Một lần nữa, chúng ta lại bị ép phải nhìn trực diện vào những thế lực đen tối, nhưng tôi tin rằng những thế lực này không thể chia cắt nhân dân Mỹ. Tôi mong các bạn giữ bình tĩnh. Chính phủ đã và vẫn đang huy động tối đa mọi nguồn lực để xác minh và tìm kiếm những kẻ đứng sau những hành động hèn hạ này. Như chúng ta vẫn nói,

kẻ che dấu bọn khủng bố cũng có tội không khác gì chúng và sẽ được đối xử như những kẻ có tội kia.”

“Tôi muốn gửi lời cảm ơn những thành viên của Quốc hội, những người đã sát cánh bên tôi mạnh mẽ hỗ trợ xử lý tình huống khi những cuộc tấn công diễn ra. Và thay mặt cho nhân dân Mỹ, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với những nguyên thủ các quốc gia đã gửi lời chia buồn cũng như ngỏ ý giúp đỡ chúng tôi. Cuối cùng là lời cảm ơn đến tất cả những nhân viên cứu hộ, cảnh sát, lực lượng cứu hỏa và nhân viên hỗ trợ phản ứng nhanh EMS, cũng như hàng triệu người dân trên khắp nước Mỹ đã và đang chờ được hiến máu cứu người và huy động vật lực qua những hoạt động từ thiện, điều rất cần thiết trong thời gian tới để làm lành lại vết thương cho một trong những thành phố lớn nhất thế giới.”

“Với nhân dân thành phố New York, tôi biết các bạn đang phải chịu một tổn thất to lớn, nhưng các bạn không đơn độc. Mỗi người dân Mỹ đều sát cánh với các bạn, các bạn luôn trong suy nghĩ và những lời cầu nguyện của chúng tôi. Tim chúng tôi trĩu nặng với mất mát của các bạn, sự mất mát mà những người ưa chuộng hòa bình và tự do trên khắp nước Mỹ và cả trên thế giới”.

Geoff Mitchell dõi theo lời phát biểu của tổng thống từ ngay camera gần đó lúc ông chuẩn bị đọc nốt đoạn kết. Bài phát biểu được chuẩn bị rất tốt và Rutledge chuyển tải nó một cách hoàn hảo. Sau khi trích dẫn một đoạn trong Tuyên ngôn Độc lập về lời hứa danh dự giúp đỡ những nạn nhân và gia đình của họ, camera thu hình sẽ được thay bằng biểu tượng của tổng thống và bài phát biểu kết thúc.

Bài phát biểu được chuẩn bị trong hoàn cảnh không mấy dễ dàng nhưng thư ký báo chí của tổng thống vẫn luôn mong rằng mình có

cơ hội viết được một bài phát biểu luôn được nhớ tới. Anh cảm thấy khá tự tin và cho rằng bài phát biểu lần này có thể là một trong những bài phát biểu khiến người nghe không quên được. Điều mà anh không biết chính là lý do làm người nghe không thể quên được nó, bởi anh chưa được chứng kiến lý do ấy.

Khi tổng thống gần kết thúc bài phát biểu của mình, ông bỏ qua phần kịch bản đã được viết sẵn.

“Và với những kẻ khủng bố và những tội ác hèn hạ kinh tởm của chúng, tôi muốn nhấn rằng, nước Mỹ sẽ không chịu ngưng lại cho đến khi triệt hạ được tên khủng bố cuối cùng. Khi cần thiết, chúng ta sẽ đến tận những hang cùng ngõ hẻm, làm cạn sông hồ và lật từng tảng đá dọc đường để tìm ra các người. Và khi tìm thấy - và chúng ta chắc chắn sẽ tìm thấy - nước Mỹ sẽ dùng mọi cách có thể các người sẽ nhận được kết cục ngàn lần kinh khủng hơn những gì các người gây ra trên đất Mỹ ngày hôm nay”.

“Nước Mỹ đã đánh bại những thế lực đen tối lớn nhất của thế giới hiện đại và cũng sẽ đánh bại những thế lực Hồi giáo cuồng tín cực đoan.”

“Cám ơn tất cả các bạn và Chúa phù hộ nước Mỹ”.

Bóng đèn đỏ trên nắp camera đã tắt nhưng không ai nói được một lời nào. Thậm chí giám đốc trường quay cũng vậy, mặc dù nhiệm vụ của ông là báo cho tổng thống biết là chương trình trực tiếp đã được ngắt.

“Tôi nói có rõ ràng không?” Rutledge hỏi.

“Tôi phải nói là không thể rõ ràng hơn, thưa tổng thống”. Tình huống trớ trêu của giám đốc trường quay vẫn còn y nguyên.

Biết là các kỹ thuật viên sẽ cần vài phút để thu dọn công cụ tác nghiệp để rời Phòng Bầu Dục, Chuck Anderson hỏi, “Thưa tổng thống, tôi có thể xin vài phút của ngài trong văn phòng của tôi được không?” Chuck cũng chỉ tay về phía thư ký báo chí của Rutledge, “Cả anh nữa, Geoff”.

Sau khi họ đã qua cánh cửa nối liền hai phòng và hoàn toàn tách biệt khỏi những người khác, tham mưu trưởng hỏi, “Ngài có biết ngài vừa mới làm gì không?”

“Chúng ta sẽ không nấp sau lưng những nhãn mác chính trị nữa đâu Chuck”.

“Và tôi có thể nói rằng ngài đã đẩy chúng ta ra khỏi những nhãn mác chính trị đó mạnh hơn mức cần thiết. Và cùng với nó là Thiên Chúa Giáo phương Tây chính thức tuyên chiến với đạo Hồi”.

“Tôi không nói rằng chúng ta muốn có chiến tranh với những người đạo Hồi mà là tuyên chiến với những kẻ Hồi giáo cực đoan cuồng tín”.

Viên tham mưu trưởng quay sang thư ký báo chí, “Chắc là tôi nói sai, phải không Geoff? Hay chúng ta đang chính thức tuyên chiến với những người Hồi giáo?”

“Tôi nghĩ là ông đang đánh giá những nhận xét của tổng thống vượt ra ngoài khuôn khổ của nó”, Mitchell đáp.

“Anh không nghĩ rằng đó chính là điều mà những giáo sỹ đạo Hồi và những kẻ chuyên quyền trong cộng đồng Hồi giáo tại những nước theo đạo Hồi đang đánh giá chính như thế hay sao?”

“Tôi không cho rằng việc này không sửa chữa được. Tổng thống đã rất giận dữ và ông ấy có lý do chính đáng. Chúng ta vẫn có cách để nó trôi qua êm đẹp”.

“Ngừng lại đi”, tổng thống ra lệnh. “Chúng ta sẽ không rút lại, sửa lại hay làm cách gì đó để việc này trôi qua êm thấm. Tôi đã quá mệt mỏi với việc loanh quanh rồi. Nước Mỹ sẽ đứng thẳng cùng những tuyên bố vừa rồi”.

“Đằng nào cũng vậy, thưa tổng thống. Tôi ước gì ngài tham vấn tôi trước khi phát biểu như vậy”, thư ký báo chí lên tiếng. “Vượt ra ngoài khuôn khổ có thể rất nguy hiểm, kể cả có chuẩn bị kỹ càng đến đâu”.

Viên tham mưu trưởng, một người bạn lâu năm của tổng thống, nhún vai nói, “Tổng thống không làm gì vượt ra ngoài khuôn khổ cả, Geoff. Ông ấy biết rất rõ những gì mình nói”.

“Tôi không hiểu”, Mitchell nói.

Rutledge hít một hơi thở sâu. “Tôi có giận dữ không? Anh nói tôi rất giận dữ là đúng. Nước Mỹ bị tấn công và giờ tôi vẫn chưa biết là vì những cuộc tấn công này con gái tôi sẽ sống hay chết. Tôi phát biểu điều mà mỗi người dân Mỹ và mỗi lãnh đạo của thế giới phương Tây muốn nói và cần nói - phải đẩy lùi những kẻ Hồi giáo cuồng tín cực đoan. Mọi người thấp thỏm sợ hãi xung quanh con voi đứng giữa phòng trong khi nó cứ tiếp tục ăn và lớn mạnh hơn ngay trước mắt chúng ta”.

“Vậy còn những lực lượng đồng minh với Hồi giáo thì sao?”

“Thì sao?” Rutledge đáp với vẻ giễu cợt, “Hồi giáo cực đoan thậm chí còn là một mối nguy lớn hơn đối với họ và đến giờ họ vẫn chưa làm được gì ngoài việc ngồi yên nhìn mối nguy hiểm ngày càng phình ra”.

“Vậy còn những người Hồi giáo bình thường coi đây là một sự coi thường tôn giáo của họ và bản thân họ?”

“Kệ họ thôi. Dòng chính thống đạo Hồi chưa làm gì để can thiệp căn bệnh ung thư di căn trong cộng đồng của họ. Họ thậm chí còn chưa bao giờ lên án chúng. Theo như tôi biết, họ cũng sẽ không còn bàn đến chuyện này nữa. Không thể chỉ ngồi nhìn rồi xem gió sẽ thổi theo chiều nào. Hoặc họ sẽ là một phần của phương thuốc chữa ung thư di căn, hoặc họ sẽ là một phần của nó. Chấm hết”.

Cả tham mưu trưởng lẫn viên thư ký báo chí hoạt ngôn đều không nói thêm được lời nào.

Cuối cùng Geoff Mitchell lên tiếng, “Vậy thì tôi đề rằng chúng ta thực sự có chiến tranh rồi”.

CHƯƠNG 30

Vì lý do an ninh, cả đội nhất trí rằng họ sẽ không sử dụng tên thật. Theo quan điểm tác chiến thì cách này càng tốt hơn cho họ. Để gọi nhau mà không dùng tên thật, Jaffe và đội của mình đã nghĩ ra bí danh cho hai nhân viên tình báo ngoại quốc cùng hoạt động với họ. Anh chàng cao kều với nước da sẫm trạc ba mươi tuổi với bộ râu rậm và hơi thở đầy mùi tỏi lấy tên là Rashid, trong khi người thứ hai, một nhân viên kỳ cựu có khuôn mặt bị rỗ và đôi mắt đen, sắc và hàm râu kiểu Thổ Nhĩ Kỳ được gọi là Hassan.

Ở ngoài phòng thẩm vấn, Jaffe bực bội nện mạnh vào một trong mấy cái màn hình trên chiếc bàn có bánh xe lăn, hi vọng đường truyền vệ tinh cho tín hiệu khá khẩm hơn. “Coi nào, khỉ thật”, Jaffe lẩm bẩm, cố điều khiển để có tín hiệu chuẩn.

“Tôi cho rằng chúng ta đang thực sự vượt ngưỡng trong vụ này”, Brad Harper lên tiếng, mắt vẫn dõi theo những hình ảnh chụp chèn trên màn hình được truyền về từ cách đó nửa vòng trái đất. “Mohammed mới chỉ được bắt giữ sáu tuần. Ta có thể bắt hắn phải mở miệng nhưng cần phải có thêm thời gian”.

“Có lẽ không có thêm chút thời gian nào đâu”.

“Nhưng bây giờ điều đó phụ thuộc vào đám phi quân sự. *Mấy cậu nhóc ấy, lạy Chúa*”.

“VẬY sao?” Jaffe đáp, “VẬY còn những đứa trẻ thiệt mạng trên cầu và hầm đường bộ hôm nay thì sao? Anh nghĩ mấy cậu nhóc mà anh nói tới đó không quan tâm chút nào tới chúng à?”

“Dĩ nhiên là không phải thế, nhưng...”

“Thế còn những đứa trẻ khác, những đứa trẻ có thể chết nếu thằng khốn ở trong phòng kia trốn thoát được và tổ chức những vụ tấn công hạt nhân lên đất Mỹ?”

“Điều đó không làm mọi chuyện tốt hơn được và tôi muốn anh biết rằng tôi hoàn toàn phản đối việc này”.

“Đã hiểu”, Jaffe đáp, nhận thấy cuối cùng tín hiệu cũng đã khá hơn, đủ để họ bắt đầu tiến hành những gì đang dự định. “Tôi không chắc là ta sẽ duy trì được đường truyền tải xuống trong bao lâu, nên anh cần vào đó và đảm bảo rằng tất cả đều sẵn sàng. Và cũng tiện đây tôi nói luôn”, anh nói thêm khi thấy Harper cất bước, “Tôi muốn anh nhớ rằng tôi không phải là một thằng ngốc hay mềm yếu”.

Harper chưa bao giờ nghĩ Jaffe ngốc hay mềm yếu. Thậm chí anh ta còn cho rằng Jaffe quá cứng rắn và điều đó không có lợi cho bản thân mình. Tuy nhiên Harper cũng chẳng có gì để nói. Harper cảm thấy dạ dày mình nôn nao khó chịu. Lính thủy đánh bộ ngay thẳng và chính trực và họ chắc chắn không bao giờ tra tấn trẻ em.

Mặc dù điều sắp xảy ra lại diễn ra ở tận nửa kia của thế giới, Harper vẫn cảm thấy day dứt như thể mình đang đứng tại đất Bắc Phi và sắp phải tự thi hành mệnh lệnh. Harper hi vọng rằng Chúa sẽ rủ lòng nhân từ tha thứ cho những gì họ sắp làm.

Vài phút sau, cánh cửa phòng thẩm vấn mở ra và Mike Jaffe đẩy chiếc bàn có bánh xe lăn trên có những màn hình vào bên trong, dây cáp vẫn còn nối với bên ngoài phòng. Trước khi bật những màn hình này, Jaffe nói với hai người đàn ông bị còng đang ngồi rất khó chịu trên những chiếc ghế gỗ. Cả hai đều nói tiếng Anh khá tốt và họ không cần dùng đến phiên dịch để hai bên hiểu nhau.

“Bọn tao tốn kha khá thời gian để thiết lập kết nối và suýt nữa thì không giữ được nó. Bọn tao cũng dành rất nhiều thời gian để tìm con cháu của Bin Laden hoặc của Zawahiri có vai trò trong những hoạt động của gia đình chúng mà lại bỏ qua người của dòng họ này, Mohammed. Hẳn mày tự hào về thằng cháu của mình lắm. Nó có vẻ rất chuyên nghiệp đấy.

“Tao cũng có tìm hiểu xem gia huy của nhà Mohammed Jamal trông như thế nào. Hai con sư tử ôm một quả bom chính giữa hả, hay là tinh tế hơn thế? Một chuỗi kíп nổ xếp thành dòng chữ trên biểu ngữ *Giết phụ nữ và trẻ em trước?*

“Cuối cùng thì bọn tao quyết định nghiên cứu kỹ phả hệ một chút, đoán xem bọn tao tìm được cái gì?” Jaffe gật đầu và Harper nhấn nút bật hai màn hình một lúc. “Ra’na quả là một ngôi làng xinh đẹp”.

Khi hai màn hình cùng được bật lên, một chiếc chiếu cảnh bên ngoài một ngôi nhà tường gạch trộn bùn mòn vẹt, còn lại là một đám phụ nữ và trẻ nhỏ nhón nháo bên trong. Xung quanh đó là nhiều người mặc trang phục tác chiến đen, với mặt nạ che kín mặt chứa súng cảnh giới.

Người Sayed Jamal lập tức cứng lại trên ghế. Đó chính là phản ứng mà Jaffe mong đợi. “Có lẽ tao cũng không cần hỏi đây là nhà ai, phải không?”

Mohammed biết đó là nhà của gia đình Jamal nhưng vẫn giữ được vẻ mặt hoàn toàn bình thản.

“Nhìn cho kỹ đi”, Jaffe tiếp và cầm chiếc điện thoại di động lên. “Những người có vũ trang đó là người của tao và họ sẽ thi hành lệnh mà tao đưa ra. Nếu mày không hợp tác, gia đình cháu mày sẽ không yên đâu. Bây giờ hãy nói về số nguyên liệu hạt nhân đi”.

Jaffe nhắm đếm đến ba và lặp lại yêu cầu của mình theo một cách khác. “Bọn tao đã biết số nguyên liệu hạt nhân này bị đánh cắp từ một cơ sở hạt nhân tối mật ở châu Âu. Bọn tao cũng có những thông tin hữu ích có liên quan khi số nguyên liệu này bị đánh cắp. Điều còn chưa biết là ai dự định bán chúng cho mày và mày định làm gì với chúng. Khi tao có được câu trả lời, người của tao sẽ rời ngôi nhà ngay lập tức.

Thấy Mohammed từ chối trả lời, Jaffe đưa điện thoại lên tai và ra lệnh, “Bắt đầu với đứa con gái lớn nhất”.

Ngay lập tức, màn hình chiếu cảnh một trong những tay súng tóm lấy cô gái trẻ đang gào thét và lôi cô ta ra khỏi phòng. Những người còn lại trong gia đình gào thét, trong khi đó màn hình bị rung lên bởi chiếc camera được nhấc ra khỏi giá quay và được mang theo để quay cảnh cô gái trẻ bị đưa đi. Camera dừng lại ở một nơi trong ngôi nhà nhỏ, trông giống một nhà vệ sinh. Trong đó có một chiếc chậu đồng lớn đầy nước và tay súng kia đang dìm đầu cô gái trong đó.

Sayed Jamal chửi rủa thậm tệ những kẻ giam giữ mình bằng tiếng Arab trong khi nước mắt ràn rụa trên mặt hắn. Tuy nhiên Jaffe không để ý đến hắn mà mắt anh lại dán chặt, giám sát mọi biểu hiện của Mohammed bin Mohammed.

Jamal nhanh chóng hiểu tình thế và quay sang van xin chú mình nói cho những tên Mỹ ngoại đạo biết những gì chúng cần. Mohammed gằn giọng bảo Jamal câm miệng.

Brad Harper không quan tâm đến thái độ không chịu khuất phục của Mohammed - anh không chấp nhận việc này tiếp tục diễn ra. Lại gần Jaffe, anh chàng Lính thủy đánh bộ vạm vỡ nói. “Thế thôi. Chúng ta sẽ không tiếp tục thế này nữa. Anh sẽ phải tìm một cách khác”.

Không rời mắt khỏi Mohammed, Jaffe rút khẩu súng ngắn ra chĩa thẳng vào đầu Harper ngăn anh tiếp tục nói những gì mình nghĩ. “Từng người trong gia đình này sẽ chết một cách từ từ và đau đớn nếu mày không nói những gì tao cần biết”, Jaffe nói, mắt nhìn thẳng Mohammed. “Ai là kẻ bán nguyên liệu hạt nhân?”

Khi Mohammed vẫn có biểu hiện từ chối trả lời câu hỏi, Jaffe ra lệnh qua chiếc điện thoại di động một lần nữa. “Giết cô ta đi”.

Lệnh của Jaffe được thi hành bởi một tay súng đứng trong khung hình, anh ta rút súng ra, kề vào thành chậu và bắn hai phát.

Jamal gào lên điên loạn và phẫn nộ với những tên ngoại đạo Mỹ và sau đó là chú mình vì đã gây ra cái chết cho con gái hắn.

Mohammed quay sang nhìn Jamal và bảo hắn im miệng lại.

Jaffe không tiếp tục câu hỏi về số nguyên liệu hạt nhân nữa. Thay vì thế, anh lại nói gì đó qua điện thoại và chiếc camera lại được đưa vào trong phòng nơi những thành viên của gia đình Jamal đang bị giữ. Lúc bấy giờ, Jaffe lại hỏi Mohammed, “Sao lần này mày không chọn xem ai là người kế tiếp nhỉ?”

CHƯƠNG 31

Harvath vừa mới kết thúc cuộc điện thoại với Kevin McCauliff thì Herrington đã quay lại phòng bác sĩ Hardy với bộ tam của mình và nói, “Mọi người đều tham gia cả”.

Harvath nhìn kỹ Morgan, Cates và Hastings - đánh giá bản thân họ và định hình xem mình sẽ yêu cầu mỗi người trong số họ nhiệm vụ cụ thể gì.

Những gì Herrington kể về họ qua email lại hiện nhanh trong ký ức của Harvath. Cates, anh chàng gốc Oklahoma, định cư ở New York, bố mẹ theo phái Phúc âm. Bản thân không phải là người mộ đạo, những gì Cates chứng kiến qua cuộc chiến khủng bố chính xác là những gì kẻ địch của anh tiến hành, một cuộc thập tự chinh cuồng tín ra thế giới bên ngoài. Áp lực về thể chất của công việc khiến anh phải bỏ việc khi cả hai đầu gối bị thương trong một nhiệm vụ tại Afghanistan.

Morgan, thành viên trẻ nhất của nhóm, được mẹ anh nuôi dưỡng một mình. Đã từng liên quan và bị ảnh hưởng bởi ma túy và băng đảng đường phố, Morgan đã gia nhập binh đoàn Lính thủy đánh bộ để thoát khỏi tình trạng này và nắm lấy nó như một cơ hội để khám phá thế giới bên ngoài New York. Lý do khiến anh phải giải ngũ là

một vết thương trên đầu, tuy thế, nhiều bác sĩ, trong đó có Hardy vẫn tự hỏi liệu Morgan có phải đã quá khinh suất với mạng sống của mình hay không, thậm chí trước cái ngày mà anh bị thương ở Iraq.

Cuối cùng là Tracy Hastings, chuyên viên chất nổ Hải quân Hoa Kỳ. Tracy là con gái của một gia đình giàu có ở New York; bố mẹ cô hoàn toàn phản đối quyết định gia nhập quân đội của con gái mình, nhưng cuộc tấn công tàu USS Cole đã tiếp sức cho Tracy và cô gái đầy cá tính đã không bị bố mẹ mình thuyết phục. Cô không gia nhập Hải quân chỉ vì được nuôi dưỡng trong sự giàu sang mà vì chính lực lượng này. Tracy nghĩ rằng nếu ai đó có bốn phận phục vụ tổ quốc thì đó chính là những người được hưởng lợi ích từ những gì họ làm một cách hậu hĩnh nhất.

Tracy dùng mỹ phẩm che vết sẹo trên mặt, vết sẹo từ một vụ nổ khi cô cố gắng vô hiệu hóa một thiết bị nổ, nhưng vẫn có thể nhận ra được. Herrington cũng đã kể cho Harvath biết là các bác sĩ phẫu thuật đã cố gắng hết sức và họ đã tạo hình phần bị thương rất hợp với màu xanh nhạt của con mắt giả cho Tracy.

Khi nhìn những thành viên này, Harvath biết rằng họ sẽ tạo thành một nhóm chặt chẽ. Điều đó là rất tốt. Điều anh cần biết là liệu họ có thể vừa đảm nhận vai trò hoạt động cá nhân, vừa duy trì một nhóm cấu kết dưới sức ép của trận chiến hay không? Cũng quan trọng không kém, liệu họ có chấp nhận anh, một kẻ mới đến, làm người dẫn dắt họ hay không?

Lúc Hardy đi khỏi để kiểm tra tình hình một số bệnh nhân, bốn người còn lại trong phòng ông. Harvath bảo Herrington khép cửa lại, khi cửa đã đóng, anh lên tiếng, “Tôi sẽ trung thực với các bạn một cách tuyệt đối. Các bạn không phải lựa chọn hàng đầu của

tôi trong vụ này, và cũng không phải là lựa chọn cuối cùng. Nhưng với tình hình hiện này, các bạn là sự lựa chọn *duy nhất* của tôi”.

“Khỉ thật”, Morgan thốt lên.

Herington giữ tay anh ta và nói, “Để anh ấy nói xong đã”.

Harvath ngừng lại một khắc rồi tiếp, “Các nguồn lực của chính phủ, địa phương và liên bang đều hoàn toàn, tôi nói là *hoàn toàn*, được sử dụng vào các nỗ lực tìm kiếm - cứu hộ. Giao thông đường không và đường thủy ra vào Manhattan bị phong tỏa bởi các tay súng bắn tỉa và hỏa lực từ tên lửa vác vai. Những gì trực thăng và xuồng máy có thể làm được là từ hai bên bờ sông Hudson và sông Đông đổ vào trong. Có kẻ nào đó đứng sau không muốn lực lượng hỗ trợ vào được Manhattan.

Điều đó đồng nghĩa với việc ta sẽ không nhận được bất cứ sự hỗ trợ nào. Sự tham gia của các bạn sẽ với tư cách không chính thức, không được công nhận và không được phê chuẩn”.

“Có nghĩa là gì?” Cates hỏi.

“Có nghĩa là các bạn không phải là nhân viên liên bang cũng như không được công nhận là nhân viên thi hành công vụ - thực chất là các bạn vẫn trong tình trạng thương tật”.

“Tôi nghĩ rằng anh gặp may đấy vì khi họ cho chúng tôi giải ngũ vì bị thương, bọn tôi vẫn tập luyện để duy trì thể lực”, Cates đáp.

Harvath thích câu trả lời này, anh tiếp, “Chúng ta đang phải đối mặt với kẻ địch được tổ chức rất kỹ lưỡng mà vẫn chưa xác định được lực lượng cũng như các nguồn lực của chúng, mà hiện rất có khả năng vẫn đang hoạt động đâu đó tại Manhattan”.

“Ý anh là chúng vẫn chưa dừng lại?” Paul Morgan lên tiếng.

Harvath lắc đầu. “Tôi không biết. Đó chính là lý do tôi muốn vào thẳng vấn đề với các bạn. Tóm lại ta chưa biết chính xác mình đang đối mặt với ai. Có thể vụ này sẽ không dẫn đến đâu cả nhưng tôi có cảm giác đây sẽ là một nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm. Có ai có câu hỏi nào khác không?”

“Có”, Cates đùa, “Vây tin xấu là gì?”

Cả phòng rộn lên tiếng cười, xua tan bầu không khí căng thẳng.

Tracy Hastings đưa tay làm cử chỉ hỏi, “Ta sẽ tìm kẻ địch bằng cách nào khi không biết chúng là ai và mục tiêu của chúng là gì?”

“Tôi vừa mới điện thoại cho những người đang trực tiếp lo vụ này”, Harvath đáp. “Chúng ta có thể sẽ có thông tin mới sớm thôi, nên điều quan trọng là sẵn sàng bất cứ lúc nào. Vấn đề lúc này của chúng ta mới là đáng nói. Thứ duy nhất mà tôi có là một khẩu súng lục, nhưng tôi lại để nó trong xe ở Midtown. Chúng ta cần phải nghĩ cách tìm vũ khí”.

Một lần nữa những tiếng cười lại vang lên trong phòng.

###

Khoảng hai mươi phút sau, Paul Morgan gỡ một mảng tường nhỏ phía sau tủ đồ trong căn hộ ở Gramercy Park của mình và nói, “Tự nhiên chọn đồ nhé”.

Những gì bên trong xứng đáng được gọi là một kho vũ khí. Morgan có hai khẩu Unertl MEU SOC 1911, một khẩu Glock 19 và một khẩu Smith & Wesson 620 nòng cỡ 4 inch. Bên cạnh đó là khẩu Mossberg 590, một khẩu súng trường Remington 40-X.308 và một khẩu Troy Industries CQB-SPC A4 tự động mà Morgan đã phải làm liều để chuyển lậu từ Iraq về.

“Chỗ này thừa sức giải quyết vấn đề vũ khí”, Harvath liếc mắt nhanh qua giá để súng. “Nhưng tôi vẫn còn một câu hỏi ngốc ngếch nữa, còn đạn thì sao?”

Một lần nữa cả nhóm cười vang. Morgan bước vào nhà bếp, nơi dán những tấm poster chụp cảnh những nơi anh mong có thể đến thăm - Paris, Rome, Hồng Kông, rồi rút từ trong túi ra một chùm chìa khóa. Nhưng chiếc tủ lạnh lại được dán đầy ảnh Morgan trong trang phục Lính thủy đánh bộ chụp ở những nơi mà bụi đất và độ ẩm có thể biến Paris, Rome và Hồng Kông thành những nơi người ta không bao giờ nhận ra được.

Morgan mở khóa ngăn đông lạnh và bên trong hiện ra những hộp đạn được xếp thành những hàng ngay ngắn.

“Anh để súng phóng lựu đâu rồi hả?” Herrington hỏi.

“Bác sĩ Hardy nói súng phóng lựu chỉ dành cho những kẻ hoang tưởng nên tôi bán lại cho một cậu bạn rồi”.

Morgan để cả nhóm bắn khoản trong một giây rồi mỉm cười, “Tôi đùa thôi. Chỉ đùa thôi. Tôi chưa bao giờ có súng phóng lựu. Cả khẩu đội tên lửa dựng trên nóc nhà rồi, làm sao mà còn đủ tiền để mua súng phóng lựu nữa chứ?”

Mọi người lại cười, nhưng sẽ chẳng ai trong số họ ngạc nhiên nếu bí mật được tìm ra, Morgan đã lắp một giàn tên lửa SAM đâu đó trên mái.

Morgan dọn sạch bàn ăn và nhấc chiếc ba lô chuyên dụng KIVA đựng đồ đầy đến miệng và đặt vào một trong những chiếc ghế cạnh đó.

“Đồ của cậu đấy à?” Hastings hỏi.

Anh chàng Lính thủy đánh bộ gật đầu và bắt đầu dỡ đồ ra. “Mấy thứ này có thể giúp người ta sống được cả tuần đấy, loại tốt nhất có thể mua được”.

Cates hỏi khi thấy Morgan lôi ra những hộp đồ ăn sẵn, đèn sử dụng chất hóa học chiếu sáng, viên làm sạch nước để uống, dây dù và những thứ linh tinh khác, “Một tuần cơ à? Bất cứ hoàn cảnh nào trong bảy mươi hai giờ à?”

“Kể cả bão Katrina”, anh chàng Lính thủy đánh bộ quay sang Harvath. “Thậm chí Bộ An ninh Nội địa giờ cũng khuyến cáo người ta cần nhu yếu phẩm dự trữ đủ một tuần trong trường hợp có biến, phải không?”

Harvath gật đầu, biết rằng họ đang nói về những người cần có nhu yếu phẩm để tồn tại đến một tháng, thậm chí là hai. Không chỉ Morgan có một ba lô chuyên dụng với nhu yếu phẩm đủ dùng sẵn sàng trong trường hợp có khủng bố mà những người Harvath đã từng cộng tác cũng thế, trong lực lượng quân đội, hành pháp, tình báo. Thậm chí dân thường cũng chuẩn bị những chiếc ba lô như thế này. Theo cách nghĩ của riêng mình, Harvath cho rằng đã là nhân viên chính phủ hay tương tự cũng đều không khôn ngoan nếu họ không chuẩn bị cho những tình huống khẩn cấp. Anh cũng có một chiếc ba lô như thế trong khoang sau của chiếc TrailBlazer đậu ở một garage trên phố. Chiếc ba lô nặng gần hai mươi lăm cân và khá lách kích nếu cứ phải mang theo suốt. Mặc dù vậy, có vài thứ trong đó mà Harvath ước gì mình có ngay tại đây lúc này.

Trong lúc Morgan tiếp tục lôi đồ ra khỏi chiếc ba lô như không có đáy của mình, Hastings hỏi, “Anh lấy đâu ra đủ tiền cho những thứ này?”

“Nói thế nào nhỉ, có lẽ trong cuộc sống trước đây tôi đã là một người biết tiết kiệm”.

“Một người rất biết tiết kiệm”, Cates nói thêm khi xem mác máy chiếc áo khoác thể thao trong tủ đồ của Morgan.

Anh chàng Lính thủy đánh bộ trái bộ dao tuyệt hảo hiệu Chris Reeve bên cạnh bộ dao quen thuộc của lính bộ binh Gerber LMF II, loại dao đủ sắc để khoét thân máy bay trực thăng và mời Harvath chọn.

Mặc dù bộ dao toàn đồ xịn nhưng trong túi Harvath luôn có con dao Benchmade auto, thứ mà anh không bao giờ ra khỏi nhà mà không mang theo, và nếu có thể quay lại chiếc TrailBlazer, anh sẽ lấy con dao chiến thuật LaRue lưỡi cố định siêu cấp của mình.

Nhìn sang Morgan vẫn thấy anh chàng moi đồ từ trong túi ra, Harvath hỏi, “Anh chắc là không có lựu đạn chối trong đó đâu hả?”

“Không, nhưng tôi có thứ này”, anh chàng Lính thủy đánh bộ đáp và lôi ra bộ cứu thương Điều hâu đen.

Harvath vừa định nói rằng anh hi vọng sẽ không phải dùng tới thứ đó thì điện thoại di động của anh rung lên. Kevin McCauliff gọi.

Sau vài phút trao đổi, Harvath biết được hai điều. Kevin có tin rất tốt, và cũng có tin xấu không kém.

CHƯƠNG 32

McCauliff cho Harvath biết tin tốt trước. Anh đã truy cập được vào máy chủ chứa dữ liệu về chiếc điện thoại di động của đối tượng khủng bố mà Harvath đã “mượn” từ chiếc túi tang vật của Sở cảnh sát New York. Chiếc điện thoại này là một trong tổng số bốn mươi bảy chiếc khác sử dụng dưới một thuê bao, và cũng chính nó và một chiếc khác vẫn nhận sóng di động sau khi các cây cầu và hầm đường bộ ở New York bị phá hủy. Chiếc điện thoại “khác” kia được máy chủ nhận dạng là mất nhận tín hiệu không dây chủ đạo. McCauliff giải thích rằng những máy phụ trong tổng số bốn mươi bảy chiếc được lập trình gửi tin nhắn với thông tin định vị cho máy chính theo khung thời gian định sẵn. Và bây giờ là tin xấu.

Tại thời điểm này chiếc điện thoại di động chính kia không biết là ở đâu bởi nó không còn tiếp sóng và phát tín hiệu nữa. McCauliff không thể tìm chính xác vị trí của nó cho Harvath, ngoài hai địa chỉ mà nó đã từng đi qua, Upper West Side* và một cửa hàng kinh doanh kim cương ở phố 47.

Mặc dù chiếc điện thoại chính đã không còn tín hiệu nhưng McCauliff vẫn nhắc đi nhắc lại là Harvath cần kiểm tra chắc chắn là phần mềm định vị của chiếc điện thoại di động anh lấy được phải được tắt. Harvath nói với McCauliff rằng anh đã tắt nó ngay tại trạm

cảnh sát rồi và vợ lấy chiếc bút cùng mảnh giấy rồi bảo McCauliff đọc lại hai địa chỉ một lần nữa.

Khi Harvath hỏi liệu có ảnh chụp hai địa điểm trên từ vệ tinh không, McCauliff nói với anh rằng đó cũng là một phần của tin xấu và Harvath sẽ tự hiểu khi xem những bức ảnh này. McCauliff cần một địa chỉ email để chuyển cho anh; Harvath liếc nhanh thấy modem cáp nối vào máy tính để bàn của Morgan, anh cho McCauliff địa chỉ Hotmail của mình vì không muốn nhận email qua máy chủ của Bộ An ninh Nội địa.

Năm phút sau, khi tải email đầu tiên xuống, Harvath nhận ra điều McCauliff mô tả thuộc về phần tin “xấu”. Khói tỏa ra từ những đám cháy khiến khó có thể nhận ra khung cảnh bên dưới. Harvath nhận thêm ba email nữa rồi vẫy Herrington lại gần, “Anh có nhận ra những gì tôi đang thấy không?”

Bob nhìn màn hình và chậm rãi quan sát kỹ những bức ảnh chụp tòa nhà trên phố 84. Khi đã xem xong các bức ảnh, anh xem lại một lần nữa, và sau đó thêm vài lần. Cuối cùng Bob Herrington lên tiếng, “Ảnh tệ quá nhưng nếu phải đoán thì tôi cho rằng hai xe ô tô trong ảnh có thể chở được hai đội tác chiến từ bốn đến bảy người mỗi đội”.

“Đó chính xác là những gì tôi nghĩ”, Harvath đáp rồi click chuột phóng to bức ảnh chụp cửa hàng kim cương. “Còn cái này thì sao?”

“Máy cái ảnh này còn tệ hơn máy cái trước”, Bob tiếp. “Đó có thể là hai chiếc xe trong mấy cái ảnh trước, cũng có thể là hai cái khác. Với khói mù mịt như thế này thì không thể nói chắc được”.

“Thế thì chắc là chỉ có một cách để tìm ra câu trả lời”.

“Hoo-ah”, Cates kêu lên để trừ Morgan theo kiểu lính. “Đi bắt mấy thằng khốn ấy thôi”.

Hastings không để ý đến Cates. Nhìn đồng hồ, cô hỏi, “Không ai nghĩ rằng ta sẽ bị để ý nếu chạy lảng tránh ngoài Manhattan với đồng hồ này hay sao?”

“Đúng đấy”, Herrington đồng tình, quay sang nhìn Morgan.

Anh chàng Lính thủy đánh bộ đi đến góc phòng lôi mấy cái ba lô từ trong tủ âm trong tường ra. “Tôi có cậu bạn làm cho hãng CamelBak. Đây là ba lô chuyên dụng loại mới của hãng này đấy. Cứ cho súng vào ngăn giữa rồi nhét những thứ còn lại vào túi nhỏ bên ngoài ba lô là được”.

Harvath nhìn kỹ chiếc ba lô được thiết kế thông minh và tiện dụng rồi nói, “Nhưng trông vẫn có vẻ lộ lắm, nhìn cũng đoán được là có vũ khí bên trong”.

Morgan lôi ba tấm bạt che mưa từ sau đồng giày đi tuyết của mình ra. “Ta sẽ dùng nó phủ ba cái ba lô chứa khẩu Remington, Troy CQB và khẩu Mossberg. Không ai nhận ra đâu”.

Đối với một người kinh nghiệm chiến trường dày dạn đến mức phải giải ngũ vì bị thương như Morgan thì những gì anh đối phó với tình huống đều quá ổn. Morgan không hề thiếu cách khắc phục tình huống. “OK”, Harvath nhận xét, “Vậy những gì ta cần làm lúc này là nghĩ ra cách đến nơi cần đến”.

Rick Cates nhìn ra ngoài cửa sổ xuống dưới đường rồi thốt lên, “Tôi có ý này, nhưng có lẽ là không ai thích đâu”.

CHƯƠNG 33

Liếc qua những chiếc mô tô địa hình ngoài cửa hàng Cox Cycle, Harvath khuyên Cates cẩn thận không để mọi chuyện diễn biến theo kiểu *Đấy là con dao Charlie, còn đây là khẩu Clyde của tao*. Trong khi đứng ngoài vỉa hè nhìn chuyên viên Cơ quan Quản lý các sự vụ quân sự dân sự thuyết trình cho đám nhân viên xăm trổ nhằng nhịt, tay khoanh trước ngực của cửa hàng mô tô, Harvath, Herrington, Hastings và Morgan tìm cách lập kế hoạch B.

Cả nhóm cùng đồng ý rằng cách nhanh nhất từ khách sạn Gramercy Park* đến khu vực kinh doanh kim cương là đi thẳng qua Đại lộ số 5, thế nhưng con đường này lại bị kiểm soát và chỉ dành cho các xe trong trường hợp khẩn cấp, vả lại cảnh sát họ thấy xung quanh không giúp được gì nhiều. Trừ phi lái xe công, còn nếu không họ sẽ không để xe qua, thậm chí đó là một xe chở đầy bác sĩ cố gắng đến bệnh viện trên phố nhanh nhất có thể. Harvath đã bắt đầu nghĩ đến việc cả nhóm chạy bộ lên mạn bắc rồi lấy xe của anh, dùng còi hú và đèn ưu tiên để qua nốt chặng đường còn lại thì thấy Cates bị một tay đi xe mô tô xăm trổ đẩy ngã xuống vỉa hè.

Ngay lập tức Harvath và những người còn lại bước tới nhưng Cates giơ tay lên ra hiệu cho họ ngừng lại. Với vẻ bình tĩnh tuyệt

đối, Cates đứng dậy, phúi bụi trên áo và tiến đến đối mặt với kẻ đã đẩy anh ngã.

Harvath và nhóm bạn đứng nhìn Cates tiến lại gần đi mô tô cao lớn nặng đến hơn 100kg và thái độ cả hai dần trở nên quyết liệt hơn.

Chỉ vài giây sau gần kia một tay tóm cổ Cates, tay còn lại định vung lên đâm vào thái dương anh, Cates đỡ quả đâm bằng một tay, tay kia vung một đòn chí mạng vào hàm tên này. Trước khi gần kia kịp ăn miếng trả miếng thì Cates đã giật mạnh đầu hắn về phía trước và làm dập toàn bộ sụn mũi của hắn bằng một cú đập bằng trán vào mặt hắn.

Thằng cha quản lý cửa hàng xe mô tô lên gối vào vùng bụng Cates nhưng anh chàng suýt nữa là lính của Lực lượng Đặc nhiệm đã nhanh chóng đáp lễ bằng một cú đá vào háng làm tên này khụy xuống và ngã sấp mặt xuống vỉa hè rên rỉ.

“Nếu bọn mày muốn giúp nó”, Cates hét lên khi thấy đám nhân viên trong cửa hàng lục tục nhặt cờ lê, ống nước và dùi cui làm “hàng”, “thì đúng lúc rồi đây”.

Harvath và nhóm của anh rút vũ khí ra và chạy tới phía Cates. Ngay khi thấy có “hàng nóng” lăm lăm trên tay những người kia, đám nhân viên cửa hàng mô tô thả hung khí xuống đất và lui vào phía sau garage.

Cates táng một cú vào bụng kẻ vừa gây chuyện với mình vẫn còn nằm trên vỉa hè rồi bước vào trong tìm chìa khóa những chiếc mô tô mà họ muốn. Anh nhấn nút hạ cánh cửa ra vào xuống rồi lấy một chiếc cờ lê ngang vào chốt khóa cửa, rút hai bộ còng Flexicuff từ túi của Paul Morgan và khóa cửa trước.

“Tôi đã dặn đừng có biến chuyện này thành xô xát rồi cơ mà?” Harvath nói khi ngồi lên chiếc mô tô.

“Tôi không thể nhìn được”, Cates đáp, xoay chìa khóa khởi động chiếc mô tô. “Anh có thấy hình xăm của gã đó không?”

“Hắn xăm đầy mình - thế thì sao?”

“Chắc là anh không thấy cái hình xăm bên tay trái nó rồi”, Cates nhấp ga để xe chồm lên vỉa hè. “Hắn xăm hình Chú Sam với một bên mắt bầm tím và bên dưới là mấy chữ Đ.M-M-T-L”.

“Mấy thằng lính khốn kiếp?” Morgan gào lên, tay vặn ga chiếc Suzuki. “Đánh chết nó luôn. Hoan hô Cates”.

Herrington và Hastings cùng giơ ngón cái về phía Rick biểu lộ sự đồng tình và Harvath chẳng có sự lựa chọn nào khác ngoài làm giống như họ. Bị giải ngũ vì *vi phạm điều lệnh quân đội*, chắc chắn rằng tay quản lý cửa hàng mô tô đã có hành vi xấu và phạm tội nghiêm trọng.

Vì chuyện đó mà dám xăm hình Chú Sam bị bôi nhọ hình ảnh và xăm dòng chữ bất mãn bên dưới là không thể chấp nhận được. Tay quản lý kia xứng đáng nhận được những gì Cates đã tặng hắn.

“Nói gì hử, sếp?” Morgan kêu lên trong khi tay vẫn nhấp nhấp ga chiếc mô tô.

Harvath nhận ra rằng cả nhóm đang chờ Bob “Viên đạn” ra hiệu lệnh và ngay khi thấy Bob Herrington quay sang mình có ý hỏi, anh gật đầu ra hiệu cho Herrington ra lệnh. Họ nể trọng kinh nghiệm của Bob và coi anh như người lãnh đạo của mình.

“Đến phố 47 và Đại lộ số 5”, Herrington hét lên, “càng nhanh càng tốt”.

Rạp mình trên yên xe lao về phía trước, Harvath biết là mình chưa cần phải lo về việc ai sẽ là người dẫn dắt cả nhóm. Lúc này đây, tất cả bọn họ đều chơi trò điền ô chữ. Vấn đề là liệu những mảnh mà họ đã có được có thể giúp họ đi đến đích hay không?

CHƯƠNG 34

Gary Lawlor cố tìm ra mối liên hệ giữa hai địa chỉ mà Harvath cung cấp. Rõ ràng là bọn khùng bố đang tìm kiếm cái gì đó, nhưng cái gì mới được? Liệu chúng muốn cái gì ở khu Thượng Tây và cửa hàng trong khu kinh doanh kim cương ở Midtown? Cả hai đều không có vẻ gì là mục tiêu khùng bố cả.

Điều tệ hơn là có ai đó thuộc Cơ quan Tình báo Quốc phòng DIA có vai trò trong tất cả những chuỗi sự kiện này, thế nhưng nếu không biết đó là ai và mục đích là gì thì Lawlor không thể động chân động tay được. DIA có những qui định về hoạt động chuyên môn hoàn toàn khác với những cơ quan tình báo khác. Luật của họ là luật thời chiến và hầu như chẳng có gì mà họ không làm được - kể cả việc giam Lawlor vô hạn định không cần xét xử. Gọi là sự nghi ngờ giữa các cơ quan khác nhau hay tự bảo vệ mình cũng được, cho đến khi nào mọi sự rõ ràng hơn, thì Lawlor vẫn sẽ phải tránh xa khỏi Bộ Quốc Phòng và Cơ quan Tình báo Quốc phòng của họ.

Lúc này, với vai trò giám đốc Dự Án Apex, Lawlor có một đầu mối cung cấp thông tin khác sẵn sàng phục vụ mình. Đăng nhập account máy tính xong, Lawlor truy cập vào cơ sở dữ liệu của mạng tình báo dùng chung rồi nhập hai địa chỉ mà Kevin McCauliff cung cấp cho Harvath. Kết quả tìm kiếm hoàn toàn thất vọng - đơn giản chỉ là

không có thông tin gì hơn. Theo cơ sở dữ liệu cho thấy - thì hai địa chỉ này không có hồ sơ lưu giữ nào, chẳng hề có thông tin mua bán, vay tiền ngân hàng hay bất cứ loại giấy phép nào, không gì hết. Cả hai địa chỉ đều giống như một mô hình khép kín, được hút chân không và chẳng có gì liên hệ với thế giới bên ngoài.

Có ai đó chắc chắn đã can thiệp và làm hai địa chỉ này “sạch” đến mức không có bất cứ một đầu mối nào. Kiểu “tiết trùng” này chỉ có trong những hoạt động được chính phủ che đậy ở mức rất sâu, thường được gọi là “điểm cuối” - một dạng hoạt động liên quan đến mức độ cao nhất của an ninh quốc gia. Vì lý do này hay lý do khác thì những hoạt động kiểu này thường được thực hiện trong môi trường dân sự chứ không phải tại căn cứ quân sự hay các trụ sở cơ quan tình báo; nhưng dù thế, những “điểm cuối” mà Lawlor từng biết đều giống như những pháo đài thu nhỏ.

Lawlor vẫn chưa thấy thêm chút manh mối nào về những gì đang diễn ra ở New York. Nếu ảnh chụp vệ tinh mà Kevin McCauliff cung cấp chính là hai “điểm cuối” bị tấn công thì lý do là gì? Còn nữa, làm thế quái nào mà bọn khủng bố lại biết hai địa điểm này? Thông tin hoạt động có thể ở mức *Polio Step* là ít nhất, vấn đề là không phải chúng tấn công một địa điểm mà là hẳn hai với mức độ mạnh đến mức ảnh hưởng của nó sẽ còn được nhớ đến trong nhiều năm, nếu không muốn nói là vài chục năm tới.

Lawlor truy cập máy chủ của Bộ An ninh Nội địa để xem lại bản đồ cập nhật những điểm bị tấn công tại thành phố New York của Cơ quan ứng phó các trường hợp khẩn cấp và cố gắng lọc những thông tin “tạp” càng nhiều càng tốt. Lawlor không quan tâm đến con số ước lượng thương vong hay sơ đồ bố trí các trang thiết bị kỹ thuật ứng cứu. Điều mà ông muốn biết là những địa điểm chính xác mà

bọn khủng bố đã tấn công. Sau khi đã tìm được thông tin này, Lawlor tìm thêm những điểm được cho rằng có hỏa lực bắn tỉa và tên lửa vác vai đất đối không, các khu căn hộ có hỏa hoạn cũng như các trường hợp cần huy động một lượng lớn cảnh sát, lính cứu hỏa hay cứu thương khẩn cấp. Ngoài những thông tin này ra, Lawlor thêm vào mảng cuối, hai địa điểm tại Upper West Side và Midtown mà bọn khủng bố đã nhắm vào.

Lawlor cố tập trung tìm ra mạch nối các chuỗi sự kiện nhưng càng cố tập trung vào màn hình, các câu hỏi vẫn không ngừng hiện ra trong mạch tư duy của ông. Nếu đó là những “điểm cuối”, cơ quan nào quản lý chúng và với mục đích gì? Trong sự hỗn loạn ở New York, liệu những người chịu trách nhiệm những “điểm cuối” này có nhận ra rằng chúng đã bị tấn công hay không? Đó là câu hỏi lớn nhất của Lawlor.

Có một điều rất hiển nhiên là trong tình trạng lộn xộn này, việc bọn khủng bố định vị được và tấn công những “điểm cuối” thì có lẽ nước Mỹ đang gặp phải vấn đề lớn hơn nhiều so với thực tế mà người ta có thể thấy được bằng mắt.

Lawlor nhận ra rằng mình sẽ phải đi ngược lại khả năng phán đoán và phải phối hợp với những người bên ngoài phạm vi quyền hạn của mình. Không cần biết kết quả sẽ thế nào nhưng nếu điều đó có thể ngăn bọn khủng bố tấn công tiếp thì cũng đã là tốt lắm rồi.

CHƯƠNG 35

CƠ QUAN AN NINH QUỐC GIA
FORT MEADE, MARYLAND

Mark Schreiber thò đầu vào văn phòng được thắp sáng bằng ánh đèn huỳnh quang của sếp mình và nói, “Tôi nghĩ là ta có thêm vấn đề ở Manhattan đấy”.

“Anh không đùa đấy chứ”, Joseph Stanton đáp rồi đưa tay qua vai ra sau về phía chiếc TV màn hình phẳng treo trên tường. “Mấy thằng ngốc viết blog đồn ầm lên là có một đặc vụ liên quan đến những vụ tấn công này và thế là Thị trưởng Brown có nói gì đi nữa, họ cũng không quan tâm”.

“Tôi không nói đến việc đó”, Schreiber bước hẳn vào phòng rồi khép cửa lại. “Transcon và Kim Cương Geneva không hề có phản ứng”.

Stanton ngưng ngay việc mình đang làm và đặt chiếc bút đánh màu tía xuống. Khuôn mặt béo phị với cặp kính của Stanton húp híp bởi chế độ ăn quá giàu natri và nhâm nhi Hennessy pha CocaCola hàng giờ liền. Tóc Stanton bù xù và quần áo trên người nhăn nhúm, đó là một bộ vest sọc nhẵn đáng lẽ phải được thải ra nhiều năm trước đi cùng với chiếc cà vạt sọc dọc đầy vết cà phê, “Không phản ứng thế nào?”

“Không ai trả lời email hết”.

“Đã thử gọi họ chưa?”

Schreiber gật đầu. “Hình như điện thoại không hoạt động thì phải”.

“Đã thử *ping* máy chủ chưa?”

“Tôi đã làm thế và kết quả là A-Okay. Vẫn đang hoạt động”.

“Vậy vấn đề là gì?” Stanton hỏi.

“Ta có thể dùng lệnh *ping* để kiểm tra máy chủ qua vệ tinh và có phản hồi vậy tại sao email của họ không hoạt động? Chúng cùng trong một hệ thống cả mà”.

“Tình hình New York đang lộn xộn lắm. Chúng ta vẫn chưa biết thiệt hại thế nào và liệu các hoạt động có bị ngưng trệ hay không. Đừng lo về chuyện ấy”.

“Sếp không thấy có gì đó khác thường khi ta không nối được với hai trạm ấy à?”

“Qua những gì hiện tại cho thấy thì câu trả lời là không. Máy chủ vẫn đang hoạt động, phải không? Anh nói thế mà. Thế thì có ai đó đang xử lý dữ liệu thôi”.

“Vâng, nhưng tôi vẫn có linh cảm xấu về việc này”, Schreiber đáp.

“Chúng ta bị tấn công nên có linh cảm xấu cũng là chuyện thường gặp thôi mà. Cứ chờ thêm chút nữa, tôi chắc là ta sẽ có thêm thông tin”.

“Nếu không thì sao?”

Stanton không có thì giờ cho câu hỏi này. “Thế thì sẽ có cảnh sát đi tuần tra khu phố lượn qua và báo cáo lại tình hình”.

“Sếp đang nói đùa, đúng không?” anh chàng nhân viên trẻ thốt lên.

Dĩ nhiên là Stanton nói đùa, và nếu anh chàng trẻ tuổi này dành nhiều thời gian hơn để tương tác với người thật việc thật cũng như bớt thời gian cắm đầu vào màn hình thì anh ta hẳn đã có câu trả lời. Cảm bút đánh dấu lên và chuyển sự chú ý vào đồng hồ sơ trên bàn, Stanton đáp, “Đêm nay sẽ rất dài đây, Mark. Sao cậu không thư giãn một chút rồi xem tầng trên họ có cần giúp gì không nhỉ”.

“Được thôi, nhưng nếu ta vẫn không có phản hồi gì từ New York?”

“Thì lúc đó ta sẽ phải đào xới sâu hơn. Nhưng bây giờ tôi muốn cậu tập trung giúp những người ở đây, những người đang cần cậu. Tôi đã từng đến Transcon và Kim Cương Geneva rồi. Tin tôi đi, mấy gã ở đó biết việc lắm”.

CHƯƠNG 36

| THÀNH PHỐ NEW YORK

Tìm mọi cách lách qua dòng xe cộ hỗn loạn, Tim Fiore liên tục thông báo với Sở chỉ huy mật vụ tình hình trên xe trong khi Marcy cập nhật cho anh từ ghế sau. Vấn đề của họ là mọi chuyện đang diễn ra theo chiều hướng xấu đi còn sức khỏe người bị thương thì ngày càng trầm trọng.

Không thể tiếp tục đi đường lớn, Fiore buộc phải cho xe chạy vào những đường phụ mà phần lớn cũng đều bị tắc nghẽn.

Đến phố 7 gần Quảng trường Tompkins, Marcy hét lên, “Tim, cô ấy đang tệ lắm. Chúng ta sắp mất cô ấy rồi”.

Liếc nhanh qua những tùy chọn từ chiếc iQue, Fiore tìm thấy điều mình cần. “Tôi sẽ phải cho xe băng qua công viên này. Giữ chắc vào...”

Cho xe lách khỏi chỗ tắc nghẽn ở Đại lộ B, Fiore đạp lút ga chạy qua Đại lộ A. Anh cho xe lao thẳng qua barie tạm của cảnh sát và của một cú cháy lốp sang phải rồi xả hết tốc lực đến Bệnh viện Beth Israel. Hi vọng duy nhất của Fiore là họ có thể đến đó kịp.

CHƯƠNG 37

Viên cảnh sát New York đứng gác một mình bên ngoài hiệu Kim Cương Geneva và mặt tiền Đại lý thu đổi kim hoàn cảm thấy nhẹ nhõm khi Harvath xuất hiện và trình giấy tờ tùy thân thuộc Bộ An ninh Nội địa của mình. Kể cả Harvath xuất hiện trên một chiếc mô tô địa hình cùng với bốn người trông rất khó nhằn khác cũng chẳng làm anh ta lo lắng gì so với những gì đã xảy ra ở đây chiều hôm nay.

Viên cảnh sát đã chờ hỗ trợ khi đến hiện trường bốn mươi lăm phút sớm trên đường đến một địa điểm khác nhận nhiệm vụ. Khi mà khắp nơi đều cần đến nhân viên công lực đã được huấn luyện để giúp tìm kiếm những người sống sót trong những vụ nổ cầu và hầm thì vụ việc trông giống như hơi của không nằm trong danh sách ưu tiên của anh. Ngay khi những người cũng có cửa hàng trong khu vực phố 47 ra hiệu gọi và kể những gì đã xảy ra thì viên cảnh sát thay đổi quyết định ngay lập tức.

Sau khi đã di chuyển những người hiếu kỳ ra xa khu mặt tiền của cửa hàng, viên cảnh sát tiến một chút vào bên trong. Những gì nhìn thấy bên trong đã giữ chân anh tại hiện trường cho đến khi có cứu viện. Viên cảnh sát đã miễn cưỡng định bỏ vị trí thì Harvath đến và anh ta rất phấn khởi giao lại vụ việc cho người có thẩm quyền cao

hơn. Trong những năm làm cảnh sát tuần tra, anh ta vẫn chưa thể sẵn sàng khi nhìn thấy cảnh tàn sát bên trong cửa hàng.

Lúc này đến lượt Harvath. Với Bob Herrington và cả nhóm đi cùng, họ bước vòng qua đám xác nằm ngổn ngang và đồng đồ vỡ phía trước cửa hàng để tiến đến cửa kiểu hầm có khóa tay quay.

Cánh cửa mở hé và khi đến gần, Hastings ra hiệu cho cả nhóm dừng lại.

“Chuyện gì thế?” Harvath hỏi.

Hastings chỉ tay vào những vết nứt sọc trên tường và trần rồi đáp, “Mảnh đạn đấy. Không được chạm vào cửa cho đến khi ta đảm bảo rằng nó không bị gài mìn”.

Harvath nghĩ Hastings đã quá cẩn trọng cho đến khi Herrington lên tiếng, “Tin cô ấy đi. Cô ấy biết mình đang làm gì”.

“Đồng ý”, anh đáp và bước sang một bên để cô có thể quan sát cánh cửa tốt hơn, “nhưng nhanh lên nhé”.

Khi đã kiểm tra và chắc chắn là an toàn, Hastings vẫy tay ra hiệu cho cả nhóm tiến vào.

Bên trong là một phòng điều khiển các thiết bị an ninh kỹ thuật cao bị phá hủy bởi lựu đạn và những mảnh đạn văng ra từ vụ nổ, như Hastings đã nhận ra từ bên ngoài. Dưới nền nhà là xác của ba người trong những bộ giáp chống đạn và những khẩu M16 nằm gần đó.

“Mấy anh chàng này là lính ‘đầu bi’ đây”, Morgan nhận xét khi lật một cái xác ngửa lên.

“Có rất nhiều người nhận việc bảo vệ và an ninh cắt tóc của quá ngắn”, Cates tiếp, “nhưng không vì thế họ trở thành Lính thủy đánh bộ”.

Morgan lờ nhận xét của Cates, anh chỉ vào chân của cái xác đó, “Lính thủy đánh bộ chỉ xài đồ xịn nhất và mấy gã này đều đi giày boots Quantico”.

Mặc dù Harvath chuộng giày kiểu S.W.A.T truyền thống nhưng Morgan có lý. Rất nhiều Lính thủy đánh bộ mà anh biết đều đặc biệt thích giày Quantico, thậm chí dùng cả M16 cũng chưa đủ khả năng kết luận mấy cái xác này đã từng là Lính thủy đánh bộ.

Như thể đọc được suy nghĩ của Harvath, Morgan lôi một tấm kim loại ra khỏi chiếc áo giáp, cầm chắc trong tay và tiếp, “Áo giáp tác chiến do quân đội Mỹ chế tạo. Mạnh hơn cả Kevlar và có thể cản mọi loại đạn đến cỡ 7.62 ly”.

Cates huýt sáo đáp, “Rõ ràng là mấy gã này đã được chuẩn bị chu đáo”.

“Nhưng chuẩn bị cho cái gì?” Harvath hỏi, câu trả lời sẽ có ích cho anh hơn những người còn lại. “Dù sao những kẻ hạ được Lính thủy đánh bộ thế này chắc chắn phải rất mạnh. Hãy rà soát thêm một lần nữa đi”.

Bob và các bạn gỡ những khẩu SIG Sauer P228, súng máy cũng như đạn dược khỏi xác mấy người Lính thủy đánh bộ mà họ có trước khi thất thủ. Trong khi đó Harvath vẫn gắng tìm ra mục đích nằm sau cuộc tập kích này. Giữa lòng thành phố New York, không thể có hiệu kim hoàn nào - tính luôn cả qui mô lớn nhất cũng như các mối quan hệ của chủ sở hữu - lại được phép có Lính thủy đánh bộ Mỹ bảo vệ với hỏa lực mạnh như thế này.

Trong khi kiểm tra những phòng còn lại, cuộc tập kích của bọn khủng bố càng trở nên hiển nhiên là không có manh mối gì còn lại. Nơi này ẩn chứa bí mật gì thì nó cũng đi theo những người đã bị hạ

sát, hoặc bị bọn khủng bố mang đi hay được mã hóa cần mật trong những máy tính trạm hoặc hàng dãy máy chủ.

Harvath chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất, anh thu thập những giấy tờ tùy thân từ mười lăm cái xác, trong đó có ba nhân viên công vụ với thẻ Lính thủy đánh bộ đang làm nhiệm vụ.

Harvath hi vọng Gary Lawlor sẽ dùng được những thông tin tùy thân mà anh tìm được, vì lúc này đây, anh không hề biết mình và các bạn đang phải đối đầu với những đối tượng nào hay việc gì.

CHƯƠNG 38

Abdul Ali tự thấy mình rất may mắn vì đã qua được quá nửa số mục tiêu trong danh sách mà mới chỉ mất một lính người Chechen trong đội của mình. Danh sách này là cả một con đường nguy hiểm nhưng hắn và người của mình cần phải vượt qua. Gã Lùn đã giải thích với hắn rằng mỗi mục tiêu trong danh sách sẽ càng khó nhằn hơn theo thứ tự từ trước đến sau và đó cũng chính là lý do tại sao Ali và người của mình tiến hành tấn công các địa điểm theo thứ tự từ dễ đến khó. Không có lý do gì lại húc đầu vào chỗ khó nhằn nhất rồi cứ lần theo từng mục tiêu một để lại tìm được Mohammed bin Mohammed tại một nơi dễ dàng hơn. Làm thế này là hợp lý và được an ủi đôi chút, mặc dù khá ít, rằng cứ mỗi lần gạch bỏ một mục tiêu trong danh sách, Abdul Ali lại đến gần Mohammed hơn một bước.

Dù Mohammed bị giam tại địa điểm sắp tới, hay một nơi khác nữa thì cũng chẳng khác gì với đám lính đánh thuê người Chechen. Ali không biết rằng gã Lùn trả tiền cho chúng theo số lượng mục tiêu bị tấn công và như thế càng bắn giết nhiều thì chúng nhận được càng nhiều cho đến khi cuộc tàn sát đi đến hồi kết.

Điều mà Ali biết là gã Lùn hoàn toàn chính xác về cách thức thực hiện những hoạt động bí mật của chính phủ Mỹ - đặc biệt là những hoạt động tuyệt mật trong danh sách của họ. Cả cánh tả và cánh

hữu đều có mục đích khi cố gắng giữ những hoạt động của mình trong bóng tối, và cũng chính vì thế mà họ tạo ra một môi trường tách biệt và thiếu cởi mở. Để biết được những gì đã và đang xảy ra tại những trụ sở hoạt động bí mật ở New York thì họ phải mất nhiều ngày, và cho đến lúc đó thì, thánh Allah phù hộ cho chúng, Abdul Ali và Mohammed bin Mohammed đã cao chạy xa bay.

Khi cùng với người của mình tiếp cận mục tiêu tiếp theo, Ali khá tự tin nghĩ rằng những kẻ sắp chạm trán với mình không hề biết gì. Hắn sẵn sàng với hi vọng đây sẽ là mục tiêu cuối cùng phải tấn công.

Các đường dẫn vào Hàm Lincoln nằm tại trạm phà West Midtown, hay còn gọi là Pier 79 ở khu phía Tây Manhattan. Khi Abdul Ali và những gã Chechen đến nơi thì các tháp của đường dẫn vào hầm vẫn nghẹt những cuộn khói đen cay sè bốc lên từ hàng trăm chiếc xe nằm hỗn loạn cháy trong đường hầm bên dưới sông Hudson.

Nhân viên cứu hộ có mặt khắp nơi, họ sử dụng những đường thông hơi để sơ tán những người sống sót. Với hơn bốn mươi triệu lượt xe ra vào mỗi năm, Hàm Lincoln là một trong những đường hầm có lưu lượng lớn nhất thế giới, và đó cũng chính là một mục tiêu hoàn hảo. Ali thảm ngạc nhiên khi nhìn cảnh hỗn loạn. Thánh Allah đã phù hộ cho những chiến sĩ Hồi giáo thực hiện những gì họ cần.

Ngay cạnh tháp thông khí phía bắc là ga-ra xe buýt đường thủy New York và Ali đã ra lệnh cho Sacha đổ xe quá ga-ra một chút, dọc theo hai thùng rác lớn. Cả nhóm chuẩn bị vũ khí sẵn sàng và đội mũ tác chiến có mặt nạ chống khí độc vào. Tất cả rời xe theo đội hình

và tiến nhanh vào ga-ra trống, mang theo một “con ngựa thành Troy” cực kỳ đặc biệt.

Hầu hết nhân viên của ga-ra xe buýt đã dồn hết sang cửa phía bên kia để giúp sơ tán những người sống sót và chỉ còn lại vài người bên trong. Những người này nhanh chóng bị ba lính đánh thuê Chechen hạ thủ và kéo xác vào dẫu đằng sau ga-ra.

Khu vực thang phụ xây dựng bí mật thông với tháp thông khí phía bắc được thiết kế rất khó, nếu không muốn nói là không thể, tìm ra mà không có trợ giúp đặc lực. Ngay khi đã định vị được thang phụ, cả nhóm sẵn sàng vũ khí mật của chúng và cử Ivan lên xử lý.

Qua chiếc camera sợi quang học gắn bên trong vòng cổ của con vật, Ali và gã Chechen điều khiển có thể quan sát trong khi con chó nhỏ nhưng khá cứng cáp trong bộ áo phản quang kiểu cứu hộ nhảy lên trên chạy hướng về phía cánh cửa thép. Cách đó chừng một mét, gã cầm điều khiển bấm nút làm vòng cổ con chó bíp hai tiếng khiến nó ngay lập tức khế kêu ư ử và nằm rạp xuống.

Trong một khắc, chiến thuật này có vẻ như không có hiệu quả. Sau đó một tiếng rền của kim loại nghiêng lên và cánh cửa thép từ từ mở ra. Hai người với trang phục giống như Lính thủy đánh bộ ở cửa hàng Kim Cương Geneva và Đại lý thu đổi kim hoàn xuất hiện. Không thấy ai, họ gác súng lên vai và thận trọng tiến về phía con chó bị thương, tự hỏi sao lại có một con chó lạc vào đến tận chỗ này. Họ cho rằng con chó thuộc về đội cứu hộ triển khai trong hầm và vô tình bị lạc vào đây.

Đáng lẽ hai Lính thủy đánh bộ này nên bắn khoả về chuyện kẻ điều khiển con chó là ai.

Khi hai Lính thủy đánh bộ đã đến đủ gần, Ivan nhận được ám hiệu bèn đứng dậy rồi đi vào phía trong.

Khi đã nhìn thấy những gì mình cần từ camera của Ivan, Ali gạt đầu ra hiệu cho hấn và cùng lúc ra hiệu với nhóm sẵn sàng. Ngay lúc đó, con chó nhận được thêm một tín hiệu nữa.

Ivan cắn mạnh vào cầu vai áo phải và giật nó ra phía trước làm chiếc áo mặc ngoài chứa đầy chất nổ dẻo và bi thép được kích hoạt và rơi xuống đất. Con chó chạy rất nhanh lên đến vị trí giữa chừng cầu thang trước khi những người bên trong biết chuyện gì xảy ra.

Trong khi tiếng nổ đình tai vẫn còn làm màng nhĩ của những kẻ còn sống sau khi khỏi thuốc nổ được kích hoạt rung lên, Abdul All và người của mình tiến nhanh lên phía trước với vũ khí trên tay. Chúng xộc vào cơ sở có kiến trúc kiểu tàu ngầm, tìm kiếm kẻ mà Al-Qaeda sẵn sàng trả mọi giá để giành lại.

Nhưng một lần nữa, hi vọng không trở thành hiện thực. Mohammed bin Mohammed không có ở đây, mà cũng chẳng có dấu hiệu gì hấn đã từng có mặt ở đây.

Khi tất cả đã an toàn trong hai chiếc Tahoe và hòa vào dòng lưu thông hỗn loạn, Abdul Ali im lặng lướt qua kế hoạch tấn công mục tiêu tiếp theo. Từ những gì đã đọc, mục tiêu kế tiếp chưa phải là mục tiêu khó khăn nhất, nhưng đây là lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu, Abdul tự hỏi cơ hội thành công của mình là bao nhiêu.

CHƯƠNG 39

| CAO NGUYỄN SCOTTISH

Gã Lùn mới chỉ lướt qua được một phần thông tin về cửa hiệu Kim Cương Geneva và Đại lý thu đổi kim hoàn thì thông tin về Hầm Lincoln được truyền tải. Đã đến lúc gửi một đợt thanh toán nữa vào tài khoản của Sacha. Gã Chechen này xứng đáng với khối lượng vàng khổng lồ đó - đặc biệt khi đó là vàng của người khác. Việc Abdul Ali không biết rằng khoản tiền Al-Qaeda của mình thực sự được dùng để thanh toán cho những gã Chechen làm gã Lùn cảm thấy giao dịch thanh toán đặc biệt thú vị.

Có lẽ phải mất rất lâu mới có thể sàng lọc được hết khối lượng thông tin đang tải qua máy chủ của gã Lùn. Mỗi mẫu thông tin đều có những giá trị nhất định - nhưng kỹ năng - nghệ thuật lại nằm ở chỗ làm sao chắp nối chúng vào với nhau thành một bức tranh toàn cảnh. Đó là điều mà gã Lùn làm được, làm rất tốt trong tổng thể nghề nghiệp của mình. Điều đó quả là kỳ diệu đối với gã Lùn, một người mà các viễn cảnh tương lai hoàn toàn u ám, đến mức đến bố mẹ đẻ của hắn đã bỏ chính đứa con của mình.

Khi biết rằng gã Lùn sẽ không thể phát triển thêm chút nào về hình thể nữa, bố mẹ của hắn, hai con người tàn nhẫn gốc Nam Tư cũ không những không trao cho hắn một mái ấm gia đình hay cho hắn vào trại trẻ mồ côi nào đó mà họ đã bỏ thẳng bé bằng cách bán

nó làm nô lệ cho một nhà chứa đang phát lên tại một khu nghỉ mát Sochi gần Biển Đen. Ở đó, thằng bé tội nghiệp đã bị bỏ đói, đánh đập tàn tệ và bị bắt ép phải quan hệ tình dục theo những kiểu quái dị không mô tả được bằng lời, đến mức mà Marquis de Sade cũng phải cảm thấy xấu hổ.

Đó cũng chính là nơi gã Lùn học được chân lý giá trị của thông tin. Những thông tin từ những khách hàng quan trọng sau khi chặn gối đã trở thành mỏ vàng cho gã Lùn khi hắn học được cách lắng nghe và biến những gì mình nghe được thành lợi thế.

Những người phụ nữ trong nhà chứa mà phần lớn cuộc đời họ cũng bị ruồng bỏ cảm thông với gã Lùn và đối xử tốt với hắn. Họ thực sự trở thành gia đình duy nhất mà gã Lùn đã từng có và đến một ngày gã Lùn đã đền đáp những gì hắn nhận được bằng cách mua lại tự do cho họ. Những người đối xử với hắn không ra gì đều phải đối mặt với nghiệp chướng do chính họ gây nên, nghiệp chướng không tránh khỏi khi gã Lùn tra tấn và cuối cùng giết chủ chứa và chồng bà ta vì sự độc ác mà họ bắt hắn phải chịu đựng trong nhiều năm liền.

Gã Lùn đã làm được kha khá và ngay khi các máy chủ của hắn đầy những giao dịch, thế giới này có thể sụp đổ, như cách mà hắn nghĩ. Những dữ liệu mà gã Lùn đang giữ là khoản trợ cấp an sinh tối ưu. Với số tiền kiếm được từ phi vụ này, hắn có thể làm hay mua bất cứ thứ gì mình muốn.

Trong lúc lướt qua những dữ liệu nhận được, gã Lùn thưởng thức món ốc và nấm moscela rồi đến ức vịt Martiniquaise và đùi vịt phủ caramen, đi cùng với một chai vang Chateau Quercy St. Emilion Bordeaux tuyệt hảo lấy từ hầm rượu riêng của mình. Mặc dù còn rất nhiều điểm cần phải ghép nối với nhau, nếu luồng dữ liệu ngưng

ngay lúc này, gã Lùn sẽ không thể vui hơn thế. Những thông tin đang được lưu trữ trên máy chủ của hắn có được từ hàng ngàn, hàng ngàn giờ làm việc của những người khác mà hắn chẳng bao giờ phải trả công, quan trọng hơn là chẳng bao giờ phải trả để có được chúng.

Chénh choáng vì cảm giác mãn nguyện vớ được của trời cho, gã Lùn quyết định tổ chức tiệc nhỏ mừng hưu trí sớm. Sẽ có thịt bò Kobe cho Argos và Draco, và phần mình, gã Lùn sẽ có ba cô gái trẻ bốc lửa mà một *mariscala* hắn biết ở Madrid sẽ rất vui được phục vụ hắn.

Sau khi gửi email yêu cầu danh sách mới nhất của chủ đường dây gái gọi, gã Lùn đặt hàng một giỏ đầy những sản vật loại đắt tiền nhất mà Fortnum & Mason ở London có thể cung cấp như: trứng cá hồi, pho mát lâu năm, patê gan ngỗng, xúc xích và thịt chế biến kiểu Pháp, bánh ngọt, sôcôla và tương ớt. Đó sẽ là tiệc kết của các bữa tiệc. Số phận bị ruồng rẫy gốc Nam Tư cũ đã trúng số độc đắc.

CHƯƠNG 40

Trừ những giấy tờ tùy thân Harvath tìm được từ cửa hiệu Kim Cương Geneva và Đại lý thu đổi kim hoàn, hiện trường đã hoàn toàn bị khám xét. Thực ra hiện trường chỉ mang lại thêm những câu hỏi hơn là những thông tin mà nó có thể đem lại, dẫn đến việc Harvath và nhóm của anh chỉ còn một hướng lựa chọn - địa điểm thứ hai tại Khu Thượng phía Tây.

Vì ở không xa nơi Harvath đỗ xe, cả nhóm quyết định ghé qua để anh lấy ba lô có những vật dụng cần thiết. Như chỉ có lính mới thế, Cates, Hastings và Morgan đều ngạc nhiên thích thú với bộ Điện tử tác chiến công nghệ cao đặt riêng theo yêu cầu của anh, cũng như hàng loạt những thứ thú vị khác.

Lôi phịch ba lô ra khỏi khoang chứa hàng, Harvath sắp xếp lại những thứ mà anh nghĩ mình sẽ cần đến vào trong, ngoại trừ việc Bob Herrington phải nói đi nói lại, “Anh không cần đến cái đó đâu. Không, cái kia cũng không”.

Cuối cùng, với sự đồng ý của Bob thì ba lô của Harvath cũng được soạn xong và anh đã thay quần jeans và áo phông sang chiếc quần chiến thuật TDU 511, áo trong Under Armour, bộ giáp che đạn

Điều hâu đen và đôi bốt độc đáo S.W.A.T. Harvath đã hoàn toàn sẵn sàng cho mọi tình huống, anh hi vọng là như vậy.

Cả đội lại nhảy lên mô tô, ra khỏi garage chạy về hướng bắc hướng phố 84. Cảnh tượng bên trong tòa nhà Transcon trông y hệt như ở Cửa hàng Kim Cương Geneva. Những kẻ tấn công rõ ràng đã tiến vào bằng hai cánh - cửa chính và cửa hông. Những người làm việc bên trong tòa nhà, cả đàn ông và đàn bà, đều mặc đồ công sở và có một lượng vũ khí kha khá, tuy nhiên chúng không giúp được gì nhiều cho họ. Xác chết nằm ngổn ngang trên sàn hoặc vắt ngang qua những bàn làm việc dẫm máu trong khi các bức tường chi chít những lỗ đạn cỡ lớn.

“Lạy Chúa”, Cates thốt lên khi thấy cảnh tàn sát, “Kẻ quái nào gây ra việc này nhỉ?”

“Quan trọng hơn là tại sao chúng làm việc này”, Hastings thêm vào.

Paul Morgan nhìn Harvath, anh hỏi, “Có điểm gì liên kết hai địa điểm không?”

Chính Harvath cũng đang tự hỏi câu hỏi này nhưng đến giờ anh vẫn chưa tìm được câu trả lời. “Hãy chia nhau ra kiểm tra chỗ này. Nếu tìm được gì bất thường thì hãy cho tôi biết”.

“*Bất thường?*” Cates nhìn quanh, “Tình hình này anh hỏi bất thường là sao? Người ngoài hành tinh chắc?”

“Anh biết ý anh ấy mà”, Herrington lên tiếng. “Chúng ta ai cũng đều đang kẹt với những câu hỏi như nhau mà thôi”.

Cates không đồng ý. Anh có cảm giác Harvath biết nhiều hơn là những gì anh nói ra nhưng vẫn bật tay ra hiệu chào Herrington rồi đi xuống phía cuối hành lang.

“Anh nghĩ sao?” Bob hỏi khi cả nhóm đã tản đi bớt.

Harvath chậm rãi nhìn quanh phòng, mùi máu và mùi khét của thuốc súng quện vào nhau đặc quánh làm dạ dày anh vốn đã không ổn quặn lên. “Rõ ràng là hai địa điểm đều được dựng lên làm vỏ bọc cho cái gì đó, nhưng mà là cái gì mới được? Tại sao bọn khủng bố lại quan tâm đến những địa điểm này? Sau một loạt những vụ nổ bom thành công ở New York, bọn chúng lảng vảng đến đây làm gì?” Harvath khoát mạnh tay chỉ cảnh đồ nát chết chóc xung quanh. “Điều này không có lý. Đây chỉ là một thứ vật vãnh so với những gì chúng đã làm được”.

Herrington nhìn quanh thật kỹ trong vài phút rồi nói, “Có lẽ đây là lý do tại sao chúng phải khuấy tất cả mọi thứ lộn hết cả lên”.

Harvath không hiểu ý anh.

“Vụ bắt giữ con tin ở Bronx, đám cháy ở Trung tâm chỉ huy các trường hợp khẩn cấp ở Brooklyn, vụ bắn tỉa ở LaGuardia? Tất cả những vụ đó được dàn dựng để buộc chân các đội tác chiến đặc biệt càng xa Manhattan càng tốt. Sau đó chúng cho nổ cầu và hầm để mọi nhân viên công lực địa phương, liên bang đổ đến hiện trường của những vụ tấn công xảy ra gần họ nhất để cất lực cứu nạn nhân. Những người đó đều là những anh hùng - đừng hiểu sai ý tôi - nhưng một trong những điều ít biết nhất khi điểm lại những sai lầm trong vụ 11/09 là có quá nhiều người muốn trở thành anh hùng trong ngày hôm đó.

“Không như hồi cơn bão ập vào New Orleans, mọi người, kể cả cảnh sát đều bỏ nhiệm sở của mình, ở New York hôm 11/09, *tất cả* cảnh sát, lính cứu hỏa, cứu thương và toàn bộ nhân lực ở Tòa nhà Liên bang đều dồn đến Trung tâm Thương mại Thế giới để khắc

phục hậu quả. Họ coi đó là trách nhiệm của mình, và đúng hay sai, họ bỏ qua mệnh lệnh để chạy đến hiện trường ngay lập tức. Nếu có ai đó lợi dụng tình thế tương tự qua những gì xảy ra trong ngày hôm nay thì sao?”

Harvath nhìn bạn mình, “Anh đang nói rằng những vụ nổ bom trên cầu và hầm ở Manhattan là để giương đông kích tây?”

Bob nhún vai, “Tôi không biết. Anh nói xem. Tại sao chúng lại cố gắng phong tỏa hệ thống điều khiển không lưu? Sao chúng lại tổ chức hỏa lực bắn tỉa thuyền và trực thăng quanh Manhattan?”

Điều đó làm Harvath phải suy nghĩ nhiều hơn và anh chỉ có thể trả lời bằng một câu duy nhất: “Để ngăn các nguồn lực có thể được củng cố”.

“Và tại sao chúng lại không muốn Manhattan có thể được củng cố?”

“Vì một khi các nguồn lực được củng cố và tổ chức lại sẽ gây khó khăn cho việc tẩu thoát hoặc...”

“Gây khó khăn cho việc đạt được mục tiêu tối ưu”. Harvath lắc đầu. “Đến đây thì tôi tắc tị rồi. Ta vẫn thường nói là rồi thế nào những vụ tấn công khủng bố cũng sẽ lại diễn ra, nhưng không biết lúc nào, và đó là lúc này. Con số người chết trong những vụ nổ bom trên cầu và trong hầm tại New York hôm nay có thể vượt quá cả vụ 11/09, vậy tại sao đó vẫn chưa phải là mục tiêu tối ưu của chúng?”

“Đó là vấn đề trong cách chúng ta tiếp cận những thằng khốn này”, Herrington đáp. “Ta vẫn rất hay đánh giá chúng thông minh hơn thực tế và điều đó làm ta cảm thấy tự an ủi khi bị chúng tấn công. Để tớ nói cho cậu nghe điều này nhé, làm nổ cầu và hầm không phải là *thông minh* hay không, mà là về *nhân lực*. Cậu có thể

giải quyết mọi vấn đề nếu có đủ nhân lực, đặc biệt là khi người của cậu sẵn sàng chết để hoàn thành nhiệm vụ”.

“Nhưng ta đang nói về rất nhiều nhân lực đấy”, Harvath đáp. “Thằng khốn mà ta thẩm vấn ở Khu 1 cho thấy chúng có thừa nhân lực cho việc này”.

“Hai đội dự phòng, ba đội thì sao nào? Nhớ lại vụ đánh bom ở London đi. Madrid thì sao? Chúng đã tấn công Manhattan và điều động nhiều nhân lực hơn, thế thôi. Thậm chí ta chẳng bao giờ biết chúng làm điều đó như thế nào, mà chúng vẫn đã làm được đấy, đó mới là vấn đề quan trọng nhất”.

“Được”, Harvath đáp trong vai trò biện hộ cho bọn khủng bố trong một khắc. “Cứ cho là mọi điểm cậu nói đều đúng thì cầu, hầm, hỏa lực bắn tỉa, tên lửa đất đối không, nổ bom đều là để cô lập Manhattan và ngăn chặn khả năng củng cố và đáp trả để chúng có thể đạt được mục tiêu lớn nhất của mình. Từ những gì ta thấy, chúng tấn công địa điểm này rồi đến Midtown tấn công cửa hàng kim cương. Chúng muốn gì?”

“Đó là một câu hỏi đáng giá cả trăm ngàn đô la đấy”, Herrington đáp. “Nếu ta tìm được câu trả lời, ta sẽ có thể tìm ra cách chặn chúng lại. Nếu cậu muốn biết ý kiến của tớ, tớ đề nghị ta quay lại thuyết phục Sở cảnh sát New York giao lại gã có tuyến nước bọt dồi dào kia để ta có thể thẩm vấn hãn kỹ hơn”.

Herrington có lý. Tên khủng bố còn sống đó là đầu mối vững chắc duy nhất họ có.

Một kế hoạch dần hình thành trong đầu Harvath, anh chợt tự hỏi liệu những kẻ đã chết có thể kể lại câu chuyện của mình không.

CHƯƠNG 41

“Ba”, Kevin McCauliff đáp trong khi Harvath cầm sẵn bút để ghi lại. “Mỗi cuộc gọi từ một điện thoại khác nhau trong nhóm nhưng đều gọi đến một số”.

Harvath tự trách mình đã không nghĩ đến khả năng này sớm hơn. Nếu biết những số điện thoại do những đối tượng đánh bom cảm tử dùng, họ đã có thể kiểm tra bằng kê các cuộc gọi. Khi McCauliff nhắc đến một người quen làm ở Nextel, Harvath chợt lóe ra một hướng.

“Cậu có thể tìm được gì từ số điện thoại đó?” Harvath hỏi.

McCauliff hít một hơi thở sâu, “Cậu sẽ không thích việc này đâu”.

“Trừ việc cậu nói là mấy thằng khủng bố đã gọi số máy tổng đài của Cơ quan An ninh Tình báo DIA, còn không thì tớ có thể xử lý hết”.

“Tất cả các cuộc gọi đều hướng đến một máy nhắn tin có tổ hợp số, chữ mua hai tuần trước, trả bằng tiền mặt và dùng dịch vụ địa phương”.

“Máy nhắn tin một chiều hay hai chiều?”

“Một chiều”, McCauliff đáp. “Chạy tần số VHF, không có cách nào để lần ra dấu”.

“Cậu nói đúng”, Harvath đáp. “Tôi không thích việc này chút nào. Chúng có thể ở bất cứ đâu”.

“Tôi xin lỗi”.

“Có phải lỗi của cậu đâu. Cảm ơn đã giúp tớ vụ này”.

“Bạn bè mà, phải không? Nghe này, nếu cần gì thì gọi lại cho tớ nhé, nhưng nếu tớ không ngồi trong văn phòng thì làm ơn đừng để lại lời nhắn, hãy gọi số di động của tớ hoặc nhắn một cái tin kiểu vô hại ấy. Được chứ? Tôi vẫn muốn giữ việc của mình ở đây nhưng cũng chả biết khi nào sếp Bury nổi hứng nhòm ngó các kênh liên lạc của mình đâu”.

Khi nghe thế, nhiều tia sáng lóe lên trong đầu Harvath. Phấn khích về điều mình mới nghĩ ra, anh nắm chặt chiếc điện thoại di động hơn, “Nếu tớ nhờ cậu gửi một tin nhắn đến cái máy nhắn tin tổ hợp số, chữ kia, làm sao cho giống như tin nhắn đó được gửi từ số máy di động tớ có được từ cảnh sát New York có được không?”

“Được chứ”, McCauliff đáp, “nhưng sao cậu muốn làm thế?”

“Vì tớ nghĩ nếu làm thế có thể ta sẽ khiến Mohammed phải xuống núi”.

CHƯƠNG 42

| NHÀ TRẮNG

Jack Rutledge ngẩng lên khi Carolyn Leonard bước vào phòng.
“Có chuyện gì thế?”

“Ta mới nhận được thông tin từ nhân viên mật vụ bảo vệ Amanda ở New York”. Carolyn đáp.

“Nó vẫn bình thường chứ?”

“Cô ấy hiện đang ở bệnh viện Beth Israel. Đã có thêm đặc vụ trên đường đến văn phòng ở Manhattan khi ta yêu cầu”.

“Tôi không hỏi việc đó, Carolyn. Tôi hỏi Amanda có bình thường không?”

“Chúng ta vẫn chưa biết chắc chắn, thưa ngài. Trên đường đến bệnh viện có lúc cô ấy đã ngừng thở và đặc vụ Delacorte đã phải hô hấp nhân tạo cho cô ấy”.

“Lạy Chúa tôi”.

“Hiện họ đang chuẩn bị phẫu thuật cho cô ấy và mong là sẽ sớm có tin”.

“Thông báo với bệnh viện là tôi muốn nói chuyện trực tiếp với các bác sỹ ngay khi họ có thêm thông tin. Bác sỹ Vennett đang ở đâu quanh đây. Tôi muốn Vennet có mặt ngay lập tức”.

“Vâng thưa ngài. Tôi sẽ cho người tìm bác sỹ phẫu thuật tổng hợp ngay lập tức”.

“Cảm ơn Carolyn”.

Khi Carolyn đã rời phòng, viên tham mưu trưởng lên tiếng, “Amanda là một cô gái mạnh mẽ. Cô ấy sẽ vượt qua được thôi. Ngài đừng quá lo”.

Rutledge cười. *Đừng quá lo?* Làm sao ông không thể không lo được? Đó là đứa con gái duy nhất mới hai mươi một tuổi của ông, lạy Chúa.

Cuộc đối thoại lại được tiếp tục trước khi nó bị Carolyn làm gián đoạn. Charles Anderson hỏi, “VẬY còn bộ trưởng Driehaus thì sao ạ?”

“Cứ để ông ấy chờ. Có lẽ ông ấy sẽ thấy chán và quay lại văn phòng của mình”.

“Ông ấy là Bộ trưởng Bộ An ninh Nội địa, thưa tổng thống. Ngài không thể *không* gặp ông ấy được”.

“Ông ấy không nên có mặt ở đây, Chuck, ông biết điều đó. Không phải lúc này. Ông ấy cần có mặt ở Bộ An ninh Nội địa để điều động công tác”.

“Tôi hoàn toàn đồng ý với ngài, nhưng ông ấy đang ở đây, và quan trọng hơn là báo giới biết ông ấy đang có mặt ở đây. Nếu ngài làm mất mặt ông ấy, người ta sẽ tự hỏi liệu chính phủ này sẽ đối phó với thảm họa trước mắt như thế nào”.

“Mẹ kiếp, tôi không có thì giờ cho việc này. Chuyến viếng thăm của ông ấy chẳng có gì liên quan đến thảm họa ta đang gánh chịu cả”.

Viên tham mưu trưởng hạ giọng, “Chúng ta đều biết điều đó, nhưng theo cách riêng của mình thì ông ấy cho rằng có rất nhiều thứ liên quan. Ngài cứ cho ông ấy ba phút, tôi sẽ để Rachel dừng lại bằng cách thông báo có điện thoại khẩn. Cách này sẽ khiến ông ấy nói những gì cần thiết và không thể đổ lỗi là ngài không cho ông ấy cơ hội gặp”.

“Được thôi”, Rutledge đáp. “Tôi sẽ làm thế. Nhưng tôi muốn ông biết rằng đây là một sai lầm”.

“Tôi hiểu thưa ngài”.

“Làm cho xong đi. Cho ông ấy vào”.

Anderson ra hiệu cho thư ký riêng của tổng thống ở văn phòng bên ngoài báo họ đã sẵn sàng. Mười giây sau, cửa Phòng Bầu Dục mở ra và Alan Driehaus bước vào.

“Cảm ơn đã dành thời giờ tiếp tôi, thưa tổng thống”. Driehaus bắt tay Rutledge.

“Dĩ nhiên rồi Alan. Xin mời ngồi”. Tổng thống đáp rồi ngồi xuống. “Tôi chắc chỉ có vài phút thôi. Sao ông không nói luôn việc mà ông không tiện nói qua điện thoại nhỉ?”

“Tôi nghĩ rằng tôi đã giải thích với Chuck “

“Tôi phải rất thành thực với ông, Alan. Tôi đã nói với Chuck là giờ không phải lúc bàn những việc này, những việc không liên quan đến những gì đang xảy ra”.

“Tôi hiểu điều đó, thưa tổng thống, nhưng tôi hiện đang nắm một số tin tức mà tôi cho rằng không mấy thú vị”.

“Như là?”

“Trước tiên, tôi nhận được tin từ một nguồn đáng tin cậy rằng trong vòng hai mươi tư giờ trước, một hoặc một số đặc vụ của chính phủ Hoa Kỳ đã vượt qua biên giới Canada bất hợp pháp, sau đó tấn công và bắt cóc một người mà chính phủ Canada đã cho phép tị nạn chính trị”.

Rutledge liếc nhanh viên tham mưu trưởng để ông này biết rằng ông khó chịu đến mức nào về cuộc hội đàm này rồi quay sang Driehaus, “Tại sao ông không nói cho tôi biết nguồn tin đáng tin cậy của ông là ai bởi ông đang sử dụng nó để đưa ra một cáo buộc khá là nghiêm trọng?”

“Có lẽ tôi sẽ không nói được, thưa tổng thống. Tôi mong ngài cho tôi biết việc đó có thật hay không?”

Ngưỡng chịu đựng của Rutledge không còn nhiều cho ngày hôm nay nữa, ông nhanh chóng chạm đến giới hạn của mình. Tổng thống lên giọng đáp, “Làm sao ông dám bước vào văn phòng này và ra lệnh cho tôi? Nếu ông quên, Alan, tôi là Tổng thống Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, và ông đang phụng sự tôi”.

Phản ứng của tổng thống quá đủ cho một câu trả lời. Driehaus chỉ còn thêm một câu hỏi nữa. “Tôi hiểu là chúng ta ngăn chặn tin lan ra rằng ta đã vi phạm toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia khác và cưỡng bức dẫn giải hân về Mỹ nhưng thực chất tin đồn cho thấy ta đã đưa hân về thành phố New York, chứ không phải nơi nào khác. Có phải thế không ạ?”

Rutledge ngả lưng vào ghế, đáp, “Ông và tôi không còn điểm nào cần phải thảo luận nữa. Cuộc họp kết thúc ở đây”.

“Ngài nói đúng, thưa tổng thống”, Driehaus đứng dậy và rút một phong bì từ túi áo ngực ra. Đặt phong bì lên bàn làm việc của

Rutledge, Driehaus tiếp, “Tôi không thể tiếp tục làm việc và hỗ trợ các chính sách của cơ chế này nữa. Tôi sẽ còn nhận nhiệm sở trong lúc ngài và đất nước này cần để vượt qua thảm họa nhưng sau đó tôi sẽ từ chức. Tôi đề ngày từ chức trong thư mở. Ngài cứ việc điền ngày phù hợp theo ý mình”.

Khi Driehaus bước về phía cửa, tổng thống lên tiếng, “Điều đó là không cần thiết, Alan”.

Bộ trưởng Driehaus quay lại, một tia hy vọng lóe lên. *Có lẽ ta đã làm tổng thống nhìn nhận vấn đề một cách đúng đắn.*

Nhưng tia hy vọng đó tắt ngấm khi Rutledge cầm bút lên và tiếp, “Tôi sẽ đề ngày hôm nay vào, ngay bây giờ”.

CHƯƠNG 43

| THÀNH PHỐ NEW YORK

Trong một trận phục kích, quân địch là kẻ ẩn định giờ giấc còn những lực lượng tấn công lại được chọn địa điểm và đó chính là những gì mà Harvath và đội của anh đã làm. Điểm mấu chốt là chọn một nơi trong phạm vi tương đối gần cửa hiệu Kim Cương Geneva và Đại lý thu đổi kim hoàn. Kevin McCauliff khá tự tin cho rằng mình có thể đánh lừa kẻ dùng máy nhắn tin mà tất cả đều hy vọng là đối tượng khủng bố chủ chốt.

Ý tưởng ở đây là làm sao cho giống một tin nhắn cập nhật vị trí do đối tượng người Trung Đông gửi đi, khi balô của hắn không thể được kích nổ và bản thân hắn lại đang ngồi trong phòng giam của cảnh sát New York.

Việc này có thể làm cho đối tượng cảm máy nhắn tin cảm thấy lạ bởi đến giờ này vẫn nhận được tin nhắn cập nhật vị trí, đồng thời cũng khác thường đủ để làm hắn phải quan tâm đến việc tại sao một kẻ đánh bom thất bại lại cố gắng kết nối liên lạc.

“Và nếu gã đó gọi hoặc nhắn tin lại số điện thoại di động của đối tượng bị bắt thì sao?” Herrington hỏi.

“Không sao cả. Chẳng có số điện thoại di động nào có thể hoạt động được trong lúc này trừ những số đặc biệt của chính phủ hoặc nhân viên công lực đang làm nhiệm vụ. Bạn của Kevin làm việc cho

Nextel đảm bảo là bất cứ ai quay số cũng sẽ chỉ nhận được tín hiệu bíp liên tục báo máy bận và tin nhắn sẽ không đến được. Những gì ta cần làm là lâu lâu lại gửi tín hiệu một lần để làm chúng phải chú ý”. Harvath đáp.

Nghe như có vẻ đó là một kế hoạch khả thi mặc dù vẫn có hai điểm thiếu sót. Cả nhóm vẫn chưa thống nhất được liệu có khả năng bọn khủng bố có một kế hoạch dự phòng hay không - kế hoạch trong trường hợp không hạ được mục tiêu hoặc bom không kích nổ được - nếu câu trả lời là có và một trong những đối tượng mang bom không thực hiện kế hoạch dự phòng mà lại quay lại địa điểm tập kết và liên lạc với một đối tượng khác - điều có thể làm rung chuông báo động và thay vì tập trung được những tên khủng bố còn lại thì lại đẩy chúng ra xa hơn. Điểm thứ hai là liệu đối tượng mang bom tự sát có được biết về toàn bộ chiến dịch. Điều này cũng có thể gây khó khăn cho họ nhiều như thuận lợi.

Còn có một điểm nữa, điểm thứ ba mà cả nhóm đều nhất trí - họ vẫn không hề biết đối tượng mà họ đang tìm kiếm là ai. Họ có thể dàn trận phục kích tốt nhất đã từng có nhưng nếu không biết kẻ địch của mình là ai, họ làm thế nào để biết lúc nào thì sập bẫy xuống? Cuối cùng cả nhóm cùng quyết định rằng mình có thể sẽ phải liều khi thời điểm đến.

Mạn phía nam của Công viên trung tâm là điểm phục kích tốt nhất. Ở đây họ có đủ những thứ mình cần, góc trú ẩn, ngụy trang và những điểm quan sát tốt, và với sự lộn xộn trong thành phố, những người sống ở đây quyết định tránh xa những khu nhà cao tầng và những mục tiêu khủng bố tiềm năng bằng cách mở rộng Sheep Meadow*. Đó là một thuận lợi lớn vì cả nhóm đều không muốn một khu vực đã bị tàn phá hay có sẵn nguồn con tin nếu như cuộc phục

kích nghiêng về phía họ, nhưng lúc này đây không ai trong nhóm tự tin đến thế.

Mục tiêu của Harvath và đồng đội là kéo được bọn khủng bố vào khu vực chật hẹp ngay mạn phía bắc đường hầm dành cho khách bộ hành chạy dưới phố Transverse 65, còn được gọi là Denesmouth Arch. Trong khu vực này, Bob “Viên đạn” và tay súng trường giỏi nhất của nhóm sẽ không gặp bất cứ chướng ngại vật nào trong tầm bắn của mình cả từ hai phía. Dù không thể tranh cãi với cách lập luận của Harvath, Herrington vẫn muốn được có mặt cùng với đội bởi không được tham gia với vai trò lực lượng tấn công chính làm anh cảm thấy không hài lòng.

Khi bóng tối dần buông xuống, Harvath kéo Tracy Hastings sang một bên và lấy ống nhòm chuyên dụng ban đêm từ chiếc balô của mình đưa cho cô.

“Anh không có vấn đề gì khi giao ống nhòm một mắt cho người chỉ còn một mắt hay sao?”

“Trông tôi có vẻ như có vấn đề với chuyện đó à?” anh đáp và lôi tiếp một cặp máy Motorola ra khỏi balô.

“Vậy thì tại sao mỗi lần quay lại tôi đều thấy anh nhìn tôi chằm chằm?”

Chẳng nghĩ gì, Harvath hướng tia nhìn của mình sang phía khác. “Vì cô làm tôi nhớ đến một người, thế thôi”.

“À chắc là thế rồi”, Hastings không mấy để ý đến câu trả lời của Harvath.

“Nghe này, là chuyên gia phá các thiết bị nổ EOD, cô được huấn luyện để có kỹ năng nhận biết những chi tiết nhỏ nhất, và đó là những gì chúng ta đang rất cần. Trong khi làm nhiệm vụ, tôi không

phân biệt nam hay nữ. Và tôi cũng chẳng quan tâm đến việc cô chỉ còn lại một mắt. Tôi đưa cô cái ống nhòm ban đêm loại một mắt vì đó là cái ống nhòm duy nhất mà tôi có ở đây”.

Hastings ngạc nhiên vì sự thành thật của Harvath, “Thật thế à?”

“Ừ, thế đấy”. Harvath đáp và bước đến gần Morgan và Cates để giao vị trí cho họ.

CHƯƠNG 44

Abdul Ali tức điên. Hoặc Hussein Nassir bị điên hoặc bom của hắn đã không thể kích nổ được. Thế nào đi nữa thì tên khủng bố người Jordan vẫn muốn giả thiết thứ hai là câu trả lời. Giao việc cho Nassir là cả một sai lầm, Ali đã nhận ra điều đó nhưng kẻ ăn mày sao có quyền chọn người bố thí. Chiến dịch lần này đã phải huy động hầu hết nguồn nhân lực mà Al-Qaeda có ở Mỹ, thậm chí chúng còn phải đưa thêm người vào từ Mexico và Canada.

Kẻ tử vì đạo, ít nhất là khi thực hiện việc mình cần làm, không cần thiết phải là người thông minh sắc sảo, thậm chí cũng chẳng cần phải thật dũng cảm mà lại cần phải có một niềm tin mù quáng rằng sẽ nhận được sự đền bù thích đáng khi lên thiên đường.

Điều đó đúng với Nassir, hắn quả là ngốc khi đặt phần còn lại của chiến dịch vào tình trạng nguy hiểm bằng cách tìm ra vị trí của đội mình. Làm sao hắn biết vị trí của đội chính là vị trí của Ali. Ali biết rằng giữ bí mật mọi chi tiết của một chiến dịch như thế này không dễ và có ai đó đã cho Nassir biết nhiều hơn những gì hắn cần. Những tin nhắn định vị không hề nói dối. Nassir đã đến cả Transcon và Kim Cương Geneva, Đại lý thu đổi kim hoàn và với mục đích nào đó hắn đang có mặt ở Công viên trung tâm. Thằng ngu Nassir sẽ sớm bị bắt và làm lộ tất cả. Ali không còn cách nào khác là phải tìm và đảm bảo

an toàn cho Nassir cho đến khi mọi việc hoàn tất. Đến lúc đó hắn mới có cơ hội để tìm hiểu làm sao Nassir lại biết về phần kết của chiến dịch này.

Ali lệnh cho Sacha cho xe quay lại nhắm hướng Công viên trung tâm mặc dù biết làm như vậy sẽ rất bất lợi cho kế hoạch định sẵn. Hắn hy vọng rằng mình sẽ tìm được Nassir trước khi thằng ngu lại phạm phải một sai lầm ngớ ngẩn nào nữa và bán mạng tất cả bọn chúng.

CHƯƠNG 45

Khi nhập những cái tên mà Harvath thu thập được từ hai “điểm cuối” bị tấn công vào cơ sở dữ liệu tình báo chia sẻ, Gary Lawlor lại một lần nữa không tìm được gì có ích. Đó là những cái tên ma, tất cả đều không có thực - không may là cả nghĩa bóng và nghĩa đen đều như vậy. Khử thông tin cá nhân của dân sự thì đã đành nhưng Lawlor có cảm giác để làm được điều đó với Lính thủy đánh bộ thì lại khác - đặc biệt là vai trò của họ là đảm bảo an ninh.

Nhấc điện thoại lên, Lawlor quay số gọi trung tá Binh đoàn Lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ - Sean Olson. Olson, một người với thể trạng trung bình, cao khoảng 1,7 mét là học viên đã tốt nghiệp chương trình đào tạo lãnh đạo trong ngành hành pháp của FBI, hay còn được gọi là Học viện Quốc gia. Được tổ chức tại Học viện FBI ở Quantico, nội dung chương trình bao quát các lĩnh vực về luật, khoa học hình sự, tâm lý tội phạm, phát triển kỹ năng lãnh đạo, thông tin liên lạc, sức khỏe và thể chất. Mục tiêu của chương trình này là để “tạo cơ hội phát triển phẩm chất cá nhân cũng như nghề nghiệp cho lãnh đạo ngành hành pháp”, tuy nhiên, nhiều người lại cho rằng điều đáng quý nhất có được ở Học viện Quốc gia là những mối quan hệ cực kỳ quan trọng và một mạng lưới cựu sinh viên khổng lồ.

Trung tá Olson là chỉ huy đơn vị An ninh Hành pháp và Giáo Dưỡng cho toàn bộ Binh đoàn Lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ và nếu ai đó có thể tìm được thông tin về danh tính bí mật của hai Lính thủy đánh bộ cho Lawlor thì người đó phải là bạn học cũ tại Học viện Quốc gia của ông, Sean Olson.

“Gary, rắc rối ngập đến tận cổ tớ rồi”, viên trung tá nói khi trợ lý nối máy cho ông với Lawlor, “nên tớ sẽ vào thẳng vấn đề để tiết kiệm thời gian. Tôi có thể giúp gì cho cậu?”

Lawlor thầm cảm ơn bạn mình đã vào thẳng vấn đề và ông cũng đáp lại trên tinh thần đó. “Sean, chúng ta có lý do để tin rằng hệ thống cầu và hầm ở New York không phải là mục tiêu duy nhất”.

“Lạy Chúa”, thái độ của Olson chuyển từ nôn nóng sang hoàn toàn quan tâm. “Cậu nghĩ là vẫn sẽ có thêm chuyện nữa à?”

“Tôi tin rằng điều đó đang xảy ra rồi”.

Olson ngạc nhiên. “Xảy ra ở đâu? Sao ở đây vẫn chưa nghe gì hết?”

Neu Olson ngụ ý ở đây là đơn vị An ninh Hành pháp của binh đoàn thì điều đó rất dễ hiểu, nhưng thực chất ông lại có ý nói đến Lầu Năm Góc; nếu thế thì Lawlor không chắc là những vụ tấn công vào hai điểm cuối đã được báo cáo hay chưa. “Đây là một tình huống rất nhạy cảm. Những vụ tấn công mà tớ đang nói đến không nhắm vào những mục tiêu dân sự”.

“Vậy đó là gì? Thuộc chính phủ hay quân đội?”

“Chỉ biết vậy thôi, chúng ta vẫn chưa biết được rõ ràng. Có hai địa điểm ở Manhattan sơ bộ cho thấy có liên quan đến những hoạt động bí mật - nhưng hoạt động bí mật gì và những người làm việc ở đó là ai thì vẫn chưa tìm được từ những cơ sở dữ liệu của ta. Điểm

chung giữa hai địa điểm này mà tớ nhận thấy là mọi người làm việc ở đó đều được trang bị vũ khí kỹ càng và mọi thứ đều được lưu trữ bằng máy tính”.

“Và những địa điểm này bị tấn công như thế nào?” Olson chuyển điện thoại sang tai kia.

“Từ những gì quan sát được, hai nhóm đột kích tấn công cả hai địa điểm này và hạ thủ tất cả những người bên trong”.

“Để làm gì?”

“Chúng ta không hề biết”, Lawlor đáp.

“Gary, cảm ơn đã cho tớ biết những thông tin này”, viên thiếu tá nói, “nhưng cậu nói việc này với tớ để làm gì?”

“Bởi ba người trong số những người bị giết là Lính thủy đánh bộ. Tôi cần biết họ là ai và họ làm gì ở đó”.

Olson vốn đã có sẵn một nguồn adrenaline không thể kiềm chế nổi và sự căm ghét tột cùng đối với những đối tượng khủng bố Hồi giáo, nhưng khi nghe rằng ba Lính thủy đánh bộ đã bị chúng hạ sát đã làm ông chạm ngưỡng của ngày hôm nay. Olson phải cố gắng lắm mới có thể kiểm soát sự giận dữ của mình và đáp lại bằng một câu trả lời chuyên nghiệp chứ không phải một câu chửi thề. “Cậu hãy tin rằng tớ rất muốn giúp cậu, nhưng việc này nằm ngoài khả năng của tớ. Cậu cần phải liên lạc trực tiếp với Bộ Quốc phòng”.

“Đó chính là vấn đề”, Lawlor đáp, “Tôi không thể”.

“Thế quái nào mà cậu lại không liên lạc được với họ? Ba Lính thủy đánh bộ bị giết cùng với nhiều đồng nghiệp dân sự, họ sẽ chắc chắn phải ưu tiên chứ”.

“Cho tớ năm phút để giải thích, Sean. Nếu sau năm phút mà cậu vẫn nghĩ rằng cậu không thể giúp gì được thì tớ sẽ phải tìm người

khác”.

Olson miễn cưỡng đồng ý.

Ba phút rưỡi sau, viên trung tá đã nghe hết những gì mình cần. Ông gác máy, gọi trợ lý vào phòng và dặn dò công việc. Tìm được nguyên nhân những gì xảy ra với ba Lính thủy đánh bộ bị giết đã trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu của Olson.

CHƯƠNG 46

Những người Chechen này chưa bao giờ gặp Hussein Nassir. Thực ra, họ chưa từng gặp bất kỳ một tên đánh bom nào của Ali. Vì vậy, không thể yêu cầu họ tìm và đưa hắn tới. Ngoài ra, đó là một mớ bong bong của Ali. Chính hắn là kẻ phải dọn đi chứ.

Thay quần áo ra đường, Ali cuộn khẩu súng Firestar Tây Ban Nha chín ly vào tờ *Bưu điện New York*, giấu dưới tay và để đồng bọn thả hắn vào Công viên Trung tâm phía Nam.

Mặc dù đã nghiên cứu kỹ bản đồ nhưng công viên này vẫn là một địa bàn lạ và hắn cảm thấy hơi lo ngại. Trên đường đi, hắn đã quyết định rằng đây sẽ không phải là một cuộc giải cứu. Hắn sẽ nã vào đầu Hussein Nassir một phát đạn và giấu xác hắn ta sao cho đến lúc phát hiện ra thì đã quá muộn.

Theo nhận định của Ali thì ba tin nhắn cuối cùng vào máy nhắn tin sẽ khiến hắn ta có mặt ở đâu đó gần Vườn thú của Công viên Trung tâm. Chí ít gã ngốc cũng không thể quên toàn bộ những gì đã được huấn luyện. Khu vực này thường xuyên có nhiều khách du lịch nước ngoài và nếu bình tĩnh, sẽ chẳng có lý do gì mà hắn bị để ý. Tuy nhiên, người ta sẽ đặt ra câu hỏi là một gã đàn ông Trung Đông lại làm gì ở vườn thú khi New York vừa mới trải qua một cuộc khủng

bồ kinh hoàng nhất trong lịch sử? Dù là bất kỳ gã đàn ông Trung Đông nào cũng sẽ chẳng dại gì lang thang trên đường phố. Chúng sẽ trốn trong nhà hay trong phòng khách sạn để giữ an toàn cho bản thân mình. Nassir còn ngốc hơn cả Ali tưởng.

Ali không hề lo ngại gì về vẻ bề ngoài của mình. Phẫu thuật đã khiến hắn bớt giống người Trung Đông và người ta thường nói rằng trông hắn giống người đảo Sicily* nhất. Nếu có đưa ra thử, ngay đến một người bản địa cũng khó mà nghi ngờ được gốc Ý đặc biệt của hắn.

Ali tiến vào từ phía tây nam, hắn quyết định tránh con đường lớn càng nhiều càng tốt. Mặc dù có rất ít thời gian, nhưng hắn vẫn cố gắng không vội vã. Tình hình bắt đầu rắc rối. Có lẽ đi một mình là sai lầm. Hắn điện đàm yêu cầu những gã Chechen giữ vững vị trí nhưng vẫn chẳng cảm thấy yên tâm hơn là mấy. Chúng cần di chuyển. Ở quá lâu tại một điểm rất dễ bị phát hiện. Dù biết nói tiếng Anh nhưng giọng chúng vẫn rất nặng. Chỉ Ali mới có thể qua mặt người Mỹ và nếu không có hắn trong chiếc xe dẫn đầu, chúng sẽ gặp nguy hiểm vì phải ngồi chết gí một chỗ mà chờ hắn. Một phần, hắn hy vọng rằng lệnh cho chúng di chuyển là một quyết định đúng đắn.

Ngóc lên từ bên dưới cái cổng vòm kín đáo ít khi được dùng đến, Ali cảm thấy như ngồi trên đồng lửa. Hắn trèo qua mấy bậc thang ở cuối con đường hầm và thấy mình có mặt trên một con đường nhỏ có tên là Wien Walk. Tiến về phía vườn thú, Ali tia mắt xem có dấu hiệu nào về một cái bẫy không.

Hắn đi ngang qua một nhóm người - ba người phụ nữ và một người đàn ông - những người đang hết sức phẫn nộ vì những vụ đánh bom và chẳng hề có cảm giác gì ngoài sự coi thường chúng.

Những gì họ trải qua trong ngày hôm nay chỉ là khởi đầu cho cả nước Mỹ. Rõ ràng là chúng chẳng hề rút ra được bài học nào và vì vậy, chúng sẽ phải uống rượu phạt đúng như chúng đã từng đổ lên thế giới Đạo Hồi trong nhiều thập kỷ qua.

Tới chỗ vườn thú, Ali muốn nhanh chóng kết thúc công việc của mình. Nhưng trong phút chốc, hắn bỗng phát hiện ra mọi nơi đều đóng cửa, kể cả quán cà phê nơi hắn nghĩ sẽ gặp Nassir. Hắn sẽ phải lòng sục cả khu vực này.

Càng tìm kiếm hắn càng mất nhiều thời gian hơn. Cứ phí thêm một phút nào, hắn lại tự thề rằng hắn sẽ làm cái chết của Nassir càng trở nên đau đớn hơn.

Tiến đến gần tòa nhà vốn được biết đến như Kho vũ khí, Ali thấy một dáng người phía trước. Dù là nhìn từ sau lưng, nhưng hắn có thể thấy người đàn ông này có tầm vóc đúng như Hussein Nassir. Ông ta đang ngồi một mình, quần một cái chần, loại thường được dùng cho các vận động viên sau khi chạy maratông hoặc các nạn nhân để bớt run sau khi bị tấn công. Ali tin rằng hắn đã tìm thấy kẻ cần tìm.

Thò vào bên trong tờ *Bưu điện New York*, hắn lần tay xuống chỗ khẩu Firestar và xiết cò. Giờ thì chỉ còn là trong giây lát.

CHƯƠNG 47

Tracy Hastings nói vào cái microphone giấu bên dưới cổ áo, “Liên lạc. Mục tiêu có thể cách ba mươi yard*. Tầm bốn mươi tuổi, tóc sẫm màu, mặc quần đen và một cái áo sơ mi cúc đen”.

“Có phải là gã của chúng ta không Tracy?” Harvath hỏi từ phía bên kia cổng vòm Denesmouth.

“Trông hắn không giống người Trung Đông lắm - có thể là người Tây Ban Nha hay Ý. Nhưng tôi không chắc”.

“Hắn có mang theo gì không?”

“Chỉ một tờ báo”.

“Cách hắn cầm tờ báo thế nào?” Harvath hỏi.

“Bên dưới tay trái”.

“Cô có nhìn thấy tay hắn không?”

“Không ổn. Trông có vẻ như nó đang nằm trong tờ báo”.

Với Harvath thế là đủ. Anh ra hiệu cho Herrington và nói trong bộ đàm. “Tôi cần cô bám theo hắn để Bob biết và xem xem liệu hắn có cái đuôi nào không. Cô biết phải làm thế nào chứ? Cẩn thận nhé”.

“Được”. Tracy trả lời. Đứng lên khỏi cái ghế đang ngồi, Tracy hướng về phía nam tới chỗ kẻ tình nghi trên con đường Wien Walk.

Với nét mặt lo lắng, cô lấy chiếc điện thoại di động trong túi ra, giờ lên cao như thể muốn tìm tín hiệu sóng điện thoại.

Khi tiến tới phía sau gã đàn ông mặc quần áo đen, cô dừng lại và khua chiếc điện thoại lên không trung đúng 3-6 lần. Mặc dù cố vờ tỏ ra cho giống với vẻ đang tìm tín hiệu sóng dịch vụ di động, nhưng cô vẫn cảm nhận được ánh mắt của gã đàn ông đang quét khắp người mình. Cô thấy ớn lạnh nhưng lúc này cô đang theo hấn và Herrington đang dõi súng theo hấn.

Cô tiếp tục đi, và ngay khi nhận ra không có ai đi theo hấn, cô đặt chiếc điện thoại lên vai và nói vào chỗ cổ áo, “hấn đi một mình”.

Hastings chờ đợi trả lời chỗ Harvath nhưng chẳng thấy gì. Cô nhắc lại lần nữa. Vẫn chẳng thấy gì. “Scot, anh nghe thấy tôi nói không?” cô hỏi. Vẫn không có tín hiệu trả lời và cô biết đã có chuyện xấu.

“Bỏ vũ khí xuống và chìa tay ra để tao có thể nhìn thấy”. Một giọng nói vang lên từ phía sau.

Cả Harvath và Cates đều làm theo.

“Gã đàn ông ngồi trên ghế, cái gã choàng chăn ấy. Bảo hấn ta lại đây”. Giọng nói tiếp tục.

“Bình tĩnh nào”, Harvath trả lời.

“Làm đi”. Hấn ra lệnh.

Harvath nghe thấy tiếng bóp cò súng. Anh ra hiệu cho Tom Morgan đứng dậy và lại chỗ anh.

Khi Morgan tiến lại gần, hấn bắt ông bỏ vũ khí xuống và giơ tay lên. Harvath gật đầu và Morgan làm theo. Ông bỏ khẩu súng máy xuống.

Có tiếng đâm rầm bên chỗ bụi rậm cách đó mười yard. Họ quay lại và thấy Bob Herrington đã bị viên sỹ quan tuần tra của sở cảnh sát New York thứ hai tổng ra đường vì tìm thấy ông trên mái vòm.

Đám cảnh sát này đã phát hiện ra họ đang phục kích. Mục tiêu đã phát hiện ra có động và đang di chuyển sang hướng khác. “Tôi ở bên Bộ An ninh Nội địa. Chúng tôi đang bám theo một tên khủng bố ở ngay gần đây”.

“Nằm xuống ngay”. Viên cảnh sát ra lệnh.

Người đàn ông có vẻ bồn chồn. Tình cờ gặp một đám người mang đầy vũ khí núp trong Công viên Trung tâm sau một loạt các vụ khủng bố tấn công là cực kỳ nguy hiểm. Harvath cần phải xử lý thật cẩn thận.

“Tôi để huy hiệu trong túi”. Anh nói. “Ở đây không ai muốn có chút rắc rối nào, đúng không? Tôi chỉ muốn lấy ví của tôi ra”.

“Không lấy gì hết. Tôi nói lần cuối cùng”. Viên sỹ quan ra lệnh khi cộng sự của anh ta điện đàm yêu cầu hỗ trợ. “Tất cả nằm xuống ngay”.

“Anh đang can thiệp vào một chiến dịch chống khủng bố cực kỳ nhạy cảm đấy”.

“Tôi không biết có chuyện quái gì mà chúng ta lại tình cờ chạm nhau ở đây và anh vẫn phải làm theo lệnh tôi cho tới khi nào tôi biết rõ”.

Harvath chẳng còn cách nào khác ngoài tuân lệnh. “Nghe đây”, anh vừa nằm xuống sàn vừa nói. “Có một gã đang trên đường rút ra - tóc sẫm màu, trạc bốn mươi tuổi, mặc quần áo đen. Trông hần giống người Tây Ban Nha hoặc người Ý. Đó là gã chúng tôi đang

tìm kiếm. Hắn có thể liên quan tới vụ đánh bom ngày hôm nay. Làm ơn! Chúng tôi cần bắt hắn để thẩm tra”.

Viên sỹ quan nhìn xuống Harvath rồi lại nhìn đồng nghiệp của anh ta. “Frank, anh có muốn xem thế nào không?”

“Chắc chắn rồi”. Anh chàng kia trả lời. “Tại sao không?”

Harvath chưa kịp phản đối thì ngựa của anh ta đã lao về phía bụi rậm và tiến về phía con đường. Tiếng vó gõ xuống nền vụng lại như tiếng súng máy bắn vào bức tường đá của cổng vòm Denesmouth.

“Thấy gì không?” viên sỹ quan thứ nhất gào lên.

“Không thấy gì”, anh chàng kia trả lời, nhưng rồi lại nói, “Khoan đã. Tôi nghĩ là có đấy. Đợi đấy. Tôi sẽ quay lại ngay”.

Cho ngựa chạy nước kiệu dọc theo con đường, anh ta biến mất dưới cổng vòm.

“Anh đang phạm phải sai lầm đấy”, Harvath nói.

“Trước hết, anh muốn chúng tôi tóm được gã đó. Giờ anh lại bảo là chúng tôi đang phạm sai lầm”. Viên sỹ quan nói bằng giọng New York rất dày. “Anh sao thế? Anh đang muốn làm chậm trễ lại hay có việc gì khác?”

“Anh ấy không muốn *các anh* đi mà là *chúng tôi* đi. Herrington trả lời.

“Cẩn thận cái miệng anh đấy, anh bạn thân mến ạ”.

“Anh bạn anh sẽ xua hắn đi mất”. Morgan lên tiếng.

“Hoặc tệ hơn”, Cates chêm vào.

“Tất cả im ngay”. Người đàn ông cao giọng. “Anh, nhân viên sở Mật vụ”, anh ta vừa nói vừa chĩa khẩu súng vào Harvath. “Tôi muốn

anh dùng tay trái từ từ lấy giấy tờ trong túi ra. Hãy nhớ là thật chậm đấy”.

Bỗng nhiên có tiếng hét của bạn anh ta vang lên trong bộ đàm. “Kẻ tình nghi đang bỏ chạy. Phía tây, về phía Đại lộ số 5 và lối ra đường 64”.

Tín hiệu bồng tắt ngấm khi có tiếng đạn lạc vang lên.

Viên sỹ quan đang ở phía sau để theo dõi Harvath và ba người kia thông báo qua bộ đàm. “One-Baker-Eleven, vào thôi. Frank, nói với tôi. Có chuyện quái gì thế?”

“Đây”, Harvath mở ví để chìa thẻ căn cước ra. “*Chúng tôi* theo đúng luật. Để chúng tôi đứng lên”.

Viên cảnh sát bối rối. Một mặt, đồng nghiệp của anh ta có thể bị nguy hiểm, và mặt khác, tất cả những gì anh ta có thể nghĩ tới là làm thế nào mà Timothy Mc Veigh lại bị một nhân viên tuần tra trên đường quốc lộ tóm được ngay sau vụ đánh bom ở thành phố Oklahoma. Trong khi tất cả đều đang tìm kiếm đám Arab, viên sỹ quan đó lại đủ sáng suốt để nhận ra rằng cần phải xem xét kỹ lại Mc Veigh và trường hợp anh ta bị bắt. Đúng vậy. Viên cảnh sát không thể để những người này đi dù có thể căn cước hay không. “Không được. Tất cả đứng yên tại chỗ”.

Harvath không thể tin nổi.. “Kẻ tình nghi của chúng tôi đang chạy trốn. Và như anh biết đấy, bạn anh có thể sẽ chết hoặc đã chết”.

“One-Baker-Eleven, One-Baker-Eleven đây. Nói với tôi đi Frank. Khỉ thật. Nói với tôi đi”.

Harvath định đề nghị viên sỹ quan kia một lần nữa thì nghe thấy giọng nói vang lên từ cái tai nghe gắn vào chiếc điện thoại Motorola. Anh lắng nghe vài giây rồi nói với viên cảnh sát tuần tra, “Tôi đã xuất

trình thẻ căn cước và tôi sẽ đứng lên ngay bây giờ. Nếu anh muốn bắn một sỹ quan thực thi luật pháp thì tùy, nhưng tôi không thể để mất kẻ tình nghi đó”.

“Thề có Chúa”, viên cảnh sát nói. “Anh mà di chuyển, tôi sẽ bắn”.

Tôi không nghĩ vậy”, Harvath vừa nói vừa rút tay ra khỏi lưng, để úp bàn tay xuống như thẻ chuẩn bị đưa lên.

“Đây là lần cảnh báo cuối cùng!” Viên cảnh sát vừa gào lên vừa chĩa vũ khí và nhắm mục tiêu.

Bỗng nhiên con ngựa nhảy chồm lên trên hai chân sau. Viên sỹ quan ngạc nhiên vô cùng khi bị Tracy Hasting kéo ngã xuống. Anh ta cố giữ vũ khí nhưng chẳng khác được mấy.

Cates kịp thời ngăn anh ta trước khi anh ta chạm đất và hất tung vũ khí của anh ta đi.

“Đắm anh ta đi”, Harvath vừa tiến đến chỗ con ngựa vừa nói. Anh tóm lấy dây cương rồi quăng mình lên yên ngựa.

“Anh làm cái quái gì thế?”

“Tôi sẽ bám theo kẻ tình nghi”.

CHƯƠNG 48

Lâu lắm rồi Harvath mới cưỡi ngựa, anh nhanh chóng nhận ra cưỡi ngựa trên vỉa hè không giống với cưỡi ngựa trên cỏ hay trên cát. Lao từ dưới chân cột đồng hồ Declacorte ra, con ngựa bị trượt chân và Harvath cứ tưởng họ sẽ ngã, nhưng nó đã lấy lại tư thế thăng bằng và lao về phía trước.

Ở phía bắc của tòa nhà Armory, Harvath thấy một con ngựa khác, bên dưới nó là viên cảnh sát tuần tra thứ hai - cả hai đều bị bắn, đều nằm dưới đất và đều không cử động. Harvath thông báo qua điện đàm cho Tracy Hasting rồi tiếp tục phi ngựa về phía lối ra trên phố số 64 của công viên.

Khi ra đến vỉa hè trên Đại lộ số 5, anh nhìn khắp nơi nhưng không thấy kẻ tình nghi đâu. Sau đó, anh nhận thấy hai chiếc SUV màu đen giống hệt những chiếc đã chụp được từ vệ tinh đang lùi về phố số 65 và tiến về phía đông. *Chắc chắn là chúng.*

Với chiếc đèn nháy sáng màu xanh đỏ, những chiếc Tahoe trông giống hệt nhau. Màu đồng thau nổi bật đến không ngờ, nhưng ở thành phố nơi cả người dân và những nhà hành pháp quen với việc tránh đường cho những chiếc xe như thế, thì hành trình của chúng không gặp phải sự ngăn cản nào.

Sau khi suýt mất mạng trong lúc băng qua Đại lộ số 5, Harvath cho ngựa phi nước đại lên phố số 64 và cố gắng tiếp cận chiếc SUV. Nếu đường phố rộng rãi, Harvath sẽ không có cơ hội bắt kịp chúng, nhưng giao thông đã cản trở đường tiến của hai chiếc SUV, trên thực tế anh có ½ cơ hội đuổi kịp chúng.

Khi chỉ còn cách bốn chiếc xe nữa là tới chiếc Tahoe gần nhất, Harvath rút khẩu H&K USP 40 li và cố gắng hòa nhịp cùng với con ngựa. Họ đang ở trên vỉa hè, điều cuối cùng Harvath muốn là chỉ có một viên đạn đi trệch hướng và một người qua đường vô tội rơi vào làn đạn của anh.

Siết cò ít nhất ba lần, Harvath đã làm vỡ cửa kính phía đuôi xe và khoan hai lỗ xuyên qua cửa hậu của chiếc Tahoe. Nếu trước đó anh không gây ra sự chú ý với đám khủng bố, thì giờ anh đã làm được. Trên thực tế, anh đã thu hút sự chú ý của tất cả mọi người. Tài xế của những chiếc ô tô đi sau chiếc Tahoe hoảng sợ khi nghe thấy tiếng súng và phanh gấp nên đã gây ra cuộc đụng xe theo chuỗi vô cùng nguy hiểm.

Từ ghế sau của chiếc SUV, hai gã trong chiếc mũ trùm kín đầu nâng khẩu súng máy lên và nhả đạn. Harvath giật dây cương và một lần nữa mất đà. Nhưng lần này, con ngựa không thể đứng vững. Harvath theo đà đâm thẳng xuống vỉa hè.

CHƯƠNG 49

Khi Harvath đứng dậy, người đầu tiên anh thấy là Bob Herrington. Hành động theo nhóm mà như thế thì không hay đâu”.

Harvath không muốn nghe và phớt lờ lời người bạn, cố gắng đứng lên.

“Bình tĩnh”, Bob nói. “Đừng có đứng dậy nhanh như thế. Anh không sao chứ? Có bị gãy xương không?”

Harvath nhồm dậy từ từ và cử động các đầu ngón tay. Sau đó là ngón chân, rồi kiểm tra các bộ phận trên cơ thể. “Tôi nghĩ là không sao. Thế còn con ngựa?”

Herrington nhìn quanh một lượt, rồi quay lại phía Harvath lắc đầu “Nó không sao”.

“Thế viên cảnh sát gần tòa nhà Armory?” Harvath hỏi.

“Hai viên đạn trúng ngực. Morgan có một miếng gạc cầm máu trong túi và băng cho anh ta. Có thể anh ta không chết. Tôi nghĩ anh ta sẽ qua được”.

Harvath để mình trong tư thế ngồi và dựa vào chiếc xe đang đổ. Anh giơ tay quệt ngang trán để ngăn mồ hôi chảy xuống mắt, và nhận thấy đó không phải mồ hôi mà là máu.

“Đừng lo”, Morgan - bác sĩ do đội bổ nhiệm - vừa nói vừa lôi đồng dụng cụ trong túi ra, kể cả tuýp thuốc Krazy Glue hay còn gọi là Dermabond. “Nửa mặt bên trái của anh bị thương khá nặng. Nhưng miễn là chúng ta xử lí ngay thì sẽ chẳng có gì là nghiêm trọng nữa cả”.

“Tôi là người duy nhất trong đội có gương mặt xinh đẹp thì thật quá đáng”, Hastings nói.

Nụ cười của Harvath nhanh chóng chuyển sang nhăn nhó khi Morgan lau vết thương của anh bằng dung dịch khử trùng.

“Chúng tôi nghe thấy tiếng súng từ công viên”, Cates nói. “Liệu anh có bắn trúng tên nào không?”

“Tôi nghĩ là không”.

“Thế còn những khuôn mặt, hoặc nét khác biệt nào đó của chiếc xe?” Herrington hỏi.

“Ít nhất có bốn tên, tất cả đều trùm kín đầu. Còn chiếc xe là loại Tahoe màu đen kiểu dáng cũ, giờ có thêm đặc điểm nhận dạng là cửa sổ phía sau bị vỡ và cả hai cánh cửa phía sau đều trúng đạn”.

“Đó là sự khởi đầu”, Herrington nói, cố gắng giữ thái độ lạc quan và củng cố tinh thần anh em. “Không hẳn là sự khởi đầu thuận lợi, nhưng vẫn là một sự khởi đầu”.

“Vậy anh đang muốn nói với chúng tôi rằng một con ngựa của sở cảnh sát New York bị giết còn bản thân anh thì bị thương mà vẫn chẳng thu được kết quả gì?” Cates hỏi.

Lúc Morgan bắt đầu bôi thuốc vào vết thương của Harvath, anh không thể không kêu lên. Họ đã để mất đầu mối cuối cùng và duy nhất của mình. Nhét khẩu súng mà Hastings tìm thấy và đưa lại cho anh vào bao, Harvath nói “Đúng, tôi nghĩ chúng ta đã công cốc”.

CHƯƠNG 50

| THỦ ĐÔ WASHINGTON, DC

Hãy nói với tôi rằng anh gọi cho tôi vì có tin tốt lành cần báo cáo”, Gary Lawlor nói.

Tại văn phòng của mình ở Lầu Năm Góc, trung tá Sean Olson đáp “Tôi sẽ để ông tự đánh giá xem tin này có tốt hay không”.

Lawlor cầm lấy chiếc bút. Sau khi tìm thấy một tờ giấy trắng trên bàn, ông bảo “Nói đi”.

“Những người mà người của ông xác định được ở thành phố New York chắc chắn là các lính thủy đánh bộ còn đang tại ngũ. Ít nhất là bản báo cáo về họ gần đây nhất cho biết thế”.

“Từ khi nào?”

“Cách đây mười tám tháng”.

“*Mười tám tháng?*” Lawlor hỏi lại. “Chẳng phải các lính thủy đánh bộ phải cập nhật thông tin mười hai tháng một lần sao?”

“Đúng”, Olson nói, “nhưng vì lí do nào đó, thông tin về các lính thủy đánh bộ này đã ngừng cập nhật chính xác từ cách đây mười tám tháng”.

“Có biết vì sao không?”

“Căn cứ trên những gì ông cho tôi biết, tôi nghĩ chỉ có khả năng ai đó đã gạch tên họ ra khỏi danh sách”.

“Có vẻ hợp lí”, Lawlor nói. “Anh có tìm được gì nữa không?”

“Tất cả bọn họ đều tốt nghiệp trường đào tạo lính thủy và đã bảo vệ cho các đại sứ quán”.

“Ở đâu?”

“Hầu như ở khắp mọi nơi, nhưng họ có một điểm chung là mỗi người bọn họ đều yêu cầu được làm việc tại những vị trí có nguy cơ cao”.

“*Nguy cơ cao là sao?*”

“Họ muốn phục vụ các đại sứ quán ở những nơi có nguy cơ bị đe dọa cao như Bogota, Aten, Kabul, Baghdad, v.v., và họ không chỉ sẵn sàng mà họ còn muốn đi”.

“Anh đã thử đối chiếu với trường đào tạo lính thủy đánh bộ hoặc một trong những đại sứ quán chưa? Chắc chắn phải có mối liên hệ nào lớn hơn”.

“Đó là một trong những điều đầu tiên tôi đi tìm, nhưng bọn họ đều tốt nghiệp các khóa khác nhau và chưa bao giờ phục vụ trong cùng một đại sứ quán ở cùng một thời điểm”.

“Vậy chúng ta có gì?” Lawlor hỏi.

“Các ngã đường không cho chúng ta biết gì thêm, nhưng tôi đã tìm hiểu kĩ hơn và phát hiện ra một điều có thể có ích”.

“Tôi đang nghe đây”.

Olson mở một dữ liệu trong máy ra và nói “Trong khi họ thực thi nhiệm vụ, các lính thủy đánh bộ đều nằm dưới sự kiểm soát của Bộ Ngoại Giao, nhưng việc phân công nhiệm vụ, công tác hậu cần và đào tạo lại vẫn do Tiểu đoàn lính thủy đánh bộ ở Quantico điều khiển, và đây mới là phần thú vị. Tiểu đoàn là một nhóm nhỏ các sĩ

quan lanh lợi chịu trách nhiệm đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của các lính thủy đánh bộ làm công tác bảo vệ trên hơn 130 đại sứ quán và lãnh sự quán trên toàn thế giới”.

“Cũng chính một trong các sĩ quan ấy đã trình các bản báo cáo khen ngợi ba người lính thủy đánh bộ mà ông đã cung cấp tên cho tôi, cũng như ít nhất 15 người nữa, thông tin về tất cả số người này đều bị xóa sạch cách đây 18 tháng”.

“Anh nghĩ người này đã tuyển những người lính thủy đánh bộ vào một chiến dịch không có trong hồ sơ mà chúng ta đang tìm hiểu ở New York”.

“Tôi chỉ có thể nói là thông tin ấy rất đáng để kiểm tra”.

CHƯƠNG 51

Ngôi nhà nhỏ mang phong cách của dòng dõi Tудо của đại úy Bill Forrester nằm trên một con phố khá yên tĩnh, tại một khu dân cư thanh bình ở phía bắc Arlington, Virginia. Mọi đặc điểm của căn nhà cho thấy chủ nhân là một người bình thường, khiêm tốn - trên đường lái xe vào nhà, một chiếc Subaru Outback màu xanh xám đang đỗ. Điều khiến người này hơi khác biệt là lá cờ của Lực lượng Hải quân treo trên chiếc cột bên trên cửa trước.

Đỗ xe trên phố và bước trên con đường lát đá phiến, Gary Lawlor hi vọng sự xuất hiện của chiếc Subaru nghĩa là có người ở nhà. Ông nhấn chuông cửa và đợi.

Vài giây sau, một người đàn ông vạm vỡ ở tuổi 50 với mái tóc muối tiêu cắt gọn gàng ra mở cửa và nói “Tôi có thể giúp gì ông?”

Gary chìa tấm thẻ ra và nói “Đại úy Forrester?”

“Vâng?” người lính thủy đáp.

“Tôi là đặc vụ Lawlor thuộc Bộ An ninh Nội địa. Tôi đang điều tra cuộc tấn công lúc chiều nay của những kẻ khủng bố, và tôi cần hỏi anh vài câu”.

“Tại sao ông lại muốn nói chuyện với tôi?”

“Tôi có thể vào được chứ?”

Forrester mở cửa và mời Lawlor vào trong căn bếp sơ sài có chiếc tủ rẻ tiền và giấy dán tường màu vàng. Anh ta chỉ vào chiếc bàn trông ra sân sau và mời vị khách của mình ngồi. “Ông uống gì?” anh ta hỏi.

“Nếu được thì anh cho tôi bia”, Gary đáp. “Hôm nay là một ngày thật dài”.

Forrester không biết điều gì khiến một đặc vụ liên bang uống bia vào lúc như thế này, nhưng điều gì đó mách bảo anh ta rằng đặc vụ của Bộ An ninh Nội địa này không giống như anh ta hình dung. “Ông muốn một cốc?” anh ta vừa hỏi vừa lôi từ trong tủ ra hai chai.

“Vâng”.

Forrester rót bia và đưa cho Lawlor một cốc rồi nói “Tôi có thể giúp gì cho Bộ An ninh Nội địa?”

Gary đẩy ba tấm ảnh mà Olson đã gửi bằng thư điện tử cho ông về phía bên kia bàn. “Anh có nhận ra những người này không?”

Viên đại úy xem những tấm ảnh một lúc rồi đẩy trả lại và nói “Không, tôi không biết”.

“Nếu anh cần thêm thời gian nhớ ra thì tôi sẵn sàng”.

“Tôi nhớ các khuôn mặt rất giỏi, đặc vụ Lawlor ạ. Nếu tôi nói không nhận ra ai, thì nghĩa là tôi không nhận ra họ”.

“Dựa vào các đánh giá tích cực của anh, tôi cứ tưởng anh sẽ không quên được những người lính thủy đánh bộ này”.

Người đàn ông này đang giấu cợt anh ta và Forrester không thích thế. “Ông muốn gì?”

Lấy những tấm ảnh còn lại ra và đẩy về phía bên kia bàn, Lawlor đáp “Tôi muốn nói chuyện về cuộc tuyển quân do anh phụ trách ở

Tiểu đoàn Lính thủy đánh bộ làm nhiệm vụ bảo vệ”.

“Tôi không biết ông đang nói gì”.

“Tôi đã đọc các báo cáo đánh giá từng người lính thủy đánh bộ trong những bức ảnh này và tất cả đều do anh viết”.

Forrester uống một ngụm bia, tận dụng thời gian cần trọng cân nhắc câu trả lời của mình. Khi đặt chiếc cốc trên bàn, anh ta nhìn Lawlor và nói “Hàng năm tôi đánh giá cả trăm lính thủy đánh bộ. Thế thì sao?”

“Không giống những bản đánh giá này. Các lính thủy đánh bộ đây là ngoại lệ, và 18 tháng trước, những người anh đánh giá cao nhất đã ra khỏi hệ thống”.

Đại úy xoay đế cốc trên mặt bàn và nhìn chằm chằm vị khách của mình “Ông đang nói chuyện với nhầm người rồi”.

“Tại sao? Vì anh thực sự không biết tôi đang nói về cái gì hay anh đang tuân theo mệnh lệnh? Đại úy Forrester, tôi không có nhiều thời gian, vì thế tôi sẽ không lòng vòng nữa. Trong số các lính thủy đánh bộ đó, ba người đầu tiên tôi cho anh xem ảnh đã chết, Họ bị giết ngày hôm nay, tôi nghĩ là do chính nhóm đã cho nổ các cây cầu và đường hầm ở New York gây ra, và điều gì đó mách bảo tôi rằng sẽ ngày càng nhiều lính thủy đánh bộ chết nếu anh không giúp tôi”.

CHƯƠNG 52

| THÀNH PHỐ NEW YORK

“Hài lòng chứ?” Mike Jaffe vừa hỏi vừa tắt màn hình.

Brad Harper sửng sốt. “VẬY ĐÓ LÀ CÁC NỮ ĐIỆP VIÊN CỦA DIA ĂN MẶC SAO CHO GIỐNG NHỮNG ĐỨA CON CỦA HẮN?”

“Sao cậu lại nghĩ rằng camera không bao giờ quay vào chỗ phòng tắm tới khi đầu họ đã cúi hẳn xuống cạnh bồn tắm?”

“Sao ông không bảo tôi?”

“VÌ CẬU SẼ KHÔNG CÓ PHẢN ỨNG NHƯ VẬY”, Jaffe trả lời. “Tuyệt vời. Xứng đáng được trao giải Oscar”.

“Nhưng tôi không đóng kịch”.

“TÔI BIẾT. Cho nên mới tuyệt đến thế chứ. Mohammed hẳn sẽ đánh hơi thấy thói quen của cớm từ cách xa hàng dặm. Ngay lúc này, hẳn cho rằng cậu sợ phương pháp của tôi. Nếu hẳn nghĩ cậu tin rằng tôi không vững vàng và sẽ không dừng việc gì lại thì hẳn cũng bắt đầu tin việc đó”.

Harper không thích mình bị sử dụng.

“VẬY CHÚNG TA Ở ĐÂY ỒN CHỨ?” Jaffe hỏi để đáp lại sự yên lặng của người lính thủy đánh bộ.

Harper không chắc nên trả lời thế nào.

“Ồn chứ?” Jaffe nhắc lại một cách từ tốn và rõ ràng.

Câu hỏi đã rõ ràng. Jaffe muốn biết liệu Harper tiếp tục chơi bóng hay nếu có bất kỳ một vấn đề gì đó cần đưa ra. Harper nghi ngờ cách giải quyết bất đồng của Jaffe. Suy cho cùng, ông ta đã chĩa một khẩu súng vào đầu anh.

Chừng nào lũ trẻ được đưa ra khỏi đó và không còn nguy cơ bị tổn hại, anh sẽ giải quyết gần như bất cứ thứ gì Jaffe đã lôi anh vào. Harper gạt đầu và trả lời. “Đúng, chúng ta ổn rồi”.

“Tuyệt. Ở cuối hành lang văn phòng, chúng ta có ba cuộn Visqueen lớn. Tôi muốn đến đó lấy. Ở đó sẽ rất đầm máu đấy”.

“Xin lỗi”, anh lính thủy đánh bộ trẻ đáp lời.

“*Visqueen*”, Jaffe nhắc lại. “Những cuộn vải nhựa”.

“Tôi biết Visqueen là gì. Chúng ta cần nó để làm gì?” “Tôi chỉ nói với cậu. Ngay sau khi cậu bảo tôi là chúng ta ổn. Tôi có hiểu nhầm điều gì không?”

“Không”. Harper nói.

“Không, thưa ngài”. Jaffe chỉnh lại.

Harper chỉ muốn cho gã loạn trí này một cú, nhưng lại kiềm chế được và nói. “Không, *thưa ngài*”.

“Tốt. Tôi ghét suy nghĩ rằng anh sẽ phải lòng tôi, Harper ạ. Tôi yêu cầu có lính thủy đánh bộ trong vụ này vì những người lính thủy đánh bộ rất cứng rắn. Họ rất gan dạ. Và chúng ta cần lòng gan dạ khi đối mặt với hai túi rác này trong một căn phòng khác”.

“Tôi hiểu”, Harper nói. “nhưng còn vải nhựa, chúng ta thực sự sẽ cần nó chứ?”

“Không phải là cho chúng ta. Đó là dành cho hai nhân viên tình báo nước ngoài đang hỗ trợ chúng ta, Họ yêu cầu”.

“Rashid và Hassan? Họ sẽ làm gì với nó?”

“Có lẽ họ dùng nó để ngăn máu không bị bắn lên tường và thảm”.

Harper đã chỉ ra có những thời điểm mọi chuyện sẽ rất tệ, nhưng điều tồi tệ mà anh dự đoán là từ căng thẳng về tâm lý đối với tù nhân của họ. Vì Chúa, họ đang ở thành phố New York chứ không phải một phòng tra tấn ở thế giới thứ ba nào đó.

Chỉ nhìn người lính thủy đánh bộ trẻ, Jaffe cũng có thể đọc được suy nghĩ của anh chàng. “Cậu nghĩ việc này sẽ thế nào, con trai? Chúng ta đặt cho chúng vài cái tên, từ chối mọi thứ trừ thức ăn hàm lượng đường cao, giữ chúng nhiều ngày cho đến khi chúng gục ngã, bảo chúng chúng ta cần biết gì rồi về nhà ngủ trong chăn ấm nệm êm sau khi đã hiểu rõ như ban ngày? Cậu nghĩ thế chứ gì? Vì nếu cậu nghĩ thế, cậu không phải là người trong suy nghĩ của tôi”.

“Thưa ngài, tôi tôn trọng mệnh lệnh của ngài, nhưng tôi sẽ yêu cầu ngài không được phép công kích tôi với tư cách là một Lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ”.

“Khỉ thật”, Jaffe văng thẳng vào mặt người đàn ông cao lớn hơn mình. “Nhiệm vụ, danh dự, lòng dũng cảm. Vứt hết đi. Đó chính là lý do vì sao những gã như Humpty và Dumpty ở chỗ khác mà đánh chúng ta trong trận chiến chống khủng bố đấy”.

Đây là người khó chơi. Harper biết chắc điều đó. Và vì anh chàng khó chơi, Harper cũng biết rằng ông không thể nói lý.

“Cậu không tin tôi”, Jaffe nói.

“Không, thưa sếp. Tôi tin bất kỳ lời nào của ông”. Harper trả lời.

“Vớ vẩn, anh bạn ạ. Tất cả hiện rõ trên khuôn mặt cậu. Cậu nghĩ rằng tôi không ra sao chứ gì, đúng không?”

“Không, thưa sếp, tôi chẳng hề nói vậy - “

“Đừng có nói dối tôi nữa, con trai. Tôi có thể đánh hơi thấy từ cách xa hàng dặm đấy. Cậu cho rằng tôi là gã khó nhằn chứ gì? Với tôi không có gì. Tôi cứ làm công việc này đến chừng nào tôi còn phải làm, nhưng tôi phải cho cậu biết một điều. Nếu chúng ta không bắt đầu tiến hành cuộc chiến chống khủng bố một cách *đúng đắn*, chúng ta sẽ bị chúng vượt mặt”.

“Chúng ta đang chiến đấu vì sự sống còn của nền văn minh chúng ta. Có thể trên báo chí và trong các bản tin tối người ta không nói về chuyện này, nhưng chính xác đó là những gì đang diễn ra. Đất nước cậu đang phụ thuộc vào cậu. Đang phụ thuộc vào chúng ta. Cậu và tôi. Và vì vậy, những gì chúng ta đang làm ở đây rất đáng quan tâm. Nó là một thời điểm lớn. Vì nếu chúng ta không ngăn những tên đốn mạt này dùng vũ khí hạt nhân, có thể hàng nghìn nếu không muốn nói là hàng trăm nghìn người dân vô tội sẽ bị chết. Vì vậy, phải nhớ kỹ trong đầu nếu lần sau cậu muốn hỏi tôi xem tôi sẽ thực hiện cuộc thẩm vấn này thế nào. Đã rõ chưa nhỉ?”

“Rõ, thưa sếp”, Harper trả lời ngay lập tức.

“Tốt, bây giờ đi lấy Visqueen đi”.

CHƯƠNG 53

| NHÀ TRẮNG

Tôi biết ông đang điên đầu vì việc phẫu thuật của Amanda, nhưng không thể nghiêm trọng thế được. Hãy nói với tôi là ông không nghiêm trọng đến thế”, Charles Anderson nói.

“Tôi không thể như thế thêm một tí nào, Chuck ạ”, Tổng thống trả lời.

Vị tham mưu trưởng giơ tay lên đầu hàng. “Tất nhiên rồi. Ông đã tuyên bố cuộc chiến với thế giới đạo Hồi, và sau đó ông sa thải Bộ trưởng Bộ An ninh Nội địa. Một chuyến đi tới New York với lũ khủng bố phần nhiều vẫn là phủ băng lên miếng bánh. Liệu có cần gọi Geoff vào đây để soạn một bản thông báo không?”

“Thứ nhất, tôi không tuyên bố cuộc chiến với thế giới đạo Hồi. Chúng ta đã biết rõ điều đó. Thứ hai, tôi không sa thải Driehaus; Ông ấy từ chức”.

“Không, ông không sa thải ông ấy, nhưng ông cũng không ngăn cản việc ông ấy xin từ chức”.

“Về mặt toán học, có gì là khác biệt không?”

“Với ông, có rất nhiều khác biệt đấy, thưa ngài Tổng thống. Tôi cũng xin được nói là giữa lúc rối loạn, việc này khiến công chúng mất lòng tin vào chính phủ chúng ta”.

“Đó chắc chắn không phải là trường hợp khi giám đốc FEMA cúi trước chúng ta sau thảm họa Katrina”.

“*Thảm họa*, từ máu chốt là đây, thưa ngài Tổng thống. Bên cạnh đó, Giám đốc Trung cấp ứng phó các trường hợp khẩn cấp không có khả năng thích hợp và ai chẳng biết điều này. Tôi nghĩ để Driehaus rơi vào giữa cuộc khủng hoảng khủng khiếp của quốc gia là một ý tưởng cực tệ”.

“Tệ thật, Chuck. Bộ An ninh Nội địa không hoạt động, và chúng ta đều biết điều đó. Tôi sẽ không để Alan Driehaus làm mưa làm gió ở văn phòng này. Ông ta tự cho mình là nhà yêu nước à? Được, để tôi nói cho ông biết. Bất kỳ một người yêu nước nào cũng không chơi trò tranh thủ chính trị giữa lúc khủng hoảng, đục nước béo cò. Hãy để những vấn đề cá nhân sang một bên đi và đặt phúc lợi xã hội lên trên hết. Ông ta không làm được điều đó. Vì thế, ông ta phải thôi việc thôi”.

Anderson nghĩ đến điều đó. “Có thể có một cách lợi dụng việc ông ta từ chức. Chỉ nghĩ thoáng qua, ai cũng có thể đọc được và cho rằng ông ta từ chức là vì xử lý sai trong cách giải quyết nguy cơ khủng bố. Như thế, chúng ta sẽ có lợi”.

“Không có cách nào”, Rutledge nói. “Chúng ta sẽ vứt Driehaus vào bầy sói chỉ để làm người ta không chú ý đến những gì đã xảy ra”.

“Tại sao không? Ông nghĩ người dân Mỹ muốn trách nhiệm giải trình sau vụ 11/9? Lần này họ cần nhiều hơn là trách nhiệm giải trình đấy. Họ muốn có máu. Và rất nhiều là đảng khác”.

“Tại sao họ không? Chính phủ của họ lại không bảo vệ được họ”.

“Vậy tại sao Driehaus không nên là người đầu tiên bị đưa ra máy chém? Cứ cho họ thêm một người, cơn khát máu của họ sẽ giảm bớt đi một phần”.

“Hoặc nó sẽ tăng lên. Máu me là chuyện hay đấy Chuck ạ - đặc biệt là trong chính trị. Một khi đã đánh hơi thấy, người ta sẽ muốn ngày càng nhiều hơn. Vì thế, chúng ta sẽ không ném bất kỳ ai vào dưới bánh xe bus. Cá nhân tôi sẽ triệu tập một phiên tòa mở rộng đầy đủ các thành phần khi nào đã lau xong đám bụi này. Tôi muốn mọi thứ phải rõ như ban ngày. Người Mỹ sẽ phải nhất trí hoàn toàn. Đó là cách duy nhất để lấy lại niềm tin bởi vì tôi sẽ nói với ông, niềm tin hôm nay đã tan vỡ. Bây giờ chúng ta hãy bàn về chuyến đi của tôi tới New York. Tôi muốn chúng ta lên đường càng sớm càng tốt”.

“Với tất cả lòng tôn kính của tôi, thưa ngài”.

“Nó là con gái tôi, vì Chúa, Chuck ạ. Đây là những gì một người cha cần phải làm”.

“Cha thì có thể nhưng tổng thống thì không, thưa Ngài”.

Tổng thống không dao động. “Càng sớm càng tốt”.

“Tốt”, Anderson nói, giọng điệu ông ta đầy vẻ châm biếm. “Liệu chúng ta có nên dùng *Không lực một* không hay ông muốn tôi xem xem liệu nàng tiên có tự bay lên như vậy được không? Tôi nghĩ chúng ta có số của cô ấy”.

“Cẩn thận đấy Chuck. Không chỉ con gái tôi cần tôi mà nhân dân Mỹ cũng cần nhìn thấy tổng thống của họ ở thành phố New York”.

“Tôi xin lỗi. Tôi đồng ý với ông, nhưng nên kết hợp mọi thứ thế này vào đúng thời điểm. Hiện giờ, thậm chí chúng ta không thể đưa Đội bảo vệ Quốc gia đến Manhattan. Lũ khủng bố đã khóa chặt toàn

bộ hòn đảo, kể cả không phận. Chúng ta làm thế nào để thu xếp được trong khi đến quân đội cũng chẳng thể làm gì ở điểm này?”

“Đó không phải là việc của tôi. Việc của ông đây. Hãy nói với bên Mật vụ ấy”.

“Tôi không việc gì phải nói với bên Mật vụ. Tôi thừa biết họ sẽ nói gì. Thực ra, chờ chút”. Mở cửa ra, Anderson thò đầu vào trong phòng và gọi, “Carolyn, làm ơn đến đây nhé”.

“Vâng, thưa ông Anderson. Ông cần gì thế ạ?” Người đứng đầu đội bảo vệ tổng thống vừa bước vào phòng vừa hỏi.

“Tổng thống muốn tới thành phố New York”, vị tham mưu trưởng trả lời. “Chính xác là Manhattan”.

“Tất nhiên. Chúng tôi đã bắt đầu lo việc đi lại”.

“Tôi không nghĩ là cô hiểu. Tổng thống muốn đi bây giờ. Ngay đêm nay”.

Nhìn lên, điệp vụ Carolyn Leonard bắt gặp gương mặt của tổng thống và cô nhận ra là ông đang rất nghiêm túc. “Tôi xin lỗi, thưa sếp. Nhưng không thể. Chí ít là không thể”.

“Tại sao không?” Jack Rutledge hỏi.

“Đó là vùng chiến. Thực tế là lũ khủng bố có các tay bắn tỉa siêu hạng được trang bị súng trường cực mạnh và nó đã bị biến thành một nơi không thể đến được”.

“Vậy cô muốn tôi làm gì hả Carolyn? Ký một thông báo miễn nhiệm vụ và trách nhiệm Mật vụ của bất kỳ ai, điều gì sẽ xảy ra với tôi?”

“Tất nhiên là không, thưa sếp. Tôi chỉ muốn ngài hiểu rằng chúng tôi không thể đảm bảo sự an toàn của ngài ở điểm này. Ngài là mục

tiêu quá hấp dẫn không chỉ đối với lũ khủng bố”.

“Ý cô là có cả những người Mỹ muốn làm hại tôi?”

“Tôi không dám chắc, thưa ngài. Tất cả những gì tôi biết là tình hình tại đó đang nóng lên”.

“Nóng lên thế nào?” tổng thống hỏi.

“Có báo cáo cho thấy lác đác bắt đầu có cướp bóc và tấn công vào người nhập cư và người Mỹ gốc Arab”.

Rutledge nhìn vị tham mưu trưởng của mình.

“Đó là trong báo cáo tóm tắt tiếp theo. Tôi không nghĩ là ông muốn tôi cứ ba phút lại cập nhật tình hình cho ông biết một lần. Chúng tôi chỉ muốn xác định xem liệu đây có phải là những sự việc tình cờ riêng lẻ hay liệu có một loại ung nhọt ngầm nào đó không”. Anderson nói.

Rutledge không hài lòng với câu trả lời. “Lý do lớn nhất là tôi muốn trực tiếp kêu gọi người dân New York từ chính New York”.

“Thưa ngài”, Leonard cố gắng đưa ra một lời hứa. “Chúng tôi có thể thu xếp cho Ngài tới một địa điểm nào đó, có thể là ở một nơi không thuộc thành phố lớn -có thể là ở Thủ đô - sau đó đưa ngài tới Manhattan ngay khi mọi thứ lắng xuống”.

“Ngay khi mọi thứ *lắng xuống* à? Khi nào vậy? Một tuần tính từ bây giờ? Hay là một tháng?”

Leonard hiểu được nổi tức giận của tổng thống. Lúc này ai mà chẳng giận giữ. Cái khó là làm thế nào để điều chỉnh nổi tức giận ấy theo một chiều hướng đúng đắn. Cô biết Tổng thống không có ý trút giận lên cô và cô cũng đủ trình độ để lái cơn thịnh nộ ấy ra khỏi cô. Điều cô cần làm bây giờ là thuyết phục Tổng thống từ bỏ chuyến đi - ít nhất là vào lúc này. “Thưa ngài, nhiệm vụ của tôi là thông báo cho

ngài biết về những rủi ro và hoạt động của Mật vụ là làm sao để bảo đảm sự an toàn của ngài”.

“Và nếu điều đó phụ thuộc vào các cô, ngay bây giờ, tôi sẽ bị nhốt vào một nơi nào đó?”

“Vâng, thưa ngài”.

“Nhưng không phải là tùy thuộc vào cô. Mà là tùy thuộc vào chính tôi”.

“Chính xác, thưa ngài”.

“Carolyn, con gái tôi đang ở đó”.

“Tôi biết”, thưa ngài. “Nhưng ngài nghĩ người dân New York sẽ thế nào nếu tổng thống có thể đến thăm con gái mình ngay cả khi Đội bảo vệ Quốc gia không thể tuân lệnh về chuyến đi này? Liệu họ có cho rằng ngài đến đó có thực sự vì những người dân của thành phố New York không?”

Cô đã có lý, và Rutledge biết điều đó. Ông tức giận nắm tay xuống mặt bàn rồi gục đầu xuống. “Cô nói đúng”.

“Cảm ơn Carolyn”. Tham mưu trưởng lên tiếng.

Đóng cửa lại, Anderson nhìn tổng thống và nói. “Nếu ông cần một ý kiến khác nữa, tôi sẽ đưa Tướng Currutt vào đây và bảo ông ấy cho Liên Quân cố gắng hết sức đưa ông tới New York vào thời điểm này”.

Tổng thống ngồi xuống, mệt mỏi trả lời. “Không cần đâu. Lúc này, tôi sẽ ở lại. Nhưng Chuck này?”

“Vâng”. Vị tham mưu trưởng dừng lại khi tay ông đã đang ở trên nắm đấm cửa.

“Tôi muốn có kết quả, và càng nhanh càng tốt, hoặc tôi sẽ đi New York dù có phải tự lái máy bay của tôi tới đó”.

CHƯƠNG 54

CƠ QUAN AN NINH QUỐC GIA
PHÁO ĐÀI MEADE, MARYLAND

Mark Schreiber thả bản fax xuống chiếc bàn ngòn ngòn giấy của Joseph Stanton và nói “Giờ là ba: Transcon, Kim cương Geneva và Strong Box bên dưới đường hầm Lincoln. Ông vẫn định ngồi đó và nói với tôi rằng chúng ta không gặp phải sự cố nào chắc?”

“Bình tĩnh”, Stanton vừa đáp vừa liếc qua bản fax. “Ngay cả nếu có muốn, lúc này chúng ta cũng chẳng thể kêu gọi sự giúp đỡ của ai được”.

“Phải có ai đó chứ”.

“Không có”.

“Ông nói nghiêm túc không? Chúng ta không có kế hoạch đề phòng cho tình huống kiểu này à?”

“Để làm gì, Mark? Chúng ta vẫn không biết mình đang đối phó với cái gì”.

Schreiber nhìn sếp cứ như ông ta là một kẻ điên. “Hiện đã có ba cơ sở không trả lời lại”.

“Không trả lời, nhưng theo chúng ta biết họ vẫn đang xử lí dữ liệu”, Stanton khẳng định. “New York bị tấn công. Hãy chờ thêm chút nữa đi”.

“Đó là điều ông đã nói khi tôi bước vào lần trước”.

“Với tư cách là giám đốc của chương trình này, đó là câu trả lời của tôi cho dù anh có bước vào đây và hỏi bao nhiêu lần đi chăng nữa”.

“Thế nếu các cơ sở đó đã bị thoả hiệp thì sao?” Schreiber đánh bạo.

“Vậy chúng ta sẽ không thể thấy quá trình xử lý dữ liệu được. Anh biết hệ thống hoạt động ra sao rồi đấy, Mark. Anh cũng biết các điều khoản quy định về việc truyền tin. Nghe này, tất cả chúng ta đều đang giận dữ với những việc xảy ra ngày hôm nay và chúng ta đều lo ngại cho những người thân quen và đối tác của chúng ta ở New York, nhưng tôi sẽ chỉ nói với anh thêm một lần nữa. Tập trung vào công việc của mình đi”.

“Nhưng nếu chúng ta - “ Schreiber bắt đầu, nhưng anh ta bị tiếng điện thoại của Stanton cắt ngang.

“Tầng trên gọi xuống”, ông ta vừa nói vừa chỉ tay lên phía trên trần nhà và với lấy ống nghe. “Tôi muốn được nói chuyện riêng”.

Khi Schreiber rời khỏi phòng và đóng cánh cửa sau lưng lại, Stanton nói “Thế quái nào mà ông lại liên lạc với tôi qua đường dây này?”

“Vì ông có nhắc máy điện thoại di động đâu”, người gọi đáp.

“Nếu bật tivi lên một lúc, ông sẽ thấy hôm nay chúng tôi vô cùng bận rộn”.

“Bận hơn ông nghĩ”.

“Ông đang nói cái gì?” Stanton hỏi.

“Không phải qua điện thoại. Chúng ta cần gặp nhau”.

“Không thể được. Không phải hôm nay”.

“Là hôm nay”, người gọi nói. “và tôi muốn ông có mặt trong vòng nửa giờ nữa”.

“Thật điên rồ”, Stanton nói. “Ông có biết hiện giờ tình hình giao thông từ đây đến đây là thế nào không?”

“Dùng một trong những chiếc trực thăng của cơ quan ấy”.

“Một cuộc khủng hoảng quốc gia đang diễn ra. Tại thời điểm này, các trực thăng chỉ được dùng cho trường hợp khẩn cấp thôi”.

“Đây là việc khẩn. Có kẻ đã biết về chương trình Athena”.

CHƯƠNG 55

| PHÍA BẮC BANG VIRGINIA

Chiếc trực thăng Bell JetRanger đổ xuống bãi đậu xe của một kho hàng rộng lớn, và Joseph Stanton bước ra ngoài. Với cặp kính gọng dày, chiếc sơ mi bằng vải sọc nhẵn, và đôi giày làm bằng da lộn, trông ông ta không giống như hình dung của Gary Lawlor. Ông đã từng gặp rất nhiều kiểu người, nhưng đây là lần đầu tiên ông gặp một người giống Warren Buffett* như lột.

Khi đã chắc chắn Stanton đến một mình, Gary và Bill Forester bước xuống xe và gặp ông ta trên đường đến bãi đỗ. Viên đại tá hải quân giới thiệu mọi người với nhau và Lawlor bắt đầu nói thì Stanton lên tiếng, “Không phải ở đây. Để vào trong đã”.

Bên trong hóa ra là một phòng làm việc được trang bị đầy đủ ở phía sau khu nhà Stanton và Forrester dùng làm nơi gặp gỡ. Ngồi xuống chiếc ghế bọc da, Stanton duỗi chân ra và, nhặt mấy sợi vải ở trong tay áo rồi nói “Được rồi, đang xảy ra chuyện quái gì thế?”

Từ trước đến giờ, chưa một ai có thái độ như thế với Bill Forrester, đặc biệt là một kẻ trong chiếc áo bằng vải sọc nhẵn như thế này. “Sao ông không kể cho chúng tôi, Joe? Đó là chiến dịch của các ông kia mà”.

“Ông nói *kể cho chúng tôi* là sao? Theo tôi được biết, chỉ chúng ta, tôi và ông mới được phép vào căn phòng này”.

“Chớp lấy cơ hội đi”, Forrester nói, “vì đặc vụ Lawlor đây có thể là người duy nhất cứu được ông”.

“Ai nói tôi cần được cứu?”

“Nghe này, Joe. Tôi không đến đây để đôi co”.

“Tôi cũng vậy”.

“Tốt. Nói thế này, tôi có cơ sở vững chắc hơn ông, nhưng tôi không thể cho ông biết vì hiện tại chúng ta không cùng một tổ chức”.

“Đại tá, nếu ông muốn gợi ý đưa đặc vụ Lawlor vào vụ việc liên quan đến chương trình Athena, thì đó là điều sẽ không bao giờ xảy ra”.

Forrester giận điên lên và lập tức xả ra “Ba lính thủy đánh bộ của tôi đã chết, vì thế đặc vụ Lawlor sẽ vào cuộc”.

“Chờ chút”, Stanton nói. “Tôi chưa từng nghe nói các lính thủy đánh bộ của ta bị sát hại”.

“Tôi chẳng ngạc nhiên. Theo quan điểm của ông, họ chưa bao giờ là ưu tiên số một. Giờ tôi muốn có câu trả lời”.

“Nếu ông cho tôi biết lí do ông triệu tập cuộc gặp vội vã này, có lẽ tôi sẽ trả lời cho ông được một vài câu hỏi”.

Rõ ràng cuộc nói chuyện giữa hai con người này sẽ không đi tới đâu nếu cứ tiếp tục như vậy, vì thế Lawlor quyết định can thiệp. “Ông Stanton, chương trình Athena là thế nào?”

“Tôi rất tiếc, đặc vụ Lawlor, nhưng tôi không được phép thảo luận công việc của NSA mà không được sự đồng ý nào”.

Forrester rất bực mình với thái độ kiêu ngạo của ông ta. “Tôi muốn ông ta được nghe ông nói, nhưng nếu ông không chịu, tôi sẽ nói”.

“Không, ông không được làm thế”.

“Nếu nói ra có thể tránh được cái chết cho những lính thủy đánh bộ của tôi, tôi sẽ nói”. Quay sang Gary, viên đại tá nói “Chương trình được đặt tên theo nữ thần trí tuệ của Hi Lạp, vì rõ ràng người Hi Lạp không có nữ thần tống tiền. Đó là một chiến dịch khai thác các thông tin tối mật. Bằng việc sử dụng hệ thống do thám Echelon và Carnivore, NSA đã thu thập các thông tin tình báo có thể sử dụng làm đòn bẩy ngăn chặn các nguy cơ từ bên ngoài”.

“Ví dụ như Al-Qaeda?” Lawlor hỏi, chưa hiểu rõ ngụ ý của Forrester.

“Không. Còn hơn thế, ví dụ như các quốc gia, các nguyên thủ quốc gia, và các doanh nhân người nước ngoài có tầm ảnh hưởng, về cơ bản, chương trình Athena thu thập và phân loại một mớ các thông tin hỗn lộn. Khi đã có được trong tay thông tin đắt giá, như vụ tai nạn xe hơi của công nương Diana, vụ TWA 800*, hay cái chết của Yasir Arafat, họ chỉ định một nhóm đặc vụ vẽ lên một bức tranh và cung cấp được càng nhiều chứng cứ càng tốt. Bằng cách đó, khi đến lúc cần dùng, họ dính chặt nạn nhân vào tường, và chắc chắn nạn nhân sẽ không có chỗ để mà cựa quậy”.

“Và nếu họ phát hiện ra âm mưu liên quan đến một số nhân vật quyền lực của nước ngoài, thì họ đã vớ bở”.

“Ông sẽ ngồi tù một thời gian dài, rất dài, Forrester ạ”. Stanton vừa nghiêm mặt nói vừa lắc đầu.

Lawlor không quan tâm đến ông ta và hỏi viên đại tá, “Kể cho tôi biết các địa điểm ở Manhattan”.

“Ông đã biết về Transcon và Kim Cương Geneva. Đó là hai cơ sở đầu tiên. Hầu hết các đặc vụ nằm vùng làm việc tại Transcon. Vì một số lượng hạn chế các dữ liệu nhạy cảm được xử lý tại đó, và vì tất

cả các nhân viên đều đạt tiêu chuẩn và được trang bị vũ khí, chính ông Stanton đây đã quyết định việc ấy, thế nên họ không cần thêm biện pháp an ninh nào - tôi luôn phản đối việc này. Rồi sau đó, lính thủy đánh bộ của tôi tới đóng chốt”.

“Kim Cương Geneva là bước tiến thứ hai. Đó là nơi hầu hết các dữ liệu đến được phân tích, chọn lọc”.

“Phân tích chọn lọc như thế nào?” Lawlor hỏi.

“Đừng có nói gì cả, Bill”, Stanton cảnh báo. “Tôi cảnh cáo ông. Ông đang vượt quá giới hạn đấy”.

Forrester không để tâm đến lời cảnh báo và tiếp tục “Bất cứ thông tin tình báo nào được cho là có hại cho chính phủ được chuyển tới một cơ sở nằm bên dưới đường hầm Lincoln, và được biết đến với tên gọi Strong Box. Địa điểm này được hình thành trong suốt cuộc Chiến tranh lạnh như là một biện pháp để sơ tán các nhân vật cấp cao của Liên hợp quốc từ thành phố theo đường tàu ngầm trong trường hợp có tấn công hạt nhân, nhưng cuối cùng dự án đã không thể thực hiện được và bị bỏ dở. NSA nắm quyền cai quản cơ sở đó và dùng nó làm nơi giải mã dữ liệu và chặn đứng các nguy cơ. Một cầu thang bộ ẩn giấu bên dưới hầm mở thông gió và lối vào thông qua một nhà kho giả tại gara xe buýt Waterway của New York. Giống Kim Cương Geneva, với tầm quan trọng của công việc diễn ra ở đó, và vì các nhân viên chủ yếu là những nhà phân tích, lính thủy đánh bộ của tôi đảm bảo an toàn suốt ngày đêm cho họ”.

“Còn các thông tin tình báo về các cá nhân, những thông tin thường gây ra tác hại lớn, thì được xử lý tại một cơ sở cao cấp hơn gần ...”

“Tôi cảnh cáo ông”, Stanton vừa nói vừa rút ra khẩu Para-Ordance P-104 từ trong túi áo ra nhắm thẳng vào đầu Forrester và kéo cò.

CHƯƠNG 56

Gary Lawlor không đợi cho Stanton chĩa súng vào mình, ông lao về phía cửa.

Stanton bắn nhưng trượt qua đầu Lawlor và làm vỡ tan khung cửa. Người đàn ông đã hóa điên. Ban đầu ông ta giết một sĩ quan của lực lượng hải quân Hoa Kỳ, giờ ông ta đang cố giết một đặc vụ của Bộ An ninh Nội địa. Gary không suy nghĩ xem phải làm gì tiếp theo. Ông phản xạ theo bản năng. Hoặc ông hoặc Stanton.

Nhìn lại ông ta một lần nữa, Lawlor khom người cúi sau một chiếc bàn dài ở căn phòng phía ngoài và rút khẩu Beretta Px4 Storm ra. Có một chiếc ghế xoay ở gần bàn, ông đẩy nó ra giữa căn phòng để thu hút đường đạn của Stanton. Khi mồi nhử lao ra, Lawlor vòng qua chiếc bàn bằng một đầu gối và bắn một loạt súng vào nơi tay chỉ huy của NSA vừa bắn. Nhưng vấn đề là Stanton biết mình đang làm gì, ông ta nhanh chóng di chuyển sang vị trí mới. Ông ta không dễ dàng bị hạ gục.

“Stanton”, Lawlor hét lên sau khi cúi xuống chiếc bàn. “Tôi sẽ chỉ cho ông một cơ hội. Tôi muốn ông ném khẩu súng đi, đưa hai tay lên đầu rồi bước ra đây. Ông hiểu tôi nói gì chứ?”

“Vấn đề an ninh của các cơ sở đó thuộc về trách nhiệm của Forrester”, Stanton đáp.

Xét trong tình huống này thì đó là câu trả lời không đúng chỗ. “Ông Stanton”, Lawlor nói. “Ném vũ khí đi, vòng hai tay lên đầu bước ra đây, rồi chúng ta nói chuyện”.

Từ phía bên kia, Stanton cười lớn “Chắc chắn chúng ta sẽ nói chuyện rồi”.

“Đây không phải là vấn đề thương lượng, ông Stanton”.

“Lẽ ra ông ta không nên nói ra. Tôi không quan tâm đến việc ông ta cho là ông ta đang làm điều tốt đẹp gì cho các lính thủy đánh bộ của mình. Ông ta hiểu rõ hơn cả”.

“Ông Stanton, tôi đang yêu cầu ông bước ra khỏi chỗ đó và giơ tay lên đầu, ngay lập tức”, Lawlor đáp.

“Đó là một trong những chương trình thu thập tình báo hoạt động hiệu quả mà quốc gia này từng phát triển và lão ngu đó lại sẵn sàng phá bỏ nó chỉ vì muốn cứu các lính thủy đánh bộ của ông ta. Bọn lính thủy đánh bộ chết. Đó là nhiệm vụ của chúng”.

Trong lúc Stanton tiếp tục huyênh hoang, Lawlor bò vòng phía sau chiếc bàn và cố gắng tìm chỗ để có thể bắn ra những loạt đạn chuẩn xác.

“Forrester đã đặt nhu cầu của ông ta và nhu cầu của các lính thủy đánh bộ lên trên nhu cầu của người dân đất nước này”, Stanton hét lên. “Ông có biết đã bao nhiêu người phải bỏ mạng vì chương trình này không? Đó có thể không phải là cách làm việc tốt nhất nhưng quái quỷ thay nó lại hiệu quả”.

Giờ Lawlor đã nhìn rõ căn phòng bên trong. Căn cứ vào giọng nói của Stanton, ông đang ở đâu đó bên phải ông ta. Nếu cần, Lawlor

khá tự tin rằng ông có thể dồn ông ta ra ngoài bằng việc bắn xuyên qua bức tường đá không trát vữa, nhưng giờ trò chơi đã được nâng lên cấp độ cao hơn, ông muốn ông ta còn sống, nếu được. “Giờ của ông đã hết, Stanton. Không nói đông dài nữa. Tôi muốn ông ném vũ khí ra khỏi cửa và bước ra đây với tay vòng sau đầu”.

Stanton lại cười ha hả. “Điều đó sẽ không xảy ra, đặc vụ Lawlor ạ, và ông biết thế. Hôm nay sẽ chỉ có một người trong chúng ta bước ra khỏi tòa nhà này. Câu hỏi là, người nào?”

Gary không buồn trả lời. Như ông vừa nói, họ không cần phải nói chuyện nữa. Nếu Stanton nghĩ chỉ một trong hai người sẽ còn sống rời khỏi tòa nhà này, ông ta sẽ rất bất ngờ.

Cách đây ít lâu, một công ty có tên Thiết bị phòng vệ New Jersey đã tìm đến Bộ An Ninh Nội địa chào bán một thiết bị xịt hơi cay khá thú vị. Rất thông minh, Bộ An ninh Nội địa đã chớp lấy với số lượng nhiều nhất họ có thể mua, giống như rất nhiều cơ sở của quân đội, tình báo và cơ quan thực thi pháp luật. Khi Lawlor lấy một chiếc bình nặng 3 ao-xơ* từ túi đeo trên thắt lưng ra, ông thấy biết ơn nó biết chừng nào.

Không giống các bình xịt cay đòi hỏi phải có nút bấm liên tục hay siết cò để xịt hơi cay bắn ra, thiết bị này có cơ chế cho phép chiếc hộp được cầm và ném vào chỗ cần ném, vài giây sau một màn hơi cay tràn ra khiến không một ai có thể trụ lại được.

Lawlor nhấn nút và ném nó vào căn phòng bên trong, cùng với khẩu Berette sẵn sàng, ông chờ tay chỉ huy của NSA lão đảo bước ra, ho sặc sụa.

Ông vừa ném xong thì Stanton xuất hiện, bắn liên hồi về mọi phía. Và Gary không còn lựa chọn nào khác là phải bắn trả.

CHƯƠNG 57

| THÀNH PHỐ NEW YORK

“Bác không thể không bắt ông ta được à?” Harvath hỏi.

“Tôi không có thời gian. Ông ta bắn vào quá gần chỗ tôi”, Lawlor trả lời từ Washington qua chiếc điện thoại di động.

“Cho dù đang xảy ra chuyện gì, thì ông ta và Forrester cũng đã cùng nhau mang nó xuống mồ rồi. Mọi người ở NSA đều không thể nói ra được gì, kể cả các đầu mối liên lạc của cháu, và bất kể tình huống này có khẩn cấp đến độ nào thì những gì họ nói là họ sẽ trả lời sau. Thậm chí họ còn chưa được chuẩn bị để thừa nhận Stanton là một người trong số họ”.

Đây chính xác là một kiểu quan liêu, và nó đang khuyến khích Harvath từ bỏ công việc đang làm. “Vậy họ không quan tâm cơ sở của họ có bị tấn công hay không?” anh hỏi.

“Thậm chí họ sẽ chẳng thừa nhận có địa điểm thứ tư, địa điểm thứ nhất, thứ hai hay thứ ba lại càng không”.

“Chúng ta phải làm gì đây?”

“Cậu đã có mọi thông tin tôi lấy được trước khi Stanton giết Forrester. Theo tôi, cậu nên đến địa điểm thứ ba càng nhanh càng tốt và xem có phát hiện được gì ở đó không”.

“Nếu không có gì thì sao?” Harvath hỏi.

“Nghe này”, Lawlor đáp. “Hôm nay là một ngày vất vả đối với tất cả mọi người. Cứ xem cậu có thể làm gì. Tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu ở đây này”.

“Được, nhưng bác Gary?”

“Sao?”

“Nếu Stanton nghĩ chương trình này đáng phải giết người để bảo vệ, và người của ông ta biết bác đã phát hiện ra thì bác nên hết sức cẩn thận”.

“Tất nhiên. Đừng lo”, Lawlor đáp. “Anh hãy tới địa điểm mang tên Strong Box và cho tôi biết anh tìm thấy gì”.

###

Khi họ phát hiện ra thi thể của những nhân viên bị sát hại ở phía sau gara xe buýt Waterway của New York, Harvath biết họ đã đến quá muộn. Tuy nhiên, Bob Herrington đã dẫn đường xuống cầu thang ngầm - càng chứng kiến nhiều sự tàn sát điên rồ, những con quỷ trong nhiệm vụ cuối cùng của anh ở Afganistan càng săn đuổi anh. Anh khẳng khẳng mình đi đúng hướng, không giống các thành viên khác trong đội, anh bắt đầu làm Harvath lo lắng.

Sau khi đi xuống cầu thang sắt, điều đầu tiên anh chú ý đến là cánh cửa khổng lồ đã bị thổi bay khỏi bản lề. Thận trọng bước vào bên trong, họ thấy mảnh đạn găm đầy trần và tường nhà. Cho dù quả bom nào đã phát nổ ở đây thì nó cũng đã gây ra sức tàn phá khủng khiếp. Máu vương khắp nơi và vài xác chết bị cưa làm đôi.

Harvath cố xác định xem cuộc tấn công đã diễn ra cách đây bao lâu, điều anh rất tự tin đó là nó đã xảy ra trước cuộc phục kích không thành của họ ở Công viên Trung tâm. Họ đã không thể đến kịp ngay cả nếu họ muốn.

“Cái quái gì đã tấn công nơi này vậy?” Rick Cates vừa nói vừa bước quanh xác chết trông giống như ba thi thể của lính thủy đánh bộ. “Đây không phải là loại bom mảnh”.

“Nó giống dạng bom của những kẻ đánh bom liều chết hơn”, Tracy Hastings đáp, cô đã chứng kiến hậu quả của những kẻ đánh bom liều chết nhiều đến mức không thể nhớ nổi.

“Cô muốn nói kẻ nào đó đã vào đây và tự nổ tung mình?” Harvath hỏi.

Tracy nhìn quanh thêm một lần nữa và đáp, “Có thể. Những gì tôi có thể nói là theo tôi, chúng ta đang chứng kiến hậu quả của một túi đầy chất thuốc nổ plastic cùng những ổ bi giống như đạn”.

“Cô có đoán được chúng len vào bằng cách nào không?”

Tracy lắc đầu.

“Có thể người giao bánh pizza mang đến”, Cates vừa nói vừa ném chiếc hộp đựng bánh pizza vẫn đang ở trên bàn ai đó xuống.

Cả đội tản ra và lùng quanh. Giống những địa điểm trước đó, tất cả đều được lưu vào máy tính. Tuy nhiên giờ họ đã biết lí do tại sao. Morgan tìm thấy khu chức năng, nhưng không có mật mã, anh không thể truy cập vào hệ thống. Không chỉ có vậy, khi Harvath xem xét mặt của chiếc đồng hồ mặt trời sáng chói trên màn hình máy tính, anh nhận ra đó không phải là ống kính máy quay, như mấy thành viên trong đội đã nghi ngờ, thực ra đó là màn hình của những chiếc đĩa phân hình. Chương trình Athena đã kiểm soát dữ liệu một cách chặt chẽ.

Rất khó để biết có bị mất dữ liệu nào không. Theo Harvath và những người trong đội, dường như mọi thứ vẫn còn nguyên; chúng

chỉ bị bắn hồng - kể cả các nhân viên. Thứ duy nhất không bị phá hủy là phòng đựng máy tính chủ, giống hai địa điểm trước.

Nhưng sao bọn chúng lại liều lĩnh sát hại các nhân viên? Al-Qaeda đang chơi trò quái quỷ gì thế? Liệu đó có phải là một dạng trả thù? Và những chuyện này có liên quan gì đến Sayed Jamal hay Mike Jaffe không? Các câu trả lời đều không thoả đáng.

Đúng thế, Harvath có linh cảm xấu rằng khi anh tìm được câu trả lời anh cần, anh sẽ không hề thích chút nào.

Rời khỏi phòng đựng máy chủ, mọi người đang thu nhặt thẻ căn cước từ các tử thi, thì Herrington đưa súng lên ở tư thế bắn và hét lên “Cấm cử động”.

Harvath và những người còn lại không biết anh đang nói về cái gì cho đến khi họ nhận ra hai người lạ mặt ở góc cuối phòng đang chĩa hai khẩu súng máy M16 nòng ngắn dơ dấy về phía họ. Hai người lạ mặt ra lệnh cho Bob và những người còn lại bỏ vũ khí xuống và đứng yên. Đó là một sự bế tắc - lần này, họ không thể trông chờ Tracy Hastings lên ra phía sau kẻ địch cùng với một cành cây rậm lá thật to.

“Mọi người hãy bình tĩnh”, Harvath thận trọng. “Các anh muốn gì?”

“*Các anh muốn gì?*” một kẻ lên tiếng. “Sao chúng ta không bắt đầu bằng cách cho biết các anh là ai nhỉ?”

“Tôi là Scot Harvath, tôi là người của Bộ An ninh Nội địa”.

“Thế còn những người kia?” anh ta hỏi, khẩu súng chĩa về phía những người còn lại trọng đội.

“Họ đi cùng tôi. Các anh là ai?”

“Bộ An ninh Nội địa? Vớ vẩn. DHS chẳng liên quan gì đến chỗ này cả”.

“Kể từ khi đại tá William Forrester bị bắn chết cách đây chưa đầy một tiếng thì chúng tôi bắt đầu có liên quan”, Harvath trả lời.

“Đại tá Forrester chết rồi á?”

“Chết thật rồi”, Morgan vừa nói vừa khoác súng lên vai và lôi bình nước nửa lít từ trong túi ra.

Tracy thấy hai người đàn ông căng thẳng và bắt đầu áp dụng chiến thuật gây rối loạn. “Paul, anh điên rồi à?” Cô nói. “Đừng giờ trò nữa. Anh sẽ giết chết chúng ta đấy”.

“Tôi không có ý đó”, Morgan nói. “Cô biết vì sao không? Vì lính thủy đánh bộ không giết lính thủy đánh bộ”.

CHƯƠNG 58

Khi hai người lạ mặt hạ vũ khí xuống và gạt chai nước Morgan vừa đưa họ ra, Harvath hỏi “Các anh đang làm gì ở đây?”

“Đây là ca của chúng tôi”, người có quyền cao hơn nói. Anh ta tự giới thiệu mình là Đội trưởng Steve Gonzalez, thuộc lực lượng Hải quân Hoa Kỳ.

“Với những gì xảy ra ở đường hầm Lincoln, sao các anh không đến sớm hơn?” Herrington hỏi.

“Mệnh lệnh. Hãy tin tôi, tôi và Tommy muốn xuống dưới này ngay khi nghe thấy những âm thanh nhưng như thế là vi phạm quy định”.

“*Quy định*” của ai?” Harvath hỏi.

“Của đại tá Forrester”, Thomas Tecklin nói. “Ông ấy đã nói qua cho chúng tôi mọi tình huống bất ngờ ông ấy có thể lường trước. Điều cuối cùng ông ấy muốn nhấn mạnh là bất kì nhân viên an ninh nào bị bắt quả tang có mặt tại vụ nổ thứ yếu nghĩa là anh ta đã để cho kẻ lạ mặt xông vào hiện trường”.

“Ừừừ”, Gonzalez xen vào, anh ta nhìn thi thể của các đồng nghiệp trong lực lượng Hải quân - và những người họ có trách nhiệm bảo vệ - một đồng bừa bãi trên sàn nhà. “Chúng ta hãy bắt đầu nói về chuyện đã xảy ra ở đây”.

“Đó là điều chúng tôi đang tìm hiểu”, Harvath nói. “Đại tá Forrester đã cho chúng tôi biết địa điểm này”.

Gonzalez không tin Harvath. “Ông ấy chẳng bao giờ làm thế. Đây là địa điểm tối mật”.

“Ông ấy không có lựa chọn”, Herrington đáp, anh đánh giá cao sự trung thành của người đàn ông này với nhiệm vụ và chỉ huy của mình. “Ông ấy không muốn thấy thêm người lính thủy đánh bộ nào thiệt mạng nữa”.

“*Thêm?*” Morgan nhắc lại. “Ý anh là sao, ông ấy không muốn thấy thêm người lính thủy nào chết nữa. Lính thủy nào?”

“Hai địa điểm khác đã bị tấn công”, Harvath nói. Anh cần trọng chọn ngôn từ, vì anh muốn xem các lính thủy biết được đến độ nào.

Gonzalez rất lo lắng. “Địa điểm nào?”

“Cơ sở Transcon, Kim Cương Geneva và Đại lý thu đổi kim hoàn”.

“Lạy chúa tôi”, Tecklin nói. “Có tòi tẹ không?”

“Tẹ giống nơi này. Không còn ai sống sót”.

“Đó là kẻ nào?”

“Chúng tôi tin đó là bọn Al-Qaeda”.

“Al-Qaeda á? Tại sao?”

“Chúng tôi không biết tại sao”, Harvath trả lời. “Chúng tôi hi vọng các anh có thể giúp chúng tôi điều gì đó. Có gì đặc biệt về các thông tin được xử lý ở đây mà chúng thấy có ích không?”

“Một cách chính thức” Gonzalez đáp, “chúng tôi không biết gì về các thông tin lưu trữ ở đây. Nhiệm vụ của chúng tôi là bảo vệ địa điểm này”.

“Còn không chính thức?”

“Không chính thức? Các anh biết đấy, mọi người nói chuyện với nhau. Anh không thể không nghe thấy. Đó là những thông tin mang tính chính trị. Một số thông tin rất tầm thường, một số rất hay thay đổi. Kiểu như các gián điệp trong các chính phủ nước ngoài, những vụ giết người bị im đi, âm mưu ám sát, những nỗ lực đảo chính - vân vân và vân vân. Nếu các anh tin thì còn có những thông tin nóng hổi hơn thế, nhưng nóng hổi hơn cả là sự im lặng của con người nơi đây về những thông tin ấy. Vào cuối ngày, thường chúng tôi nghe được rất ít. Và không một thông tin nào có giá trị như thông tin về bọn Al-Qaeda - chí ít thì tôi nghĩ chẳng có thông tin nào sánh ngang được với tin này”, người lính thủy chỉ huy vừa nói vừa bước vào bên trong.

Ba địa điểm và không có một chỉ huy nào. Điều đó khiến Harvath phát điên. Càng tìm hiểu, họ càng thấy điều đó thật vô lí. Cho dù có động thái nào đi chăng nữa, họ vẫn không thể tìm ra kẻ đứng đằng sau những cuộc tấn công này. “Thế còn địa điểm thứ tư?” anh hỏi.

“Địa điểm thứ tư nào?” Gonzalez nói.

“Đội trưởng, chúng tôi biết còn có địa điểm thứ tư, địa điểm cuối cùng. Đại tá Forrester đã nhắc đến trước khi bị giết. Nếu chúng tôi không nhầm, đó chính là nơi bọn khủng bố đang đến”.

Gonzalez không trả lời.

“Anh ta nói đúng”, Tecklin nói. “Chúng ta phải cảnh báo cho họ”.

“Im đi”, Gonzalez ra lệnh.

“Tại sao? Những người này biết về địa điểm thứ tư, và họ rất đúng khi nói bọn khủng bố có thể cũng đến đó”.

“Chúng ta không biết”.

“Đội trưởng, chúng đã tấn công ba trong số bốn địa điểm. Theo tôi, rất có khả năng bọn Al-Qaeda biết rõ về địa điểm cuối cùng. Chúng ta không thể cứ ngồi đây và để người của chúng ta bị sát hại. Chúng ta phải cảnh báo cho họ”.

Gonzalez đang giằng xé. Một mặt, mạng sống của các lính thủy đánh bộ đồng sự của họ đang lâm nguy, mặt khác là những mệnh lệnh dường như không có ý nghĩa mấy vào thời điểm này. Tuy nhiên, mệnh lệnh vẫn là mệnh lệnh”.

“Chí ít anh cũng sẽ gọi đến địa điểm thứ tư và cảnh báo họ chứ?” Harvath hỏi.

“Không quan trọng. Tôi đã cố gọi từ máy điện thoại trả tiền ngoài kia trước khi chúng tôi bước vào đây rồi”.

“Không có trả lời?”

“Những gì tôi nhận được là tín hiệu bận và câu trả lời rằng hệ thống đang quá tải”.

“Anh đã thử gọi cho Transcon và Kim Cương Geneva chưa?”

Gonzalez lại gật đầu. “Tình trạng tương tự”.

“Anh phải cho chúng tôi biết địa điểm thứ tư nằm ở đâu”.

“Tôi rất tiếc, tôi không thể nói gì về địa điểm đó hay các địa điểm kia”.

Bob Herrington thấy thế là quá đủ. “Vì chúa, đội trưởng. Những người kia sắp chết rồi, nếu anh không chịu giúp chúng tôi. Hãy quyết định một cách sáng suốt đi”.

“Tôi không thể”.

“Quỷ tha ma bắt anh đi. Chỉ huy của anh đã bị giám đốc một chương trình của NSA bắn chết, và lúc này anh là người có quyền

cao nhất ở đây. Anh nghĩ họ sẽ đưa anh ra tòa án binh vì đã cố gắng cứu địa điểm kia chắc?”

“Giám đốc chương trình của NSA à?” Tecklin hỏi.

Gonzalez không muốn biết thêm gì nữa. Anh ta đã quyết định. “Tôi rất tiếc, tôi có mệnh lệnh của tôi”.

“Ném quách anh và cái mệnh lệnh của anh đi”, Herrington nói. “Tôi tưởng lính thủy đánh bộ thông minh hơn cơ chứ. Chắc là tôi nhầm”.

Lúc Bob bỏ đi trong sự tức giận thì Harvath kéo Gonzalez sang một bên và nói “Steve, tôi rất tôn trọng các mệnh lệnh của anh, nhưng ít nhất hãy đưa Morgan theo và tới đó ngay. Các anh có thể giúp đỡ họ. Bọn khủng bố có đủ người để ngồi chật trên ít nhất hai chiếc Tahoe”.

Đội trưởng lắc đầu. “Không thể được. Chúng tôi phải bảo vệ địa điểm này và đảm bảo không một ai khác bước vào đây cho đến khi cứu viện tới”.

“Anh biết là sẽ mất thời gian”.

“Không sao. Những thông tin này cần được bảo vệ”.

“Ngay cả nếu điều đó có nghĩa là các lính thủy đánh bộ kia chết?”

Gonzalez nhìn Harvath và từ từ gật đầu. Cho dù thế nào đi nữa anh ta cũng sẽ giữ vững vị trí. Còn trong lúc đó, các đồng đội của anh ta có thể đã mất mạng rồi.

Trong chốc lát, Harvath tự hỏi liệu họ có thể dùng vũ lực buộc người lính thủy đánh bộ nói ra không, nhưng rồi anh quyết định không làm thế. Mặc dù biết anh ta đã có quyết định sai lầm, nhưng Harvath sẽ không hành hạ một người trung thành tuyệt đối với nhiệm vụ mình được giao.

Anh chuẩn bị tha thiết khẩn cầu, với tư cách của một người lính với một người lính thì Paul Morgan nhận ra và ra dấu muốn nói chuyện với anh.

“Có chuyện gì vậy?” Harvath vừa nói vừa bước về phía Morgan.

“Tôi biết địa điểm thứ tư”.

Harvath không thể tin nổi. “Bằng cách nào?”

“Tecklin đã cho tôi biết. Chúng ta đều đã được huấn luyện căn bản ở doanh trại Pendleton. Hóa ra chúng ta được đào tạo như nhau”.

“Vậy là vì quá trình huấn luyện ấy mà anh ta đã cung cấp thông tin cho ông?”

“Không”, Morgan đáp. “Anh trai anh ta nằm trong đội bảo vệ địa điểm thứ tư. Khi hai người bọn họ gia nhập lực lượng Hải quân, họ có hứa với người bố rằng họ sẽ làm tất cả để đảm bảo người kia sẽ không gặp chuyện tồi tệ nào. Anh ta tôn trọng Gonzalez, nhưng theo anh ta hiểu, lực lượng Hải quân không chỉ dạy anh ta cách tuân lệnh, mà còn dạy anh ta biết cách xử lý với các mệnh lệnh cũ, khi những mệnh lệnh không còn có giá trị và mạng sống của nhiều người đang ngàn cân treo sợi tóc”.

“Đó là lí do anh ta muốn chúng ta biết địa điểm đó. Nhưng hãy đợi cho đến khi anh biết nó ở đâu. Đầu tiên tôi tưởng anh ta chơi sỏ tôi, nhưng anh ta thề anh ta nói thật”.

“Nó ở đâu? Địa điểm thứ tư nằm ở đâu?”

Morgan giờ bản đồ của Tecklin lên, và Harvath gần như không tin nổi.

CHƯƠNG 59

Abdul Ali quan sát trong lúc Sacha rút khẩu súng lục Para-Ordance 1911 ra, gắn đầu giảm thanh và kết liễu tên đồng bọn bị thương của hắn. Chúng đã làm những gì có thể để cứu hắn, nhưng rõ ràng là Khasan không thể qua khỏi. Hắn sẽ làm chúng chậm bước, và trở thành gánh nặng của chúng. Mặc dù quyết định khá tàn nhẫn, nhưng chúng không có lựa chọn. Sự sống còn của chúng khiến chúng phải hành động. Giống tên bị giết trong cuộc tấn công vào Kim Cương Geneva, phần của Khasan sẽ được chuyển cho gia đình hắn, kể cả số phần thưởng khi công việc kết thúc. Sacha tự nhủ.

Ali biết tên chỉ huy đám quân phiến loạn, cũng như những tên lính của hắn, buộc hắn chịu trách nhiệm cho cái chết này. Ali suýt nữa đã rơi vào ổ phục kích ở Công viên Trung tâm, và dẫn lối cho kẻ đã sắp đặt cái bẫy đuổi theo bọn chúng. Gã đàn ông cưỡi ngựa bắn phát đạn đầu tiên xuyên qua tấm kính phía sau của một trong hai chiếc Tahoe, trúng cổ họng Khasan. Phát đạn tiếp theo của hắn nhắm trúng cổ sau, giết chết con chó Ivan, phát thứ ba chọc thủng mặt bên gần cổ sau, chệch vài centimét nữa là trúng một tên trong bọn đang ngồi ở ghế sau nã đạn bắn trả. Theo Ali, phát đạn đầu tiên mới

là vấn đề. Nhóm bị thiệt mất hai tên và vẫn còn hai địa điểm nữa phải đến.

Tám cửa kính phía sau vỡ tan, hàng ghế cuối đầy máu của Khasan, Ali quyết định chúng không chỉ phải ném những cái xác chúng đang mang theo đi, mà còn cần bỏ cả chiếc Tahoe bị hư hại này nữa. Nhưng trước hết, chúng cần tìm một chiếc xe thích hợp để thay thế.

Gần khu dân cư đồi Lenox sạch đẹp, Sacha đã thấy cái chúng đang tìm kiếm. Chiếc GMC Yukon Denali đen tuyền gần đến mức chúng hoàn toàn có thể lấy được. Sau khi qua ba khu phố, chúng bỏ lại chiếc Tahoe bị hư hại kia, xác của hai tên đồng bọn đã chết và xác của người phụ nữ chúng đã giết để cướp chiếc Denali này.

Chúng lái về phía nam nhằm hướng đông Midtown và địa điểm tấn công kế tiếp. Sau cuộc tấn công vào các địa điểm cách nơi này một đoạn khá xa thì thời gian đang là yếu tố quyết định. Mặc dù Ali thích hành động trên đường phố hơn, nhưng hắn không có lựa chọn nào khác là phải sẵn sàng tư thế từ dưới đất ngoi lên bất kì lúc nào. Hành trình của chúng là hành trình nguy hiểm nhất, và có nhiều khả năng đụng độ với đám cảnh sát đòi xuất trình giấy tờ. Nếu bắt buộc, chỉ Ali và vốn tiếng Anh-Mỹ của hắn là có thể cứu cánh cho cả nhóm.

Chiếc Denali lao về phố số 50 trong khi chiếc Tahoe còn nguyên vẹn kia dừng lại bên đường trên phố số 49, nhóm của Ali dỡ đồ đặc xuống. Người trên đường hoảng hốt chạy hết khi những người đàn ông đội mũ trùm đầu, mặc bộ đồ chiến thuật màu đen lấy tám lá chắn, châm ngọn đèn hàn hiệu Gentec và bắt đầu cắt tám lưới sắt trên vỉa hè. Khi tám lưới sắt được nhấc ra, một chiếc giá ba chân cao ngồng có chân bằng cao su và một chiếc ròng rọc, cùng hệ

thống tời được treo bên trên lối vừa mở ra, một sợi dây được thả xuống và Abdul Ali chuẩn bị là người leo đầu tiên.

Mục đích là thả dây xuống càng nhanh càng tốt. Tất cả thay đổi khi Ali đang trên đường xuống thì bị một nhân viên đưa thư phát hiện ra, anh ta lấy bộ đàm. Với ống ngắm laze của khẩu MP5, Ali đặt dấu chấm đỏ lên ngực người đàn ông và bóp cò, ngăn không cho anh ta thông báo về sự xuất hiện của chúng.

Khi Ali chạm đất, hắn phải mất vài phút mới lối được xác nhân viên nhà ga và giấu nó bên dưới một đoàn tàu gần đó. Khi làm xong, hắn gọi qua bộ đàm cho những tên còn lại nhanh chóng vào cuộc.

Mặc dù đã chọn cách đi xuyên qua Nhà ga trung tâm để tới chỗ đường ray, Ali vẫn không cảm thấy an toàn cho đến khi chúng bỏ địa điểm này lại phía sau thật xa.

Giác quan thứ sáu lại đang mách bảo hắn và hắn không hề thích điều đó.

Khi những tên còn lại trong đội có mặt, Ali dẫn đầu cả nhóm băng qua các đường ray tiến về phố số 50 và sân ga bí mật của khách sạn Waldorf-Astoria. Được xây dựng vào đầu những năm 1930, sân ga này dành cho các vị khách quan trọng nhất đi trên một loại xe riêng - sân ga thay thế cho nhà ga Penn hay Nhà ga trung tâm. Sân ga được những nhân vật nổi tiếng dùng để làm lối vào khách sạn như các tướng Douglas MacArthur, John Pershing hay tổng thống Franklin D.Roosevelt, người đã đánh giá rất cao đặc trưng nổi bật này của nhà ga bí mật tại khách sạn Waldorf.

Ở giữa sân ga là một cầu thang máy chở hàng có bề ngang rộng 1,8m có khả năng chở chiếc Pierce Arrow chống đạn nặng 3000 kg

của Roosevelt từ nhà ga Waldorf lên khu bí mật, vô cùng an toàn của gara khách sạn có lối ra riêng.

Ngoài việc là điểm dừng chân của Đại sứ Mỹ, và các đại sứ nước ngoài, Abdul Ali cầu chúa khách sạn Waldorf-Astoria còn là chỗ ở của một vị khách quan trọng khác - Mohammed bin Mohammed.

Tới chỗ thang máy chờ hàng, Ali nhìn chiếc đồng hồ hiệu Casio và ngừng lại để hít thở. Ba phút sau, hán nhập mã gã Lùn đã đưa cho và lắng nghe âm thanh vang lên từ chiếc thang máy khi nó trên đường đi xuống sân ga. Thang máy mở ra, cả nhóm nhanh chóng vào vị trí. Và khi tất cả đã yên vị, Ali ấn nút đến một điểm dừng khác, rồi cả nhóm bắt đầu đi xuống.

Khi gã ngồi sau cửa hầm ra lệnh, Ali dừng thang máy lại. Đèn hàn được bật lên, hán bắt đầu xử lí tấm lưới phủ lấy hầm thông gió cũ. Khi tấm lưới được nhắc ra, những người còn lại sẽ bò vào bên trong.

CHƯƠNG 60

Mỗi một lính thủy đánh bộ canh giữ lối vào địa điểm Grail có một mật mã vì các nhà phân tích ở đây nắm giữ những thông tin tình báo giá trị nhất của chương trình Athena, họ chưa kịp nhận ra mình bị cái gì tấn công thì Ali và đồng bọn lao ra từ ống thông hơi trên tường cùng những đầu súng sáng chói. Hai cánh nữa đồng thời xuất hiện từ sảnh và cầu thang bộ gần đó.

Nằm phục xuống sàn căn phòng chống đạn, những người lính thủy đánh bộ bò lên để với súng trường. Nhưng người của Ali đã không để phí một giây nào. Trong làn lửa đạn, nhóm quân phiến loạn tấn công đám bảo vệ hết lần này đến lần khác, không cho những người lính thủy đánh bộ cơ hội bắn trả. Quá bận rộn nên Ali và đồng bọn không nhận ra một tấm kim loại to bản bật mở ở góc trên bức tường phía sau những người lính thủy đánh bộ, một khẩu súng máy nòng to bắt đầu nhả đạn.

Hai tên trong nhóm phiến loạn bị hạ gục, những viên đạn chì cỡ lớn làm xác chúng tan thành từng mảnh. Cả nhóm rút lui phòng thủ trong khi Sacha hét lên ra lệnh cho người của mình.

Khi nhóm quân phiến loạn hướng mũi súng của mình về phía những người lính thủy đánh bộ trong phòng bảo vệ và lối hổng trên

tường, nơi khẩu súng máy xuất hiện, Sacha nhét một viên đạn M318 có sức công phá lớn vào máy phóng đạn 40 li gắn bên dưới khẩu súng trường và để viên đạn có kích cỡ bằng quả bóng chơi gôn xé gió lao đi.

Khi viên đạn chạm mục tiêu, một tiếng nổ chói tai vang lên, nó không chỉ hạ được khẩu súng máy và còn xé toang cái lỗ lớn ở góc bên trên của bức tường. Một tên trong đám quân phiến loạn lao về phòng bảo vệ cùng khẩu súng lục 9 li và một quả lựu đạn, nhưng cũng chẳng ích gì. Hai lính thủy đánh bộ bên trong đã hé tấm kính chống đạn và bắt đầu bắn trả, giết chết gã đàn ông trước khi hắn đến được chỗ họ.

Tập trung bắn vào chiếc khe, nhóm quân phiến loạn đã đẩy lùi được những người lính thủy đánh bộ vào trong và khống chế họ trong lúc đó, một tên khác xông lên, gắn quả bộc phá lên một bức tường của căn phòng. Ngay cả nếu có cố trốn thoát, những người lính thủy đánh bộ cũng không có cơ hội. Vụ nổ đã san bằng căn phòng, giết chết những người bên trong ngay tức khắc.

Trong khi cả nhóm quan sát xem có lỗ nhỏ hay tấm vách trượt nào có thể bắn ra những loạt đạn không thì một quả lựu đạn hơi cay khác được gắn lên cửa chính của khu nhà. Lùi về đằng xa để giữ khoảng cách an toàn, cả nhóm đeo mặt nạ vào, kích hoạt quả lựu đạn, ngay lập tức hơi cay lan toả sang khắp khu phòng ở phía bên kia.

Khi tên phiến loạn đầu tiên lao vào bên trong, hai lính thủy đánh bộ đeo mặt nạ chống hơi cay đang chờ hắn và nhả đạn. Choáng váng vì tổn thất lớn, nhóm quân phiến loạn tạm thời dừng tay, nhưng Sacha và Ali thét chúng tiến lên. Chúng không đi từng ấy chặng đường để từ bỏ lúc này.

Với lực lượng chống cự mỏng manh mà chúng đang chạm trán, từ trong sâu thẳm Ali có cảm giác cuối cùng chúng cũng tìm thấy nơi Mohammed bin Mohammed bị giam giữ. Những gì chúng cần làm lúc này là triệt hạ lực lượng bảo vệ cuối cùng. Nhét một viên đạn M381 khác vào máy phóng đạn và hướng về phía những người lính đánh thủy, Sacha sẵn sàng hành động.

Vụ nổ rung chuyển buộc đám quân phiến loạn nằm rạp trên mặt đất, nhưng khi những người Mỹ tới để xác định các thi thể của phe mình, họ sẽ phải cạo những gì còn sót lại của những người lính thủy đánh bộ trên tường và trần nhà xuống nếu muốn chôn cất họ.

Lấy lại phong độ, những tên phiến loạn còn lại nhanh chóng lao vào bên trong. Trong đầu Ali luôn hình dung sau mỗi lần đá tung cánh cửa, hắn có thể nhìn thấy Mohammed bất cứ lúc nào, nhưng khi cả nhóm xông vào phòng cuối cùng, lại một lần nữa hắn chẳng hề thấy bóng dáng Mohammed đâu.

Ali nhét một băng đạn mới tinh vào khẩu súng, trong hắn lúc này chỉ toàn sự giận dữ đến điên người. *Sao chúng đã tấn công bốn địa điểm mà chưa tìm thấy ông ta nhỉ?* Ali định nói suy nghĩ của mình cho Sacha biết thì tên to con tóc đỏ lấy chiếc cặp nhỏ chứa các thiết bị điện tử ra và tiến thẳng về phía máy tính chủ. Lúc ấy, giác quan thứ sáu của Ali lại lên tiếng. Lẽ ra hắn phải tổng khứ những suy nghĩ kỳ quặc ra khỏi đầu nhưng hắn không làm thế. Cái gì đó bảo hắn rằng điều hắn đang nghĩ không phải không có căn cứ. Sự nghi ngờ trong Ali đang lớn hơn bao giờ hết.

Khi Abdul Ali đang sôi sục thì dưới tầng, gần sân ga, nhân viên đưa thư bị thương nặng Patrick O'Donnell cuối cùng cũng kêu gọi được sự giúp đỡ cần thiết bằng bộ đàm.

CHƯƠNG 61

Cuộc chiến, nếu có thể gọi như thế, đã kết thúc trước cả khi nó bắt đầu. Tracy Hastings nói đúng. Chỉ có một cách duy nhất để họ vượt qua từng ấy chặng đường để kịp thời tóm được bọn khủng bố ở đầu bên kia. Trong khi cả đội có thể len lỏi qua dòng người và xe cộ đông đúc, thậm chí nếu cần họ còn đi cả lên vỉa hè, thì việc đó vẫn quá nguy hiểm và mất nhiều thời gian. Đó chính là lúc Tracy nảy ra ý tưởng.

Lúc tới Quảng trường Thời đại, họ không ngạc nhiên khi thấy rằng giống mọi bến xe điện ngầm khác trong thành phố New York, bến xe này cũng khá gần. Một cánh cổng sắt nặng nề ở dưới chân cầu thang đã bị khóa chặt. Harvath nhìn Morgan trong lúc anh leo xuống chiếc xe máy và rút khẩu súng săn Mossberg 590 12 li từ trong bao ra.

Morgan ném vỏ bao đi, cầm theo mấy băng đạn và bắt đầu bước xuống cầu thang. Hệ thống xe điện ngầm của thành phố không bao giờ ngủ chẳng bao giờ bị khóa lại để phòng những cuộc tấn công bất thần. Vì thế Morgan mở cánh cổng ra bằng một tiếng nổ chói tai phát ra từ khẩu Mossberg. Chưa đầy một phút sau, anh đã cho nổ tung ổ khóa thứ hai của cổng vào gần cửa quay, và quay lại chân cầu thang vẫy những người còn lại trong đội đi xuống.

Những chiếc xe máy của họ lóc cóc trên đường xuống cầu thang và bay vèo qua chỗ anh. Khi Morgan nhận lại được chiếc xe của mình và đóng cánh cổng sau lưng lại, cả đội lao về phía sân ga và thấy hình ảnh chiếc cầu thang dẫn vào đường hầm.

Harvath cười méo mó, nhưng đây không phải là cuộc dạo chơi trong vườn. Lũ chuột bọ cùng rác rưởi mục rữa lẫn vào nước đá và phân người. Mặc dù dưới này khá mát mẻ, nhưng không khí ngột ngạt trên phố lửa xuống khiến mùi không được dễ chịu cho lắm.

Họ chọn đường hầm số 7 vì nó dẫn thẳng đến Nhà ga trung tâm. Họ ở trong đường hầm chưa đầy ba phút thì nghe thấy tiếng động cơ ầm ì và thấy ánh sáng hắt ra từ phía trước. Tất cả đều biết thứ ánh sáng ở cuối đường hầm kia là ánh sáng gì, nên họ tới bên đỡ, bám chặt vào bức tường của đường hầm.

Ngay sau đó, một chiếc tàu điện ngầm chậm chạp tiến đến chở theo những người còn sống sót và các nhân viên cứu hộ từ đường hầm số 7, vượt qua sông Đông để đến thành phố Queens.

Thật kì lạ. Những người đàn ông và đàn bà ngồi trong bị bám đầy tàn tro từ đầu đến chân. Những đôi mắt của họ, bất kể là màu gì giờ đều nhuộm màu đen, và trũng sâu khiến đầu họ trông chẳng khác gì những chiếc sọ người. Họ vẫn còn sống, và khi họ nhìn chằm chằm qua cửa sổ tàu, họ chẳng thấy gì khác ngoài những hình ảnh khiếp sợ vừa qua. Lẽ ra linh hồn họ đã có thể vượt qua sông Styx* để đến với kiếp sau một cách thanh bình. Cảnh tượng thật đáng sợ.

Sau khi con tàu vút qua, cả đội tiếp tục hành trình của mình.

Tại sân ga của Nhà ga trung tâm, họ thấy mình đang ở trong sân ga có hình dáng giống một hòn đảo đơn độc. Trần nhà hình tròn bên

trên khiến Harvath nhớ tới bến xe điện ngầm Luân Đôn hay Paris và một lần nữa, anh thấy mình biết quá ít về New York.

Ở giữa sân ga, họ cùng nhau xem lại kế hoạch lần cuối cùng. Họ không biết điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tấn công chính Nhà ga trung tâm. Những gì họ biết là chúng sẽ không dừng tay vì bất cứ ai hay bất cứ cái gì - kể cả đó là cảnh sát hay quân đội.

Gật đầu xong, Harvath rời máy chiếc xe và phóng đi. Herrington, Cates, Morgan và Hastings đi theo ngay phía sau.

Theo bản đồ của Tecklin, sân ga bí mật của khách sạn Waldorf nằm giữa đường ray số 61 và 63. Họ phải mất vài phút để tìm ra đúng sân ga và họ đã phải vòng đi vòng lại hai lần. Toàn bộ sân ga bị bỏ hoang. Khi chắc chắn đã tới đúng địa điểm, họ nhảy xuống xe và tiến về phía bắc.

Harvath chưa bao giờ xuống một bến xe điện ngầm sâu như thế, chứ chưa nói đến Nhà ga trung tâm. Số đường ray, thiết bị và máy móc chất đầy nhà ga đến khó tin. Dường như nó trải dài hàng dặm.

Sân ga của khách sạn Waldorf cách nơi họ xuất phát khoảng sáu tòa nhà. Khi tới gần, Harvath có linh tính họ đã tới quá muộn. Hai nhân viên đưa thư đang chăm sóc cho một đồng nghiệp đầy máu trên ngực. Harvath tiến đến, rút tấm thẻ của mình ra và hỏi “Đã xảy ra chuyện gì vậy?”

“Anh ấy bị bắn, chúng tôi không thể gọi nhân viên cứu thương tới đây được. Họ đều đang rất bận ở những địa điểm khác”, một người trả lời.

Harvath không cần nói thêm điều gì. Trong tích tắc, Paul Morgan đã xuống xe và mở chiếc hộp cứu thương của mình ra.

Trong lúc Morgan chăm sóc người bị thương, Harvath cố gắng lấy thêm thông tin từ hai nhân viên kia, nhưng họ chỉ biết rằng một nhóm tấn công nào đó đã ủa xuống từ những cánh cổng trên vỉa hè, bắn đồng nghiệp của họ và đi lên trên bằng chiếc thang máy chở hàng của sân ga Waldorf.

Sau khi Morgan hướng dẫn hai nhân viên đưa thư phải làm gì trước khi có cứu trợ tới, cả đội tiến về phía cầu thang máy. Harvath bấm mã số Tecklin đã đưa cho họ, nhưng chẳng thấy gì. Hoặc mã số sai hoặc thang máy đã bị khoá.

“Giờ thì sao, chỉ huy?” Cates hỏi.

Sẽ là rất lạ nếu bất cứ ai trong số họ gọi anh là chỉ huy, nhưng rõ ràng đáng vẻ lãnh đạo của anh thì ai cũng thừa nhận. Harvath nhìn quanh sân ga. Theo bản đồ, có hai cầu thang bộ dẫn vào địa điểm Grail, nhưng chúng đã bị khóa chặt, lối ra duy nhất là những cánh cửa sắt nằm trên phố số 49 và 50 bên cạnh khách sạn. Ngoài ra còn có một lối ra ở gara bí mật, nhưng Tecklin chỉ nói qua với Morgan, nó không hề được nhắc đến trên bản đồ. Người lính thủy đánh bộ dự đoán cả đội sẽ vào bằng lối mà các nhân viên ở địa điểm Grail dùng, qua sân ga Waldorf. Harvath đã có một quyết định.

Quay lại chỗ mấy nhân viên đưa thư, Harvath hỏi họ cách nhanh nhất để đi lên phố. Một người chỉ về phía cánh cửa ở đầu kia của sân ga và cho anh biết chiếc cầu thang dẫn ra một hành lang của khu dịch vụ ngay bên ngoài sảnh khách sạn. Bỏ những chiếc xe máy lại, cả đội lao về phía cánh cửa và nhảy lên các bậc thang. Khi tới hành lang của khu dịch vụ, họ chạy về chỗ chiếc cửa của sảnh khách sạn, đó là lúc họ nghe thấy âm thanh của những loạt súng.

CHƯƠNG 62

Abdul Ali ném băng đạn vừa dùng hết đi, và nạp một băng đạn mới. *Chắc hẳn chúng đã tìm thấy cái xác trên đường ray.* Đó là lí do duy nhất hắn có thể nghĩ ra vì cảnh sát đã phát hiện ra chúng. Nhưng điều đó cũng có nghĩa là tay nhân viên bị hắn bắn chưa chết. Chắc hẳn hắn đã dùng bộ đàm để thông báo chi tiết, vì dấu hiệu cho thấy đó không phải là đội cảnh sát thông thường.

Đội cảnh sát đặc nhiệm trang bị vũ khí tận răng đã nhả đạn trấn áp. Những loạt đạn khá chuẩn xác và bài bản. Qua màn khói súng, chúng còn thấy rất rõ một điều. Những người này đang tức giận. Thành phố của họ đã bị tấn công. Các đồng nghiệp của họ và các công dân thành phố đã bị sát hại, giờ họ sẵn sàng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng nếu cần thiết. Điều đó khiến Ali thấy lo lắng. Hắn biết kẻ thù với quyết tâm cao độ và động cơ rõ ràng là kẻ đáng sợ nhất trong tất cả.

Việc đội cảnh sát đặc nhiệm dường như đang làm chủ thế trận khiến cho nhóm quân phiến loạn bắt đầu cảm thấy lo lắng. Trong khi một kết cục như thế này đã được tính đến, thì chúng cũng không thể để cho nó xảy ra được. Ngay từ đầu, kế hoạch của chúng là vô hiệu hóa càng nhiều lực lượng chiến thuật càng tốt, và không bao giờ được ở lại một địa điểm đủ lâu để bị tóm sống. Đội cảnh sát đặc

nhiệm phát hiện ra chúng chắc hẳn đã ở gần một cơ sở bị tấn công nào đó, có thể là tại chính Nhà ga trung tâm. Cho dù thế nào, Ali cũng không còn lựa chọn nào khác là ra lệnh cho người của hắn quay lại cầu thang trên phố số 49.

Khi tất cả đã vào trong, Sacha đóng sầm cửa lại. Trong lúc cùng đám người của mình lên trên, hắn tháo hai quả lựu đạn mảnh cuối cùng ra khỏi chiếc áo đang mặc. Đi được nửa đường, hắn đặt một cái bẫy chết người. Mặc dù chưa chắc nó đã đẩy lùi được những kẻ đuổi theo, nhưng ít nhất nó cũng sẽ làm chậm chân chúng và hi vọng tiêu diệt được hai hay ba tên gì đó.

Xông vào hành lang của cơ sở bí mật Grail, Sacha bắt đầu ra lệnh cho bốn tên lính còn lại. Trong trường hợp không thể tìm được lối ra nào khác, chúng sẽ buộc phải ở yên tại chỗ. Cả Sacha và Ali đều biết chúng càng ở lại lâu hơn, khả năng những người Mỹ huy động được lực lượng đến càng lớn. Nếu điều đó xảy ra, không chỉ nhiệm vụ Abdul Ali mà mạng sống của cả nhóm sẽ lâm nguy.

Lối ra trước đây có vẻ rất thuận với chúng giờ lại chính là phương án chúng loại bỏ đầu tiên. Nếu đúng là tay nhân viên đưa thư đã gọi bọn cảnh sát đặc nhiệm đến hiện trường, thì rất có thể cảnh sát sẽ xuất hiện ở cả cầu thang xuống nhà ga bên cạnh chiếc thang máy chở hàng. Chúng chỉ còn lại hoặc cầu thang bộ trên phố số 50, hoặc lối ra ở gara bí mật.

Nhìn lại cuộc tàn sát chúng đã gây ra trong suốt cuộc tấn công vào cơ sở bí mật Grail, Ali bắt đầu hình thành một kế hoạch.

CHƯƠNG 63

Lúc Harvath và cả nhóm băng qua lối vào trên đại lộ Lexington cạnh khách sạn Waldorf, tiếng súng đã ngừng lại từ bao giờ. Họ không thể không hình dung ra điều tồi tệ nhất.

Chạy về phố số 49, cả đội dừng lại ngay tại góc tòa nhà. Quan sát xung quanh, Harvath thấy một đội cảnh sát đặc nhiệm trang bị kỹ càng chuẩn bị xông vào chỗ có vẻ như là cánh cửa cầu thang của địa điểm Grail.

Giờ thể lên, Harvath huyết sáo thu hút sự chú ý của họ, và bắt đầu bước về phía trước. Thấy khẩu súng giắt trên cạp quần của anh, một vài cảnh sát xoay người lại và thủ thế sẵn sàng bắn. Anh không cần nhìn những chấm đỏ trên ngực mình cũng biết tia laze của họ đã rơi sáng anh giống như cây thông Nô-en. Anh chủ động tiến lên, nhưng không gây ra bất cứ tiếng động dễ bị hiểu nhầm nào.

“Bộ An ninh Nội địa”, Harvath nói khi bước đến tầm nghe của vị chỉ huy.

Viên chỉ huy khoát tay với anh và hét lên “Chúng tôi đang truy bắt những tay súng. Ra khỏi đây ngay”.

“Không”, Harvath tiếp tục tới gần. “Tôi và cả đội đã lần theo dấu vết chúng gần hết buổi tối. Hãy tin tôi, anh sẽ cần chúng tôi giúp”.

Mặc dù phải miễn cưỡng bỏ chút thời gian, cũng có thể là chấp nhận sự giúp đỡ của một đặc vụ liên bang mà mình không hề quen biết, vị chỉ huy đủ khôn ngoan để nhận ra có thể Harvath sẽ hỗ trợ đắc lực cho mình. Để một nhóm canh chừng cánh cửa phòng khi những tay súng xuất hiện, anh ta quay lại vị trí an toàn phía sau chiếc Tahoe hồng đỗ trên vỉa hè để nói chuyện với Harvath. “Được”, anh ta nói, “anh có ba mươi giây để cho tôi biết chuyện gì đang diễn ra ở đây”.

Thực sự Harvath không quan tâm đến việc giữ bí mật của NSA và chiến dịch ngầm của họ, nhưng anh vẫn thận trọng. “Chiều nay, những kẻ bên trong chiếc cầu thang đã tấn công ba cơ sở khác của chính phủ”.

“Ba cơ sở *khác*?” người đàn ông có phù hiệu mang tên McGahan trên áo đáp. “Đây là một khách sạn, không phải là cơ sở của chính phủ. Chỗ duy nhất trong tòa nhà này có liên quan đến chính phủ là nơi ở của Đại sứ Mỹ và Đại sứ Liên Hợp quốc”.

“Có một chiếc thang máy chờ hàng đặc biệt ở sân ga bên dưới khách sạn này”, Harvath nói. “Nó dẫn tới một cơ sở bí mật nằm trong khách sạn đang được sử dụng bởi một trong các cơ quan tình báo của chúng tôi”.

McGahan nhìn anh cứ như nhìn một kẻ điên. “Anh nói thật không?”

Harvath tóm lược cho vị chỉ huy nghe những gì bọn họ đã chứng kiến được cho đến thời điểm này và để cho ông ta tự quyết định.

McGahan không để mất thời gian. “Anh có chắc chắn về chiếc bản đồ người lính thủy cung cấp cho anh không?”

“100%,” Harvath nói.

McGahan bước lại chỗ một người trong đội, lấy bộ đàm của anh ta và đưa cho Harvath. “Giá mà tôi có nhiều hơn, nhưng đó là những gì tôi có. Xe tải của chúng tôi cách đây hai tòa nhà và tôi nghĩ chẳng ai trong chúng ta muốn lãng phí thời gian cả”.

“Ý ông đây không phải là xe của anh?” Harvath vừa hỏi vừa bước về phía sau chiếc Tahoe.

“Nó là của những tay súng”.

Lẽ ra Harvath phải biết chúng sẽ không bỏ lại chiếc xe chúng dùng để tẩu thoát quá xa. Với những chiếc đèn còn bật sáng, ai lại đi nghi ngờ nó không phải là chiếc xe được dùng cho một công vụ quan trọng? Đúng là rất thông minh. “Người của anh đã kiểm tra chưa?”

“Chúng tôi mới vừa lướt qua thì những tay súng xuất hiện ở phía cầu thang và nổ súng vào chúng tôi”.

“Người của anh có phát hiện thấy gì không?”

“Không. Chẳng có gì cả”.

Harvath gật đầu. Cuộc rà soát chiếc xe một cách kỹ càng sẽ phải để sau. Tuy nhiên, hi vọng là không cần thiết. Rút con dao LaRue từ chiếc vỏ trên ngực áo ra, Harvath đâm thủng các lốp xe. Một hành động không cần cẩn thận đến mức ấy.

“Được rồi”, vị chỉ huy nói. “Gọi đội của anh lại đây. Tôi muốn tóm tắt lại cho họ biết và chúng ta sẽ vào tòa nhà trong vòng chưa đầy ba phút”.

Harvath ra dấu cho Herrington đưa những người còn lại đang ở góc phố số 49 tới chỗ anh và vị chỉ huy đang đứng.

So với đội cảnh sát đặc nhiệm này, đội của Harvath được trang bị quá nghèo nàn, nhưng họ cũng chẳng thể làm gì hơn. Ngay cả nếu các cảnh sát đặc nhiệm có muốn hỗ trợ, họ cũng không thể chạy lòng vòng lấy thêm mũ bảo hiểm, miếng da bảo vệ đầu gối, hay áo chống đạn được. Tuy nhiên họ lại có thuốc nổ.

Sau khi cùng chỉnh đồng hồ, vị chỉ huy Đội cảnh sát đặc nhiệm vỗ vào vai Harvath, đưa anh một chiếc túi vải nhỏ chứa ngòi nổ cùng những thứ cần thiết khác để bật tung cánh cửa kim loại nặng nề ra khỏi bản lề và nói “Chỉ là đề phòng”.

CHƯƠNG 64

| NHÀ TRẮNG

Kéo vị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phía căn phòng tình huống, tổng thống hỏi “Tướng Waddell đâu?” “Ông ấy vẫn đang ở chỗ DIA và nhờ tôi chuyển lời xin lỗi tới ngài”.

“Xin lỗi á? Ông ta nghĩ đây là cái quái gì, một bữa tiệc trà chắc?”

“Tất nhiên không phải thế, nhưng...”

Tổng thống ngắt lời bộ trưởng. “Đừng bảo vệ ông ta, Bob. Tình hình đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Tệ hơn tôi tưởng rất nhiều. Làm thế quái nào mà ngay từ đầu bọn Al-Qaeda biết chúng ta đang giữ Mohammed bin Mohammed ở New York?”

“Một lần nữa, thưa ngài, chúng ta không biết chắc chuyện có liên quan tới Mohammed hay không. Có thể là về Sayed Jamal lắm chứ”.

“Thật tồi tệ”, Rutledge đáp. “Chuyện chỉ vừa xảy ra sáng nay, cả tôi và ông đều biết Scot Harvath đã bắt giữ hắn một cách nhanh gọn không để lại dấu vết nào. Anh ta đã lôi hắn trở lại khu rừng để đưa qua biên giới vì hắn hét to quá. Không một ai đuổi theo họ. Cuộc tấn công vào New York này là để trả thù cho Mohammed”.

“Dù thế nào thì cũng đã có sự rò rỉ thông tin, và chúng tôi đang dốc sức để chứng thực điều đó”.

“Thế còn chiến dịch? Cho dù Al-Qaeda có biết về Jamal hay Mohammed không không quan trọng. Chúng biết chúng ta giữ một người của chúng ở New York. Làm sao chúng ta biết được chúng có tính đến chuyện giải cứu hay không?”

Hilliman cười và nói “Theo tôi, điều đó là không thể, thưa ngài”.

Tổng thống không thấy buồn cười chút nào. “Điều lẽ ra không thể ấy là kẻ nào đó phát hiện ra chúng ta đang giữ một người của chúng ở New York ngay từ đầu, nhưng nó vẫn xảy ra, đúng không?”

Nụ cười tắt dần trên khuôn mặt của vị bộ trưởng “Đúng thế, thưa ngài”.

“Vậy các ông đã làm gì để hỗ trợ cho người đang điều hành chiến dịch này?”

“Không gì cả”.

“Không gì cả ư? Ông đang nói gì vậy?”

“Thưa ngài, công bằng mà nói, vụ tấn công không chỉ rõ một địa điểm nào cả. Những gì nó chỉ ra là thành phố New York của chúng ta”.

“Thế còn người đang điều hành chiến dịch cho chúng ta. Anh ta nghĩ gì?”

“Mike Jaffe? Theo những gì tôi được biết, anh ta muốn sơ tán ngay lập tức”.

“Vậy sao không tiến hành?”

“Thưa ngài, cách duy nhất để chúng ta bảo vệ tư cách pháp nhân của Mohammed là phải chắc chắn hẳn ta không đặt chân lên đất Mỹ cho đến khi chúng ta sẵn sàng khép cuộc thẩm vấn lại và đưa hẳn ra toà. Nếu đưa hẳn đi, chúng ta sẽ phải bố trí một chiếc tàu lớn bên

ngoài hải phận của chúng ta và đưa Mohammed trở lại biển bằng đường không. Khi những chiếc trực thăng của sở cảnh sát New York bị bắn hạ, một quả bong bóng đã bao phủ Manhattan. Không một máy bay nào được phép vào hay ra”.

“Nhưng đó là cách đây mấy giờ đồng hồ”.

“Và lúc đó, Jaffe cùng người của anh ta đã báo cáo là không có chuyện gì cả”. Hilliman nói, nụ cười tự phụ trở lại trên khuôn mặt ông ta.

“Ông đang nói gì?” Rutledge nói.

“Tôi đang nói rằng nếu Al-Qaeda biết nơi chúng ta giam giữ Mohammed, thì bây giờ chúng đã thử làm điều gì đó rồi. Chúng không đến, thưa tổng thống. Những cuộc tấn công khủng khiếp vào New York chỉ là những cuộc tấn công ghê người. Al-Qaeda đã làm điều duy nhất có thể để trả đũa cho việc chúng ta bắt giữ Mohammed, chúng muốn chúng ta thấy rằng việc bắt giữ hắn đã đem lại hậu quả xấu đến mức nào”. Bộ trưởng quốc phòng đợi giây lát để tổng thống hiểu hết điều ông ta nói rồi tiếp tục “Tôi biết đó là một cái giá phải trả khá đắt, nhưng giờ thì không thể nữa rồi, chúng ta đã đánh bại chúng, thưa tổng thống. Những cuộc tấn công hạt nhân Mohammed dùng làm mũi nhọn dẫn đầu các cuộc tấn công sẽ là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc chiến chống khủng bố, và nó sẽ có lợi cho bọn chúng, nhưng chúng ta đã cắt cụt chân chúng. Cái chúng ta thấy hôm nay là hồi chuông báo tử của chúng. Chúng ta đã đẩy nắp quan tài cho chúng và ngay khi khuất phục được Mohammed, chúng ta sẽ bắt đầu đóng đinh vào nắp quan tài đó”.

Tổng thống rất mong Bộ trưởng Bộ quốc phòng của mình nói đúng. Ông muốn mình có thể nói ra rằng quả thật cuộc tấn công

ngày hôm nay quá khủng khiếp, nhưng những người Mỹ tử nạn kia đã không hề chết vô ích - rằng cái chết của họ rất có ý nghĩa, họ đã đánh dấu cho bước ngoặt đã được chờ đợi từ lâu trong cuộc chiến chống khủng bố.

Nhưng tổng thống càng muốn tin tưởng Bob Hilliman, người mà trong hơn 5 năm qua chưa hề nhận định sai về các vấn đề an ninh quốc gia và rồi ông càng sớm nhận ra rằng trong nhiệm kỳ tổng thống của mình mọi việc chẳng bao giờ đúng như hình dung, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến khủng bố.

CHƯƠNG 65

Trong khi hai sĩ quan của McGahan dùng thiết bị phía sau chiếc xe Tahoe để buộc vào cái lò sưởi bên đường và khống chế khách sạn Waldorf, Harvath cùng đồng đội quay lại phố Lexington, tiến về phía cầu thang trên con phố số 50.

Khi đến nơi, họ phát hiện ra không phải lại một chiếc Tahoe khác mà là một chiếc Yukon Denali màu đen đỗ cạnh một xe khác trên vỉa hè. Nó có một bảng đồng hồ nhấp nháy ánh sáng xanh đỏ tương tự. Harvath thận trọng ngó vào bên trong, anh thấy chiếc hộp đựng đĩa CD bị đập nát, giấy bọc suất ăn kiêng South Beach Diet và một chồng sách bừa ra sàn xe. Hai hay ba bộ tóc giả được bọc cạnh hộp số, và một bông tuyết màu hồng toả mùi thơm ngát đựng trên tay nắm cửa cạnh ghế ngồi phía trước.

Bọn khủng bố đã lái hai chiếc Tahoe giống hệt nhau, nhưng giờ thì không. Chắc hẳn Harvath đã gây ra nhiều tổn thất hơn anh tưởng để buộc chúng đánh cắp một chiếc xe mới. Quan sát vết máu mờ vương trên ghế ngồi của người lái, anh thấy chủ nhân chiếc xe đã có một kết cục không mấy dễ chịu. Rút dao ra một lần nữa, anh đâm vào hai lớp xe, phòng khi bọn khủng bố dùng chiếc xe để tẩu thoát.

Bọn chúng đã cho nổ tung ổ khóa của cánh cửa giống chiếc xe trên phố số 49. Khi Hastings nhận ra cánh cửa để mở, cô đặt ngòi nổ lại chỗ cũ và đeo chiếc túi đựng đồ nghề lên vai. Quay người lại, cô ra dấu cho mọi người vào vị trí. Harvath dùng điện đàm gọi cho McGahan bảo ông ta rằng đội của anh đã sẵn sàng.

“Rõ”, giọng của vị chỉ huy vang lên. “Đội 1 và đội 2 vào vị trí”.

Nghe tiếng đếm ngược của McGahan qua ống nghe điện đàm, Harvath đếm ngược bằng đầu ngón tay bắt đầu từ 5. Khi anh nắm bàn tay lại, và ấn quả đấm xuống giống như tài xế lái xe tải nhấn còi, Hastings mở cánh cửa ra.

Lần này, với sự dẫn đầu của Harvath, họ tràn vào cầu thang và chiếm lấy nó một cách nhanh chóng và lẹ lẹ hết sức có thể.

Đồng thời, đội của McGahan đẩy cánh cửa trên phố số 49 và kiểm soát cầu thang.

Lúc người đi đầu nhận ra cái bẫy chết người thì đã quá muộn. Mảnh bom chọc thủng cầu thang chọt ních người, giết chết hai sĩ quan và làm bị thương ba người. Khung cảnh thật hỗn loạn.

Mặc dù gần như không thể nghe thấy gì do hậu quả của vụ nổ và không thể thở nổi vì khói dày đặc, McGahan dùng điện đàm thông báo tình hình của đội mình để cảnh báo các đội khác. Sau khi nghe từng chi tiết, một sĩ quan chốt trong khách sạn trả lời rằng anh ta sẽ đi lấy hộp cứu thương trên xe tải. Harvath bảo anh ta giữ nguyên vị trí, nhưng viên sĩ quan của sở cảnh sát New York lờ đi. Anh ta không nhận lệnh từ người của DHS. Đồng nghiệp của anh ta bị thương và cần được chăm sóc y tế ngay lập tức, đó là những gì anh ta quan tâm.

Với thực tế rằng đội tấn công trên phố số 49 không còn khả năng chiến đấu và đội ở khách sạn chỉ còn lại một sĩ quan chiến thuật cùng hai cảnh sát tuần tra, cuộc tấn công trút cả lên vai Scot Harvath và đồng đội.

Harvath giơ tay lên ngăn đội mình lại để anh có thể tiếp nhận thông tin. Đó cũng là lúc một người đội mũ trùm kín mặt màu đen xuất hiện ở bậc thang trên cùng với một quả lựu đạn trong tay và mọi chuyện bỗng vượt ra ngoài tầm kiểm soát.

CHƯƠNG 66

Không thể dùng chiếc xe trên phố số 49 do sự có mặt của cảnh sát, thì thoát ra bằng phố số 50 có vẻ hợp lí nhất, nhưng Abdul Ali vẫn cảm thấy có điều gì đó không ổn. Nếu đám cảnh sát biết sự tồn tại của sân ga gần khách sạn và lối thoát trên phố số 49, thì họ cũng phải biết về chiếc cầu thang trên phố số 50. Rất có thể Ali sẽ rơi thẳng vào bẫy, vì vậy hắn cần trọng lựa chọn lối ra.

Lối ra ở gara bí mật của cơ sở Grail dẫn ra tòa nhà bên cạnh phố số 49 nên ngay lập tức nó bị loại bỏ. Có vẻ như chúng không còn lựa chọn nào khác cho đến khi Ali nhận ra khách sạn có ít nhất hai lối ra nữa có thể dùng được - những cánh cửa chính ở phía sau khách sạn trên đại lộ Lexington cũng như những cánh cửa ở mặt tiền của khách sạn Waldorf nằm trên đại lộ Công Viên. Câu hỏi duy nhất là làm thế nào để tới được đó.

Vì lối ra của gara bí mật chỉ mở ra từ bên trong, Ali khá tự tin rằng chúng sẽ không đụng phải nhóm cảnh sát nào đợi sẵn ở đầu bên kia. Một khi đã vào được gara, chúng có thể xác định vị trí của lối dành cho nhân viên phục vụ của khách sạn và từ đó, chúng có thể dùng lối ra trên Đại lộ công viên hoặc Lexington. Cho rằng mọi chuyện đang xảy ra ở phía đông của khách sạn, gần đại lộ

Lexington, Ali tin tưởng chọn lối thoát trên Đại lộ công viên. Chúng có thể quyết định làm gì tiếp theo một khi đã được an toàn.

Khi Ali bố trí lại lần cuối những bất ngờ nho nhỏ chúng sẽ để lại phía sau, Sacha cử người đi kiểm tra tình hình ở mỗi cầu thang. Osman báo cáo về đầu tiên. Theo những gì hấn nói, cái bẫy chết người trên cầu thang tại phố số 49 đã phát nổ và buộc đám cảnh sát phải rút lui. Yusha đang báo cáo không thấy dấu hiệu của cuộc truy đuổi ở lối cầu thang trên phố số 50, thì đột nhiên hấn ngừng lại. Khi Sacha hỏi đang xảy ra chuyện gì, hấn thì thào vào micro rằng hấn nghe thấy tiếng người đang đến gần. Sacha bảo hấn rút lui và đợi, chúng sẽ đến hỗ trợ hấn, nhưng tên lính quá tự tin nói và với chỉ huy không cần bận tâm. Hấn đang giữ khoảng cách an toàn và có thể tự xử lí được. Đó là lần cuối cùng Sacha nghe được tiếng hấn.

CHƯƠNG 67

Hình ảnh gã đàn ông ở bậc thang trên cùng đập vào mắt, Harvath hét lên “Lựu đạn” và lùi về phía sau, đẩy đồng đội ra khỏi cầu thang. Trong lúc ngã cùng họ, Harvath liên tục siết cò cho đến khi ổ đạn trống rỗng.

Cả đội ngã giúi giúi lên nhau, sau đó ai nấy bò về chỗ nắp an toàn. Khi quả lựu đạn phát nổ, họ bị ép vào bức tường đối diện và rơi xuống hơn một tầng gác nữa. Harvath đã cứu mạng họ.

Khi đã bớt choáng váng, Harvath nạp một băng đạn khác và họ lại trèo lên bậc thang với tốc độ nhanh gấp đôi vì biết rằng đồng bọn của tên khủng bố ở cách đó không xa.

Lên đến trên và bước qua phần thi thể còn lại của gã đàn ông, họ nhận thấy có khả năng hắn đã chết trước khi quả lựu đạn phát nổ. Phần lớn các viên đạn của Harvath đã trúng mục tiêu - trên cả đầu và ngực hắn. Sau khi rơi xuống, quả lựu đạn hắn đã lăn về phía hành lang, nơi vài giây sau, nó phát nổ và chặt đứt những cột gỗ ra khỏi tường và trần nhà bằng bê tông.

Cả đội nhìn chăm chăm vào thi thể, họ nhận ra hắn không giống người Arab cho lắm. “Trông hắn rất giống người Cáp-ca”, Hastings

nói, mà không nhận ra rằng cô đã nói rất đúng, theo nghĩa đen của từ.

“Bọn người này là thế quái nào vậy?” Herrington hỏi trong lúc tháo mặt nạ của gã đàn ông ra để có thể nhìn rõ mặt hơn. “Có chắc chúng ta đang đương đầu với bọn Al-Qaeda không?”

Harvath lục túi của gã đàn ông nhưng không tìm thấy vật gì có ích. Anh cũng mù tịt giống như đồng đội mình. Những gì anh biết là họ đang ở ngay phía sau bọn khủng bố và anh không muốn mất đầu.

Cả đội chỉnh đốn lại đội hình và lao về phía hành lang, sẵn sàng cho cuộc chiến mà họ biết đang chờ họ ở phía trước.

Bước đến cánh cửa dẫn vào cơ sở Grail, họ thấy cảnh tượng hết như ở Iraq hoặc Afganistan. Bức tường đen xì, lỗ chỗ đạn. Sàn nhà đầy vỏ đạn, máu và thi thể. Phía bên kia, ba thi thể người Cáp-ca khác đã bị tháo mũ trùm đầu đang nằm quay mặt ra phía đại lộ Lexington. *Hay chúng được đặt theo vị trí đó - quay mặt về phía đông hướng về thánh địa Mécca?* Harvath gạt hình ảnh đó ra khỏi đầu, và sau khi lục tìm các túi trống rỗng của những thi thể, anh dẫn họ vào sâu bên trong hơn.

Sự tàn sát bên trong cũng tệ không kém, nếu không muốn nói tệ hơn những gì họ chứng kiến ở ba địa điểm trước. Toàn bộ lính thủy đánh bộ đều đã chết, các nhân viên cũng vậy. Vì cái gì? Đám người này theo đuổi cái gì? Tại sao chúng lại liều lĩnh tấn công những địa điểm ấy? Cho dù có cố gắng đến đâu, Harvath cũng không thể hình dung nổi.

Một điều khác anh không hiểu được là những tên khủng bố còn lại đang ở đâu. Kể cả tên anh đã bắn gục ở phía cầu thang, tất cả có

5 thi thể trong cơ sở Grail, tất cả đều mặc bộ đồ dã chiến màu đen giống nhau với những miếng vá không khác gì thành viên của Đội giải cứu con tin FBI - *một thủ đoạn tài tình khác*. Với những việc diễn ra ngày hôm nay, có khả năng cảnh sát sẽ thẩm vấn nhân viên liên bang ít hơn nhân viên đặc nhiệm của mình. Còn nữa, sở cảnh sát New York biết rất ít về thực chất của vụ giải cứu con tin. Rất ít khả năng những tên khủng bố bị phát hiện là giả mạo, chí ít là trong thời gian ngắn.

Khi Harvath và đội của mình tiếp tục rà soát, họ đã sẵn sàng cho mình những điều không tránh khỏi. Chắc chắn ở đâu đó sẽ còn nhiều người hơn - các bức ảnh chụp qua vệ tinh cho thấy có ít nhất 2 đội, mỗi đội gồm từ 4 đến 7 người.

Bốn tên đã chết có cần thiết phải đến đây trên hai chiếc xe khác nhau không? Phải còn những tên khác và chắc chắn chúng đang ở rất gần. Harvath có thể cảm nhận được.

Trở lại căn phòng chính giữa, Harvath quan sát nền nhà. Nó có kích thước 30x30, và rất giống với các trung tâm môi giới cũng như là trung tâm xử lý khủng hoảng của FBI và DHS. Được khoanh lại bởi những thanh rào chắn bằng nhôm bóng loáng - bức tường ngăn cách với bên ngoài - là khu làm việc có đặt những chiếc máy tính. Ngay từ đầu, Harvath đã nghĩ mình nghe thấy tiếng lạ nào đó, và giờ khi đứng yên một chỗ, anh đã đoán được đó là tiếng gì - một tiếng bíp lạ vang ra từ một trong số các máy tính kia.

Trong lúc di chuyển, anh gọi cho lực lượng phản ứng dưới cầu thang. Vì không ai ra khỏi cầu thang trên phố số 50, và vì anh biết McGahan bị thương trong khi các sĩ quan còn lại đã canh chừng cầu thang trên phố số 49 và gara liền kề, nên lối ra duy nhất của đám khủng bố là cầu thang máy.

Viên sĩ quan báo cáo lại rằng họ không chỉ không nhìn thấy gì mà còn chẳng nghe thấy âm thanh nào cả. Cho dù chiếc thang máy nằm ở đâu, thì anh ta cũng chắc chắn là nó chưa chuyển động.

Harvath cũng khá chắc về điều đó, giống như khi anh chắc chắn rằng họ chưa tiêu diệt được tên khủng bố cuối cùng. *Nhưng nếu chúng không đi cầu thang máy, thì chúng đang ở chỗ quái nào?*

Câu hỏi vẫn đang lờn vờn trong đầu Harvath thì anh bước gần đến chỗ chiếc máy tính đang phát ra tiếng bíp. Đột nhiên, Tracy Hastings hét lên “Dừng lại”.

Lúc Harvath nhìn về phía cô, cô nói thêm “Nhất định anh không được cử động”

CHƯƠNG 68

Tiếng bíp của chiếc máy vi tính còn hòa với tiếng gì đó khác nữa - một âm thanh khó nhận ra vang lên ngay sau âm thanh đầu tiên. Harvath không thể nghe ra cho đến khi anh xích lại gần. Nghe như tiếng the thé từ máy ảnh của một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp khi lắp phim chụp vào. Điều nực cười là Tracy Hastings cũng nghe thấy mà cô thì chưa hề bước chân vào. Điều đó chỉ có một ý nghĩa duy nhất - tiếng động ấy không vang lên cho đến tận khi Harvath nhích lại gần chiếc máy tính.

“Đứng yên”, Tracy cảnh báo. “Thậm chí không được thay đổi trọng lượng cơ thể. Anh hiểu chứ?”

“Chuyện gì đang diễn ra vậy, Tracy?”

“Tôi nghĩ anh vấp phải công tắc áp lực”.

“Công tắc áp lực á?” Harvath lặp lại. “Cô có chắc không?”

“Không một chi tiết nào có thể lọt qua mắt nhân viên tháo bom, đúng không? Chính anh đã nói vậy mà?”

Khi Tracy cố nhấc một tấm ván sàn nhà để xuống dưới xem họ đang đối mặt với cái gì, thì những người còn lại trong đội cứ đứng ngây ra đó, không biết phải làm sao. Harvath nhìn về phía Herrington và nói “Nếu anh muốn xem tôi tè ra quần, thì để sau đi,

khi nào tôi uống hết chai Louis XIII anh nợ tôi đã. Lúc này, sao các anh không nghĩ xem bọn khủng bố của chúng ta đã thoát ra bằng cách nào. Nếu vụ này không giải quyết được, tôi muốn chỉ mình tôi đi gặp thánh Allah thôi. Nói đến...”

“Ba kẻ ngoài kia ấy hả?” Herrington đáp. “Có, tôi có nhận thấy. Chúng bị bỏ lại đó quay mặt về hướng đông, về phía thánh địa Mécca”.

“Anh nghĩ sao?”

“Nếu chúng là tín đồ hồi giáo người da trắng, đồng minh của Al-Qaeda, thì chắc chúng là quân phiến loạn rồi”.

“Tôi cũng nghĩ thế”, Harvath nói.

Bob chỉ nhìn anh không nói gì, vì vậy Harvath nói thay anh. “Hãy ra khỏi đây. Các anh không thấy là tôi và Tracy muốn được ở một mình một lát à?”

Herrington nặn ra một nụ cười và đáp “Hẹn gặp lại”.

Harvath gật đầu nhìn theo Cates cùng Morgan đi theo Bob ra ngoài. Khi họ đã đi hết, Harvath hỏi “Dưới đó thế nào?”

Vài giây trôi qua mà không có tiếng trả lời, Harvath cố hỏi lại lần nữa. “Nói đi, Tracy. Chúng ta đang đụng phải cái gì thế?”

Vẫn không có tiếng đáp.

“Này, Tracy. Tình hình thế nào rồi?”

Sự chờ đợi tưởng chừng dài vô tận, đặc biệt là khi anh đang ở ranh giới mong manh và chẳng thể làm gì. Anh định gọi thêm một lần nữa thì Hastings ngoi đầu lên trên. Harvath định hỏi có phải là một quả bom không và cô có xử lý được không thì không cần nữa. Khuôn mặt cô đã nói lên tất cả.

“Một quả bom. Rất to”.

“Tuyệt”, Harvath đáp và bắt đầu đổi trọng lượng cơ thể sang chân kia thì anh kịp nhận ra. “Tin xấu là gì?”

“Tôi nghĩ tôi không thể tháo ngòi nổ”.

“Cô có thể mà”.

Hastings quay khuôn mặt đầy sọc đi.

“Tracy, cô có thể vừa ngủ vừa tháo ngòi nổ”, Harvath nói. “Hãy làm hai việc cùng một lúc đi”.

“Tôi không thể, Scot ạ”.

“Đã bao giờ tôi nói với cô rằng tôi là một người khiêu vũ rất giỏi chưa nhỉ?”

Cô quay lại nhìn anh, không khỏi bật cười. “Cái đó thì có liên quan gì đến chuyện này?”

“Liên quan chứ”, anh đáp. “Tôi định chờ một cơ hội lãng mạn hơn để ngỏ lời nhưng tôi hi vọng tôi có thể mời cô đi chơi khi nào chúng ta giải quyết xong vụ này”.

“Anh muốn mời tôi đi chơi? Đi khiêu vũ á?”

“Còn tùy. Nếu cô không tháo ngòi nổ quả bom, tôi nghĩ quan hệ bạn bè của chúng ta sẽ khá căng thẳng đấy”.

Hastings lại mỉm cười.

Đó là điều Harvath muốn thấy. “Cô làm được, Tracy. Trở lại dưới đó và cho tôi biết cô nhìn thấy gì”.

“Tôi có thể cho anh biết ngay lúc này”, cô đáp, nụ cười biến mất trên khuôn mặt. “Nó khá giống với quả bom tôi xử lí gần đây nhất”.

“Vậy nó là một phần của...” Harvath đột nhiên hiểu ra cô đang nói gì.

Quả bom cuối cùng mà Tracy cố tháo ngòi nổ đã phát nổ và lấy đi mắt trái, cùng một nửa khuôn mặt cũng như cuộc sống cô từng có trước đây.

CHƯƠNG 69

“Kể cho tôi nghe những thao tác cô đã thực hiện với quả bom cuối cùng ấy”, Harvath nói, cố giúp Tracy nhớ lại.

“Nó khá đơn giản”, cô đáp.

“Đơn giản như thế nào?”

“Mọi thứ. Thuốc nổ, ngòi nổ, tất cả”.

“Được rồi, nếu nó đơn giản vậy thì sai sót nằm ở đâu?”

“Tôi không biết. Tôi không bao giờ biết được. Tôi đã làm đúng mọi thao tác, nhưng không đem lại kết quả”.

Harvath phải tiếp tục giữ bình tĩnh. Sẽ không có lợi cho anh hay Tracy nếu anh mất bình tĩnh. Vì cả hai người bọn họ, anh phải hết sức bình tĩnh. “Chúng ta hãy tập trung vào quả bom này. Cô có thể quay lại chỗ sàn nhà, nhắc một tấm ván ra để tôi thấy được việc cô đang làm hoặc ít nhất là để tôi nói chuyện với cô được dễ dàng hơn”.

Hastings gật đầu và lại biến mất xuống dưới. Vài giây sau, tấm ván sàn nhà cạnh chỗ Harvath thành linh bật ra, Tracy đẩy nó sang một bên.

“Tốt quá”, anh nói. “Giờ chúng ta có thể nói chuyện rồi. Có cách nào để chúng ta cố định đĩa ép không?”

“Tôi đã kiểm tra rồi”, Hastings nói. “Không thể được”.

“Vậy chúng ta sẽ làm mọi thứ từ đầu, được chứ? Hãy làm vì tôi. Kiểm tra thêm một lần nữa thôi”.

Hastings làm theo lời anh bảo, nhưng câu trả lời của cô vẫn không thay đổi. “Đĩa ép là đĩa cụt”.

“Dùng từ hay lắm, Tracy”.

“Xin lỗi anh”.

“Thế còn bộ phận chính? Cô có tách được không?”

Cô quan sát quả bom rồi nhìn Harvath lắc đầu.

“Cô có thấy bất cứ chỗ nào để có thể chèn ghim băng vào không?”

Hastings tìm quanh, nhưng câu trả lời vẫn thế. “Không có chỗ nào cả”.

Harvath không còn lựa chọn nào khác. “Thế còn việc giảm tổn thất đến mức tối thiểu? Những mảnh đạn phóng ra thì sao?”

Cô nghĩ vài giây trước khi trả lời. “Có vẻ như chúng được trộn lẫn vào nhau. Bọn chúng sử dụng những mảnh kính vỡ và chất dẻo để làm đạn phóng”.

“Đó có phải là thiết bị định hướng không?”

“Không. Đạn phóng được mặc định bắn ra khắp nơi. Theo tôi phạm vi hiệu quả là trong vòng 200m. Rõ ràng chúng không muốn ai rời khỏi đây”.

Ý nghĩ tương tự cũng vụt thoáng qua đầu Harvath. Anh đang nghĩ đến chuyện quả bom được trộn lẫn bằng các vật liệu khác nhau mà họ đã tìm thấy trên hiện trường. Nhưng còn điều gì đó khác nữa mà anh chưa tìm ra. Phần lí trí trong não anh không chịu vận động, mà

cứ đổ thể bí này cho Hastings, một nhân viên tháo bom được đào tạo bài bản, người lẽ ra phải biết làm gì. Vì không chịu nổi sự im lặng, nên anh đã bật ra một câu hỏi ngốc nghếch, hết sức hiển nhiên. “Có cách nào để can thiệp vào ngòi nổ không?”

“Thôi nào, Scot. Như Rick nói lúc ở Hội Cựu chiến binh, tôi có thể mất việc nhưng tôi không bao giờ để mất những kiến thức mình đã được đào tạo. Đó là một trong những điều đầu tiên tôi mong đợi”.

Tuy không hiểu rõ lắm, nhưng lời nói của Hastings đã vén bức rèm trong đầu Harvath lên cao một chút, đem lại cho anh câu trả lời anh đang tìm kiếm. *Khỉ thật*. Đã quá lâu rồi anh không làm việc với những khối thuốc nổ. Phần lớn nội dung huấn luyện của anh để trở thành một Người nhái Hải quân là về thuốc nổ, chứ không phải khuyếch trương tên tuổi của đơn vị. Lời nói đùa duy nhất về các loại thuốc nổ mà một Người nhái Hải quân phải nhớ là chữ P, viết tắt của từ *phong phú*. Ngay cả trong sở mật vụ cũng có chó và các chuyên viên kỹ thuật xử lý những quả bom. Nhưng điều gì đó vẫn khiến anh bứt rứt. *Đó là cái quái gì vậy?*

Harvath nhìn xuống Hastings và nói “Cô có chắc quả bom đó đơn giản không?”

“Hoàn toàn chắc chắn”.

“Tại sao vậy? Những việc bọn chúng làm mà chúng ta chứng kiến được cho đến nay không hề đơn giản. Chúng rất tinh vi và biết chắc mình đang làm gì, đúng không?”

“Đúng, thì sao?”

“Vậy tại sao cô không nhìn nhận những quả bom dưới kia theo cách đó?”

“Ai mà biết được”, Hastings đáp. “Có thể có hàng triệu lí do. Có thể chúng đang rất vội. Mọi người thường phải viện đến những điều căn bản khi họ không có thời gian”.

Harvath lắc đầu. “Tôi không nghĩ vậy. Không phải với bọn người này. Tôi nghĩ chúng muốn cô tin rằng quả bom đó có cấu tạo đơn giản”.

“Để làm gì?”

“Để cô bỏ qua điều gì đó. Mà lẽ ra nếu cẩn thận hơn, cô sẽ không để sót”.

Ngay lúc đó, một tiếng cách vang lên, nhưng không phải trong đầu Harvath mà là Hastings. “Lạy Chúa tôi, anh rất đúng”, cô nói.

“Cái gì thế?”

“Chờ chút” là câu cuối cùng cô nói trước khi biến mất dưới sàn nhà một lần nữa.

Đứng bên trên đĩa ép, dù chỉ mấy phút cũng tưởng như là cả cuộc đời. Harvath không nhận được bất cứ tin gì từ Hastings và anh bắt đầu băn khoăn nhờ đâu cô mất hết tinh thần và đang nằm bên dưới sàn nhà, tê liệt vì sợ. Anh không thể trách cô vì điều đó. Sau khi quả bom nổ làm nát khuôn mặt cô, anh không thể hình dung nổi nó sẽ thế nào nếu phải phẫu thuật một lần nữa, mặc dù quả này không hoàn toàn giống với quả bom đã lấy đi con mắt và để lại sẹo trên khuôn mặt cô suốt đời.

Hastings xuất hiện trở lại, nhưng không phải dưới tấm ván sàn bên phải anh. Cô lặn ra từ dưới sàn nhà và thận trọng đứng cách xa. Có vẻ như cô rất sửng sò. Thật khó lòng mà đoán được biểu hiện trên khuôn mặt cô. Giận dữ? Sợ hãi? Đột nhiên Harvath tự hỏi liệu có phải là sự *hối tiếc* không.

“Xảy ra chuyện gì thế?” anh hỏi, nhưng Hastings không trả lời.

Cô xoay lưng về phía anh, vừa chạy ra khỏi phòng vừa lẩm bẩm, “Chỉ có hai quy luật. Quy luật II nhìn quy quy luật I”.

Ngay lập tức, Harvath nhớ lại cuộc nói chuyện giữa anh và tiến sĩ Samuel Hardy: *Mỗi người phản ứng với sự căng thẳng của cuộc chiến theo những cách khác nhau.*

Nhưng nếu mọi chuyện tồi tệ thì sao?

Chẳng có cách nào đoán được. Anh sẽ không biết cho đến khi điều gì đó xảy ra.

Có thể khi ấy đã quá muộn.

Hardy gật đầu và nói, *Rất nhiều triệu chứng của những người lính khi đã ra khỏi cuộc chiến cần phải chữa trị để trở về với thực tế hơn là làm điều gì đó khác. Đưa họ trở lại bằng chính những căng thẳng do cuộc chiến gây ra, chín phân mười triệu chứng đó sẽ biến mất.*

Thế còn phần thứ mười kia? Harvath đã hỏi ông ta. Làm thế nào để khắc phục được?

Không có cách nào cả. Chỉ người lính đó mới làm được. Người đó phải đối mặt với con quỷ trong mình, và đó là cuộc chiến đòi hỏi lòng dũng cảm chứ không phải là thứ anh ta sẽ phải đối mặt ở đầu súng bên kia.

Hoặc ở mặt kia của thiết bị gây nổ tức thì, Harvath nghĩ trong lúc Hastings biến mất sau cánh cửa, và anh nhận ra cô vừa bỏ lại anh một mình... chờ chết.

CHƯƠNG 70

Harvath bắt đầu ước chừng trọng lượng của các vật nằm trong tầm tay, tự hỏi không biết anh có thể đánh lừa chiếc đĩa ép để nó nghĩ anh vẫn đang đứng lên trên nó hay không. Anh biết điều đó là vô ích. Nhưng anh cũng biết rằng anh không muốn chết theo cách này. Trong đầu anh thoáng hiện lên hình ảnh những người bị thương mà Bob Herrington đã tả cho anh nghe và anh nhớ bạn anh đã từng nói đôi khi bị thương trong một cuộc chiến còn tệ hơn cả chết. Harvath đã từng chứng kiến những người bị tan thành từng mảnh bởi những quả mìn trên mặt đất và những thiết bị gây nổ khác, và lúc này anh không thể hình dung nổi cuộc sống còn lại của anh sẽ thế nào nếu không còn dùng được tay hay chân nữa. Xét về góc độ nào đó, anh thà bị chết vì bom còn hơn để bị tàn tật.

Vì lẽ ấy, Harvath đã nhận ra đây là cuộc độc thoại phản tác dụng và chủ bại, và anh đã đóng sập cánh cửa sắt nặng nề lại để chấm dứt nó. Suy nghĩ duy nhất anh thấy thoải mái là làm cách nào để thoát ra khỏi tình huống này mà không bị giết hay bị thương.

Lắc tấm vách ngăn bằng kim loại mỏng bên cạnh, Harvath đang cân nhắc đến việc dùng nó làm tấm áo giáp, thì anh nghe thấy một giọng nói cất lên ở phía cuối phòng.

“Tôi đã bảo anh đừng cử động kia mà”.

Anh ngược lên và thấy Tracy Hastings đang tiến thẳng về phía mình. Cô cầm trên tay một hộp dụng cụ nhỏ với vẻ mặt rất quyết tâm.

“Gì thế?” cô hỏi khi nhìn thấy nét mặt anh. “Anh nghĩ là tôi không quay lại à?”

“Đúng là tôi có nghĩ như thế. Tôi sẽ không trách nếu cô không quay lại”.

“Cái gì? Và bỏ lỡ một bữa ăn tối, một buổi khiêu vũ, cùng một cuộc nói chuyện sôi nổi ư?”

“Tôi không biết nói chuyện *sôi nổi* đâu”.

“Tôi cũng thế, nhưng không sao. Tôi không bao giờ bỏ một người lính lại phía sau. Đặc biệt là một người nhái Hải quân”.

“Hay” Harvath trả lời có phần tự tin hơn trong lúc Tracy lại biến mất phía dưới sàn nhà.

Khi đã vào vị trí, cô nói “Bọn khốn đó khá thông minh. Anh nói đúng. Nó *quá* đơn giản, nhưng tôi đã không nhìn ra”.

“Không nhìn ra cái gì?”

“Đây chính là cách chúng hạ tôi ở Iraq. Giờ tôi đã hiểu. Hai trong số những nguyên tắc quan trọng nhất chúng ta học được về cách xử lý thiết bị gây nổ tức thì là không bao giờ được cho rằng chỉ có một thiết bị duy nhất, nguyên tắc thứ hai là...”

“Nhìn nguyên tắc thứ nhất”, Harvath nói nốt câu cuối giúp cô. Cuối cùng, bức màn che phủ suy nghĩ của anh đã được kéo lên, nhưng anh phải khen ngợi Hastings về điều đó.

“Cho dù cô có chắc chắn đến bao nhiêu rằng không còn thiết bị nào khác, cô phải luôn luôn, đặt ra giả thiết về sự có mặt của ít nhất một thiết bị gây nổ khác. Cô đã làm nó nổ tung ở Iraq và suýt nữa thì ở đây. Nếu cô chạm vào quả bom tôi đang dẫm chân lên, cả hai chúng ta sẽ bị vùi trong gạch vụn. Phép màu nằm ở thiết bị gây nổ thứ hai”.

“Cái cô đã tìm thấy?”

“Vâng, tôi đã tìm ra. Chúa ơi, bọn người này rất khá”.

“Khá đến đâu?” Harvath hỏi với giọng đầy thăm dò.

“Không giỏi bằng tôi đâu. Tôi và anh sẽ khiêu vũ. Hãy tin tôi, cuộc nói chuyện sẽ rất sôi nổi. Nào, hãy là một anh chàng lịch lãm và nhấc chân lên để tôi có thể làm việc của mình”.

“Cô có chắc nó sẽ không phát nổ không?”

“Chắc, và đó là lí do tôi cần sự yên lặng tuyệt đối. Phát hiện ra thiết bị gây nổ thứ hai mới chỉ là một nửa của cuộc đấu. Phần khó nhất là phải đảm bảo không thiết bị nào phát nổ”.

CHƯƠNG 71

TRUNG TÂM CHIẾN DỊCH VÀ THÔNG TIN CHIẾN LƯỢC
TRỤ SỞ FBI
WASHINGTON, DC

Giám đốc Sorce tóm lược mệnh lệnh của mình trong hai từ khi ông rời khỏi phòng họp của Trung tâm Chiến dịch và Thông tin Chiến lược, “Hành động”.

Stan Caldwell, cấp phó của ông ta, không để phí một giây nào. Đầu tiên, ông ta lệnh cho một chiếc trực thăng đến, sau đó ông ta gọi cho Gary Lawlor và bảo ông hãy sẵn sàng.

Khi cả hai bay về phía pháo đài Meade, Caldwell đưa cho Lawlor tập hồ sơ mang tên *Nơi đẹp nhất dành cho trẻ em* mà FBI vừa mới nhận được. Giám đốc NSA, trung tướng Richard Maxwell, đã gọi riêng cho giám đốc FBI để yêu cầu hỗ trợ thẩm vấn. Ông ta giải thích rằng NSA đang xử lý thông tin tình báo mật liên quan đến chiến dịch diễn ra ở New York và rằng ba trong số bốn cơ sở ở đó đã bị tấn công, toàn bộ nhân viên đã bị sát hại.

Tất nhiên, đối với Lawlor đây đều là tin cũ. Ông chính là người đã thông báo cho CIA về tình hình, kể cả việc ông đã bắn và giết chết Joseph Stanton thế nào sau khi hắn ta giết chết đại úy William Forrester và muốn giết chết cả ông nữa. Tin mới là NSA đã xác định được kẻ đã làm rò rỉ thông tin về những địa điểm tối mật kia. Họ nghi ngờ rằng những cuộc tấn công vào các cơ sở của họ và các cuộc

tấn công vào New York có liên quan đến nhau, điều đó khiến họ tức giận bội phần và khát khao đòi công lí.

Thông tin cuối cùng mà Lawlor tưởng sẽ không được biết là địa điểm tối mật thứ 4 của Cơ quan an ninh quốc gia hiện chưa có phản hồi. Vì là người duy nhất vừa khôn khéo trước kẻ thù, vừa được phép biết những thông tin tối mật hiện tại, nên Lawlor rõ ràng là người được lựa chọn đi cùng. Điều Gary vẫn không hiểu là Cục tình báo Bộ quốc phòng có vai trò gì trong toàn bộ chuyện này.

Ông không thể không tự hỏi liệu cuộc viếng thăm sắp tới của ông tới NSA có tiết lộ thêm gì khác ngoài kẻ đã làm rò rỉ thông tin về những địa điểm tối mật của mạng lưới tình báo New York. Giờ ông đang đối diện với Stan Caldwell, ông rất muốn hỏi riêng một câu, nhưng ông đủ khôn ngoan để hiểu rằng ông nên giữ nó lại cho đến khi cuộc thăm vấn kết thúc.

CHƯƠNG 72

Trợ lí của trung tướng Maxwell gặp Gary Lawlor và Stan Caldwell ở bãi đáp của trực thăng và dẫn họ vào văn phòng giám đốc. Người ta nói rằng chữ viết tắt NSA thực ra có nghĩa là *Không phải một cơ quan như thế**, hoặc nếu bạn là nhân viên trong đó, thì nó có nghĩa là *Không bao giờ được nói điều gì**. Cho đến nay, sở thích khiến người khác hoang mang khá nổi tiếng của Cơ quan tình báo quốc gia vẫn đang được duy trì khá tốt. Điều thú vị là được xem thực tế Dick Maxwell bộc trực đã chuẩn bị thế nào.

Họ được dẫn vào một phòng bày biện khá giản dị với những tấm ảnh Maxwell chụp ở rất nhiều nơi xa xôi, hoang vắng trên khắp thế giới. Đó là lần đầu tiên Lawlor gặp ông ta, và khi viên trung tướng đứng dậy vòng qua chiếc bàn để chào những vị khách của mình, Lawlor ngay lập tức bị ấn tượng bởi dáng vẻ giống George Patton của ông ta - từ nét mặt, tác phong cho đến mọi thứ. Ông ta chỉ thiếu duy nhất có một khẩu súng lục có tay cầm bằng ngà voi và một con chó lai ở bên cạnh. Nếu không dám chắc chắn điều đó cả ngàn lần thì có thể ông đã hỏi câu gì đó, nhưng như thế có vẻ không hay cho lắm, vả lại chuyện đó chẳng liên quan gì đến lí do họ có mặt ở đây. Lawlor tới đây để tìm những câu trả lời, chứ không phải với một cái đầu toàn những câu hỏi nào đó.

“Cảm ơn các ông đã tới”, Maxwell vừa nói vừa mời Caldwell và Lawlor ra chiếc bàn ở phía cuối văn phòng. “Các ông uống gì? Cà phê? Trà? Hay thứ gì đó mạnh hơn chẳng?”

“Không, cảm ơn Dick”, vị phó giám đốc FBI đáp.

“Tôi cũng không”, Lawlor nói.

“Thôi được, vậy chúng ta vào luôn vấn đề nhé. Căn cứ trên những thông tin chúng tôi nhận được, chúng tôi tin rằng cả bốn địa điểm trong chương trình của chúng tôi ở thành phố New York đều đã bị tấn công”.

“Thông tin nào vậy?” Gary hỏi.

“Các địa điểm không trả lời đúng theo yêu cầu của máy chủ đặt ở đây. Rõ ràng kẻ nào đó muốn câu chuyện diễn ra giống một thương vụ như thường lệ, nhưng chúng tôi đã đoán được không phải thế”.

Giờ họ đang đến gần câu chuyện Gary muốn biết.

“Và chính xác *thương vụ như thường lệ* của chương trình này là cái gì?”

“Đó là tuyệt mật”. Maxwell trả lời.

“Ý ông muốn nói nó *từng* là tuyệt mật”.

“Không”, giám đốc NSA nói. “Mặc dù nhìn bề ngoài, có vẻ như chiến dịch đã được dàn xếp, nhưng nó vẫn là tuyệt mật”.

“Và đó là lí do mà một trong số các điệp viên cấp cao của các ông tin rằng nó đáng để lấy đi các mạng người?”

Maxwell lắc đầu. “Thật đáng tiếc, tôi cũng không thể nói gì nhiều hơn với ông, nhưng không phải vì tôi không muốn. Joe Stanton đã chết”.

Lawlor cần biết nhiều thông tin hơn, và ông dám chắc Maxwell biết. “Chính xác thì dạng thông tin nào đang được xử lý ở các cơ sở bí mật của New York?”

“Tôi rất tiếc, nhưng đó là tuyệt mật”.

“Vậy tại sao lại gọi chúng tôi đến?”

“Phó giám đốc Caldwell tới đây để tiến hành một cuộc thẩm vấn. Tôi đã đồng ý cho phép ông có mặt bất chấp nguyên tắc”.

Lawlor không chỉ nhìn người khá chuẩn, mà còn có khả năng đoán được ẩn ý. Nhưng với Maxwell thì điều đó rất khó. Trên thực tế, cả Stan Caldwell cũng vậy. Cả hai người, theo cách của riêng mình, đều đang giúp ông vượt qua tình huống khó khăn, nhưng tại sao? Ở một mức độ nào đó, ông có thể hiểu động cơ của Maxwell. Ông ta biết rằng Lawlor chỉ có một đội duy nhất đang ráo riết lần theo dấu vết của nhóm người chịu trách nhiệm về việc giết chết các nhân viên NSA của ông ta, cũng như những người lính thủy đánh bộ kia. Nhưng động cơ của Caldwell thì không được rõ ràng cho lắm.

Lawlor không còn lựa chọn nào khác là đồng hành cùng họ. Hi vọng duy nhất của ông là sẽ sớm tìm ra đầu mối của vụ việc này - thật sớm.

CHƯƠNG 73

Trước khi dẫn Lawlor và Caldwell tới phòng họp nhỏ trên tầng 3 dùng làm nơi thẩm vấn, giám đốc Maxwell đưa họ vào một căn phòng khác dọc hành lang. “Giống một con hổ bị nhốt trong lồng”, ông ta nhận xét trong lúc chỉ tay về một dãy các màn hình cho thấy Mark Schreiber đang rất bức xúc bước tới bước lui. “Sau Stanton, anh ta là người có quyền tiếp cận với chiến dịch nhiều nhất. Không khó để cộng 2 và 2 lại với nhau. Máy ghi tin vật lý không để lại gì”.

Khi thấy hai người đã xem đủ, viên trung tướng nói “Hãy vào và tung phép màu của các ông ra”.

Vì lí do nào đó, Maxwell vừa làm cho Lawlor phật ý. Ông muốn nói cho ông ta biết ông có thể làm gì với “phép màu”, nhưng thay vào đó ông giữ ý nghĩ cho riêng mình và theo Caldwell ra cửa sang bên kia hành lang.

Khi họ bước vào, Schreiber không đi tới đi lui nữa. Anh ta nhìn hai người lạ mặt cố đoán xem họ là ai. Caldwell ngay lập tức cung cấp thông tin cho anh ta.

“Tôi là đặc vụ Stan Caldwell”, ông ta vừa nói vừa giơ tấm giấy ủy nhiệm lên - một quy định của Cục điều tra liên bang mà ông sẽ không bao giờ bỏ được. “Tôi là phó giám đốc của FBI. Còn người

này”, ông ta tiếp tục trong lúc Lawlor mở ra và gập lại tấm thẻ căn cước cùng phù hiệu của mình, “là đặc vụ Gary Lawlor của Bộ An ninh Nội địa. Chúng tôi sẽ hỏi anh vài câu hỏi. Anh đồng ý chứ?”

Schreiber gật đầu.

“Tốt”, Caldwell vừa đáp vừa cùng Lawlor ngồi xuống đối diện với anh ta. “Sao anh không ngồi đi?”

Chàng thanh niên ngồi xuống trong khi đó Caldwell mở ra một tập hồ sơ do trợ lí của Maxwell đưa cho và giả vờ đọc lướt qua. Ông ta đã nhớ được những chi tiết chính từ lúc họ ngồi ở văn phòng giám đốc. “Theo tôi biết, anh làm việc cho NSA được 5 năm rồi”.

“Vâng, thưa ông”, Schreiber trả lời.

“Anh có thích công việc của mình không?”

“Có những lúc thuận lợi cũng có những lúc khó khăn”.

“Theo anh ngày hôm nay sẽ thế nào?” Caldwell hỏi, mắt vẫn lướt trên tập hồ sơ. Nhưng Lawlor không rời mắt khỏi kẻ tình nghi.

“Hôm nay nhất định sẽ là một ngày rất xấu”, người thanh niên trả lời.

Lúc đó Caldwell mới ngược lên từ đồng hồ sơ và trả lời “Tôi đồng ý với anh. Anh có biết lí do chúng tôi ở đây không?”

Schreiber do dự một lát rồi khẳng định “Tôi nghĩ có liên quan đến chiếc máy ghi tim vật lý họ mang vào lúc trước”.

“Anh đã nói đúng. Nghe này, Mark, anh có thể giúp chúng tôi tiết kiệm được rất nhiều thời gian. Hãy nói cho chúng tôi biết sao anh lại làm thế”.

“Tôi làm thế vì Stantons sẽ không nghe”.

“Nghe cái gì?” Caldwell hỏi.

“Nghe *tôi*”.

Với toàn bộ số chuyên gia tin học làm việc cho NSA, vị phó giám đốc của FBI không ngạc nhiên khi vụ này lại nhanh chóng bị chú ý đến thế. Trong khi hầu hết những người này rất giỏi xử lý dữ liệu hay phân tích các tin tức tình báo, thì không ít người trong số họ lại thiếu mất kỹ năng giao tiếp xã hội cần bản để hòa nhập với xã hội bên ngoài. Họ thà lấy cắp các dữ liệu, viết mật mã hay chơi trò chơi điện tử trong lúc giải lao còn hơn là ra ngoài và trò chuyện với những người khác. Họ có vai trò quan trọng sống còn với quốc gia, đặc biệt là với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, nhưng rồi chuyện như thế này xảy ra.

Đã lâu lắm rồi Caldwell tin rằng nhiều người trong số họ sẽ đặt bom hẹn giờ. Chỉ còn là vấn đề thời gian khi nào họ sẽ cho nổ, và kết quả ra sao thì ai cũng đoán được. Dựa trên kinh nghiệm của Stan, nó diễn ra theo một trong hai cách. Hoặc bạo lực sẽ tự bộc lộ ra bên ngoài ví dụ như một vụ xả súng vào nơi làm việc, hoặc trí tuệ hơn. Người ta vẫn nói một câu kinh điển thế này *Ta sẽ cho chúng thấy ta thông minh hơn thế nào*, phản bội là những gì họ đang chứng kiến lúc này. Caldwell chắc chắn. Đó là một trong những cách tồi tệ nhất mà một nhân viên xử lý những thông tin nhạy cảm dùng đến, và nó có thể chứng minh rằng nếu Schreiber buôn lậu vũ khí tự động cùng một ba lô đầy những ngòi nổ để triệt hạ càng nhiều cấp trên và đồng nghiệp càng tốt trước khi tự chĩa súng vào mình thì quả là đáng sợ.

“Vậy là anh quyết định buộc Stanton nghe theo mình. Đúng không?” Caldwell hỏi.

“Trong chừng mực nào đó”.

“Tôi không trách anh. Tại sao lại chỉ với Stanton? Tại sao anh không bắt cả NSA nghe theo mình?”

Schreiber bối rối. “Có phải toàn bộ chuyện này là vì cái đó không?”

“Anh nghĩ sao? Anh có thực sự tin rằng những người còn lại sẽ không phát hiện ra việc anh làm không?”

“Đó không phải là chuyện nghiêm trọng, không đến mức để FBI và DHS can thiệp”.

Caldwell đặt hai tay lên bàn, ngả người về phía trước và nói “Tôi có tin cho anh đây. Sự phản bội là chuyện rất nghiêm trọng đấy.”

“Phản bội á?” Schreiber hỏi lại. “Các ông đang nói cái quái gì vậy?”

“Tôi đang nói đến việc tiết lộ thông tin về vị trí của 4 cơ sở bí mật của NSA ở thành phố New York cho kẻ thù của nước Mỹ”.

“Tôi chẳng tiết lộ cái gì cả”.

“Mark, anh đã không vượt qua được hai lần thử với máy ghi tìm vật lý. Và anh cũng đã thừa nhận rằng anh làm thế là vì Stanton không chịu nghe lời anh. Thế nên đừng giở trò nữa. Quá nhiều người đã chết vì chuyện này. Nếu anh đồng ý hợp tác hết mình, tôi đã được chuẩn bị để đưa ra một thoả thuận với anh”.

Cầm của Schreiber như kéo dài xuống ngực và mắt anh ta mở trừng trừng. Anh ta trông giống một con ngựa sợ sệt bị giật cương rất mạnh. “Đã có người chết? Ý ông là những người ở các cơ sở tại New York?”

“Đúng thế, Mark ạ. Và còn phụ thuộc vào sự liên quan của anh, nghĩa là anh cũng là kẻ tòng phạm với những tên đã giết rất nhiều

nhân viên liên bang. Tôi được biết chính phủ sẽ ra mức án tử hình”.

Schreiber hoảng sợ và bắt đầu vã mồ hôi. “Tội duy nhất của tôi”, anh ta biện hộ, “là vi phạm một số điều khoản về bảo mật cho máy chủ, chứ không phải phản bội, và chắc chắn cũng không phải là giết người”.

“Tôi không phải là chuyên viên máy tính”, Caldwell đáp, “nhưng nếu anh nói với tôi rằng anh biết mình vi phạm điều khoản về bảo mật và những vi phạm ấy dẫn tới sự tiết lộ của bốn cơ sở bí mật kia, thì nghĩa là anh đang gặp rắc rối lớn đấy”.

“Nhưng tôi không tiết lộ các cơ sở đó!” Schreiber khẳng định. “Những gì tôi tiết lộ là các máy chủ, nhưng chỉ trong mấy phút. Ai đó sẽ phải ngồi chờ ngay tại đây nếu muốn lấy được thông tin. Họ sẽ cần phải biết rằng tôi sẽ làm thế, nhưng tôi không nói cho ai biết hết. Ngay cả với Stanton”.

Giờ đến lượt Caldwell lúng túng. “Anh đang nói cái gì vậy?”

“Một phần công việc của tôi là theo dõi bốn cơ sở ở New York. Khi hai trong số đó bắt đầu có những hành động khôi hài, tôi báo cho Stanton biết, nhưng ông ta gạt đi. Ông ta sẽ hành động như thế nếu ông ta đang bận làm gì đó mà theo ông ta là quan trọng hơn. Ông ta bảo tôi không phải lo và làm việc khác đi. Ông ta nói giả sử có tấn công khủng bố, NSA sẽ yêu cầu mọi người làm việc ngoài giờ”.

“Điều *khôi hài* về hai cơ sở kia là gì?” Gary hỏi.

“Không ai trả lời thư điện tử của tôi. Thật vô lý”.

“Tại sao? Sau các cuộc tấn công, rất nhiều máy bị quá tải và sập”.

“Tôi biết”, Schreiber đáp. “Giống như những chiếc điện thoại. Nhưng toàn bộ các dữ liệu của chúng tôi được truyền qua vệ tinh và rồi tải xuống”.

“Anh đã xem thời sự chưa? Có rất nhiều khói và bụi trên bầu trời”.

“Chẳng vấn đề gì hết. Chỉ phân tử nước mới có sức phá hủy và làm hỏng đường truyền, và lúc đó ở New York không hề mưa. Ngay cả nếu có, chúng tôi vẫn có hệ thống thay thế”.

“Vậy là mọi người không trả lời thư của anh”, Caldwell khẳng định. “Thì sao? Anh không nghĩ họ đang tập trung vào các cuộc tấn công à?”

Nhân viên trẻ của NSA nhìn thẳng vào ông. “Vấn đề là ở đó. Theo thông tin chúng tôi nhận được, người của chúng tôi không tập trung vào cái gì khác ngoài những chiếc máy tính. Mọi người đều đang làm việc. Họ đang xử lý dữ liệu như mọi khi, nhưng không ai làm việc trên hệ thống thư điện tử”.

“Vậy anh đã làm gì?” Lawlor hỏi.

“Chẳng làm gì cả. Cho đến tận khi cơ sở thứ ba không trả lời và Stanton một lần nữa gạt chuyện đó đi. Tôi đã kiểm tra các máy chủ và mọi việc vẫn bình thường, nhưng rất vô lí”.

“Và đó là lúc anh vi phạm các điều khoản về bảo mật?”

Schreiber gạt đầu. “Tôi đã thực hiện một loạt các chẩn đoán từ xa qua một kênh không được bảo vệ”.

“Anh đã phát hiện ra điều gì?”

“Tôi chẳng phát hiện ra cái gì cả. Tôi muốn nói chuyện với ông Stanton về điều đó, nhưng ông ấy đã rời khỏi tòa nhà. Có người nói

với tôi rằng ông ấy đã đi đâu đó bằng trực thăng và đó là lần cuối cùng tôi nghe nói về ông ấy cho tới tận khi nhân viên liên bang ập vào văn phòng tôi, yêu cầu xuất trình thẻ căn cước và đưa tôi tới chỗ những chiếc máy ghi âm vật lý”.

“Anh có kiểm tra địa điểm thứ 4 không?”

“Tất nhiên là có. Giống với 3 địa điểm kia - các máy chủ có vẻ như vẫn đang hoạt động, nhưng tôi không thể liên lạc với bất kì ai”.

“Và đó là tất cả những gì anh đã làm?” Lawlor hỏi.

“Vâng, tất cả. Tôi thề có Chúa”.

Gary nhìn Schreiber một lúc lâu, sau đó ra hiệu cho Caldwell cầm đồng tài liệu và theo ông ra ngoài.

CHƯƠNG 74

Vài phút sau, giám đốc Maxwell bước ra khỏi phòng quan sát phía bên kia hành lang và nói “Các ông nghĩ sao?”

Lawlor trả lại kết quả của Máy ghi tim vật lý cho Caldwell và trả lời “Tôi nghĩ các Máy ghi tim vật lý của ông không đưa ra được kết luận gì”.

“Ông đang nói gì vậy? Chúng tôi đã hỏi đúng các câu hỏi”.

“Đúng, nhưng các ông hỏi sai cách. Mark Schreiber có tội, nhưng không phải tội phản bội”.

“Vậy ai đã tiết lộ những địa điểm kia?” Maxwell hỏi. “Stanton ư?”

“Điều đó giải thích vì sao ông ta muốn Forrester im lặng và sau đó là hạ tôi”.

“Tôi không tin. Stanton làm việc ở đây đã khá lâu”.

“Cứ tin đi”, Caldwell đáp. “Tôi nghĩ chúng ta phải đưa một chiếc máy ghi tim vật lý ra đây để kiểm tra lại Schreiber, nhưng nếu tôi là ông, tôi sẽ đặt cược rằng anh ta qua được. Ông nghĩ sao, Gary?”

Lawlor gật đầu. “Tôi đồng ý. Nếu anh ta lừa chúng ta, thì có nghĩa anh ta là kẻ tài tình nhất tôi từng gặp. Câu chuyện của anh ta rất có lí, và nó giải thích hợp lí cho thái độ của Stanton”.

Caldwell nhìn giám đốc NSA và nói “Theo tôi, công cuộc truy tìm sự rò rỉ thông tin của ông rơi vào bế tắc rồi, Dick ạ”.

Maxwell không biết phải tin ai hay cái gì nữa. “Cho đến khi người của ông kiểm tra anh ta, tôi muốn cách li Schreiber”.

“Tôi cũng nghĩ thế. Tôi có thể nghĩ ra khoảng một trăm điều khoản cho Đạo luật yêu nước để ủng hộ ông. Ông có thể cử người của mình theo dõi anh ta hoặc chuyển anh ta về phòng giam của căn cứ. Tùy ông thôi”.

Vị giám đốc suy nghĩ trong giây lát rồi nói “Cho đến khi tôi chắc chắn anh ta không gây nguy hiểm cho an ninh quốc gia, tôi không muốn anh ta ở trong tòa nhà này”.

“Vậy cứ tổng vào nhà giam đi”.

“Tôi xin lỗi vì cắt ngang”, Lawlor xen vào vì ông nghĩ ra điều gì đó. “Nhưng tôi muốn nói chuyện với Schreiber một lần cuối cùng, nếu được”.

Caldwell nhún vai và nói “Tôi không biết có lợi gì không, nhưng tôi thấy không có vấn đề gì cả. Còn ông, Dick?”

“Không sao”, Maxwell đáp, “miễn là phó giám đốc Caldwell đi cùng ông. Tôi muốn ghi thành văn bản, để đề phòng. Miễn là nó có ích với ông, sau đó hãy là khách của tôi. Tôi sẽ quay về văn phòng để liên lạc với căn cứ CO, bảo họ bố trí chuyển Schreiber đi. Nếu có tin gì mới, tôi muốn được biết”.

“Tất nhiên”, Gary nói và cảm ơn vị giám đốc vì đã dành thời gian, rồi ông miễn cưỡng bắt tay ông ta và nhìn theo với cảm giác nhẹ nhàng khi ông ta biến mất ở hành lang.

Trở lại phòng hội thảo và cùng với sự cho phép của Stan Caldwell, Gary chuyển hình thức thẩm vấn sang hỏi người được cho

là nhân chứng duy nhất họ có.

“Anh Schreiber, tôi muốn hỏi anh vài câu về Joseph Stanton”.

“Tôi bị bắt à?” người thanh niên hỏi.

“Không”, Lawlor đáp. “Anh không bị bắt”.

“Vậy tôi được rời khỏi phòng này và trở về nơi làm việc rồi chứ?”

“Không hẳn thế”, Caldwell khẳng định. “Nghe này, theo chúng tôi nghĩ, câu chuyện của anh có vẻ có lí. Nhưng giám đốc Maxwell cần chắc chắn tuyệt đối trước khi phục hồi chức vụ cho anh. Tôi tin anh đánh giá cao điều đó”.

“Tôi nghĩ thế”, Schreiber nói.

“Tốt”, Lawlor đáp rồi nói tiếp. “Điều đầu tiên tôi muốn nói là Joseph Stanton đã chết”.

Người thanh niên không thể tin nổi. “*Chết á!* Như thế nào? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Chiều nay tôi đã bắn ông ta”.

Schreiber không tin nổi.

“Ông ấy có điều gì bất thường à? Điều mà ai đó có thể dùng làm đòn bẩy để uy hiếp ông ta? Ví dụ như cá cược? Hay ông ta thích phụ nữ hơn mức bình thường? Uống rượu? Nghiện ma túy?”

“Từ từ đã”, người thanh niên trả lời khi anh ta làm phép tính hai cộng hai. “Các ông nghĩ Joe Stanton đã tiết lộ các cơ sở ở New York?”

“Đó là khả năng chúng tôi đang cân nhắc. Anh có nhìn thấy hay nghe thấy bất kì điều gì liên quan ở trong văn phòng không?”

Schreiber im lặng suy nghĩ về câu hỏi.

“Bất cứ điều gì”, Gary nói. “Bất cứ điều gì có thể cho chúng ta đầu mối lần ra kẻ ông ta hợp tác cùng. Chi tiết anh nhớ ra cho dù là nhỏ nhặt hay không logic đều không quan trọng”.

Người thanh niên liếc nhìn đồng hồ.

“Chúng tôi đang gây cản trở gì cho anh à?” Caldwell hỏi.

“Không, thưa ông”, Schreiber đáp. “Tôi chỉ đang cố nhớ lại ngày tháng”.

“Ngày tháng nào?” Gary hỏi.

“Cách đây vài tuần, ông Stanton có giao cho tôi một nhiệm vụ khá kì lạ. Ông ấy nói đó là một mắt xích lỏng lẻo mà NSA đang lần tìm. Ông ấy đặt lên bàn và bảo tôi tiến hành ngay, không được nói cho bất kì ai khác”.

“Đó là nhiệm vụ gì?”

“Ông ấy muốn tôi lần ra toàn bộ những vụ mua bán một loại máy thẩm tách dầu cuối trong vài tháng qua”.

“Ông ta có nói vì sao hay có liên quan đến chuyện gì không?”

“Không, ông ấy chỉ nói nó có ảnh hưởng đến một vụ liên quan đến vấn đề an ninh quốc gia và ông ấy nhắc tôi lại một lần nữa không được nói với bất kỳ ai”.

“Anh đã tìm thấy gì?”

“Tôi phát hiện ra chiếc máy là một trong những loại máy đắt tiền nhất trên thế giới và rằng nó là sự lựa chọn số một cho các bệnh viện hàng đầu trong lĩnh vực chữa trị các loại bệnh thận”.

“Tại sao ông ta lại cần những thông tin đó?” Caldwell hỏi.

“Tôi không biết”, Schreiber đáp. “Ông ấy không nói. Ông ấy muốn tôi cung cấp cho ông ấy danh sách về các cá nhân và tổ chức đã

mua loại máy này trong vòng ba tháng qua”.

“Và anh tìm thấy gì?” Lawlor hỏi.

“Lúc đầu là không có gì. Công ty chế tạo máy có tên gọi Nova Medical Systems. Họ không hé răng về những việc họ làm”.

Lawlor ngừng lại. Ông nhận ra điều gì đó về cái tên của công ty, nhưng không thể nhớ nổi. Các khớp thần kinh đang chạy rần rật trong não ông khi ông cố gắn kết các dữ kiện để đưa ra một kết luận nào đó. *Tại sao cái tên công ty lại quen đến thế?*

Hi vọng anh chàng chuyên viên phân tích có thể hé mở câu trả lời, Lawlor ra hiệu cho Schreiber nói tiếp.

“Ai đã mua?” Lawlor hỏi.

“Người Libi”.

Người Libi? Ngõ cụt rồi.

Lawlor đã sẵn sàng gạt bỏ toàn bộ câu chuyện đi thì Schreiber nói “Nhưng đó chưa phải là điều kì lạ. Điều kì lạ là chiếc máy không được đưa về Libi”.

“Không à? Vậy nó được đưa đi đâu?”

Schreiber ngả về phía chiếc bàn và trả lời “Tới phái đoàn của Liên hợp quốc ở New York”.

CHƯƠNG 75

| THÀNH PHỐ NEW YORK

“Chúng ta còn bao nhiêu thời gian?” Harvath hỏi khi Tracy cho anh biết thông tin mới nhất và kế hoạch của cô.

“Đừng lo”, cô đáp. “Những gì anh phải làm là nhảy ra khỏi chỗ đang đứng và chạy một mạch. Tôi mới chính là người phải thoát ra từ bên dưới”.

“Còn bao lâu?” anh hỏi lại.

“Có thể không đủ”.

“Không được, Tracy. Tôi không tán thành”.

“Nếu anh nghĩ thế, thì theo tôi, để tôi kiểm soát đúng là điều đáng mừng”.

“Tôi sẽ không để cô làm thế”.

Hastings ngừng tay và ngược nhìn anh qua tấm ván sàn đã được tháo bỏ. “Anh sẽ phải chấp nhận thực tế rằng ở đây anh không phải là chỉ huy. Không phải lần này, anh Harvath ạ”.

“Thưa cô, đây là đặc vụ Harvath”, anh lớn tiếng, “và đây còn là chiến dịch của tôi nữa”.

“Nhưng đây là quả bom *của tôi*”.

Cô ấy nói đúng, và anh biết cho dù anh có cố thuyết phục cô thế nào đi chăng nữa cô cũng sẽ không đổi ý. Đây là cách Tracy đối mặt

với con quỷ trong người cô. Nếu quả bom phát nổ và mang theo cô, chí ít cô cũng đã hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Cô sẽ không chạy trốn nữa. Cô đã phát ốm với việc che giấu những vết sẹo, chán ngấy với việc mọi người cố phải làm cho cô thấy thoải mái với diện mạo của mình, và mệt mỏi với cảm giác sợ hãi - sợ những chuyện đã xảy ra và khả năng mọi việc sẽ khác như thế nào nếu cô tháo được ngòi của quả bom cuối cùng kia.

Không, không gì có thể thay đổi được quyết tâm của Tracy Hastings. Cô sẽ chiến đấu đến cùng cho dù kết quả có thể nào đi chăng nữa.

Về phần mình, Harvath không thể để cô chuốc hết mọi rủi ro vào bản thân. Cô không đáng phải chết. Cô đã phải chịu đựng quá nhiều ở Iraq và cả những chuyện khác nữa kể từ khi nhiệm vụ vô hiệu hóa quả bom kia không thành. Nhưng anh có thể làm gì? Câu trả lời thật khó chấp nhận, nhưng nó quá rõ ràng - chẳng thể làm gì hết.

“Việc cô không phục tùng đã được ghi vào hồ sơ”, Harvath nói.

Anh nghe thấy Hastings bật cười bên dưới sàn nhà.

“Thật sao?” cô bắt đầu trích lại nguyên văn từng lời của anh.

“Nhận thấy mình chẳng phải là nhân viên liên bang hay một chuyên viên tháo bom còn đang công tác, và sự tham gia của tôi trong chiến dịch này là không chính thức, không được công nhận, và gần như là không được phê chuẩn, tôi không biết như thế thì sẽ gây ra bất lợi gì?”

Harvath nghĩ một lát và nói “Việc cô không phục tùng trong đội sẽ phải trả một cái giá khá đắt. Cô sẽ phải trả tiền bữa tối cho chúng ta, trung úy”.

Hastings lại bật cười, mặc dù lần này là cười gượng. “Nếu cả hai chúng ta sống sót ra khỏi đây, tôi sẽ mạo hiểm trả tiền bữa tối. Thực ra, chúng ta sẽ đi bất kì đâu anh muốn”.

“Tôi sẽ nhớ lời cô”, anh nói.

“Được”, cô đáp. “Khi nào tôi bảo, tôi muốn anh lùi một bước ra khỏi tấm ván sàn và chạy thực mạng”.

“Cô sẽ làm gì?”

“Hi vọng tôi sẽ nhìn bao quát được và cười khi anh bị một cô gái đi bộ nào đó đánh bại”.

Lần này, đến lượt Harvath phì cười. “Cô chẳng giống con gái chút nào, Tracy ạ”.

“Cô muốn nói lời tăng bốc sẽ đưa tôi phiêu du khắp nơi, nhưng dù sao lời động viên trong giờ phút khó khăn này cũng có vẻ chẳng hợp lí chút nào. Chỉ tập trung sẵn sàng chạy thôi”.

“Rõ, thưa cô”.

Hastings nhìn xuyên qua cái lỗ trên sàn nhà và nói “Trung úy ra lệnh cho anh, đặc vụ Harvath”.

Harvath mỉm cười với cô và cầu Chúa cô sẽ thành công. Anh không biết tại sao - có thể là do cô dễ bị tổn thương, hoặc cũng có thể là thái độ của cô về quả bom, nhưng cô đã trở nên rất gần bó với anh và anh đang lo lắng không biết có cơ hội mời cô đi ăn tối và khiêu vũ nữa không.

“Được rồi, đếm đến ba”, cô nói, rồi vòng lại phía dưới sàn nhà tới chỗ quả bom thứ hai.

Harvath hít một hơi thật sâu và chờ đợi. Rồi anh nghe thấy tiếng cô.

“Một, hai, *ba*”.

Nhấc chân ra khỏi tấm ván sàn, những gì Scot có thể nghĩ đến là phải chắc chắn Tracy Hastings bảo toàn được tính mạng. Điều gì đó mách bảo anh rằng nếu không, anh sẽ phải mang gánh nặng đó đến hết cuộc đời.

Anh quay người, hi vọng trông thấy cô từ dưới ngói lên, nhưng không phải. Anh nhìn về khoảng trống trên sàn nhà cạnh chỗ anh vừa đứng, cô cũng không có ở đó. Cô đang ở chỗ quái quỷ nào vậy?

Đột nhiên, có tiếng mảnh vỡ gần dưới chân anh, và anh nhận ra chắc hẳn cô đang bò bên dưới sàn nhà sang phía bên kia để nhìn thấy rõ hơn từ cửa. Khi tấm ván sàn tung ra, cô hét lên “Chạy đi, anh ngốc quá. Chạy mau!”

Harvath phớt lờ lời cô nói, anh cúi xuống, cầm chặt tấm ván sàn và gỡ phần còn lại ra. Anh kéo Tracy lên. Tin tưởng vào nhận định của mình, hay đúng hơn là bản năng sinh tồn của mình, cô không hề quan tâm đến việc dừng lại để cảm ơn anh. Cô chạy như ma đuổi. Và đúng như dự đoán của cô, cô quay đầu lại và thấy Harvath chạy không bằng một đứa con gái đi bộ.

Cảnh tượng thật tức cười trừ thực tế là năm giây sau, cả hai quả bom cùng phát nổ làm những mảnh kính vỡ và chất dẻo xé gió bay khắp phòng.

CHƯƠNG 76

Ra đến cửa ngoài hành lang, Tracy quay người túm ngực áo Harvath cố lôi anh về phía cánh cửa. Sóng do hơi nổ xuyên qua hành lang dội mạnh vào Harvath khiến anh bổ nhào xuống và chạm đất bằng lưng. Tracy mất đà, cả hai cùng trượt chân ngã.

Khi Harvath nhìn lên, anh thấy Hastings ngồi dựa vào tường, trong khi đầu anh, chính xác hơn là mặt anh, đang ở tư thế không được lịch sự cho lắm giữa hai chân cô.

“Tôi nghĩ người nào trong hoàn cảnh này cũng sẽ phải cảm ơn cô”, anh nói đùa.

Hastings mở to mắt. “Anh không cảm thấy gì à?” cô hỏi và nhìn xuống.

Harvath không hiểu cô đang nói gì. “Cảm thấy gì?”

“Lưng anh”.

“Đau chết đi được, nhưng rồi sẽ qua thôi”.

“Không đâu nếu cô không làm gì đó”, cô vừa đáp vừa lôi từ trong túi ra cái kim nhỏ hình kim.

Chỉ đến tận khi Harvath liếc nhìn qua vai phải, anh mới biết Tracy đang nói gì.

“Anh có cái gì để cần không?” cô hỏi.

Harvath nhìn cặp đùi săn chắc của Hastings bên trong ống quần và nói “Có lẽ tôi sẽ tập trung tinh thần sang hướng khác. Nhanh lên nhé?”

“Được, thưa ngài Người nhái Hải quân. Bắt đầu nào. Anh hô lên một tiếng nhé?”

Một mảnh bom tuy nhỏ nhưng lại gây ra sự đau đớn đến không ngờ. Harvath chịu cơn đau do việc rút mảnh bom ra bằng một tiếng hô rất to và kéo dài.

Rút ra xong, Hastings xé một túi thuốc cầm máu mà Morgan đã đưa cho cô lúc họ băng bó cho viên cảnh sát tuần tra trong Công viên Trung tâm và đắp vào vết thương của Harvath. Không có băng gạc để băng vết thương lại, cô với lấy một vật khả dĩ - mảnh băng dính. Cô vẫn còn vài mảnh dính trên áo sau khi xử lý những quả bom, và sau khi xé một mảnh áo của Harvath ra, cô đã có thể băng vết thương lại rồi dùng sợi băng dính dính chặt nó lại.

“Anh có muốn giữ lại làm kỉ niệm không?” cô vừa hỏi vừa chỉ cho anh thấy mảnh bom cô rút ra từ lưng anh.

“Tôi đang để tâm đến một chiến lợi phẩm khác”, anh nói.

Hastings ngược xuống nhìn anh trong tư thế để đầu giữa hai chân mình và nhướn mày.

Harvath lắc đầu rồi đứng dậy. “Anh đang nói đến những kẻ phải chịu trách nhiệm cho chuyện này”.

Một nụ cười hiện lên trên khuôn mặt Tracy, cô định nói điều gì đó thì bộ đàm của Harvath vang lên. Đó là Bob Herrington. “Scot? Scot? Anh nghe rõ không? Hết”.

“Tôi nghe rõ, Bob”, Harvath vừa nói vừa chỉnh lại chiếc mic, anh đứng dậy, lùi lại về phía sau Tracy Hastings.

“Chúng tôi nghe thấy tiếng nổ, anh không sao chứ?”

“Nghe rõ rồi”, Harvath đáp. “Tổn thất không đáng kể” Hastings liếc nhìn chiếc băng cổ định trên lưng anh, nhưng Harvath coi như không biết. “Anh tìm thấy gì rồi, Bob?”

“Chúng tôi được cách đi qua lối ống dẫn ở cầu thang máy và dùng lối ra ở gara bí mật”.

Harvath thấy thật khó tin. “McGahan và người của ông ta đang ở trên phố số 49. Chúng ta làm sao được”.

“Chúng tôi không chọn phố số 49. Chúng tôi tìm thấy lối ra tại khu dịch vụ và đi xuyên qua khách sạn”.

“Giờ anh đang đứng ở đâu?”

“Ngay phía sau chúng. Chúng đang đi tiến về lối ra ở Đại lộ Công viên”.

“Anh có nhìn thấy không?”

“Không”.

“Thế anh theo chúng bằng cách nào?”

“Anh sẽ ngạc nhiên với những thứ chúng mang theo từ gara trên đôi giày của chúng”, Herrington đáp.

Xăng, dầu, dầu phanh... Harvath chỉ có thể tượng tượng được đến vậy. Chúa phù hộ cho Bob Herrington. Lăn theo dấu vết trong thành phố là một công việc đáng ghét, và Harvath không hề giỏi trong chuyện này.

Nhận thấy ra bằng cầu thang trên phố số 50 an toàn hơn là bò xuống bằng lối bên cạnh phố số 49 và hi vọng rằng McGahan cùng

người của anh ta sẽ nhận ra họ là bạn, không chĩa súng, xả đạn về phía họ, Harvath thông báo kế hoạch của mình cho Herrington.

Nếu họ tới Đại lộ Công viên kịp lúc, có thể họ sẽ chấm dứt được sự giết chóc bừa bãi của những tên khủng bố. Nhưng họ hiểu một điều là mọi chuyện không phải lúc nào cũng diễn ra theo đúng kế hoạch.

CHƯƠNG 77

| THỦ ĐÔ WASHINGTON, DC

Lúc đầu Gary Lawlor bước lên trục thẳng tiến về thủ đô mà không biết có trông đợi được gì ở cuộc thẩm vấn của NSA hay tại sao Stan Caldwell lại mời ông đi cùng. Vào một ngày như ngày hôm nay, lẽ ra vị phó giám đốc phải ở lì trong Trung tâm chiến dịch và thông tin tình báo tại trụ sở của FBI. Nhưng cũng dễ hiểu khi ông ta bỏ đi để tự mình thực hiện một cuộc thẩm vấn, ngay cả nếu đó là mệnh lệnh của giám đốc NSA.

Tuy nhiên, Lawlor vẫn không mở lời và lên đường cùng ông ta, với hi vọng sẽ hé mở được điều có ích nào đó cho cuộc điều tra của ông và những nỗ lực của Harvath trong thành phố New York lúc này. Nhưng giờ cuộc thẩm vấn Schreiber đã xong và Lawlor chẳng hề thu được gì, ông muốn có câu trả lời từ Caldwell.

Khi chiếc Sikorsky S76C cất cánh, Gary quay sang vị phó giám đốc và nói “Tôi muốn hỏi tại sao ông lại đề nghị tôi đi cùng trong vụ này”.

Stan đã biết trước chuyện này sẽ đến, nên hi vọng tránh phải trả lời bằng cách nhắc điện thoại và nói chuyện suốt với trụ sở cho đến khi họ về tới thủ đô. Đến khi nhận ra không thể né mãi, ông ta hướng sang phía người cố vấn dày kinh nghiệm nói “Tôi đã nói rồi.

Đó là một phép xã giao trong nghề. Tôi tưởng nó sẽ có ích cho cuộc điều tra hiện tại của các ông”.

“Giống cuộc phỏng vấn ông đã đẩy chúng tôi vào ở Manhattan?”

Caldwell gật đầu. “Cuối cùng chúng tôi cũng tóm được một kẻ ở đó, nhưng rõ ràng hắn không chịu nói. Các ông có tin gì khả quan hơn không?”

“Đừng đổi chủ đề”, Lawlor nói. “Tại sao lại có sự hào phóng này?”

“Tôi nói rồi còn gì”.

“Đúng, một phép xã giao trong nghề. Ông biết đấy, Stan, ông luôn là một kẻ nói dối kém cỏi”.

Caldwell mỉm cười. “Điều đó vẫn không ngăn cản tôi kế thừa chức vụ phó giám đốc của ông sau khi ông rời đi, đúng không?”

“Đương nhiên. Bây giờ, ông có muốn nói cho tôi biết thực sự đang xảy ra chuyện gì không? Đừng vòng vo, một nhân viên FBI đang nói chuyện với một nhân viên FBI đấy”.

Caldwell chẳng muốn gì ngoài việc trả lời câu hỏi đó, nhưng ông biết ông không thể.

“Stan, người Mỹ ở Manhattan đang bị sát hại. Chúng ta đang nói về các nhân viên liên bang cùng với một loạt những người lính thủy đánh bộ. Nếu ông biết điều gì đó, bất cứ điều gì có thể giúp chúng tôi ngăn chặn chuyện này, ông phải cho tôi biết”.

“Bỏ đi, Gary, cả bốn cơ sở của NSA đều đã bị tấn công. Cho dù bọn người đó đến vì cái gì, thì chúng cũng đã lấy được rồi”.

Lawlor không thể tin được điều ông đang nghe thấy. “Bỏ đi à? Một đội của tôi đang ráo riết lần theo dấu vết chúng. Tôi sẽ không bỏ cái gì hết. Ông đang cố gắng bảo vệ ai vậy?”

“Tôi chẳng bảo vệ ai cả. Cho dù đội của ông có thu thập được thông tin gì, thì tôi cũng muốn ông chuyển giao cho tôi. Giờ FBI là đơn vị chỉ huy vụ này, và chúng tôi sẽ nhận bàn giao ngay tại đây”.

“Không thể được. Lúc này, nhân viên của tôi là những người giỏi nhất và là cơ hội duy nhất chúng ta có”.

Caldwell không muốn phải làm thế, nhưng ông nhìn người thầy của mình và nói “Tôi không yêu cầu ông, Gary. Với tư cách là phó giám đốc của đơn vị chịu trách nhiệm điều tra các cuộc tấn công vào New York, tôi ra lệnh trực tiếp cho ông”.

Trong giây lát, Lawlor không thể thốt thành lời. Cuối cùng, ông nói “Chắc chắn tôi rất thất vọng”.

“Vậy cứ thất vọng đi, được chứ?”

“Stan, ông biết là khi những cú sốc đầu tiên dịu đi và khói bụi lắng xuống ở New York, mọi người sẽ bắt đầu đòi trả máu”.

Caldwell không trả lời.

“Lời kêu gọi mạnh mẽ nhất trong tất cả là những kẻ đã tấn công vào đất nước chúng ta phải trả máu. Ủy ban điều tra vụ 11/9 sẽ như một trò hề, so với cuộc điều tra sẽ được thực hiện sau vụ này. Và ngay lúc này tôi sẽ cho ông biết rằng nó cũng có răng đầy - những chiếc răng to, nhọn, sắc và sáng bóng. Người Mỹ sẽ không bỏ qua bất cứ điều gì, nhất là lần này. Không một tổ chức mờ ám nào bảo vệ cho những chiến dịch tình báo đang diễn ra, không một chính trị gia nào hậu thuẫn cho những thế lực lớn nhất sẽ được che chở. Ngay cả tổng thống cũng sẽ không được yên về chuyện này”.

“Họ sẽ trèo lên đầu lên cổ FBI, tới một mức độ nào đó, họ sẽ không thể chịu được nữa. Họ sẽ tới tìm ông, phó giám đốc ạ, họ sẽ điều tra xem ông đã làm gì trong và sau khi cuộc tấn công diễn ra,

kể cả chuyến bay lên lút tới NSA này. Họ sẽ muốn biết chính xác chúng ta đã nói chuyện gì và tôi đảm bảo tôi sẽ có mặt để xác nhận. Câu hỏi duy nhất là tôi sẽ nói gì với họ? Và cái đó phụ thuộc vào ông. Hoặc tôi sẽ nói FBI đã làm mọi việc có thể để tóm bọn khủng bố, hoặc FBI đã đánh mất cơ hội tốt nhất mà chúng tôi có được. Ông có hình dung nổi hậu quả của nó không? FBI sẽ như một lũ bắt tài vô dụng. Và hình ảnh của các ông sẽ chẳng bao giờ phục hồi nổi. Thậm chí có khi Quốc hội còn cho đóng cửa nữa ấy chứ. Điều đó có nghĩa lí gì không?”

Caldwell nhìn chằm chằm ra phía cửa sổ của chiếc trực thăng. Ông ta biết Gary nói đúng. Đó là khả năng FBI đã từng bàn đến. Đã từng có lời đồn thổi về việc xóa bỏ FBI sau thất bại 11/9, nhưng họ đã chặn đứng ngay từ đầu trước khi nó trở thành làn sóng. Sau những chuyện xảy ra ngày hôm nay, họ sẽ không có cách nào ngăn chặn được điều tương tự ấy một khi bánh xe đi vào guồng quay. Người Mỹ sẽ muốn trả thù, ngay cả nếu nó có nghĩa là số mệnh của một cơ quan của chính phủ bị đe dọa và bị nướng chín. Caldwell không thể để điều đó xảy ra.

Có vẻ như mĩa mai khi sự lựa chọn giữa cái gì là tốt nhất cho một chính phủ và cái gì là tốt nhất cho một quốc gia bị phản đối kịch liệt, nhưng vị phó giám đốc biết cần phải làm gì. Ông quay lại đối diện với Gary Lawlor, ông đồng ý trả lời, nhưng với một điều kiện.

CHƯƠNG 78

| THÀNH PHỐ NEW YORK

Harvath và Hastings ra khỏi khách sạn Waldorf bằng lối cầu thang trên phố số 50 và nhanh chóng tiến về phía Đại lộ Công viên. Khi đến gần góc phố, họ nghe thấy âm thanh giống tiếng đụng xe, tiếp theo đó là tiếng súng tự động rền vang.

“Bob, chuyện quái gì đang diễn ra ở đó thế?” Harvath hỏi qua bộ đàm.

“Chúng tôi đã thấy chúng. Chúng cướp một chiếc xe tải nhỏ nhưng rồi đụng phải một chiếc tắc-xi và bị kẹt ở giữa. Chúng đang tiến về phía nhà thờ thánh Bartholomew ở góc phố. Tình hình các anh thế nào?”

“Chúng tôi còn 30 giây nữa là đến”.

“Chúng định đi qua khu quán cà phê ngoài trời. Nhanh lên”.

Trong lúc chạy, Harvath thông báo cho Tracy mọi chi tiết. Khi họ tới nhà thờ, Herrington, Morgan và Cates đang chờ.

“Chúng ta có gì rồi?” Harvath hỏi.

“Tôi đếm được 5 tên”, Bob nói. “Tất cả đều mặc bộ đồ Nomex màu đen và có súng tự động giống loại chúng ta tìm thấy ở cơ sở Grail. Những miếng vá của Đội giải cứu con tin là cách duy nhất để chúng ta có thể phân biệt chúng với những người tốt”.

“Anh có biết chúng đang ở chỗ nào trong đó không?”

“Không. Tôi chỉ biết chúng đi vào lối này”.

Harvath chuyển sang sóng vô tuyến của cảnh sát để gọi cho Colin McGahan, người anh đã thông báo mọi tin tức trên đường họ xuống cầu thang trên phố số 50.

“Tôi nghe thấy rồi”, viên chỉ huy của đội cảnh sát đặc nhiệm trả lời. “Chúng tôi nghe thấy tiếng súng, xảy ra chuyện gì vậy? Hết”.

“Chúng vừa đi vào nhà thờ thánh Bartholomew, nhưng chúng tôi sẽ cần giúp đỡ để ngăn chặn. Anh có thể cử người chặn lối ra không? Hết”.

“Tôi đã cử hai người đến chỗ các anh, nhưng như thế vẫn chưa đủ để chặn mọi lối ra. Hết”.

“Bảo người của anh tự tìm chỗ nào đó để có thể bao quát ít nhất hai cửa một lúc - ngay cả nếu điều đó có nghĩa là họ phải đứng giữa tòa nhà. Và phải đảm bảo họ biết chúng ta đang đuổi theo năm tên ăn mặc giống người của các anh, ngoại trừ miếng vá của Đội giải cứu con tin trên ngực áo. Hết”.

“Nghe rõ”, McGahan đáp, rồi tắt máy.

Quán cà phê ngoài trời cạnh nhà thờ thánh Bart đã biến thành địa điểm phục vụ cho cuộc tấn công, các bồi bàn phân phát nước và đồ ăn nhẹ cho những ai có nhu cầu. Âm thanh của tiếng súng cùng sự xuất hiện của những người trang bị vũ khí đầy đủ chạy vào bên trong nhà thờ khiến mọi người rất khiếp sợ.

Đến gần người trông giống như quản lý, Harvath tự giới thiệu mình là nhân viên của DHS rồi nói, “Tôi cần một bản đồ bên trong nhà thờ cùng các lối ra, cầu thang và thang máy, tôi cần ngay lập tức”.

Người quản lý gạt đầu và nhanh chóng tìm một tấm bìa màu đỏ hẹp ngang bên dưới quầy lễ tân. Bà ta rút ra một mẩu giấy có ghi *Kế hoạch sơ tán khi có cháy* và đưa cho Harvath.

“Ngoài nhân viên của bà ra, trong đó còn ai không?”

“Không”, bà ta đáp, “nhà thờ hiện đang đóng cửa. Chỉ có quán cà phê mở thôi”.

Harvath nói lời cảm ơn và sau khi yêu cầu bà ta cho mọi người rời khỏi quán, tránh càng xa tòa nhà càng tốt, anh và cả đội bước vào trong.

Vì biết những kẻ bọn họ đang đuổi theo rất tự hào về những cái bẫy chết người, nên họ bước đi rất thận trọng.

Nhà thờ thánh Bartholomew là một nhà thờ theo kiểu Roman mô phỏng theo nhà thờ thánh Marco ở Viên và được xây dựng theo mô hình cây thánh giá với hình chúa Giêsu trên đó, bệ thờ được đặt ở trên đỉnh và quay mặt ra hướng đông. Một kiểu kiến trúc lạ thường, nếu là một ngày nào đó khác, đây sẽ là nơi lí tưởng để thưởng ngoạn trong vài giờ đồng hồ, nhưng họ đến đây không phải để ngắm cảnh. Họ đến đây để hạ gục một nhóm giết người chuyên nghiệp.

CHƯƠNG 79

“Lạy chúa tôi”, Morgan nói trong lúc họ rút sâu vào trong hành lang và ông nhìn lên bức tường rõ ngay bên trên đầu họ, “Flechettes”.

Đó là từ tiếng Pháp ám chỉ những mũi tên nhỏ, đó chính là lí do chúng có cái tên ấy. Chúng là những vật bằng thép, một đầu có hình vây khiến chúng trông giống những mũi tên nhỏ, có thể bắn ra từ 12 khẩu súng săn, quan trọng là chúng làm tăng tính sát thương của vũ khí.

Herrington nhìn bức tường và nói, “Ngay cả thế thật, thì cũng nên cẩn thận trong lời ăn tiếng nói ở nơi này”.

Cates hỏi, “Liệu tôi có phải là người duy nhất thấy mỉa mai vì chúng ta đang ở trong một nhà thờ Thiên chúa giáo để tấn công những tên khủng bố theo đạo Hồi không?”

“Cho đến nay, chúng là những kẻ duy nhất thực hiện cuộc tấn công”, Harvath đáp. “Giờ kế hoạch của chúng ta thế này. Tôi, Bob, và Tracy sẽ xông vào theo lệnh của tôi. Cates và Morgan, hai người sẽ bắn yểm trợ. Mọi người sẵn sàng chưa?”

Cả đội gật đầu đồng ý, Harvath chuẩn bị súng sẵn sàng và nói “Bắt đầu”.

Rick Cates đá tung phần còn lại của cánh cửa dẫn vào điện thờ, anh và Morgan bắn ra một loạt đạn dữ dội để yểm trợ.

Cúi thấp người xuống và di chuyển nhanh hết sức có thể, Harvath, Herrington và Hastings lao tới dãy ghế gần nhất. Họ chạy xa đến tận khi những kẻ ở phía cuối nhà thờ cũng bắt đầu nổ súng bắn trả, rồi họ nằm úp xuống sàn.

Harvath lôi bản đồ sơ tán khi có cháy từ trong túi áo ngực ra và cố xác định vị trí của đối phương. Theo phán đoán của anh, chúng đang ở rất gần lối ra phía cuối cánh ngang phía bắc của nhà thờ. *Nhưng sao chúng không ra bằng lối đó?*

Cầm điện đàm của cảnh sát lên, Harvath cố liên lạc với McGahan. Tiếng súng rền vang khắp nhà thờ, phải mất mấy giây trước khi anh nghe thấy tiếng của đầu dây bên kia. Cuối cùng, anh đã nghe thấy tiếng của McGahan. “Người của anh đã vào vị trí chưa?”

“Rồi”, McGahan đáp. “Tôi thấy một tên trên phố số 51 và đã suýt bắn trúng, nhưng hắn kịp đẩy những tên còn lại vào trong”.

Đúng rồi. Harvath đã nảy ra một ý.

Nếu anh đưa được người của McGahan tới đầu phía bắc và phía nam của cánh ngang, họ có thể tạo ra thế gọng kìm. Tự tin rằng đây là lần đầu tiên họ dồn được bọn khủng bố vào trong một chiếc túi, anh thông báo kế hoạch cho McGahan, sau đó dùng chiếc di động hiệu Motorola gọi cho Cates biết.

Cúi xuống sát Herrington và Hastings, Harvath chuẩn bị kế hoạch cùng họ. Khi hai người gật đầu, anh lại gọi cho McGahan và bảo anh ta sẵn sàng.

Harvath liếc nhìn chiếc đồng hồ hiệu Suunto, đếm ngược 30 giây và qua cả hai phương tiện liên lạc, anh ra lệnh “Hành động”.

Theo hiệu lệnh, Cates và Morgan lại bắn ra một loạt súng yểm trợ. Giống họ, bọn khủng bố cũng bắn trả và rút lui vào gian giữa của giáo đường. Harvath không cần phải xem lại bản đồ sơ tán để chắc chắn chúng đã rơi vào bẫy. Vì chẳng còn đường thoát nào cả.

CHƯƠNG 80

Nạp đạn xong, Abdul Ali nhìn về phía Sacha ra lệnh “Tìm cho bọn tao đường ra khỏi đây. Mau lên”.

Chạy vào nhà thờ trốn là ý tưởng của đám phiến quân nổi loạn, ở đó chúng có hi vọng không gặp phải sự chống trả nào. Nhưng điều tên chiến binh lực lưỡng này không tính đến là những người đuổi theo hắn đã nhanh chóng củng cố lại lực lượng - chứ không phải ở cách gây cản trở cho cuộc trốn thoát của chúng như hắn nghĩ. Chúng cần kéo dài khoảng cách giữa chúng và những người đuổi theo càng xa càng tốt.

Trong khi hắn là một kẻ giỏi tính toán đến không ngờ thì đám phiến quân nổi loạn lại không thích phải phòng thủ hay bị buộc phản công. Một cuộc rút lui vội vã không hề có lợi, đặc biệt khi anh không biết anh sẽ đi đâu. Những sai lầm chết người trong các cuộc chiến đấu thường bắt nguồn từ việc hành động quá gấp gáp và không có đầy đủ thông tin. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Sacha vẫn còn lựa chọn.

Gần bệ thờ, hắn phát hiện ra cánh cửa dẫn tới phòng đựng đồ thờ và bằng một cú đá của hắn, cánh cửa đã bật tung khỏi bản lề. Ra dấu cho những kẻ còn lại trong nhóm, hắn đứng trên khung cửa

cổ cầm chân kẻ thù trong lúc người của hắn lách qua. Khi tên cuối cùng lọt qua, hắn lấy một quả lựu đạn, kéo chốt và ném về phía giữa nhà thờ.

Lúc quả lựu đạn phát nổ, và những mảnh đạn chết người văng khắp nơi trong nhà thờ thánh Bartholomew, Sacha cùng đám người của mình đã chạy vào trong phòng đựng đồ thờ, căn phòng dẫn ra một hành lang hẹp dành riêng cho thừa tác viên. Đám phiến quân hiểu rằng nhà thờ sẽ sớm bị bao vây và quay lại lối cũ sẽ là hành động tự sát. Chúng cần một con đường khác, và trong lúc mất hấn dán vào chiếc lò sưởi nhỏ nằm dọc một bên hành lang, thánh Allah đã phù hộ hắn.

Khi đã xác định được cánh cửa, Sacha mở ra, cẩn trọng không để lại bất kì dấu vết nào, hắn bảo Ali và những tên còn lại xuống cầu thang. Trước khi bắt kịp chúng, hắn cần đánh nghi binh - để lại dấu vết nào đó để những kẻ bám sau đuổi theo một hướng hoàn toàn khác. Vài giây sau, hắn đã nghĩ ra.

Sacha không mở chiếc tủ kính ra. Thay vào đó, hắn đập nát bằng báng súng và giật chiếc rìu treo trên giá xuống. Hắn vung một nhát lên cửa sổ, và hai nhát tiếp theo chặt đứt dây điện. Sau đó hắn ném chiếc rìu qua cửa sổ, xuống khu vườn nhỏ bên dưới rồi chạy ngược trở lại phía cầu thang. Nếu may mắn, hắn và đồng bọn sẽ đi được một đoạn khá xa trước khi những kẻ đuổi theo kịp hiểu chuyện gì đã xảy ra.

CHƯƠNG 81

Khi những âm thanh bên tai Harvath lắng xuống, điều đầu tiên anh nghe thấy là tiếng Paul Morgan nguyên rửa lá phổi của mình. Giống điều Bob Viên Đạn đã làm với Cates trước đó, Scot định mắng Morgan vì đã vắng tục trong nhà thờ thì anh chợt hiểu lí do vì sao - Morgan đã trúng phải một mảnh đạn.

Cả đội chạy đến nơi anh đang nằm, máu đang túa ra từ mấy vết thương trên ngực anh. Cùng với Cates, anh chạy về bức tường phía nam điện thờ, nhưng không giống đồng sự của mình, anh đã không kịp nằm rạp xuống lúc tên phiến loạn to béo ném quả lựu đạn về phía giữa nhà thờ.

Trong nháy mắt, Harvath đã cởi được chiếc áo vét của Morgan ra, rút con dao hiệu Bench ra khỏi túi, anh rạch chiếc áo sơ mi dính đầy máu của người lính thủy. Nhìn vào vết thương, Harvath hỏi “Anh thở được không?”

Vừa ho, Morgan vừa trả lời “Cứ như là ai đó giáng một gậy vào ngực tôi ấy”.

“Nhưng anh thở nổi không?” Harvath hỏi lại.

Morgan lại vừa ho vừa nói “Được, tôi thở được, nhưng đau đến chết mất”.

“Sao anh không nằm rạp xuống?” Cates hỏi.

“Tôi trông thấy thằng khốn. Chẳng có lí do gì buộc tôi để xống nó cả”.

“Liều đúng chỗ thì mới đáng liều chứ”.

“Trò đó chỉ dành cho con nít. Khi ngẩng lên, anh sẽ phát hiện ra rằng hắn đã nhảy xuống đất từ lúc nào mất rồi”.

“Tôi cá 50 đô rằng anh đã tuột mất hắn”.

Morgan vừa ho vừa phá lên cười và cổ đứng dậy “Anh nói đúng. Chúng ta đi nào”.

Người lính thủy cau mặt ngồi phệt xuống, Harvath nói “Anh cần đến bệnh viện. Những vết thương này khá nặng đấy”.

“Anh muốn đảm cảnh sát được khen ngợi vì chộp được cổ bọn chúng à?”

Harvath phớt lờ lời anh ta, nhanh chóng lôi từ trong túi áo vét ra một ít gạc và túi thuốc cầm máu. Xé túi ra, anh nhét một ít thuốc cầm máu vào vết thương nặng nhất, sau đó nhờ Herrington đỡ anh ấy thẳng dậy để họ có thể dùng gạc băng ngực anh ấy lại. Vết thương do mảnh đạn găm vào vai khiến Harvath càng đau nhức hơn lúc cử động nên anh phải dừng lại.

“Anh không sao chứ?” Bob hỏi.

“Tôi không sao”. Harvath cắn chặt răng, tiếp tục băng vết thương cho Morgan.

Khi đã buộc chặt băng gạc, Harvath dựa lưng vào tường, bắt chéo cánh tay để tăng thêm sức chịu đựng.

“Có phải vậy không?” Hastings hỏi. “Đó là tất cả những gì anh sẽ làm cho anh ấy?”

“Đó là những gì chúng ta có thể làm”, Harvath vừa trả lời vừa lấy bộ đàm gọi cho McGahan thông báo họ bị thiệt hại mất một người và cho biết vị trí của Morgan.

Người lính thủy nhìn anh, cố rặn ra một nụ cười, vừa ho vừa nói “Hi vọng đây là điều tồi tệ nhất”.

Harvath đứng lên quay về phía những người còn lại và nói “Chúng ta đi”.

Với sự chỉ huy của Harvath, cả đội băng qua gian giữa của giáo đường trong khi đó, người của McGahan từ góc phía bắc và phía nam điện thờ đã đi trước họ.

Khi ra khỏi phòng đựng đồ thờ, và tiến vào hành lang dành riêng cho các thừa tác viên, họ trông thấy hai cảnh sát đang đứng giữa một đồng kính ở hai bên cửa sổ bị vỡ.

Ra dấu bằng tay, một trong hai viên cảnh sát ngụ ý Harvath và người của mình dừng lại vì bọn khủng bố mà họ đang đuổi theo đã biến mất qua cửa sổ.

Harvath không thích thế chút nào. Quá nguy hiểm. Nếu họ leo qua cửa sổ đó, bọn khủng bố sẽ hạ từng người một. Họ cần một kế hoạch an toàn hơn.

Harvath bám chặt vào tường và bắt đầu bò về phía trước. Anh muốn bảo tốp cảnh sát đặc nhiệm lùi lại thì nghe thấy tiếng lộp bộp dưới chân và Bob Herrington nắm chặt lấy tay anh.

Nhấc chân lên, Harvath nhìn xuống chỗ anh vừa dẫm chân lên - một mảnh kính nhỏ xíu. Herrington không cần nói một lời. Harvath biết điều đó nghĩa là gì. Kẻ làm vỡ chiếc cửa sổ đã quay trở lại hành lang để đi xuống. Có lẽ kĩ năng lần ra dấu vết của anh không tệ như anh tưởng.

Và có lẽ họ vừa đạt được bước đột phá quan trọng.

CHƯƠNG 82

Sàn bên ngoài hành lang dành riêng cho các thừa tác viên của nhà thờ thánh Bart được lát bằng vải sơn. Cách trang trí này không phải là sự lựa chọn sáng tạo, nhưng theo Harvath, chúng rất đẹp. Kẻ đập vỡ chiếc tủ kính và cửa sổ đã bị dính một mảnh kính nhỏ khác vào đế giày.

Sau khi quan sát kĩ sàn nhà, Herrington và Harvath đã phát hiện ra con đường thực sự bọn khủng bố dùng để thoát khỏi hành lang.

Khi Tracy đưa ngón tay cái lên ngụ ý cánh cửa bị tháo rời, họ từ từ bước xuống cầu thang, luôn để mắt cảnh giác với những cái bẫy chết người.

Bất chấp phát hiện của Harvath, 2 cảnh sát đặc nhiệm của McGahan vẫn chọn cách đi bằng lối cửa sổ. Họ khẳng khẳng với ý kiến của mình và Harvath không thể đổ lỗi cho họ được mặc dù anh biết đó là ngõ cụt. Dấu vết thật sự chính là dấu vết anh và đồng sự đang lần theo dọc chiếc cầu thang cũ bằng kim loại.

Khi họ xuống đến nơi, những bức tường gạch ở hai bên rất trơn và ẩm. Không khí sặc mùi ẩm mốc. Một dãy dài những chiếc bóng trần thấp sáng lối đi xuống và đến tận bậc cuối cùng thì họ dừng

phải một cánh cửa sắt to có đề *Đường hầm phụ. Cấm vào. Chỉ dành cho nhân viên.*

Cates đi sau cùng mỉm cười và nâng súng lên nói “Tôi đem quyền được vào đến đây”.

‘Thôi đi Rick’, Tracy đáp. Cô không hề thích cái cô đang nhìn thấy. Thực tế cánh cửa đang để hé như thôi thúc cô. Quá hấp dẫn.

Mặc dù vậy, Harvath nghi ngờ cánh cửa đã bị đóng chặt. Cho dù kẻ đập vỡ cửa sổ ở tầng trên là ai thì hẳn cũng không hề muốn bị đuổi theo - chí ít là ngay lập tức.

Sau khi Tracy kiểm tra cánh cửa và xác nhận không có vấn đề gì, cả đội lần lượt bước qua.

Những đường ống han gỉ với các loại kích cỡ khác nhau gắn đầy trên bức tường hơi hám, trong khi nước nhỏ xuống từ trần nhà tạo thành từng vũng nước nhỏ dọc theo sàn nhà. Ngay cả hơi thở của họ dường như cũng không phát ra âm thanh nào, và trong lúc tiến về phía trước, Harvath, Hastings, Cates và Herrington cố gắng bằng mọi giá không gây ra bất kì tiếng động không cần thiết nào.

Đường hầm vòng sang phải và sau đó giao với một đường hầm khác. Mặc dù ánh sáng lờ mờ, nhưng khi quan sát đường hầm mới, Harvath có thể thấy chuyển động ở phía cuối đường hầm kia.

Nắm chặt bàn tay lại, anh lệnh cho toàn đội đứng yên tại vị trí. Các đường hầm không phải là nơi thích hợp cho các cuộc đấu súng. Những bức tường giống dáng của một chiếc phễu luôn đón nhận mọi loạt đạn bắn về phía bạn. Quay lại phía mọi người, Harvath dùng tay ra dấu cho họ biết anh đang nhìn cái gì.

Herrington hỏi vừa đủ nghe và Harvath trả lời lại cái ở đằng xa kia theo anh là cái gì.

Nâng một trong những khẩu M16 họ lấy đi từ Kim Cương Geneva, Bob ra dấu cho biết mình muốn làm gì. Gật đầu đồng ý, Harvath nhìn chăm chăm vào góc đường hầm vừa kịp lúc thấy bọn khủng bố khuất khỏi tầm nhìn.

CHƯƠNG 83

Abdul Ali không biết cánh cửa dẫn tới đâu. Hắn chỉ biết rằng đây là cánh cửa chúng phải đi qua. Hắn không biết đó là linh tính, bản năng hay tiên đoán, hắn chỉ có cảm giác, một cảm giác thôi thúc mách bảo hắn phải thoát ra khỏi đường hầm càng nhanh càng tốt. Đôi lúc hắn tự hỏi không biết có phải chính thánh Alah đang nói chuyện với hắn hay không. Cho dù là ai mách bảo thì điều đó cũng chẳng có gì khác biệt. Khi giọng nói cất lên, hắn làm theo điều giọng nói bảo, và hắn biết đó là một trong những lí do hắn còn sống cho đến tận bây giờ.

Bằng qua thêm hai cánh cửa nữa, cả nhóm thấy một chiếc cầu thang khác và chúng lần theo đó tới khu giặt là thuê rộng lớn. Nhìn vào bộ đồng phục của đám nhân viên cũng như băng chữ lớn gắn trên những chiếc xe chở quần áo, cả nhóm nhận ra chúng đang ở trong lòng khách sạn Doubletree Metropolitan.

Một tên phiến loạn nâng khẩu súng lên cứ như định bắn, nhưng Sacha nhanh chóng gạt xuống và lắc đầu không tán thành. Người ta không thuê chúng giết dân lành. Đó là việc của bọn Arab chứ không phải của chúng. Đó là một sự lãng phí đạn không cần thiết và sẽ gây ra nhiều chú ý.

Ali vẫy cả nhóm tiến lên, chúng lách qua những chiếc xe chất đầy đồ giặt là tới một hành lang nhỏ có một dãy cầu thang máy ở phía cuối. Nhấn nút xong, Sacha lôi bản đồ thành phố New York ra cố tìm hiểu xem chúng đang ở chỗ nào.

“Lexington và phố số 51” hần nói trong lúc cánh cửa thang máy bật mở và chúng bước vào trong.

Ali tính toán trong đầu rồi trả lời “Khoảng 5 dãy nhà nữa là tới mục tiêu cuối cùng”.

Vì Sacha không phải là chỉ huy của chiến dịch này nên hần chỉ nhướn mày đáp lại, ngụ ý muốn hỏi *Chúng ta tiến hành bằng cách nào đây?*

Ngón tay trở của hần lướt trên những nút bấm trong thang máy, Ali cố tìm ra kế hoạch hành động khả thi nhất. Chúng chưa bao giờ có ý định để chịu tổn thất về xe cộ. Những nỗ lực cướp xe đầy nguy hiểm ngay trước khách sạn Waldorf suýt nữa đã lấy đi tính mạng của chúng, nhưng vẫn rất đáng để thử lại lần nữa. Tự tin là có thể nghĩ ra một cái gì đó, hần ấn nút tới tiền sảnh và khẳng định “Thánh Allah sẽ hỗ trợ”.

Hần không hay biết rằng điều thánh Allah hỗ trợ lại là 4 tay súng nguy hiểm được trang bị vũ khí tận răng của đội biệt động Hoa Kỳ.

CHƯƠNG 84

Tràn vào khu giặt là, Harvath và các đồng sự lăm lăm khẩu súng chĩa về hết phía này đến phía khác nhưng không thấy dấu vết của bọn khủng bố ngoại trừ một vài dấu chân ướt mà họ đã lần theo.

Cả đội nâng súng lên và luôn ở tư thế sẵn sàng. Harvath giới thiệu mình là đặc vụ liên bang với một nhân viên khách sạn gần đó nhất và hỏi về những kẻ vừa mới đi qua đây. Người phụ nữ không biết tiếng Anh chỉ nhìn chăm chăm. Rick Cates thử bằng tiếng Tây Ban Nha.

Vài giây sau, anh dịch ra “5 người. Họ đi ra hành lang tới những chiếc thang máy, và thật may có một cầu thang bộ ở ngay cạnh đó”.

Herrington liếc sang phía Harvath đang lăm lăm khẩu súng. Rõ ràng vai anh ấy lại đang gây chuyện. “Tôi sẽ hành động”, anh nói.

Harvath lắc đầu không đồng ý. “Chúng ta đi bằng thang máy”.

Herrington có cảm giác không yên khi để Harvath tiếp tục ở trong tình trạng này, nhưng anh không cãi lại. Đây là chiến dịch của Harvath. Chốt lại lần cuối, anh và các đồng sự tới chỗ những chiếc thang máy.

Lúc đến nơi, họ thấy một chiếc đã đang trên đường tới tiền sảnh. Không để phí thời gian, họ lao tới cầu thang bộ. Mọi người, kể cả

Cates, nhảy 3 bậc một lúc -Adrenalin đang chảy trong máu họ.

Đến tiền sảnh, Harvath dừng lại một giây để cả đội hợp lại và từ từ hé cửa để xem chuyện gì đang diễn ra ở đầu kia.

Một dãy dài khách của khách sạn đang dựa lưng vào tường gần những chiếc thang máy, nhìn chăm chăm vào cái gì đó vừa vụt qua. Harvath biết đó chỉ có thể là một thứ. Gật đầu một cái, anh kéo cánh cửa ra và cả đội lao tới đuổi theo bọn khủng bố.

Có cảm giác như họ rơi xuống một cái hang thỏ và đáp xuống một mỏ vàng nào đó. Thứ duy nhất khiến cảnh tượng này trở nên kì quái là ánh nhìn trên khuôn mặt của các vị khách trong khách sạn khi họ rút ngắn khoảng cách với nhóm khủng bố.

Vòng qua góc để tới tiền sảnh toàn làm bằng inox, cả đội tản ra theo hình chữ V và vừa kịp lúc. Tên phiến loạn đi sau cùng vừa quay người lại thì nhìn thấy họ. Hét vang lên để cảnh báo cho đồng bọn, hấn giơ vũ khí lên và bắt đầu bắn.

Ngay lập tức, Harvath và đồng sự núp sau bất cứ vật gì họ nhìn thấy. Và tất cả bọn họ cũng bắt đầu bắn trả; đúng thế; tất cả, ngoại trừ Harvath. Đột nhiên anh không cảm nổi khẩu súng trường CQB nặng trĩu nữa.

Thả nó xuống sàn nhà, anh đổi lấy một khẩu súng lục và bắn tới tấp.

Khách trong khách sạn vừa la hét vừa chạy ra khỏi vụ lộn xộn, một vài người khụy xuống do những viên đạn lạc.

Nhận ra nhóm quân phiến loạn đang mặc áo chống đạn, Tracy Hastings hét lên báo cho đồng đội nhắm đầu chúng mà bắn và vài giây sau, Herrington cùng Cates mỗi người hạ được một tên.

Những tên khủng bố còn lại tháo ổ đạn ra và nạp đạn, tiếp tục tấn công một cách điên cuồng. Khói thuốc nổ dày đặc trong không khí, mặc dù chưa đầy 1 phút trôi qua, nhưng người ta có cảm giác như đã là cả một đời người.

Chỉ còn lại 3 người, Sacha muốn thoát ra khỏi khách sạn này, hấn ra hiệu cho Ali và tên đồng bọn còn lại mở đường thoát thân. Ali gạt đầu và cả 3 bắn ra một loạt đạn khác nhằm yểm trợ cho một cuộc rút lui nhanh chóng nữa.

Trong lúc ấy, Harvath và các đồng sự tiếp tục nạp đạn rồi bóp cò, làm vỡ tan những tấm kính của cửa ra vào ở mặt trước tiền sảnh.

Đến cửa ra, Sacha và Ali vừa tiếp tục bắn vừa lẩn khỏi khách sạn và lao ra ngoài đường. Tên phiến loạn còn lại không được may mắn như thế. Khi súng bị kẹt, hấn lần mò hồi lâu đủ để trúng phải viên đạn vào cổ họng do Harvath bắn ra.

Tên phiến loạn đổ gục xuống sàn, máu tuôn xối xả trong lúc đó, đồng bọn của hấn đang đứng trên vỉa hè tìm cách thoát thân. Ali chĩa súng vào một chiếc xe tải đang đến gần khách sạn trên đại lộ Lexington và khi chiếc xe không chịu dừng, hấn bắn hai phát qua kính chắn gió, giết chết người tài xế khiến anh ta đổ sập xuống vô lăng, chiếc xe tiếp tục lao đi, phóng thẳng lên vỉa hè và đâm sầm vào mặt tiền của khách sạn.

Không quan tâm đến tính mạng của những người bên trong cũng như sự sống còn của đồng bọn, Ali bắt đầu bắn vào thùng chứa xăng. Sacha vừa kịp thoát trước khi chiếc xe nổ tung và nó như một quả cầu lửa lao thẳng vào tiền sảnh của khách sạn Metropolitan.

Tên phiến loạn lực lưỡng muốn nguyên rửa tên Ali cả triệu lần nhưng hấn đã kiềm chế được. Giờ không phải lúc. Trong khi hành

động thiếu suy nghĩ của hắn suýt chút nữa lấy mất tính mạng của Sacha, thì tên trùm Al-Qaeda đã nghĩ ra cách đánh lạc hướng nhằm tẩu thoát.

Tiến về phía nam trên đại lộ Lexington, chúng rẽ ở phố số 50 và tiếp tục đi cho tới khi Ali tìm được nơi hắn có thể cởi bỏ mũ trùm kín mặt và lắc lắc thứ đồ nghề chiến thuật này.

“Mày định làm gì?” Sacha hỏi.

Ali đáp bằng hành động nâng khẩu súng lên và hỏi câu hỏi của hắn “Túi của mày đâu, Sacha?”

“Mày đang nói cái gì thế? Chúng ta cần biến khỏi đây ngay”, hắn trả lời.

“Chiếc túi điện tử mày dùng ở những địa điểm kia ấy”.

“Mất rồi. Tao ném đi rồi”.

“Tại sao?”

“Vì chỉ còn một địa điểm nữa thôi. Chúng ta không cần phải lo lắng đến chuyện chúng cảnh báo cho các con mồi khác nữa”.

“Thật thế không?” Ali nói “Hay còn vì lí do gì khác nữa?”

“Lí do gì khác nữa á? Mày điên à?” Sacha hỏi trong lúc tay nắm chặt báng súng của hắn. “Chúng ta không có thời gian đâu. Phải đi ngay thôi”.

“Mày đã biết chúng ta sẽ không tìm được Mohammed ở những địa điểm kia, đúng không?”

Mặt Sacha biến sắc. Đó là tất cả những gì Ali cần biết. Kéo cò lên, hắn bắn thẳng vào giữa hai mắt của tên phiến loạn.

Chắc hẳn gã Lùn đã biết Mohammed bin Mohammed đang bị giam giữ ở địa điểm số 5. Đó là lí do hắn khẳng khái muốn triệt hạ

những địa điểm kia trước, và Sacha là một phần của kế hoạch đó ngay từ đầu. Ali thật đúng là một thằng ngu. Trên thực tế, các địa điểm ấy đều là những cơ sở bí mật của chính phủ, nhưng không phải là nơi giam giữ và thẩm vấn các tù nhân. Chúng đã phải xử lý với các thông tin lưu trữ nhằm mục đích kinh doanh của gã Lùn. Điều đó giải thích cho toàn bộ hệ thống máy tính và mạng ăng-ten của các máy chủ tinh vi. Bốn địa điểm đầu tiên đều nhằm mục đích thu thập thông tin cho đế chế xấu xa nhỏ bé của gã.

Giờ Ali không biết liệu gã Lùn có ý định dùng hắn để đạt được thành công hay không. Có thể hắn và Mohammed sẽ không bao giờ sống sót để rời khỏi thành phố được. Không một ai biết gã Lùn đã lên kế hoạch gì cho chúng, nhưng lúc này Ali quyết tâm hơn bao giờ hết rằng gã sẽ phải chết một cách đau đớn không sao tả xiết. Tin gã Lùn là một sai lầm, đặc biệt sau khi Al-Qaeda phát hiện ra gã chính là kẻ đã cung cấp thông tin về chỗ ở của Mohammed ở Somali cho người Mỹ.

Tuy vậy, giờ chẳng còn quan trọng nữa. Ali đã được chuẩn bị cho tình huống có thể xảy ra này. Thực tế, hắn đã mừng tượng ra những kết quả khác nhau mà ngày hôm nay có thể mang đến và hắn đã chuẩn bị cho tất cả.

Vài giây sau, giống như con rắn đã lột da xong, Ali một lần nữa quay lại phố. Theo kịp tốc độ của các khách bộ hành khác, hắn tiến về phía đông tới một trong số những khách sạn nằm ở vị trí trọng điểm mà hắn đã đặt phòng. Mặc dù trông giống người Ý hơn người Arab, nhưng hắn vẫn lo sợ sẽ bị cản lại hoặc bị hộ tống suốt đoạn đường đi. Hộ chiếu sẽ xác nhận hắn là một doanh nhân người Ý, và mặc dù không ai còn lí do nào khác để thẩm vấn hắn, nhưng hắn đã được nghe một câu chuyện lưu truyền trong giới tình báo, câu

chuyện đó sẽ giải thích được hắn là ai và hắn đang làm gì ở thành phố New York.

Mặc dù đây là trò bịp bợm hiếm có, nhưng nó cũng không phải là sở trường của hắn. Sở trường của hắn sắp đến rồi.

CHƯƠNG 85

Từ trong tiềm thức, Harvath hiểu tiếng những viên đạn lạnh canh bên cạnh chiếc xe tải nghĩa là thế nào và anh có thể báo cho các đồng sự của mình nằm rạp trên mặt đất vài giây trước khi nó nổ tung.

Giờ tiền sảnh chôn sâu trong biển lửa và những người sống sót chạy tán loạn để tìm cửa ra ở phía sau khách sạn.

Herrington nhật khẩu CQB, quàng qua vai cùng khẩu súng của mình, và từ từ đẩy Harvath về phía cửa sau khách sạn. “Chúng ta hãy ra ngoài xem có tìm được bọn chúng không”.

Harvath biết điều đó sẽ không xảy ra, nhưng anh vẫn nghe theo lời gợi ý, coi đó như lí do để anh tiếp tục. Khi anh bước đi, khói bụi của cuộc chiến bắt đầu tan ra và adrenaline trong người anh được thay thế bằng một cơn giận dữ với chính mình vì đã để tuột mất hai tên khủng bố còn lại.

Đi tắt qua gian hàng bán quà lưu niệm của khách sạn, cả nhóm ra phố số 51 và chen qua đám đông những vị khách đầy sự sốt của khách sạn.

Ra dấu cho Rick Cates đi cùng mình, Bob Herrington gợi ý chia đội ra. Harvath gật đầu và cùng Hastings vòng ra mặt trước khách

sạn. Tồn thất thật nặng nề, một số dân thường nằm chết hoặc đang hấp hối gần chiếc xe tải vẫn đang bốc cháy. Ngay cả nếu có mang theo dụng cụ sơ cứu, họ cũng gần như không thể làm gì hơn.

Căn cứ vào những gì Harvath nhìn thấy trước khi vụ nổ xảy ra, bọn khủng bố có vẻ như đã được chuẩn bị để đi về phía nam trên đại lộ Lexington và đó chính là hướng họ quyết định lần theo.

Anh và Hastings băng qua giao lộ ở phố số 50 và tiếp tục đi về phía nam, nhưng không thu được kết quả gì. Hai tên khủng bố còn lại có thể đi bất cứ đâu. Họ có một sự khởi đầu khá thuận lợi, có quá nhiều nơi cần đến. Tại phố số 49, Harvath liên lạc bằng bộ đàm cho Bob và hỏi “Có gì không?”

“Không” Herrington trả lời.

Harvath hướng dẫn anh tới phố số 48 và hẹn gặp họ tại góc đường ngay phía trước khách sạn Lexington. Một số nhân viên khách sạn đang đứng trước cửa phân phát nước đóng chai cho những ai có nhu cầu. New York đúng là một thành phố đầy những điều bất ngờ. Harvath lấy làm lạ tại sao khoảng thời gian tồi tệ nhất ở một thành phố không mấy yên bình này lại có thể khơi dậy những điều tốt đẹp nhất ở nhiều người đến thế.

Thay vì tích trữ lương thực cho chính mình hay cho các khách đến ở tại khách sạn - một điều vô cùng dễ hiểu, khách sạn lại đang tay giúp đỡ những người qua đường.

Nhìn thấy vũ khí của Harvath và Hastings, và nhận ra họ là cảnh sát mặc thường phục, viên quản lí khách sạn mời mỗi người thêm một chai nước và cảm ơn vì những gì họ đang làm. Tất nhiên viên quản lí không hề biết họ đang làm gì, và theo Harvath việc họ đang

làm chẳng ích gì, nhưng anh cũng cảm ơn vì chai nước và cơ hội nghỉ ngơi trong lúc chờ Herrington cùng Cates đuổi đến nơi.

Chưa đầy một phút sau, một người chạy đến trước cửa khách sạn Lexington và cho viên quản lí khách sạn biết chi tiết của vụ độ súng và vụ nổ chiếc xe buýt ở sảnh khách sạn Metropolitan.

Đón những chiếc xe chở hành lí gần cửa trước, viên quản lí cùng ba nhân viên gác cửa chất lên đó đầy nước và chạy về phía khách sạn kia. Harvath nhìn họ rời đi. Khi họ biến mất, Harvath mới nhận ra mình kiệt sức đến mức nào. Bên vai bị thương đang giết chết anh, lẽ ra anh phải tìm bác sĩ chăm sóc vết thương từ sớm, nhưng anh cố quên đi cơn đau và nhắm mắt lại.

CHƯƠNG 86

Khi Harvath mở mắt ra, anh không biết mình đã thiếp đi trong bao lâu. Gần đó, Hastings đang ngồi trên bậc cửa khách sạn vừa nói chuyện với Cates và Herrington vừa cố rũ những bụi bẩn và bồ hóng ra khỏi tóc. Bên kia đường, một nhà hàng Hi Lạp đảm nhận việc phân phát nước đóng chai cho những người qua đường khát nước. Một nhóm các doanh nhân đứng gần nhà hàng mỉm cười khi một trong số họ nói gì đó hài hước. Người New York thật đáng ngạc nhiên, và cũng thật đáng sợ, dường như họ cũng biết rằng ngày hôm nay sẽ qua đi.

Harvath lại sắp sửa nhắm mắt thì anh cảm nhận thấy cái gì đó đang rung rung giữa khủy tay và hông. Anh nhận ra chiếc Blackberry. Rút điện thoại ra khỏi bao, anh thấy biểu tượng cho biết anh có thư điện tử và một cuộc gọi đến của sếp.

Đặt chiếc điện thoại trên bàn tay trái, anh đưa lên tai và nói “Harvath đây”.

“Scot, Gary đây”. Lawlor trả lời. “Tôi đã cố liên lạc với các cậu suốt nửa tiếng vừa qua. xảy ra chuyện gì vậy?”

Scot thông báo cho ông biết tình hình một cách chính xác, sau đó anh mệt mỏi im lặng.

“Nghe này, tôi có một vài tin tốt cho cậu đây”, Gary nói.

“Lúc này tôi chẳng thấy có gì là tốt cả, nhưng sếp cứ nói đi”.

“Có thể bọn khủng bố sẽ tấn công địa điểm thứ 5 không xa so với chỗ cậu đang đứng đâu”.

Nghe đến đó, Harvath ngồi thẳng dậy “ Địa điểm nào? Ở đâu? Từ từ. Sao sếp biết?”

“Cậu còn nhớ các bản báo cáo cho biết Bin Laden đang điều trị bằng phương pháp thẩm tách không?”

“Tất nhiên, đó là tin đồn căn cứ vào khẳng định của tổng thống Pakistan rằng Al-Qaeda đã buôn lậu hai máy thẩm tách vào Afganistan, đúng không?”

“Đúng thế. Một trong số 4 đội Delta của chúng ta đã phát hiện ra một khu vực vô trùng được dùng cho việc thẩm tách tại căn cứ Tora Bora của Bin Laden gần Jalalabad.

“Thì sao?”

“Họ cũng phát hiện ra vết tích của bệnh nhân, người đang được điều trị không phải là Bin Laden, mà là Mohammed bin Mohammed, Aka Abu Khabab Al-Fari”.

“Từ từ đã”, Harvath nói “M & M? Chuyên gia chế tạo bom của Al-Qaeda? Ông ta là cha đẻ của toàn bộ vũ khí hủy diệt hàng loạt cho đến khi ông ta biến mất sau vụ 11/9 hai ngày. Từ đó không ai trông thấy ông ta”.

“DIA thì có”, Lawlor nói.

Harvath bối rối, tai anh gần như bốc khói khi anh nhớ lại tất cả các sự kiện và ghép chúng lại với nhau. “Việc giết Sayed Jamal khỏi tay chúng ta thì có liên quan gì đến chúng?”

“Rõ ràng chúng có quan hệ với nhau - chúng là một gia đình. DIA muốn dùng Jamal như một đòn bẩy để thẩm vấn Mohammed”.

“DIA bắt được Mohammed rồi á?” Harvath không thể tin nổi. “Ai nói với sếp chuyện này?”

“Stan Caldwell” Lawlor trả lời.

“Làm sao phó giám đốc FBI có được thông tin ấy?”

“Theo Caldwell, chính vị giám đốc DIA, người phối hợp với Liên minh chống khủng bố đã tiết lộ và sau đó yêu cầu Cục điều tra liên bang giữ kín”.

“Dựa trên cơ sở nào? DIA có ảnh hưởng gì với Cục điều tra liên bang?”

“Tôi không biết”, Gary nói. “Đó là những gì ông ta cho tôi biết. Thực ra tôi cũng rất ngạc nhiên khi nghe ông ta nói”.

Harvath suy nghĩ rồi nói “Nhân vật cấp cao của Al-Qaeda - kẻ có chiếc máy tính xách tay phát nổ - bị Mỹ bắt giữ. Theo sếp có phải là Mohammed không?”

“Xét về thời điểm thì đúng là như vậy”.

“Vậy việc chặn đứng thông tin rằng Mỹ đã tóm được kẻ chế tạo bom và đưa hắn tới Mỹ trái với ý nguyện của hắn cũng như vi phạm luật pháp quốc tế rốt cuộc không phải là câu chuyện về Jamal. Tất cả là về Mohammed”.

“Tôi nghĩ thế”, Lawlor nói.

“Và sếp tin là hắn đang ở đây, ở New York này?” “Tôi hoàn toàn chắc chắn”.

“Nhưng có liên quan gì đến các cơ sở tình báo bí mật của NSA?” Harvath đáp. “Tôi không hiểu”.

“Tôi cũng không hiểu lắm. Người duy nhất có thể giải thích điều này cho chúng ta là Joseph Stanton, nhưng ông ta đã chết”.

“Vậy bằng cách nào sếp biết còn vị trí thứ 5 và nó nằm ở New York này?”

“Tất cả bắt nguồn từ những chiếc máy thẩm tách. Chúng tôi đã thẩm vấn một trong những nhà phân tích của Stanton - một thanh niên làm việc rất gần bó với ông ta trong chương trình Athena, và anh ta nói Stanton rất quan tâm đến những cuộc mua bán thiết bị gần đây của một công ty có tên Nova Medical Systems. Tôi thấy cái tên nghe rất quen, nhưng không thể nhớ ra. Lúc trở về văn phòng, tôi đã kiểm tra”.

“Và?”

“Những chiếc máy tìm thấy trong phòng điều trị ở khu Tora Bora rất giống với loại máy Stanton yêu cầu nhà phân tích của ông ta tìm kiếm”.

“Thế ông ta có tìm được chiếc nào không?”

“Có, và theo tôi đó chính là địa điểm số 5”.

Mặc dù vẫn còn phải lắp ghép một số chi tiết nữa, nhưng lúc này từng ấy thông tin cũng đủ để Harvath tin rằng Lawlor biết được điều gì đó. “Chúng ta đã biết là có địa điểm số 5. Vậy nó nằm ở đâu?”

“Vấn đề là ở đó. Chúng ta không đến được”.

“Ý sếp là sao, không đến được à?”

“Nó thuộc quyền quản lí của một quốc gia có chủ quyền. Chúng ta không được phép trừ phi họ mời chúng ta đến”.

Lại quan liêu, Harvath nghĩ. Những gì anh muốn là một cái địa chỉ. Anh sẽ lừa chúng về Washington để quét sạch bọn chúng. “Ông

Gary, nếu đó là nơi bọn khủng bố đến, hãy tin tôi, cho dù đó là quốc gia có chủ quyền nào đi chăng nữa, họ cũng sẽ van xin chúng ta đến giúp họ”.

“Tôi không chắc. Người Libi khá ngoan cố nếu họ không muốn”.

CHƯƠNG 87

TÒA NHÀ LIBYA
SỐ 309 PHÍA ĐÔNG PHỐ SỐ 48

Mike Jaffe cúi người xuống trước mặt tên tù nhân thì thầm “Mày là thằng khốn vô lương tâm, đúng không?”

Mohammed bin Mohammed nhìn sang thân hình gục xuống đầy máu của đứa cháu trai nhưng không nói gì.

Jaffe đứng lên và nói “Thôi được, vì tao cũng là thằng vô lương tâm nên đây sẽ là cuộc chiến của ý chí, Mohammed ạ - cuộc đụng độ của những tên khổng lồ. Nhưng tao phải nói với mày thế này, không biết mày có đủ sức để chơi đến cùng không. Gần đây trông mày mệt mỏi quá”.

Mohammed cố kiềm chế nhưng nụ cười thầm bật ra trên môi hắn.

Jaffe cười với hắn. “Lão này có khướu hài hước đây. Thế nào? Nói đi, Mohammed. Với những thằng bé mày đã làm cho hư hỏng trong suốt những năm qua, theo mày khướu hài hước của chúng thế nào? Mày có nghĩ chúng khá may mắn không? Mày có nghĩ chúng luôn phải ngoái đầu canh chừng tám thân mềm oặt, đầy mồ hôi của mày có nguy cơ gây nguy hiểm cho chúng, rồi chạy xa để tránh bị nó đổ vào không?”

Nụ cười tắt lịm trên khuôn mặt Mohammed.

“Bọn tao tìm thấy khá nhiều món đồ lưu niệm thú vị trong ngôi nhà của mày ở Somali”, Jaffe nói, “điều đó khiến tao phải suy nghĩ. Tao đã đi nhầm hướng, đúng không? Ở Arab, người ta vẫn thường nói, tôi muốn bạn mở lòng để tôi có thể đến với trái tim bạn. Nhưng làm thế nào tao tới trái tim mày được đây?”

Bước tới chiếc bàn gần cửa sổ, Jaffe thọc tay vào trong chiếc túi màu xanh xám hai ngăn và lấy ra một chiếc bình nhỏ cùng một chiếc ống dài, mềm gắn vào miệng bình. Anh ta giơ lên để tên tù nhìn thấy rồi nói “Mày đã bao giờ trông thấy thứ này chưa? Đó là bình xịt hơi cay. Nó xuất hiện từ lâu lắm rồi, nhưng một người rất thông minh ở New Jersey đã nhận ra rằng chúng ta đã tự giới hạn mình trong cách ứng dụng nó”.

Mohammed cựa quậy trên ghế trong tâm trạng lo lắng.

Không hề mở chiếc bình ra, Jaffe tiếp tục “Giả sử mày đang ở trong một phòng tại khách sạn và kẻ nào đó - cứ cho là một kẻ xấu đi - tới gõ cửa vào lúc 3h sáng. Ai cũng biết đó là kẻ xấu, vì chẳng một người tốt nào lại tới gõ cửa vào giờ đó cả, đúng không?”

“Nhưng mày đã có bình xịt hơi cay trong tay, không cần tháo vòi ra khỏi bình, mày luồn nó qua khe cửa, ấn nút và XONG! Đột nhiên hành lang trở thành nơi không thể trụ nổi. Khá gọn gàng hả? Nhưng từ từ, còn nữa”.

“Tao biết người chế tạo ra cái này. Ông ta bán cả tấn cho đất nước tao. Một tối, bọn tao ngồi uống bia và nói về những ứng dụng mà tác phẩm của ông ta có thể làm được, bỗng nhiên tao nảy ra một ý. Hạt tiêu có thể bị phân huỷ. Nếu nó vào trong cơ thể mày, cuối cùng nó cũng sẽ trôi đi mà không để lại dấu vết gì”.

“Giờ, nếu tao đã đến được gần trái tim mày, tao đoán mày sẽ cho tao biết những điều tao muốn biết. Tuy nhiên, vấn đề là chúng ta sắp hết thời gian rồi. Vậy con đường nhanh nhất để tới trái tim một người là gì? Người Mỹ bọn tao thường nói đó là đi qua dạ dày, nhưng trong trường hợp của mày, tao nghĩ là phải xuống thấp hơn chút nữa”.

Mohammed nhìn chăm chăm xuống háng.

CHƯƠNG 88

“Tao chưa thử lần nào”, Jaffe vừa nói vừa đặt ống lên miệng để làm ẩm đầu ống, “nhưng tao tin là sẽ đau khủng khiếp”.

Lấy chiếc kéo hiệu EMT từ trong túi ra, anh ta ném cho Brad Harper và nói “Chuẩn bị cho hấn ta. Tôi muốn hấn ta ở trần như ngày hấn ta được thánh Allah tạo ra”.

Ngay cả nếu hai sĩ quan tình báo Libi là Rashid và Hassan được gọi về để làm việc này, Harper biết việc chuẩn bị cho Mohammed trong tư thế ấy đã biến ông ta thành kẻ bị tra tấn trực tiếp.

Cho đến tận lúc này, cả anh và Jaffe đều chưa ai chạm vào người các tù nhân. Thành thật mà nói, họ luôn lớn tiếng, hùng hổ ở sát ranh giới cho phép, nhưng chưa bao giờ họ vượt qua. Giờ Jaffe đang bảo anh vượt qua ranh giới ấy.

“Xin chào? Lính thủy đánh bộ đây?” Jaffe lên tiếng khi thấy Harper không làm được. “Có ai ở nhà không?”

“Nên chẳng hãy để hai đồng nghiệp của chúng ta làm việc này?” anh hỏi.

“Ai? Frick và Frack à? Họ đang được giải lao. Không nên làm phiền họ. Hơn nữa, tôi nghĩ tôi sẽ thêm chi tiết này vào tiết mục của tôi, thế nên tôi muốn đích thân xem nó có hiệu quả không”.

“Anh đang nói đến việc nhét cái ống vào...” Harper dừng lại, cảnh tượng thật rùng rợn ngay cả với một người lính thủy đánh bộ.

Jaffe nhìn anh và nói “Có chuyện gì vậy? Bị cắt mất lưỡi rồi à? Đúng như thế đấy. Tôi sẽ nhét cái ống vào thẳng chỗ đi tiểu của hấn. Niệu đạo, Franklin ạ, nếu anh muốn dùng từ chuyên ngành y học. Sau khi đã nhét đủ sâu, tôi sẽ ấn nút bình xịt hơi cay vào đó. Nếu hấn ta từng mắc bệnh lậu, thì so sánh với lần này, hấn ta sẽ thấy chưa bao giờ khủng khiếp đến thế”.

Quay sang Mohammed, Jaffe hỏi “Mày đã bao giờ mắc bệnh lậu từ một trong những thằng bé mày quan hệ chưa?” Không đợi trả lời, và cũng chẳng có câu trả lời nào cả, anh ta quay sang Harper nói “Anh còn chờ gì nữa?”

Người lính thủy đã đi đến một quyết định “Thưa ngài, với tất cả lòng kính trọng, tôi không thể làm theo yêu cầu của ngài”.

Jaffe nhướn mày lên và đáp “Tôi đã *yêu cầu* gì? Tôi chẳng yêu cầu anh làm gì cả”. Anh ta chộp lấy cái kéo từ tay Harper. “Tôi nghĩ anh cần có thêm nghị lực”.

Bước tới bên Mohammed, Jaffe luồn cây kéo vào ống quần ông ta, suýt chút nữa thì xẻ vào đùi rồi bắt đầu cắt. Vừa làm, anh ta vừa nói “Vấn đề của cuộc thẩm vấn này là sự tôn trọng. Tao có thể thấy trong mắt của anh bạn chúng ta đây thực tế rằng anh ta không tôn trọng chúng ta. Còn mày, Mohammed? Mày chẳng làm được gì ngoài việc tỏ thái độ khinh bỉ. Khi nào phải làm công việc bẩn thỉu đó thật, bọn tao sẽ để những anh bạn người Libi của chúng tao ra tay”.

“Nếu mày không tôn trọng tao, thì tao cũng đành chịu”.

Căn cứ vào nét mặt của Mohammed, rõ ràng là Jaffe đã đoán trúng. Tên Al-Qaeda này không hề sợ. Hấn không có cảm giác gì

ngoài sự coi khinh những kẻ đã bắt giữ hắn. Nhưng mọi chuyện sắp thay đổi. Lúc này, từ thắt lưng của hắn trở xuống đang tràn như nhộng, hắn thấy tên người Mỹ đáng sợ, rất đáng sợ.

Với những người luôn được tận hưởng niềm sung sướng và khoan khoái nhất đời nhờ chỗ giữa hai đùi đó thì đòn tra tấn mà Mohammed sắp phải đối mặt thật khủng khiếp. Trong những giấc mơ đứt quãng của mình, hắn ta không biết liệu mình có gặp phải trường hợp nào đáng sợ hơn thế nữa không.

Khi tay người Mỹ quay lại cùng dụng cụ tra tấn, hắn quằn quại trên ghế, cố gắng thoát ra - làm bất cứ điều gì để cái ống không thể cắm vào chỗ đi tiểu của hắn. Tuy nhiên, hắn cố gắng đến mấy cũng vô ích. Tên người Mỹ túm chặt lấy dương vật của hắn và nhét mạnh cái ống vào. Khi đầu ống đã lọt, anh ta ấn nốt phần còn lại của ống vào thật sâu.

Sau khi cảm thấy đã đủ sâu, Jaffe nhìn Mohammed và nói “Mày biết tao muốn có thông tin gì rồi đấy”.

“Quỷ tha ma bắt mày đi” Mohammed hét lên.

Jaffe nâng cao chiếc bình xịt hơi cay lên để Mohammed có thể trông thấy ngón tay cái của anh ta đang đặt vào nút ấn và nói “Hôm nay, tao chưa xuống địa ngục được đâu. Tao vẫn còn rất nhiều việc phải làm”.

Tiếng la hét đau đớn có tác dụng ngay lập tức. Nó khủng khiếp đến mức hai sĩ quan tình báo người Libi lao vội vào phòng để xem liệu những người Mỹ lọc xương hay mổ sống tên tù nhân của họ.

Lúc Jaffe một lần nữa xịt hạt tiêu vào niệu đạo của tên khủng bố, Mohammed gồng hết sức hét để ngăn cản, vì đau mà cơ thể hắn

cứng lại. Nước mắt giàn giụa trên khuôn mặt, và cho dù có cố gắng thế nào, hấn cũng không thở nổi.

Jaffe không có ý định ngừng tay. Nỗi đau mà tên rác rưởi đang phải chịu đựng lúc này có đáng gì đâu so với những gì hấn định trút xuống nước Mỹ. Jaffe không bao giờ hiểu được lòng căm thù trong hấn lúc này mạnh đến độ nào. Thượng đế đã ủng hộ ra sao với những việc Al-Qaeda làm nhân danh Ngài? Jaffe không muốn gì ngoài việc chứng kiến hấn chết, vì anh ta biết nếu ai đó phải xuống địa ngục thì đó chính là Mohammed bin Mohammed.

Jaffe dừng lại một giây chỉ để thấy thân hình gã đàn ông rũ xuống và thở hỗn hển.

Sau đó, không hề báo trước, anh ta ấn một nhát nữa.

Mohammed cố nhấc mình ra khỏi chiếc ghế cứ như nó nóng hàng nghìn độ.

Lẽ ra Jaffe phải bịt lỗ tai lại. Mohammed gầm lên như một con sư tử bị thương.

Anh ta tiếp tục ấn nút bình xịt hơi cay, quyết tâm rút cạn sức lực trong người con quỷ đang ở trước mặt anh ta cho đến khi ngoài tiếng la hét ra, đột nhiên anh ta còn nghe thấy một âm thanh khác - tiếng đại bác.

CHƯƠNG 89

Với tấm hộ chiếu ngoại giao mang quốc tịch Libi giả mạo, Abdul Ali phát hiện ra bộ phận an ninh của tòa nhà 24 tầng rất dễ điều khiển khi hắn đến. Giọng Libi của hắn không chê vào đâu được, hắn yêu cầu người đàn ông ngồi sau quầy lễ tân nhắc điện thoại và quay thẳng tới số của đại sứ quán.

Khi viên trợ lí của vị đại sứ trả lời, anh nhân viên lễ tân nói vài từ và đợi hồi đáp, sau đó anh ta hài lòng gác máy.

Sau khi được mời ngồi ghế, và được thông báo rằng viên trợ lí đang xuống, Ali mắng người đàn ông làm sao có thể ngồi trong lúc như thế này được. Người Libi đánh giá cao cử chỉ lịch thiệp, và việc mắng nhiếc người khác ở nơi công cộng được cho là cực kì bất lịch sự. Anh chàng lễ tân không phải là thằng ngu. Anh ta từng gặp loại người này, và anh ta biết cho dù tấm hộ chiếu có nói lên điều gì thì người đàn ông này cũng không phải là một nhà ngoại giao. Thực tế, anh ta đã gặp quá nhiều nhân viên tình báo kiêu ngạo để biết người đàn ông này là thế nào. Từ lâu anh chàng lễ tân đã đặt ra giả thuyết rằng ở quê nhà anh ta có một trang trại nơi trọng lượng của những chiếc xe vận tải đã biến họ thành những kẻ như thế.

Vài phút sau, cánh cửa thang máy mở ra và viên trợ lí của ngài đại sứ bước ra cùng một người cao lớn mà Ali cho rằng đó là một phần của chế độ an ninh của Tòa nhà Libi. Viên trợ lí bước lại phía bàn lễ tân nói qua vài câu với người đứng sau quầy, sau đó xem xét hộ chiếu của vị khách, lướt nhanh qua các trang. Cuối cùng, anh ta tiến lại phía Ali.

Sau khi chào theo nghi thức xã giao của Libi, viên trợ lí chìa tay ra và tự giới thiệu. Anh ta không trả lại tấm hộ chiếu. “Tôi tưởng tôi biết tất cả các đặc vụ hoạt động tại New York”, anh ta khẳng định. “Tại sao chúng ta chưa từng gặp nhau?”

Ali vẫn giữ bình tĩnh và lạnh nhạt - thái độ mà hắn cảm thấy phù hợp nhất với vai trò hắn đang diễn. “Vì tôi không hoạt động ở đây”, hắn đáp “Tôi hoạt động ở Washington”.

Viên trợ lí gạt lời giải thích sang một bên. “Anh khẳng định anh có chuyện cần nói với ngài đại sứ?”

“Đúng thế”.

“Hi vọng anh có thể hiểu rằng với những việc diễn ra ngày hôm nay, ngài đại sứ khá bận. Sao anh không nói với tôi và tôi sẽ giải quyết?”

Ali cười giả lả. Số vũ khí hắn giấu bên dưới chiếc vali làm bằng thủ công khiến hắn thấy nặng trĩu. “Nếu công việc tôi được phái tới có thể giải quyết ở cấp trợ lí của đại sứ, tôi sẽ vui lòng làm thế, nhưng tôi chỉ tới để gặp ngài đại sứ”.

Viên trợ lí không thích thái độ của tay sĩ quan tình báo này. “Vậy tại sao chúng tôi không được báo trước về chuyến viếng thăm của anh?”

Ali đã chuẩn bị quá kĩ lưỡng cho các câu hỏi của viên trợ lí. “Với những chuyến công tác ngoại giao ra nước ngoài, đặc biệt là khi liên quan đến các vấn đề an ninh quốc gia, thì sự xuất hiện không báo trước của các sứ giả là hết sức bình thường, cả tôi và anh đều hiểu điều này. Giờ đừng lãng phí thời gian của tôi nữa, đưa tôi tới gặp đại sứ đi”.

“Khá lắm”, viên trợ lí nói tiếp, quyết tâm dẹp bỏ tính kiêu ngạo của gã đàn ông này. “Nhưng rất không bình thường khi một sứ giả xuất hiện giữa hoàn cảnh không mấy tốt đẹp này. Tôi nghĩ tốt hơn anh nên chờ ở đây trước khi chúng tôi xác định được thân phận anh. Đây không phải là lúc để các phái đoàn Arab tại Mỹ tổ chức các cuộc gặp bí mật”.

Ali lắc đầu. “Tất nhiên chờ đợi là một cách giải quyết khôn ngoan, nhưng thông tin tôi mang đến cho đại sứ lại có tính thời sự”.

“Tôi rất tiếc”, viên trợ lí đáp, “nhưng nếu không biết thông tin này liên quan đến chuyện gì, thì tôi không được phép làm phiền đại sứ. Chúng tôi luôn phải ở trong tình trạng cảnh giác cao độ”.

Ali mỉm cười, và lần này là thật. “Nói với đại sứ, Tripoli không muốn sử dụng nơi này làm khách sạn nữa”.

“Khách sạn à? Anh đang nói cái gì vậy?”

Nhìn nhân viên an ninh đi cùng, Ali nói “Dùng bộ đàm nói chuyện với ngài đại sứ ngay lập tức và chuyển lời nhắn của tôi. Bảo ông ấy rằng người Mỹ và hành lí của họ không được chào đón ở đây nữa”.

Người bảo vệ nhìn viên trợ lí đang hết sức kinh ngạc, mặc dù viên trợ lí không tin nổi những gì tai đang nghe thấy nhưng anh ta vẫn gật đầu đồng ý.

Người bảo vệ nói vào chiếc micrô nhỏ gắn trong tay áo, và khi tai nghe vang lên tiếng trả lời, anh ta quay lại thì thầm với viên trợ lí.

Nhìn Ali, anh ta bắt đầu dĩ đáp “Đại sứ sẽ gặp anh ngay bây giờ. Hãy đi theo tôi”.

CHƯƠNG 90

Đánh giá hai người đàn ông lúc bước vào thang máy, Ali nghĩ đến việc triệt hạ ngay tại đây nhưng hắn vẫn buộc mình phải đợi. Chỉ vài phút nữa cuộc tấn công của hắn sẽ diễn ra.

Gây được sự chú ý trọn vẹn của đại sứ hóa ra lại là phần việc dễ dàng nhất trong toàn bộ kế hoạch. Khi ông ta ngu ngốc đuổi viên trợ lý và đội bảo vệ ra khỏi văn phòng, Ali không trả lời các câu hỏi nữa mà bắt đầu hỏi câu hỏi của hắn.

Khi đã có được những thứ hắn cần, hắn bắt vị đại sứ gọi viên trợ lý quay lại văn phòng. Lúc gã đàn ông nịnh nọt xuất hiện, Ali kháng cự lại thôi thúc muốn kéo dài cái chết đau đớn của anh ta, thay vào đó hắn bẻ gãy cổ, và thích thú được nghe thấy tiếng gãy rắc. Trên đời không có thứ âm thanh nào giống thế, cũng chẳng có sức mạnh nào lớn hơn so với việc dùng đôi tay trần giết chết kẻ khác.

Quá sức với vụ ra tay, Ali thở mấy hơi thật sâu và nghỉ ngơi. Vài phút tiếp theo đó thật suôn sẻ, không gặp sự cố nào. Hắn đã đi quá xa và không thể thất bại được. Chỉ cách chỗ hắn đang đứng một tầng nhà, vị đại sứ xác nhận thông tin rằng Mohammed bin Mohammed đang bị bắt giữ và thẩm vấn. Suy nghĩ về việc bằng cách nào gã Lùn đã phản bội hắn, phản bội Al-Qaeda một lần nữa

lại xuất hiện trong đầu, nhưng hắn nhanh chóng gạt nó sang một bên. Sẽ giải quyết với gã sau. Lúc này, Ali cần tập trung với nhiệm vụ trong tầm tay. Vẫn còn phải xử lí đám bảo vệ của vị đại sứ, sau đó đến lượt hai sĩ quan tình báo Libi và bốn tên người Mỹ canh giữ Mohammed.

Biết rằng sẽ bị giết, vị đại sứ chạy về phía cánh cửa và hét lên gọi nhân viên an ninh.

Ông ta chưa bước nổi hai sải chân thì bị Ali hạ gục bằng một phát súng giảm thanh. Tuy nhiên rắc rối đã đến. Đám nhân viên an ninh lao vào phòng với khẩu súng trên tay và thấy vị đại sứ cùng viên trợ lí đang sống soài trên sàn nhà. Họ nổ súng.

Ali đã gặp may vì họ vừa nhả đạn thì hắn tìm được chỗ nấp phía sau chiếc bàn.

Đám nhân viên an ninh bắn thêm vài loạt đạn nữa trước khi Ali kịp trở tay, nhưng hắn đã lăn tròn vài vòng, và hạ từng người một bằng những phát đạn chuẩn xác vào đầu.

Hạ gục đám nhân viên an ninh, Ali nhảy qua chiếc bàn. Hắn không biết có ai nghe thấy tiếng súng nữa hay không nhưng hắn không muốn đợi để tìm hiểu. Đây là cơ hội duy nhất để hắn giải thoát cho Mohammed bin Mohammed, hoặc hắn thành công hoặc cả hai sẽ chết.

Ali nhanh chóng tìm được những thứ hắn cần, và khi đã lấy lại được tầm hộ chiếu, hắn hướng ngược nhiên của mình về phía chiếc cầu thang máy chở hàng.

Chút thông tin hắn moi được từ vị đại sứ lúc ông ta van xin tha mạng là đám người Mỹ đã hàn chặt cánh cửa lối cầu thang bộ và cách duy nhất để lên đến tầng của họ là dùng cầu thang máy chở

hàng. Mặc dù họ thuộc rất nhiều loại người, nhưng chắc chắn họ không phải là thằng ngốc. Họ đã tính toán độ dài của quãng đường để đảm bảo an toàn. Và ai có thể trách cứ họ được? Điều cuối cùng họ muốn làm là ngăn chặn khả năng những kẻ như Abdul Ali đến phá hỏng bữa tiệc của họ.

Sau khi chuẩn bị lối lên tầng trên bằng số thuốc nổ plastic còn lại, hắn giấu trong chiếc dây lưng tự chế đặc biệt, Ali quay lại chỗ vị đại sứ và dùng tấm thẻ từ của người đàn ông quét vào máy đọc thẻ để mở cửa cầu thang máy.

Lúc cửa chiếc thang máy mở ra, Ali ngược nhìn lên và thấy trần thang máy đã bị hàn chặt. Hắn mỉm cười. Đám người Mỹ đã lường trước tất cả. Nhưng hắn nghi ngờ về khả năng thảo ra kế hoạch chặn đứng những gì sắp xảy ra của họ.

Quét tấm thẻ qua máy đọc trong thang máy lần nữa, Ali nhấn nút lên tầng kế tiếp, đặt điều bất ngờ của hắn vào, rồi tiến về phía cầu thang bộ. Chuyện sắp diễn ra sẽ thú vị lắm đây.

CHƯƠNG 91

Cắn cứ vào vết máu trên sàn nhà và dọc bức tường thang máy, có vẻ như vị đại sứ đã lao đảo bước vào trong sau khi bị bắn và cố quét tấm thẻ, nhấn nút lên tầng trên trước khi gục xuống.

“Đừng chạm vào ông ấy” Jaffe ra lệnh khi thấy hai sĩ quan tình báo Libi lao vào thang máy. Cho đến khi biết được chuyện gì đang diễn ra, anh ta muốn tiến hành mọi việc một cách thận trọng.

Tuy nhiên kế hoạch đó không thành khi đặc vụ có tên Hassan cúi sát xuống mặt vị đại sứ và nghe được hơi thở. “Ông ấy còn sống!” anh ta kêu lên.

Jaffe đưa ra một loạt mệnh lệnh, sau khi phái Harper đi lấy dụng cụ sơ cứu và bảo hai sĩ quan người Libi canh giữ cầu thang máy, anh ta bước vào trong tự mình xem xét.

Khoác súng lên vai, Jaffe cẩn thận tiến đến bên vị đại sứ để kiểm tra tình trạng của ông ta. Ông ta bị thương khá nặng, và âm thanh mà Hassan tưởng là hơi thở thực ra là âm thanh do mạch máu bị tắc. Nếu họ không nhanh chóng làm gì đó, người đàn ông này sẽ chết.

Gọi Rashid, Hassan và hai lính thủy đánh bộ khác quay lại chỗ chiếc thang máy, Jaffe bảo họ đứng hai bên vị đại sứ và chuẩn bị

xoay người ông ta trong khi anh ta nâng đầu. Đếm đến ba, họ lăn mình ông ta, lúc đó Jaffe mới nhận ra mình đã bắt cản thế nào. Mặc dù đang bị tắc mạch máu, nhưng vị đại sứ cũng đã hết sức cố gắng cảnh báo họ đừng dịch chuyển mình. Lúc Jaffe nhận ra thì đã quá muộn mất rồi.

Thiết bị tự chế tạo gắn vào người vị đại sứ phát nổ, biến thành một quả cầu lửa khổng lồ, thổi bay trần thang máy, cắt đứt các sợi dây khiến nó lao thẳng xuống tầng hầm.

CHƯƠNG 92

Nghe thấy tiếng nổ, Ali quay lại phía cầu thang và kích hoạt thiết bị thứ hai, thổi bay cánh cửa bị hàn chặt ra khỏi khung.

Hắn bước vào khu vực vận chuyển và thấy cánh cửa cầu thang máy đen thui mở ra, ngoài ra chẳng có gì khác. Nó giống như một cái mồm há to đầy khói cuộn cuộn dâng lên từ trong cổ họng.

Nâng súng lên trong tư thế sẵn sàng, Ali bắt đầu tìm Mohammed. Hắn di chuyển nhanh chóng, lướt vào ba phòng đầu tiên dọc hành lang và thấy chúng trống trơn, hắn đi tiếp. Tại căn phòng thứ tư, hắn thấy một chiếc TV, khu nấu ăn cùng chiếc bồn rửa, bàn ghế và mấy chiếc giường, ngoài ra không có gì khác.

Cánh cửa tiếp theo có gắn biển bằng tiếng Anh và tiếng Arab đề *nhà vệ sinh*. Hắn đẩy cửa ra và nhẹ nhàng bước vào trong. Sau khi kiểm tra từng ngăn và tin rằng không có người, hắn mới bước ra và tiếp tục tìm kiếm. Chỉ còn lại khoảng năm căn phòng nữa. Phòng kế tiếp cũng trống trơn, và phòng tiếp theo đó cũng vậy. Khi lao về phía ba phòng cuối cùng, hắn thấy căn phòng đầu tiên bị khoá. Một tấm biển có chữ viết tay cho biết đó là phòng vô trùng cùng một loạt hướng dẫn thực hiện trước khi bước vào trong. Abdul Ali đẩy tung cánh cửa ra và thấy bên trong có một chiếc bàn phẫu thuật, một

chiếc ghế nằm dành cho bệnh nhân, một chiếc ghế xoay, rất nhiều dụng cụ y tế và ở chính giữa là chiếc máy thẩm tách nhãn hiệu Nova Medical Systems.

Căn phòng kế bên là nơi diễn ra các cuộc thẩm vấn. Các bức tường treo đầy bảng xóa bằng giẻ khô, bản đồ Trung Đông và Châu Phi, rất nhiều bức ảnh về hệ thống cấp bậc của Al-Qaeda cũng như các biểu đồ về những mối quan hệ và cơ cấu tổ chức. Những chiếc bàn chất đầy thiết bị nghe nhìn cũng như các màn hình theo dõi gắn với máy ghi hình được đặt đầy trên sàn nhà. Nhìn thấy hình ảnh trên màn hình lớn nhất, Abdul Ali quay lưng chuồn thẳng.

Lao vào căn phòng đối diện ngoài hành lang, hấn mừng đến rơi nước mắt. Kia, bị trói trên một chiếc ghế gỗ nhỏ là Mohammed bin Mohammed. Cạnh ông ta là một người bất tỉnh và bị đánh đập dã man mà Ali chưa gặp bao giờ nhưng chắc chắn có nghe nói đến. Lần cuối cùng hấn nghe đồn anh ta ở Canada. Hấn không biết Sayed Jamal, cháu trai của Mohammed đã bị bắt làm tù binh.

Lao về phía Mohammed, hấn thấy ông ta trần truồng từ phía thất lưng trở xuống, dương vật tấy đỏ và sưng phồng đến mức không tin nổi. “Chúng đã làm gì ông thế, người anh em?” hấn vừa hỏi vừa lấy ra một con dao và bắt đầu cắt dây trói.

Ban đầu, Mohammed không muốn tin vào mắt mình. Toàn thân ông ta đau ê ẩm, trong đầu ông ta là nỗi kinh hoàng về cuộc tra tấn. Chắc chắn là một trò bịp bợm gì đây. Rồi ông ta thấy Ali cắt súng vào bao và lôi ra một con dao để cởi trói cho ông ta. Đó là Ali, đúng không? Đến lúc này, ông ta không biết phải tin cái gì nữa. “*Có phải là anh không?*” ông ta hỏi, giọng khàn đi do hét quá nhiều.

“Đúng rồi, Mohammed. Tôi tới đưa ông về nhà đây”. Ali đáp.

Nhìn sang phía đứa cháu trai, Mohammed hỏi “Còn Sayed?”

Ali bước tới và bắt mạch anh ta. Mạch yếu, rất yếu. “Tôi rất tiếc. Chẳng thể làm gì cho cậu ấy được nữa. Cậu ấy sẽ không qua khỏi đâu”.

Mohammed gục đầu xuống. “Chỉ ít gia đình nó cũng đang đợi nó trên thiên đàng”.

“Ý ông là sao?”

“Bọn Mỹ đã bắt từng đứa con của nó và giết rồi. Sau đó, chúng bắt vợ nó. Chúng đã cho chúng tôi xem qua tivi với hi vọng bắt tôi nói cho chúng những điều chúng muốn biết”.

“Thế ông đã nói gì với chúng?” Ali hỏi, lo rằng những điều hằn lòng, những gì hằn mào hiểm vượt qua giờ thành vô nghĩa.

Khuôn mặt Mohammed rắn đanh như khối đá granit. “Tôi chẳng nói gì cho chúng biết. Ngay cả khi chúng giết từng người trong gia đình Sayed, tôi cũng chẳng nói gì”.

Ali nhìn Jamal một lần nữa. Đôi chân hần đã bị cắt cụt, đầu gối bầm nát đầy máu. “Chúng đã làm gì cậu ấy?”

“Chúng dùng khoan”, ông ta rên lên.

Ali không có ý định để đồng bọn của mình hồi tưởng lại sự tàn bạo vừa qua. “Ông đứng được không?” hần vừa hỏi vừa giúp Mohammed đứng lên. “Tôi có thể đưa ông đến một nơi an toàn”.

Mohammed lắc đầu. “Tôi đau lắm. Chúng đã dùng quá trình thẩm tách của tôi như một phần của cuộc tra tấn. Anh đến quá trễ rồi. Tôi sẽ sớm theo Sayed thôi”.

Ali lắc đầu “Tôi đã thuê một phòng trong khách sạn gần đây và có mang theo một chiếc máy thẩm tách. Ông sẽ không chết, người anh

em. Không phải hôm nay. Nhưng chúng ta phải tới nơi an toàn nhanh lên”.

“Tôi e là không đi xa được. Tôi yếu lắm rồi”.

Ali suy nghĩ một lúc rồi bảo Mohammed đừng cử động. Bỏ ông ta lại, Ali trở ra hành lang vào phòng thẩm tách.

Sau khi lôi chiếc ghế xoay ra, hắn lục lọi các ngăn tủ cho đến khi tìm thấy hai chiếc bàn chải chuyên dùng cho các bác sĩ phẫu thuật. Hắn lấy thêm vài dụng cụ y tế và nhét hết vào trong một chiếc túi nhỏ thì một giọng nói vang lên từ phía sau “Đừng nghĩ đến chuyện bỏ chạy”.

CHƯƠNG 93

Mặc dù Abdul Ali đã tỉ mỉ dọn sạch sẽ những căn phòng trống kia, nhưng điều hắn không biết là ở rất nhiều lãnh sự quán và đại sứ quán trên thế giới, các hành lang cũng như các cửa thoát hiểm thường là một phần trong kiến trúc. Và chính hành lang đã cho phép Brad Harper, người lính thủy còn sống sót nắm lấy cơ hội giành quyền kiểm soát.

Anh đang trên đường trở lại với dụng cụ sơ cứu trên tay thì tiếng nổ từ vụ nổ đầu tiên đã đẩy anh xuống sàn nhà. Khi vụ nổ thứ hai với sức công phá yếu hơn diễn ra, anh nhanh trí lao vào phòng điều khiển để xem chuyện gì đang diễn ra trên màn hình theo dõi.

Lúc này Harper đang chĩa khẩu M16 vào kẻ đã sát hại toàn đội của anh, anh nóng lòng muốn tự mình đòi lại công lí. Những gì phải làm là siết cò súng và toàn bộ cơn ác mộng này sẽ chấm dứt, nhưng Harper biết rõ hơn thế. Anh còn biết gã đàn ông đang đứng trước mặt anh là một kẻ cực kì nguy hiểm và luôn có sẵn hàng trăm mảnh khoé. “Tao có đủ lí do để giết mày ngay lúc này. Nếu định làm điều gì ngu ngốc, tao sẽ siết cò. Mày hiểu chứ?”

Ali không hiểu sao hắn lại bỏ sót người đàn ông này. Mắt hắn lướt quanh căn phòng trong khi đầu hắn tìm cách thoát thân.

Harper nhìn chếch sang bên phải chưa đầy 1cm và bóp cò, phát đạn sượt qua vai hắn găm thẳng vào bức tường đá không trát vữa trước mặt anh. "*Mày hiểu rồi chứ?*" anh nhắc lại.

Ali gật đầu.

"Tao muốn mày giơ tay lên, chậm chậm thôi. Đúng rồi. Tốt lắm. Giờ đan chéo hai tay lại rồi vòng sau đầu".

Sau khi Ali làm đúng như lời anh bảo, Harper ra lệnh cho hắn nằm úp bụng xuống. Hắn vừa nằm sấp xuống thì viên lính thủy trẻ thận trọng cúi xuống còng tay hắn lại. Đúng lúc đó Mohammed bin Mohammed xuất hiện ngay sau lưng anh và với chút sức lực còn lại, hắn giáng thẳng vào đầu người lính thủy không chỉ một mà hai nhát bằng bình cứu hoả khiến anh nằm bất tỉnh trên sàn.

CHƯƠNG 94

Khi Harvath và cả đội tới Tòa nhà Libi, mọi chuyện mới bắt đầu vỡ ra. Vào năm 2003, Mỹ thông báo đồng ý rút lại lời buộc tội Libi là một quốc gia vi phạm hiệp ước quốc tế và nối lại quan hệ ngoại giao với Libi, đổi lại Libi đồng ý hủy toàn bộ số vũ khí hủy diệt hàng loạt, không tiếp tục ủng hộ các phe nhóm khủng bố và ban hành các cải cách dân chủ xã hội.

Mối quan hệ hợp tác chưa từng có trong cuộc chiến chống khủng bố này là bề ngoài của một sự vụ kín đáo và âm thầm hơn. Không ngạc nhiên ngay cả khi được Polo Step cho phép sử dụng thông tin. Harvath cũng không thể biết được Mỹ đang giam giữ nhân vật cấp cao nào của mạng lưới Al-Qaeda. Ở đâu đó trong chính phủ hoặc Bộ Tư pháp có người đang dẫm chân lên ranh giới mỏng manh của pháp luật. Cách duy nhất để Harvath biết được họ đã làm điều đó là đưa M&M qua hải phận quốc tế bằng tàu riêng và dùng trực thăng đưa hắn ta đi nốt quãng đường còn lại sau đó thả hắn ta trên nóc tòa nhà Libi, nơi những người Libi là cai quản.

Mặc dù chắc chắn người Mỹ chỉ liên quan với tư cách là quan sát viên, anh vẫn biết thực sự kẻ nào đã chơi trò này. Trên thực tế, anh còn biết chắc tên anh ta là gì: Mike Jaffe. Điều anh không hay biết đó là làm thế nào họ vào được tòa nhà Libi. Gary nói đúng. Đó là

khu vực có chủ quyền và nếu không được mời, cách duy nhất để vào được bên trong là dùng vũ lực. Nhưng hóa ra lại không cần đến cách đó.

Khi họ đến nơi, một số người đứng trong tiền sảnh đang vô cùng hoảng sợ. Harvath giơ tờ giấy ủy nhiệm của Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ lên và được một người tự xưng là nhân viên lễ tân cho biết đã xảy ra một vụ nổ kinh hoàng ở đâu đó trong tòa nhà và họ không trông thấy vị đại sứ, viên trợ lí cùng đội bảo vệ đại sứ đâu.

Sau khi Harvath giải thích rằng họ có mặt ở đó vì bọn khủng bố đã chọn tòa nhà là mục tiêu và họ tin rằng cuộc tấn công đã thành công, nhân viên lễ tân chỉ cho họ người bảo vệ duy nhất của tòa nhà và nhanh chóng đưa họ vào một thang máy ở tiền sảnh để lên phòng của vị đại sứ trên tầng 23.

Lúc cánh cửa mở ra, người bảo vệ chỉ cho họ căn phòng của vị đại sứ, nơi họ phát hiện ra thi thể của viên trợ lí và hai bảo vệ khác.

Mượn bộ đàm của người bảo vệ, Harvath gọi xuống quầy lễ tân hỏi lần cuối cùng anh ta liên lạc với vị đại sứ, viên trợ lí của ông ta hay bất cứ người nào trong đám bảo vệ cách đây bao lâu rồi.

Người đàn ông cho Harvath biết những thông tin anh cần kể cả chi tiết về vị khách với tám hộ chiếu ngoại giao đến không hề báo trước kia. Anh ta mô tả rất chi tiết, nhưng khi Harvath hỏi thêm một câu nữa thì nhân viên lễ tân bỗng im bặt.

Toàn bộ nhân viên trong tòa nhà Libi được thông báo cấm lên tầng thứ 24, và không được cho người khác biết sự tồn tại của nó. Nhân viên lễ tân nghi ngờ rằng chuyện có liên quan đến hai nhân viên tình báo với khuôn mặt lạnh lùng kia, những người đã tham gia

nhệm vụ ở Tripoli. Đối mặt với thực tế rằng tòa nhà đang bị bao vây, anh ta đã kể nốt cho Harvath những điều anh ta biết.

Trước khi nghe nhân viên lễ tân nói xong, Harvath và cả đội lao đến chỗ chiếc thang máy chờ hàng. Họ đi được nửa đường thì anh chàng lễ tân gọi lại vào máy bộ đàm. Căn cứ vào những gì anh ta trông thấy trên màn hình theo dõi, thang máy chờ hàng không hoạt động được nữa. Ngoài ra, mặc dù toàn bộ phần còn lại của tòa nhà được cho là không còn ai, nhưng một trong số những thang máy chính đột ngột xuất hiện ở tầng thứ 22 và đang bắt đầu đi xuống.

Dù không biết được lí do tại sao, nhưng Harvath có linh cảm xấu về kẻ đang ở bên trong chiếc thang máy đó.

Gắng gượng cơn đau nhức ở vai, Harvath tới chỗ cầu thang bộ, nhưng Bob Herrington và Tracy Hastings đã ở đó trước anh.

Trả lại chiếc điện đàm cho người bảo vệ, và cùng với Rick Cates bị thương ở đầu gối đang đi sau cùng, Harvath bước xuống cầu thang, cố gắng lao càng nhanh càng tốt.

Việc tiếp đất trước đây của anh bằng cách tay phải vịn lan can, rồi đu người vòng xuống giờ gần như không thực hiện được do vết thương ở vai, thế nên anh cố gắng xoay người ở tư thế dễ dàng nhất có thể chỉ bằng đôi chân mình. Không dưới một lần việc chạy quá nhanh khiến phần nửa người bên trái của anh đâm sầm vào tường trước khi anh kịp lấy lại thăng bằng và bước xuống những bậc thang tiếp theo. Anh luôn luôn để khuất bóng Bob và Tracy, họ tận dụng thời gian tốt hơn anh và chắc chắn là hơn cả Cates, người đang cắn răng chịu đau và cũng cố di chuyển với tốc độ nhanh nhất.

Hai lần Herrington và Hastings dừng lại bất chợt ở các tầng gác để ấn nút thang máy với hi vọng nó dừng lại. Nhưng không có thể từ

thì chẳng có tác dụng gì. Khi nhận ra là không thể dừng được nó lại, hai người lại lao về phía cầu thang bộ và tiếp tục phi như bay xuống các bậc thang.

Còn cách mặt đất mười tầng, Harvath gọi cho Herrington vào chiếc Motorola của anh. “Bob, anh đang ở chỗ nào?” anh hỏi.

Phải mất một lúc Herrington mới trả lời, “Đang ở tiền sảnh rồi. Chúng tôi sẽ chặn đứng thang máy”.

“Không được”, Harvath nói. “Chờ tôi đã”.

“Anh đang ở tầng mấy?”

“Tầng tám. Tôi sẽ xuống ngay”.

“Anh không xuống kịp đâu. Thang máy đang ở tầng 4 rồi .

“Chờ tôi, Bob”, Harvath nhắc lại.

“Nghe này, có một phòng giao nhận thư ở trong góc và từ đó sẽ xuống thẳng tiền sảnh”, Herrington nói. “Chúng tôi đang ở đó. Anh có thể dùng súng hỗ trợ chúng tôi từ trên cầu thang lúc anh xuống đến nơi”.

Harvath lúc này đang rất bức xúc, anh bước 2 bậc một trong lúc lao xuống và định nhắc Herrington ai là người chỉ huy chiến dịch, thì giọng Bob lại vang lên. Anh ấy đang đếm ngược tầng xuống của thang máy. “Hai. Một”

Căn cứ vào cảnh tượng trong văn phòng của vị đại sứ, Harvath biết nếu đây là người của bọn chúng, hắn sẽ không thể đến dễ dàng, và căn cứ vào cội nguồn cực đoan của Mohammed bin Mohammed, hắn cũng là một kẻ như vậy.

Harvath hi vọng nghe thấy tiếng súng nổ lúc thang máy mở ra, nhưng chẳng có gì. Thay vào đó, giọng Herrington đứt quãng trong

tai nghe của anh, “Khỉ thật, nó vẫn không dừng. Chúng định xuống thẳng gara”.

“Tôi xuống đến tầng 5 rồi”, Harvath nói, anh cố hít lấy ôxi. “Đợi tôi ở cầu thang bộ”.

“Chúng ta sẽ để tuột hần mất”, Herrington đáp.

“Anh đã chứng kiến những gì gã này có thể làm. Chúng ta sẽ cùng xuống”.

Harvath chờ Bob đáp lại và khi anh ấy không nói gì, Harvath hiểu thế nghĩa là anh ấy đã quyết định đi mà không chờ anh. Nếu có thể chạy nhanh hơn, anh đã chạy, nhưng đúng là Harvath đang xuống nhanh hơn những người ở trong hoàn cảnh của anh. Anh sẽ gặp may nếu những gì anh nhận được chỉ là một bên vai sưng phồng vì va vào các bức tường.

Harvath đang ở tầng 2 thì tiếng súng máy tự động xé tai vang lên. Lúc xuống đến tiền sảnh, chỉ còn cách gara một tầng nhà, anh nghe thấy tiếng hét điên cuồng của Tracy Hastings vọng vào bộ đàm “Nằm xuống! Nằm xuống!”

CHƯƠNG 95

Harvath mong chờ tới được thanh vịn của hết cầu thang này đến cầu thang khác và cách tiếp đất bằng chân phải đã khiến anh sái mắt cá chân. Lao qua cánh cửa gara, ngay lập tức anh thấy nơi Bob nằm, những dòng máu đỏ thẫm chảy ra từ bên dưới thân thể anh, chảy xuống cống thoát nước cách đó vài mét.

Harvath chạy tới nơi họ đang núp cạnh mấy thùng rác. Máu khắp người Hastings loang xuống tận khuỷu tay, tay cô đang ấn mạnh vào ngực Bob. Trông thấy Harvath, cô ngước lên, nước mắt giàn giụa khắp khuôn mặt. Không cần phải hỏi, anh biết Bob đã chết, và lúc đó, với anh thời gian như ngừng lại.

Chính cú đẩy của Tracy vào bên vai không bị thương của anh và tiếng hét của cô “Scot, chạy đi! Chạy!” đã đưa anh trở lại thực tế.

Ở phía cuối gara, tiếng động cơ đang gầm vang. Lấy thêm một băng đạn ở một bên túi áo ngực của Bob, Harvath quên đi cơn đau đang hành hạ cơ thể và nửa tập tễnh, nửa chạy về phía âm thanh phát ra. Mặc dù không nói ra nhưng anh cảm thấy mình có lỗi, và trong khi một nửa anh muốn cúi người xuống, moi ruột gan ra, khóc than cho sự ra đi của người bạn, người đối với anh như một người anh trai, nửa còn lại anh muốn tắm trong máu của những kẻ giết

Bob Herrington. Chính mong muốn đó đã cho anh sức mạnh để tiếp tục bước về phía trước.

Chiếc xe đang tăng tốc, vòng quay nhanh của động cơ xen lẫn một âm thanh khác không lẫn vào đâu được - cánh cổng gara bằng kim loại mở ra.

Harvath dùng bộ đàm gọi nhân viên lễ tân yêu cầu anh ta đóng cửa lại, nhưng anh ta nói hệ thống của anh ta không làm được điều đó. Bỏ bộ đàm ra, Harvath chạy nhanh hơn cố rút ngắn khoảng cách với chiếc xe chưa nhìn thấy kia. Lượng adrenaline đã tan hết, khẩu CQB anh lấy từ chỗ Bob một lần nữa lại khiến anh có cảm giác như đang vác quả tạ nặng ngàn cân. Lưng, cánh tay và đôi vai của Harvath van xin anh ném khẩu súng đi nhưng anh từ chối. Sau khi chút sức lực cuối cùng đã cạn kiệt, anh dùng cơn thịnh nộ để làm động lực tiến về phía trước, nhưng không mấy hiệu quả. Cuối cùng anh cũng đến được bờ dốc thoải dẫn ra ngoài gara lên phố và chỉ kịp nhìn thấy đèn hậu của một chiếc Mini Cooper màu xanh có gắn còi trên nóc đang rẽ trái, lớp xe rít lên lúc nó va vào vỉa hè, rồi nó khuất khỏi tầm nhìn.

Không nản lòng, Harvath bước lảo đảo trên triền dốc, nhưng đôi chân đã không ủng hộ anh. Anh vẫn quyết chí bước tiếp. Anh không thể để bọn khủng bố trốn thoát.

Không thở nổi, ngực anh hỗn hển, Harvath lên được đỉnh dốc và xoay sang trái, chiếc Cooper đi được nửa đường. Nâng khẩu súng lên bờ vai phải bị thương, Harvath nhắm thẳng mục tiêu và không cần nín thở, anh siết cò.

Loạt đạn rơi xuống phố số 48, và khi Harvath thấy chiếc xe thành linh đổi hướng, cú phanh làm bóng tối bùng sáng, anh biết chúng đã

nhận ra anh. Lốp xe rít lên lúc nó loạng choạng va quệt vào mấy chiếc xe đang đỗ. Harvath chuẩn bị bắn loạt đạn khác, anh cố kiểm soát hai lá phổi thiếu không khí và siết cò lần nữa. Anh nghe thấy tiếng bóp chứng tỏ anh đã bắn ra loạt đạn cuối cùng và không cần suy nghĩ gì, anh ấn cho ổ đạn rời ra, lấy tay vỗ vào ổ đạn mới để chắc chắn các viên đạn đã vào đúng vị trí và lắp vào súng.

Chiếc xe đang ở gần cuối vỉa hè và đây là cơ hội cuối cùng của Harvath. Bắn tiếp một loạt đạn khác, Harvath dõi theo chiếc Mini Cooper khi kẻ cầm lái rẽ tới rẽ lui để tránh bị trúng đạn.

Lúc Harvath bắt đầu siết cò thêm một lần nữa thì chiếc xe ra tới Đại lộ số 1, nó rẽ trái và biến mất khỏi tầm mắt Harvath.

Cơn giận điên người một lần trào dâng trong anh. Dựa trên những gì nhìn thấy, anh biết những kẻ này khá chuyên nghiệp và chúng quyết tâm bằng mọi giá đưa Mohammed bin Mohammed đi sau khi đã cứu hắn ta.

Đúng là một viên thuốc đắng khó nuốt trôi, nhưng Harvath phải chấp nhận thực tế chúng đã biến mất.

CHƯƠNG 96

Không phải Hastings hay Cates phát hiện ra Harvath dựa lưng vào một chiếc xe đang đỗ và không thể ra khỏi tòa nhà Libi mà là anh chàng nhân viên lễ tân.

Không nói lời nào, anh ta cúi xuống giúp Harvath đứng lên. Khi Harvath không thể đứng vững vì sái mắt cá chân, người đàn ông đề nghị dựa vào anh ta. Anh ta cố gắng dìu anh về phía các bậc thềm dẫn ra mặt trước tòa nhà, nhưng Scot lắc đầu chỉ về phía gara. Xuống đến chân dốc, anh cảm ơn người đàn ông và bảo anh ta quay về vị trí của mình. Điều Harvath muốn làm bây giờ, anh không muốn có sự có mặt của người lạ.

Phải mất vài phút anh mới tập tễnh quay về chỗ anh đã bỏ Hastings và Herrington lại, nhưng khi tới nơi anh thấy Rick Cates đang bọc thi thể Bob lại bằng tấm vải dầu. Cates nhìn anh chờ đợi, Harvath lắc đầu. Anh biết anh ấy muốn hỏi gì, nhưng đáng tiếc câu trả lời là không. Anh đã không bắt được bọn người đã gây ra chuyện này với Bob.

Scot, Tracy và Rick đứng đó, nhìn chăm chăm vào tấm vải dầu không nói câu gì. Họ không chỉ mất một đồng đội, mà còn mất một người lính quả cảm, một người bạn tốt.

Không biết họ đứng như thế mất bao lâu, cuối cùng Harvath lên tiếng “Chúng ta quay lại tầng trên. Tôi muốn tìm vài câu trả lời”.

Nhân viên lễ tân đưa cho họ một tấm thẻ từ, nhưng họ chỉ lên được cao nhất là tầng 23. Từ đó, họ đi cầu thang bộ thêm một tầng nữa và hiểu ra lí do vì sao thang máy chờ hàng không hoạt động. Cánh cửa đen xì mở toang, và họ không cần tưởng tượng nhiều để hiểu chuyện gì đã xảy ra. Một bàn tay nham nhở, chiếc giày hiệu Quantico và một phần của ống chân vắt vẻo cho thấy có ít nhất 1 người, có thể là nhiều hơn đang đứng gần thang máy lúc nó phát nổ. Phần còn lại của chiếc thang máy có lẽ đang ở trong tầng hầm và Harvath sẽ không ghen tị với đội giám định pháp y, những người sẽ đến kiểm tra sau một lúc nữa.

Họ tiếp tục đến các phòng, phòng nào cũng trống trơn cho đến tận khi họ tìm thấy căn phòng chắc hẳn được dùng cho quá trình thẩm tách của bin Mohammed. Ở đó, họ tìm thấy một người khác, quan sát kĩ thì thấy anh ta đã bị vài cú giáng vào đầu, nhưng anh ta vẫn còn sống. Lúc ấy không có sự lựa chọn nào khác, họ đặt anh ta trong tư thế thoải mái nhất có thể và tiếp tục rà soát.

Ở cuối hành lang, họ thấy một người còn sống sót - Sayed Jamal. Hắn bị còng vào chiếc ghế và bị đánh đập đến mức không nhận ra. Vì đây là chiến dịch của Jaffe nên Harvath không cần biết tên tù nhân này là ai. Anh bắt mạch cho hắn và tìm thấy một mạch vẫn còn đập, nhưng quá yếu, ngay cả khi được chăm sóc cứu chữa ngay lập tức thì hắn cũng khó có khả năng sống sót.

Để hắn lại, họ sang căn phòng cuối cùng - trung tâm đầu não của các cuộc thẩm vấn. Sau khi cho rằng căn phòng khá an toàn, họ quan sát các thiết bị điện tử tinh vi cũng như những chiếc bảng xóa

bằng giẻ khô, các biểu đồ về các mối quan hệ và rất nhiều tấm ảnh được gắn dọc tường. Thấy tấm ảnh của một kẻ khá giống với tên tù ở phòng bên kia, Cates hỏi “Đây có phải là gã nằm ở căn phòng bên kia không?”

Harvath nhìn tấm ảnh và gật đầu.

“Bọn họ đã làm hắn biến dạng thật khủng khiếp. Hắn là ai?”

“Hắn tên Sayed Jamal. Hắn là chuyên gia chế tạo bom của Al-Qaeda, kẻ...”

Đột nhiên, Cates quay ngoắt lại và không thấy Hastings ở trong phòng nữa. “Ôi, tệ thật”.

“Xảy ra chuyện quái gì vậy?” Harvath hỏi trong lúc Cates chạy về phía cánh cửa.

“Sayed Jamal chính là kẻ đứng đằng sau vụ đánh bom Tracy ở Iraq năm ngoái”.

Harvath định nói giống Cates *Ôi, tệ thật* thì một tiếng đạn khô khốc vang lên trong phòng thậm vắn đã khiến anh ngưng bật. Không cần ra xem, Harvath cũng biết Tracy đã giết chết hắn.

CHƯƠNG 97

NHÀ THỜ GRACE
ĐÌNH BROOKLYN
MỪNG 10 THÁNG 7

Những nỗ lực tìm kiếm và cứu hộ trên toàn thành phố New York chuyển thành tìm kiếm và phục hồi. Vì có quá nhiều tử thi cần được chôn cất nên các nhà thờ đứng ra lo liệu tổ chức các đám tang. Nhưng đối với trường hợp của một giáo dân đặc biệt, nhà thờ Grace lại có một ngoại lệ.

Theo đề nghị đặc biệt từ phía gia đình của trung sĩ Robert Herrington, McGahan và một số cảnh sát đặc nhiệm thuộc sở cảnh sát New York sẽ chặn các tuyến giao thông quanh nhà thờ lại. Giới truyền thông cũng tôn trọng bằng cách đứng quan sát từ xa.

Một chiếc xe tang màu xanh xám tiến đến và lặng lẽ dừng lại trước cửa nhà thờ, một hồi kèn tấu lên. Dưới sự hỗ trợ của đồng đội, những người đã tạm dừng nhiệm vụ ở Afganistan để quay về dự lễ tang, gia đình Bob nhìn theo chiếc quan tài phủ cờ được những người hộ tang trong sắc phục quân đội đưa xuống xe và khiêng lên các bậc thềm.

Có rất nhiều sĩ quan quân đội tham dự lễ truy điệu, nhiều người trong số đó đang làm nhiệm vụ tại các đơn vị chiến đấu trọng yếu trên thế giới, những người Bob đã hân hạnh được huấn luyện và

chiến đấu cùng. Một số ít đã mang ơn cứu mạng của người đàn ông dũng cảm này, người đã hi sinh chỉ mới cách đây 1 tuần.

Một số người Harvath đã từng gặp và một số thì không, nhưng anh đã quen hầu hết vào đêm trước lúc thức canh quan tài cho Bob, lúc ấy mặc dù vô cùng đau buồn thương tiếc, và một phần cũng nhờ những li cốc-tai, dường như mọi người đã dễ dàng kể ra những câu chuyện cười về Bob. Kết quả là, những giọt nước mắt tuôn rơi không phải là những giọt nước mắt của sự buồn đau, mà là những giọt nước mắt của buồn vui lẫn lộn khi nhớ về một Bob Herrington tuyệt vời và đầy nhiệt huyết.

Với Harvath, anh rất cần một loại thuốc tẩy hoặc cái gì đó đại loại thế. Toàn bộ nhiệm vụ của anh ở New York đúng là một sự thất bại thảm hại. Mohammed bin Mohammed đã trốn thoát, và cả kẻ cầm đầu nhóm phiến quân nổi loạn nữa, kẻ Harvath nghi ngờ chính là kẻ đã giúp Mohammed bin Mohammed trốn thoát khỏi tòa nhà Libi, và ra tay giết Bob Herrington.

Lực lượng Hải quân Hoa Kỳ thường nói “ngày dễ dàng duy nhất là ngày hôm qua”, nhưng ngày hôm qua chẳng hề dễ dàng chút nào, cũng như sáu ngày trước đó. Trong suốt tuần qua, Harvath chỉ ở một mình, hồi phục trong căn phòng của một khách sạn sau khi giải quyết vụ việc tại Hội Cựu chiến binh. Anh nhớ đi nhớ lại toàn bộ chiến dịch, mỗi lần cố dùng thử một cách thức khác nhau. Nhưng cho dù anh có cố gắng đến đâu thì cũng không thể nghĩ ra cách nào hoặc mệnh lệnh nào có thể cứu mạng Bob. Và thực tế ấy đã phần nào giúp anh cảm thấy tội lỗi của mình được giảm bớt.

Lần nào cũng vậy, mỗi khi anh sục sôi lên vì tội lỗi thì lập tức nó biến thành cơn giận dữ, khiến anh nhằm thẳng vào chế độ quan liêu của Washington. Giống hầu hết mọi người, anh muốn câu trả lời,

nhưng ngay cả Gary Lawlor cũng không thể cho anh. Ông ta khuyên Harvath nên bình tĩnh, nhưng Harvath không có đủ kiên nhẫn. Anh gọi cho bạn mình ở Valhalla và bắt đầu thoả thuận các điều khoản cho công việc mới.

Bên trong nhà thờ, tội lỗi, cơn giận dữ, và sự mệt mỏi vẫn đè nặng lên Harvath khi anh ngồi cạnh Tracy Hastings, Rick Cates và Paul Morgan, người đã chửi thề các bác sĩ của sở cứu chiến binh khi họ từ chối không cho anh đến dự lễ tang của Bob. Cuối cùng, chính Sam Hardy đã đến và thuyết phục được họ.

Thật mừng là được cùng mọi người có mặt dự lễ, Harvath cố xua đuổi tất cả những bức bối trong lòng để có thể nói lời vĩnh biệt với người bạn của mình.

Khi đức cha tự giới thiệu mình và một cha tuyên úy trong quân đội, những người đến từ pháo đài Bragg để tiến hành nghi lễ, cha thông báo với những người đi đưa ma rằng buổi lễ sẽ rất ngắn gọn và đơn giản - không phải mọi người nói lời vĩnh biệt mà là nói lời chào vì Bob đã được đón chào trên thiên đàng. Với nụ cười trên môi, ông xin lỗi vì không có đủ “nước” thánh hay rượu trong tay để lễ truy điệu được như đêm hôm thức canh quan tài. Nhiều người trong đám đông, mặc dù vẫn đang cúi đầu xuống, tự nhiên bật cười.

Sau bài thuyết pháp là những câu kinh phần lớn do các đồng đội của Bob đọc lên. Câu kinh cuối cùng là câu kinh Harvath đã nghe vô vàn lần, nhưng chưa bao giờ anh thấy đau nhói như ngày hôm nay: *Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu này, người đàn ông đó đã nằm xuống vì các bạn mình.*

Lúc quay sang nhìn Tracy, Rick và Paul, Harvath thấy mọi người đang cố để ngăn những dòng nước mắt lại mà không được.

Khi đức cha kết thúc bài kinh của mình, một trong những đồng đội của Bob, người có tên Jack Kohlmeyer được mời lên chia sẻ cảm xúc. Kohlmeyer ăn nói rất lưu loát, và khướu hài hước đúng mực của anh đã giúp mọi người giảm bớt nỗi đau trong mình.

“Tôi quen biết Bob chưa được lâu. Cách đây 3 năm, tôi và anh ấy gặp nhau trong một thung lũng dưới chân ngọn núi ở Afganistan. Lúc đó, tôi đang ở độ cao 2400m, đóng gói chiếc balô nặng 40kg để chuẩn bị leo lên đỉnh núi thì Bob cứ ngồi trên võng cười vào tôi trước mặt mọi người và nói, “Không, không cần làm thế. Cả cái kia, cái kia nữa. Anh không cần đâu”.

Harvath cũng đã trải qua tình huống đó cùng với Bob vài ngày trước và anh không thể nhịn được cười.

“Nhưng Bob có thể ra đi cùng nụ cười đó”, Kohlmeyer nói tiếp, “Anh ấy có thể ra đi cùng nụ cười vì thấy chúng tôi trông thật ngốc. Chỉ có điều không phải anh ấy cười chế nhạo chúng tôi, mà là cười cùng chúng tôi. Anh ấy không cười để biến chúng tôi thành những thằng ngốc, mà anh ấy cười để lôi kéo chúng tôi, để chúng tôi trở thành bạn anh ấy. Và anh ấy đã thành công”.

“Rõ ràng anh ấy đã thành công, bằng chứng là ngày hôm nay rất nhiều người trong chúng tôi mặc dù đang ở nơi xa xôi cũng về với anh ấy, có những người đã phải vượt qua chặng đường dài tới 10 nghìn dặm”.

“Bob yêu quý chúng ta và chúng ta cũng yêu quý anh. Chúng ta dựa vào anh ấy và anh ấy dựa vào chúng ta. Đặc biệt là khi chúng ta nằm xuống”.

“Bob nhắc tôi nhớ về một lần khi cuộc sống tỏ ra bất công và ta phải vượt qua, cố gắng làm những điều tốt nhất có thể”.

“Vài tuần trước khi Bob lên đường về nhà, đội do tôi phụ trách đã phải chịu đựng một vài mất mát hi sinh. Nhiệm vụ đóng gói hành lý của họ được giao cho tôi. Đó là một trong những công việc khó khăn nhất tôi từng phải làm. Bob ngồi cạnh tôi và nói - anh cứ nói, nói mãi. Anh biết mình đang làm gì. Anh ấy đang cố giúp tôi không nghĩ ngợi gì đến công việc đang làm. Anh ấy có năng khiếu đó và anh ấy hiểu rất rõ”.

“Bob đã làm tôi tập trung vào câu chuyện của anh và khi tôi làm xong, anh ấy đặt tay lên vai tôi nhắc tôi thêm một lần nữa, *Cuộc sống thật không công bằng. Cứ làm những gì anh đang làm và phải chắc chắn anh đang làm hết sức có thể*”.

Harvath ngồi đó có cảm giác cứ như Bob đang nói chuyện với mình. Nghe những lời ấy, Harvath biết mình sẽ không từ bỏ công việc - anh không thể. Vết thương trên người càng nhức nhối, Harvath càng hiểu vì sao mình làm thế. Không phải vì những chính trị gia anh từng đặt niềm hy vọng hão huyền vào, mà đó là vì người dân của đất nước này, những người tốt và dũng cảm với lối sống cao quý giống như Bob đáng để anh tiếp tục chiến đấu.

Harvath sẽ tiếp tục những công việc đang làm và anh sẽ tiếp tục làm hết sức có thể - vì bản thân anh và vì cả những kỉ niệm về Bob Herrington.

Khi buổi lễ kết thúc, đức cha hỏi mọi người có muốn đi theo đám rước ra ngoài không.

Đường phố vẫn vắng tanh, các sĩ quan thuộc đội cảnh sát đặc nhiệm vẫn đang ở vị trí làm nhiệm vụ. Những chiếc ghế được đặt hai bên vỉa hè dành cho các thành viên trong gia đình và những ai muốn ngồi nghỉ. Trời nóng và ẩm, nhưng có một cơn gió nhẹ từ

ngoài sông thổi tới. Mặc dù không khí đã dễ thở hơn, nhưng vẫn còn rất khó chịu. Mùi chết chóc và tàn phá vẫn phảng phất khắp nơi. Đó là thứ mùi Harvath sẽ không bao giờ quên được. Như những người dân New York khác, nó đã trở thành một phần trong anh.

Hai mươi một phát súng chào vĩnh biệt Bob Herrington do những người lính của Lực lượng Đặc biệt đứng hai bên đường bắn ra, kèn vang lên, cờ phủ trên quan tài anh được gấp lại và trao cho người thân.

Sau đó chiếc quan tài được đặt trong xe tang và cánh cửa sau đóng lại. Tất cả đều im lặng. Một phút, có lẽ là hai phút trôi qua, những con chim của Brooklyn Heights mang theo suy nghĩ và niềm thương nhớ của mỗi người về Bob Herrington bay đi.

Đâu đó xa xa văng vẳng một âm thanh mờ nhạt, và Harvath thoáng nghĩ đến những việc đang diễn ra ở Manhattan, cho đến khi âm thanh ngày càng lớn hơn. Nhìn lên phía trên xe tang, Harvath thấy chiếc trực thăng Điều hâu đen mang số hiệu UH-60 xuất hiện và đang lơ lửng. Một dải băng đen lớn được hạ thấp xuống, lúc đó Harvath mới nhận ra mình đang nhìn cái gì. Ai đó, có thể là một đồng đội của Bob đã dùng cách này để tiễn đưa anh.

Chiếc trực thăng nháy sáng đèn rồi bay về hướng bờ sông trong lúc những người đưa tang ngược nhìn theo. Khi nó bay khuất tầm mắt, Harvath và mọi người nhìn lại thì đã thấy chiếc xe tang đi xa rồi.

CHƯƠNG 98

“Chúng ta có đến khu tiếp đón không?” Harvath hỏi lúc đám đông bên ngoài nhà thờ bắt đầu tan.

“Tôi tưởng chúng ta sẽ tiễn đưa Bob theo cách riêng của chúng ta”, Cates đáp.

“Cái gì? Ý anh là chỉ 3 người các anh?”

“Không. Bốn người chúng ta”, Morgan nói. “Nói cho cùng chúng ta là một đội, đúng không?”

Harvath mỉm cười. Tracy Hastings lấy một chai Lous XIII từ trong túi ra và nói “Bob nói có nợ anh một li. Bọn tôi đã góp tiền và mua chai này hộ anh ấy”.

Harvath nhoen cười rộng hơn.

Vì họ đã gửi lời chia buồn tới gia đình vào đêm thức canh quan tài hôm qua và đã ở lại cho tới tận bữa rượu vào sáng sớm hôm sau, nên không ai có thể trách họ vì đã không ở lại dự bữa. Thực tế, rất ít người nhận ra sự vắng mặt của họ. Hơn nữa, việc kể những câu chuyện trong lúc uống hết chai cô-nhắc giá 1300 đôla chính là cách tiễn đưa Bob của họ.

Họ quyết định bắt chuyến phà Fulton trở lại Manhattan và tìm một nơi yên tĩnh trong công viên Battery, nơi có thể nhìn bao quát ra

sông Hudson và tạm thời quên đi mọi chuyện đã xảy ra.

Cách nhà thờ một dãy nhà, một chiếc li-mu-zin đen đỗ sát bên họ và khi cánh cửa màu xanh đen mở ra, Harvath nghĩ mình đã nhận ra giọng người đàn ông đang gọi tên mình. Lúc quay lại nhìn, anh thấy Robert Hilliman, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đang vẫy tay.

“Buổi lễ thật cảm động”, ông ta nói, ra hiệu cho Harvath cúi xuống chiếc xe. “Tôi cần nói chuyện với cậu một lát. Cậu không phiền chứ?”

Harvath bảo mọi người sẽ gặp nhau ở bến phà rồi leo vào trong chiếc li-mu-zin.

“Cậu thế nào rồi, Scot?” Hilliman nói ngay khi cánh cửa đóng lại.

“Tôi khỏe, thưa ông” anh đáp, và không hề thấy thoải mái khi ngồi trong chiếc li-mu-zin giữa Brooklyn nói chuyện với Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

“Sẵn sàng cho nhiệm vụ chưa? Vai còn đau không? Mắt cá chân thế nào?”

“Vai tôi đã phục hồi được 80%, còn mắt cá chân ổn rồi.”

“Tốt, tôi mừng khi nghe điều đó”.

“Thưa ông, ông làm gì ở đây thế?” Harvath hỏi.

Hilliman mỉm cười “Tôi biết Bob Herrington. Không tường tận, nhưng tôi biết cậu ta. Cậu ta là người tốt. Cậu ta thuộc đội bảo vệ của tôi hồi tôi đến Afganistan lần đầu tiên. Đã xảy ra một tình huống. Câu chuyện chưa bao giờ được đăng báo, nhưng chỉ cần nói rằng nếu không có Bob Herrington, giờ tôi đã không có mặt ở đây”.

“Sáng sớm nay tôi đã gửi lời chia buồn tới bố mẹ cậu ấy và lặng lẽ đứng phía sau nhà thờ trong suốt buổi lễ”.

“Còn chiếc Điều hâu đen? Có phải do ông làm không?”

“Đội của cậu ấy đã làm đơn xin và chuẩn bị hết. Với những gì đã xảy ra ở Manhattan, chắc chắn một số người cảm thấy việc máy bay bay diễu hành trong đám tang là khó chấp nhận. Nhưng tôi không nghĩ thế. Bob Herrington là một con người tuyệt vời, một trong những người lính cừ khôi nhất của quốc gia này”.

Hilliman lấy một tập tài liệu trong vali ra và đưa cho anh. “Tôi đã đọc báo cáo về cuộc thẩm vấn cậu của Hội Cựu chiến binh. Tôi nghĩ cậu xứng đáng được tạo cơ hội”.

Lúc Harvath xem qua tập tài liệu, vị Bộ trưởng Bộ quốc phòng tiếp tục “Scot, cậu đã tham gia chiến dịch này đủ lâu để biết tại sao phải phân loại các chiến dịch. Đôi khi vì sự sống còn của an ninh quốc gia mà bàn tay phải không được phép biết bàn tay trái đang làm gì. Và có những lúc chúng ta muốn bắt đầu với những ý định tốt đẹp nhất và mục đích trong sáng nhất, nhưng bức tường chúng ta xây dựng lên để bảo vệ chiến dịch của mình lại ngăn cản chúng ta không được tiếp cận với những thông tin chiến lược tối quan trọng. Rõ ràng đó là chuyện đã xảy ra tuần trước và chúng ta để mất nhiều người tốt cũng chỉ vì thế”.

“Tôi có một số nguồn thông tin được phép tùy ý sử dụng, mặc dù không thể thay đổi quá khứ nhưng tôi có thể gây ảnh hưởng rất quan trọng tới tương lai”.

Harvath không nghe thêm lời nào nữa. Khi anh xem xấp tài liệu, cơn giận dữ hiện rõ trên khuôn mặt. “Không thể tin nổi những gì tôi đang đọc. Ông thực sự sẵn sàng để hấn đi? Sau những gì chúng ta biết về Mohammed bin Mohammed? Sau khi đã hao tổn không ít sức người và sức của để lần theo dấu vết hấn? Thế còn những

người bị giết vì đã cố tóm cổ hắn? Kế hoạch hắn sẽ tiến hành với đất nước này?”

“Cậu không biết toàn bộ câu chuyện”.

“Ông biết không, Bộ trưởng? Tôi chẳng thấy có gì khác biệt cả”.

“Nghe này, tôi sẽ cho cậu biết”.

Harvath ném tập tài liệu sang chiếc ghế bên cạnh và cầu cho ông ta có câu trả lời thoả đáng. Nếu không, anh sẽ bóp cổ ông ta ngay tại ghế sau của chiếc li-mu-zin này.

Hilliman hít một hơi thật sâu và nói “Không kẻ nào có thể chịu đựng được cuộc tra tấn, ngay cả với một kẻ như Mohammed bin Mohammed, vấn đề là khi nào anh thực sự làm chúng suy sụp. Để biết điều đó, anh phải xác minh những thông tin nhận được, mà như thế cần có thời gian. Trong vụ của Mohammed, chúng ta lại không có thời gian. Để hắn thật sự cảm thấy khốn khổ, họ đã buộc phải tận dụng cách điều trị bằng phương pháp thẩm tách của hắn”.

“Vì thế, phải thừa nhận rằng nếu chúng ta không đạt được bước tiến đáng kể nào trong phạm vi của một cái cửa sổ, thì chúng ta sẽ phải chuyển hắn đến một quốc gia khác, nơi sẽ phối hợp cùng chúng ta để thẩm vấn hắn, quốc gia mà hắn biết đồng bọn của hắn rất có thể sẽ phá hoại để giúp hắn trốn thoát”.

“Tôi vẫn không hiểu vì sao ông làm thế”.

“Để chúng ta có thể lần theo dấu vết hắn”.

“Nhưng ban đầu các ông đã mất nhiều năm để tìm ra hắn. Điều gì khiến ông chắc chắn sẽ không để tuột mất hắn?” Harvath hỏi.

“Vấn đề nằm ở đó. Chúng tôi chắc đến 99% rằng chúng tôi sẽ không tuột mất hắn - và trong nghề của chúng ta, chúng tôi sẵn sàng đánh cược cả ngôi nhà của mình cho tỉ lệ phần trăm đó”.

“Ông định lần theo dấu vết hấn bằng cách nào?”

“Nhờ chất đồng vị phóng xạ, chúng tôi đã tiến hành như một phần của việc điều trị bằng phương pháp thẩm tách của hấn. Nó tạo ra tín hiệu rất đặc biệt và có thể lần ra thông qua vệ tinh”.

“Chắc ông đang đùa tôi”.

Vị Bộ trưởng giơ cả hai tay lên nói “VẬY HÃY GIÚP TÔI. ĐÓ LÀ MỘT CÔNG NGHỆ VÔ CÙNG MỚI, NHƯNG RẤT CÓ HIỆU QUẢ. CHÚNG TÔI ĐÃ THẤY SỐ LIỆU, NHƯNG CHÚNG TÔI CÒN ĐẠT ĐƯỢC MỘT BƯỚC TIẾN XA HƠN KHI TỰ MÌNH LÀM THÍ NGHIỆM TỔNG THỂ. CUỐI CÙNG NÓ CŨNG HOẠT ĐỘNG”.

“Đến 99%” Harvath xác nhận.

“Đúng”.

“VẬY ÔNG CÓ BIẾT LÚC NÀY MOHAMMED BIN MOHAMMED ĐANG Ở Đâu KHÔNG?”

Hilliman nhìn anh. “CÓ, CHÚNG TÔI BIẾT”.

“Thế các ông còn chờ gì? Sao không tóm lấy hấn?”

“VÌ CHÚNG TÔI CẦN BIẾT AL-QAEDA ĐỊNH LẤY NGUYÊN LIỆU CHẾ TẠO BOM NGUYÊN TỬ TỪ KẸ NÀO”.

“Và khi đã biết thì sao?”

Hilliman lôi thêm hai tập tài liệu khác từ trong cặp xách ra, đưa cho Harvath rồi nói “ĐÓ LÀ CÂU CHUYỆN TÔI MUỐN NÓI VỚI CẬU”.

CHƯƠNG 99

GIBRALTAR
3 NGÀY SAU

Trong số những nơi Harvath từng đến, anh chưa từng có lí do hay mong ước tới Gibraltar. Khi chiếc máy bay lượn tròn đến điểm đỗ, Harvath nhanh chóng nhận ra mình đã bỏ sót điều lạ thường gì đó.

Dãy núi đá vôi khổng lồ của Gibraltar dựng thẳng đứng trên biển Địa Trung Hải, tạo thành 1 trong hai cột trụ cổ đại của Héc-quyn*, đánh dấu đỉnh núi nổi tiếng của thế giới từng được biết đến.

Nhìn từ cửa sổ máy bay, Harvath thấy rất nhiều thung lũng xanh rì, nơi cư ngụ của loài khỉ độc nhất ở Châu Âu, loài khỉ cộc đuôi. Anh còn ngửi thấy mùi của cây lô hội, cây bạch hoa, cây xương rồng và cây măng tây mọc hoang đại suốt dọc dãy núi cao gần 420m. Mặc dù không hiểu rõ lắm, nhưng anh có thể khẳng định đây là kiểu nơi Tracy Hastings sẽ rất thích.

Sau khi vị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thả Harvath tại bến phà, anh tham gia cùng cô, Rick Cates và Paul Morgan để thực hiện chuyến đi trong tâm trạng không mấy vui vẻ qua sông Đông tới Manhattan. Như một cách để quên đi những nỗ lực tìm kiếm và phục hồi đang diễn ra hồi hả trên sông, họ chiếm một chỗ ở phía cuối phà và bật mở nắp chai Louis XIII ngay khi chiếc phà khởi

hành. Cates, từng là chuyên gia thu mua, đã kiếm được những chiếc cốc nhựa nhỏ xinh và lúc họ đến Manhattan thì chai rượu cũng cạn một nửa.

Số còn lại được uống nốt trên đường về Đại lộ số 1 và đưa Paul Morgan về Hội Cựu chiến binh. Từ đó, Harvath, Hastings và Cates tiếp tục tới quán rượu ruột của Bob, quán rượu mà Harvath và anh ấy đang trên đường tới thì mọi chuyện dồn dập xảy đến. Tới đó lúc đã ngà ngà say, cộng thêm cảm giác mất mát, họ uống để tưởng nhớ Bob hết cốc này đến cốc khác.

Sáng hôm sau khi Harvath tỉnh giấc, anh chậm chạp ngồi dậy. Anh thật chẳng giống mình chút nào khi không nhớ nổi anh đang ở đâu và đã làm gì. Biết rằng lúc anh mở mắt ra, cái thẻ chế xấu xa chịu trách nhiệm cho việc đẩy anh rơi vào cảm giác khó chịu này sẽ lại chuyển động, nên anh nằm đó, cố nhớ xem mình đang ở đâu. Điều đầu tiên anh chú ý đến là tấm trải giường bằng lụa, và vì có thể cảm nhận được tấm trải giường bằng cả thân mình nên anh khá chắc chắn rằng mình đang trần truồng. Thực tế đó khiến lần cảm nhận tiếp theo của anh có phần khó chịu - mùi nước hoa.

Vươn tay ra, đầu tiên anh cảm nhận được một bắp chân rắn chắc, tiếp đó là đùi của đàn bà. Khi bàn tay anh lướt ra xa hơn trên cơ thể của người ngủ cùng giường, anh cảm nhận được phần cơ rất căng dẫn tới bờ vai tròn lẳn. Từ từ mở mắt ra, anh thấy Tracy Hastings đang nằm bên cạnh và ngay tức khắc anh khẳng định cô sở hữu một trong những tấm thân tuyệt vời nhất mà anh từng thấy.

Với những câu chuyện đùa cô nói về khuôn mặt mình, Harvath thấy nó thật đẹp. Nhìn vào mắt cô, anh thấy cô cũng đã thức dậy và cả hai cùng mỉm cười.

Sau khi cô kể lại chi tiết về vụ uống nốt rượu và nói với anh rằng anh là một người khiêu vũ tuyệt vời, mặc dù cuộc nói chuyện của họ không thú vị cho lắm, cả hai bật cười và lại làm tình. 48 tiếng tiếp theo họ ở bên nhau không rời bước cho đến khi Harvath phải đi đến địa điểm đã hẹn để gặp hành động ở Châu Âu.

Về phần mình, Harvath chỉ tiếc rằng sau khi giải quyết vụ việc xong xuôi với Hội Cựu chiến binh, anh đã dành cả tuần hồi sức trong căn phòng ở khách sạn - một mình. Tracy đã đề nghị anh tới ở tại phòng khách của nhà bố mẹ cô, vì họ đã quyết định tiếp tục ở nước ngoài trong lúc Manhattan khôi phục trở lại, nhưng Harvath lịch sự từ chối. Dù sao, ở nơi nào đó trong anh, anh đã biết trước chuyện này sẽ xảy ra. Giờ đúng là thế, cả hai đều hài lòng với điều đó. Còn việc tương lai họ thế nào thì đó lại là một vấn đề khác. Harvath biết đủ rõ để không nuôi nhiều hi vọng, nhưng anh cũng biết anh mong được dành nhiều thời gian bên Tracy hơn và hiểu cô nhiều hơn.

Lúc máy bay chuẩn bị hạ cánh, Harvath thấy mọi tuyến giao thông bị đình lại, vì một trong những tuyến đường lớn của Gibraltar cắt ngang bãi hạ cánh của sân bay. Là một doi đất lỏm chồm đá nằm ở đầu xa nhất về phía Nam Tây Ban Nha, Gibraltar có diện tích chỉ 2,5 dặm vuông, nhưng cái nó thiếu là một phần đất liền vừa phải của nước thuộc địa Anh chứ không phải ở quy mô của những âm mưu quốc tế.

Chính một trong những âm mưu đó đã đưa Scot tới đây. Lực lượng liên quân của CIA và DIA đã lần theo dấu Mohammed bin Mohammed kể từ khi hắn trở lại Châu Phi. Họ đã lần theo hắn tới Tangiers và lên một chiếc phà dạo chơi dọc eo biển tới Gibraltar. Giờ họ đang giám sát hắn trong một biệt thự lộng lẫy, nhưng bí mật

gần cảng - không xa khách sạn Harvath đã đặt phòng. Một khi cuộc mua bán nguyên liệu chế tạo bom nguyên tử của Mohammed thực hiện xong, cả đội được lệnh ngay lập tức rút lui. Từ lúc đó trở đi, tên khủng bố Al-Qaeda thuộc về Scot Harvath và chỉ Scot Harvath mà thôi. Không có thứ vớ vẩn nào, không chế độ quan liêu nào, và cũng không một người nào ngoại trừ chính anh được điều khiển.

Trong suốt hai ngày, Mohammed vào vai một người đi nghỉ vui vẻ, ban ngày ra bãi biển, còn ban tối lang thang đến các nhà hàng ngoài trời và sà n nhảy tìm các cậu trai trẻ. Điều đó khiến Harvath phát ốm. Anh nóng lòng muốn găm một viên đạn vào đầu hắn. Điều duy nhất tệ hơn cả việc xem hắn chộp các cậu bé là gia nhập với lực lượng liên quân CIA và DIA giám sát ngôi biệt thự trong khi hắn tắm nắng trên bãi biển và bọn tay chân chạy mấy việc vặt vãnh. Hắn đúng là một nhà điện ảnh mới được phát hiện, và xem hắn quay phim khiến Harvath buồn nôn.

Ở Gibraltar đến đêm thứ ba thì cuối cùng mọi việc cũng bắt đầu trở nên thú vị.

Không đến các câu lạc bộ ban đêm như thường lệ nữa, Mohammed chọn một nhà hàng sang trọng hơn trong thị trấn, nơi hắn chén một đồng thức ăn cùng một chai Boóc-đô khá đắt tiền. Sau đó, hắn đi xuống bến đỗ của du thuyền và tới chỗ một chiếc thuyền máy nhỏ cũ hiệu Riva. Sau khi hắn leo lên boong, chiếc thuyền tăng tốc ra ngoài khơi.

Với một đồng máy bay, tàu và trực thăng được tùy ý sử dụng, đặc vụ hàng đầu của CIA/DIA lập tức huy động toàn bộ số phương tiện của mình đuổi theo Mohammed ra biển Địa Trung Hải. Khi họ đề nghị bám đuôi, Harvath từ chối. Anh có linh cảm chắc chắn rằng nếu

Mohammed không định quay về, anh sẽ không bao giờ bỏ thư viện đầy những cuốn băng ở ngôi biệt thự kia.

Vì vậy trong lúc lực lượng liên quân đuổi theo mục tiêu trên biển tới Địa Trung Hải, Harvath quay trở về căn phòng trong khách sạn và tính từ khi quay về đến giờ, anh đã tháo vũ khí và tra dầu đến lần thứ 100 rồi.

Qua điện đàm đặt trong phòng, anh đang theo dõi tiến triển của cả đội thì chiếc máy bay hạ cánh của Mohammed thôi thúc anh tới chỗ chiếc du thuyền lớn kia cùng một sổ đăng kí tàu thuyền Bahama vô thưởng vô phạt. Lúc chiếc máy bay chở nguyên liệu chế tạo bom nguyên tử nhắm xuống chiếc du thuyền, thiết bị theo dõi của họ bắt đầu hoạt động. Dùng các thiết bị sóng ngắn tiên tiến trên chiếc tàu nguy trang khéo léo đã ra khơi trong phạm vi cho phép, cả đội có thể theo dõi toàn bộ quá trình giao dịch.

Tin rằng đã có được những gì cần tìm kiếm, họ báo cho Harvath biết Mohammed đang trên đường trở lại du thuyền và rằng kẻ tình nghi đã là của anh. Rồi khách sạn, Harvath ném dụng cụ vào chiếc xe thuê và tiến về phía du thuyền. Điều gì đó mách bảo anh rằng Mohammed có thể sẽ vui chơi đêm cuối trước khi rời Gibraltar.

Harvath không hề biết rằng còn một kẻ nữa cũng đang mong đợi với linh cảm tương tự.

CHƯƠNG 100

Gã Lùn không thích rời bỏ cảm giác thoải mái và an toàn tại ngôi nhà Eileanaigas nhưng chỉ vì cuộc trốn thoát của Mohammed bin Mohammed khỏi sự giam cầm của người Mỹ nên gã buộc phải làm thế.

Một triệu năm nữa gã Lùn cũng chẳng thể tin nổi Abdul Ali lại làm được điều đó, nhưng nghĩ lại toàn bộ chiến dịch, gã nhận ra rằng kế hoạch của gã đã có sai sót. Khi Sacha giúp Ali xác định vị trí của Mohammed, lẽ ra nhóm phiến quân phải giết cả hai - điều đã chẳng bao giờ xảy ra. Gã Lùn đã đánh giá thấp Ali, nhưng hiện tại điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là Mohammed phải bị loại bỏ vĩnh viễn. Thực tế việc tên râu xồm bắt gã phải chịu đựng những quan hệ tình dục ghê tởm với hắn tại khu nghỉ mát Biển Đen Sochi mấy chục năm trước chính là lí do cá nhân để gã giết chết hắn.

Tìm kiếm hắn trong bao nhiêu năm, cuối cùng khi đã xác định được chỗ ở của hắn, gã Lùn đã rất hi vọng người Mỹ sẽ làm công việc đó thay gã. Trên thực tế giải thưởng 5 triệu đôla cho cái đầu của Mohammed chỉ làm cho chiếc bánh đóng băng lại. Giờ, mặc dù hắn đã được tự do, và theo những gì gã Lùn đã thấy được trong mấy ngày qua ở các quán bar, nhà hàng và sàn nhảy của Gibraltar, con báo này không có ý định thay đổi hành vi đề tiện của mình.

Đặt hàng của một người chế tạo súng mai danh ẩn tích ở miền Nam nước Pháp, khẩu súng bé tí mà gã Lùn mang theo được thiết kế đặc biệt để thích hợp với khổ người nhỏ bé của gã. Sau khi khẩu súng được nạp những viên đạn 338 Lapua với sức công phá lớn, tầm đạn xa nhất của nó là khoảng 0,5 đến 1,2 km, với mục tiêu trong khoảng cách đó, khẩu súng sẽ chỉ cần đến khi phải thâm nhập sâu vào bên trong. Dùng nó vì bất kì lí do gì ở cự li gần sẽ gây ra sức tàn phá quá mức.

Mặc dù tự hào mình là một kẻ khôn ngoan, nhưng gã Lùn cũng không dè dặt hạ Mohammed bằng một phát bắn thẳng nếu tình hình đòi hỏi phải thế.

Trong khi ban ngày thẳng khốn vui chơi trên bãi biển và ban đêm tới các câu lạc bộ tìm người tình, gã Lùn đã tập cho mình quen với các đường đi lối lại trong phạm vi bắn tỉa của mình cũng như những con đường có thể dùng để ra khỏi Gibraltar. Giống các trường hợp đã từng xảy ra, gã Lùn đã sẵn sàng cho mọi tình huống.

Tuy nhiên, mọi chuyện thay đổi khi hắn thấy Mohammed bin Mohammed đang bị người Mỹ kín đáo giám sát. Đội lần theo dấu vết hắn thì không nói làm gì, nhưng thật không hay chút nào khi gã Lùn không hề biết trước sự có mặt của họ. Gã quyết định tiếp tục màn kịch. Nhưng có một vấn đề nho nhỏ. Đội này còn có thêm một người nữa trên tàu. Gã Lùn chắc chắn thế. Nhưng anh ta chịu trách nhiệm xử lí ai? Có phải Mohammed? Hay những người anh ta đang cộng tác? Hay cả hai?

Trong khi ý nghĩ để lại phần việc này cho những kẻ ám sát người Mỹ thôi thúc, gã Lùn biết nếu gã muốn việc này theo đúng ý, gã sẽ

phải tự mình ra tay. Và nếu tay người Mỹ kia can thiệp vào việc của gã, gã cũng sẽ xóa sổ cả hắn luôn.

Chạm tay vào bộ phận giảm thanh ở đầu khẩu súng, gã Lùn khẳng định lại với mình rằng vấn đề duy nhất cần làm là tiêu diệt Mohammed bin Mohammed vĩnh viễn. Nếu điều đó có nghĩa là phải xử lí luôn cả 1 hoặc 2 người Mỹ, những kẻ đã ở nhằm chỗ vào nhằm thời điểm, thì đó cũng chỉ là việc cần phải làm mà thôi.

CHƯƠNG 101

Mặc dù Harvath đã có trong tay một khẩu súng trường bắn tỉa cực kì công hiệu, nhưng anh vẫn để nó trong thùng xe và quyết định dùng đến những loại anh cho là phù hợp hơn. Khi đã lấy mạng Mohammed bin Mohammed, anh muốn nhìn vào mắt hắn và thấy nét mặt hắn.

Anh đã xem đi xem lại các thước phim trên CCTV mà người Libi ở New York giao cho Mỹ. Từ những gì họ có thể chấp lại với nhau cho thấy, kẻ đồng loã của Mohammed - kẻ CIA xác định được là Abdul Ali - đã lấy chiếc ghế xoay từ phòng chữa bệnh, giúp Mohammed xuống 2-3 tầng lầu bằng cầu thang bộ, sau đó đi bằng cầu thang máy nót quãng đường còn lại xuống gara. Khi Ali đẩy chiếc ghế xoay, bin Mohammed đặt trên lòng khẩu M16 Viper của người lính thủy mà chúng đã dùng để khống chế Brad Harper và giết Bob Herrington. Đó là lí do Harvath muốn nhìn vào mặt bin Mohammed khi anh giết hắn. Anh đã nợ Bob quá nhiều. Vương mắc duy nhất là quyết định xem nên ra tay ở đâu.

Trong khi Harvath tự tin rằng Mohammed sẽ trở lại biệt thự để lấy quần áo và những cuốn phim cấm người dưới 18 tuổi xem, có khả năng thành công của hắn sẽ khiến hắn vui chơi suốt đêm bên ngoài. Nếu đúng thế và hắn còn ở lại đến ngày hôm sau, có thể hắn sẽ vút

bỏ những cuốn phim đi. Nếu có dấu hiệu ấy, Harvath quyết đợi Mohammed tại cảng và lặng lẽ đi sau hắn, tin chắc cơ hội sẽ tự đến. Với người muốn tất cả các tình huống phải được tính toán trước, thì đây là sự khởi đầu của Harvath, nhưng đồng thời đây cũng chẳng phải nhiệm vụ thường lệ của anh. Đây là chuyện mang tính cá nhân.

Nghe đội liên quân CIA/DIA nói thuyền của Mohammed đang trên đường trở về, Harvath loại cản trở đầu tiên ra khỏi danh sách. Nhưng còn bao nhiêu trở ngại nữa thì vẫn còn là dự đoán.

Vì vậy để không rơi vào tình huống phải đuổi theo 2 mục tiêu trên nước, cả đội thống nhất sẽ đợi cho đến khi Mohammed đặt chân trên đất liền trước khi quay lại thuyền.

Khi tên trùm Al-Qaeda bước xuống boong và tiến về khu hầm xây cuốn, Harvath gọi qua điện đàm cho chỉ huy đội liên quân CIA/DIA. “Người đào huyệt, người Na-Uy đây. Chuột Mickey lên bờ rồi. Tôi nhắc lại. Chuột Mickey lên bờ rồi”. .

“Rõ”, có tiếng đáp lại. “Chúc may mắn”.

Harvath tháo tai nghe ra, tắt điện đàm và bắt đầu đuổi theo con mồi.

CHƯƠNG 102

Rời khỏi khu hầm xây cuốn, Mohammed bin Mohammed bước tới bưu điện trung tâm rồi từ đó hướng về con hẻm mang tên Bell và đi thẳng tới những bậc thang dài có tên gọi Phố Lâu Đài. Phần bên trái là một tấm biển lớn đề Quán cóc của Charles. Chỉ khi thấy hai vị khách đang bước vào bên trong thì Harvath mới biết nó là câu lạc bộ gì.

Ở bên sáng sủa hơn, anh thấy người đàn ông đẹp trai liên tục đảo mắt khắp phòng không có vẻ lúng túng.

Anh cho Mohammed vài phút để ổn định chỗ ngồi rồi mới bước vào.

Bên trong lò mờ ánh đèn ngập trong màn khói thuốc. Những bản nhạc khiêu vũ của những năm 80 ầm ĩ vang lên từ hệ thống âm thanh trong khi khách hàng nhảy múa, uống hoặc nói chuyện. Tại một chiếc bàn nhỏ ở phía bên kia căn phòng, Mohammed bin Mohammed nhấp ngụm cốc-tai và quan sát quang cảnh.

Harvath muốn tóm hấn ở một cầu thang tối hoặc giữa hai chiếc ô tô đang đỗ ở đâu đó bên ngoài, nhưng Gibraltar đang vào mùa và đường phố quá đông đúc. Tuy thế, với Harvath cũng chẳng sao cả. Anh có thể dễ dàng thực hiện việc cần làm ở đây. Khác biệt duy

nhất là dùng loại vũ khí nào, mà anh thì có rất nhiều vũ khí để lựa chọn.

Chiếc áo bằng vải lanh che được một loạt những dụng cụ chết người gắn trên chiếc dây lưng làm bằng sợi các-bon, Harvath dựa lưng vào quầy bar và cố tính toán xem cách nào là cách hành động tốt nhất. Vì anh muốn giải quyết chuyện này với tư cách cá nhân, nên có vẻ một con dao là sự lựa chọn sáng suốt nhất. Xác định được độ tối của quầy bar, anh sẽ nhẹ nhàng bước đến bên cạnh, rút dao ra và cắm xuyên vào bụng hắn mà không một ai ngồi gần Mohammed bin Mohammed trông thấy.

Harvath có thể ngồi cùng hắn và thậm chí uống một li trong lúc nhìn hắn chết. Sau đó, những gì Harvath phải làm là nhẹ nhàng đặt đầu hắn xuống bàn khiến hắn trông giống như bất tỉnh vì uống quá nhiều rượu. Các vị khách khác sẽ nhanh chóng phát hiện ra điều bất thường, nhưng đến lúc đó thì Harvath đã bỏ đi từ lâu rồi.

Lúc anh đứng lên định hành động, thì một thanh niên bước vào, sau khi đi một vòng, anh ta tiến về phía bàn Mohammed bin Mohammed và ngồi xuống.

Không còn lựa chọn nào khác là phải đợi, Harvath gọi một cốc bia và dán mắt vào chiếc bàn. Anh không thể giết Mohammed khi có sự xuất hiện của nhân chứng.

Sau vài li cốc-tai, Mohammed và chàng trai đứng dậy bỏ đi. Harvath để lại một ít tiền trên quầy bar, và khi hai người bước qua chỗ anh, anh đếm đến 20 rồi cũng đi theo cả hai ra ngoài.

Trong lúc cả hai bước đi, Mohammed lướt ngón tay dọc sống lưng người thanh niên xuống mông và không rút tay lại. Harvath hi

vọng khi anh đưa được Mohammed về thế giới bên kia, thánh Allah sẽ dành cho hắn một chiếc ngục thật đặc biệt.

Lúc cả hai về đến biệt thự, Harvath cũng trở về vị trí anh dùng làm nơi theo dõi ngôi nhà trong suốt 2 đêm qua. Anh sẽ đợi cho đến khi cậu thanh niên rời đi, sau đó anh sẽ lẻn vào trong và khử Mohammed. Mặc dù anh không phát rồ lên vì phải đợi, nhưng anh cũng chẳng thể làm gì khác. Harvath không muốn giết người vô tội ngoài cuộc, và trong lúc anh hoàn toàn có thể bắn một phát xuyên qua một trong những chiếc cửa sổ để mở kia, anh vẫn muốn tới càng gần càng tốt để chứng kiến những giọt máu cuối cùng trong người Mohammed chảy ra.

Tên trùm Al-Qaeda dẫn cậu thanh niên ra ngoài hè, sau đó lại trở vào trong để lấy một li cốc-tai khác. Trong lúc ấy, Harvath nhận thấy có sự chuyển động phía đầu kia của ngôi nhà.

Lúc mắt anh nhìn về phía đó, anh không thể tin nổi điều anh đang nhìn thấy. Trong nhà là hai con sói trắng khổng lồ đang thận trọng bước về phía bin Mohammed.

CHƯƠNG 103

Lúc nhìn kĩ hơn, Harvath nhận ra thứ anh nhìn thấy không phải chó sói, mà là hai con chó rất to. Chúng giống với loại chó anh đã từng thấy quân đội Nga sử dụng. Có vẻ như cả hai con đều đeo một loại xích nào đó. Và Harvath biết nơi nào có chó thường sẽ có chủ nhân, mặc dù ngay lúc đó anh chưa nhìn thấy.

Anh quan sát lũ chó nhẹ nhàng trườn về phía trước - rõ ràng chúng đang hết sức cố gắng để không bị phát hiện. Harvath đang ngạc nhiên về tính kỉ luật của chúng thì anh nhìn thấy người chủ. Chỉ một cái thoáng qua, và khi một con chó quay lại, anh đã hiểu ra tất cả. Thật ngạc nhiên. So với ưu thế của Harvath, người đàn ông cao tối đa trong khoảng từ 75 cm đến 1m. Bầy chó cao hơn hẳn anh ta.

Harvath tập trung vào khẩu súng kì lạ người đàn ông mang theo. Cứ như nó được làm bằng polime dạng nhựa và hợp kim. Rõ ràng nó được làm để phù hợp với vóc dáng nhỏ xíu của người lùn này. Nhưng anh ta là ai và anh ta muốn gì ở Mohammed bin Mohammed? Liệu có phải những người Mohammed hợp tác trong lĩnh vực hạt nhân đang cố chơi trò hai mặt với hắn?

Nhảy qua bức tường thấp ở đầu kia của hiên nhà, Harvath núp xuống khi Mohammed bin Mohammed bước ra ngoài, hai tay hai li rượu, không hề hay biết mối nguy đang theo gót hắn từ trong biệt thự đi ra.

Đưa một li cốc-tai cho vị khách, Mohammed chuẩn bị nằm xuống cạnh cậu ta trên chiếc ghế dài thì đột nhiên hắn nghe thấy tiếng gầm gừ kinh hoàng từ phía sau. Quay người lại, hắn thấy một gã Lùn bé xíu và đi hai bên là hai con chó hung tợn mà hắn chưa từng thấy trong đời. Cảnh tượng sốc đến mức chiếc cốc to trên tay hắn rơi tuột khỏi tay và vỡ tan trên hiên nhà lát gạch.

“Mày là ai?” Mohammed hỏi. “Mày muốn gì?”

Gã Lùn ra dấu cho cậu thanh niên đứng dậy khỏi chiếc ghế dài và tránh xa vị chủ nhà của anh ta ra. Mohammed ngạc nhiên khi thấy cậu thanh niên răm rắp nghe theo. Hắn càng bối rối hơn khi cậu thanh niên tiến lại gần gã Lùn, chìa tay ra và được gã lùn cho vài tờ giấy bạc trước khi nhanh chóng rời khỏi ngôi biệt thự.

Theo lệnh của gã Lùn, hai con chó thôi không gầm gừ.

“Mày là ai?” Mohammed nhắc lại. “Mày muốn gì?” Gã Lùn mỉm cười. “Ông không nhớ tôi, đúng không?” “Tất nhiên là không. Chúng ta chưa bao giờ gặp nhau. Tao chẳng biết mày là ai cả”.

“Có thể ông không nhớ tôi, nhưng chắc chắn ông nhớ Biển Đen. Có một nhà thổ gần thị trấn Sochi”.

Chút sắc mặt còn lại trên khuôn mặt tên trùm Al-Qaeda giờ đã tan biến. Có thể nào chính là gã Lùn? Nếu là thế thì có, hắn có nhớ ra gã. Hắn cũng nhớ ra cái nhà thổ đó. Mohammed muốn một cậu thanh niên trẻ trung chứ không phải một gã Lùn, nhưng mẹ đàn bà và chồng mẹ ta nói gã Lùn là món hàng tốt nhất, hắn quyết định thà

có còn hơn không và hắn đã làm tình với gã. Sau đó, hắn cảm thấy căm ghét mình vì đã đánh sinh vật nhỏ bé đó gần chết. Nếu không vì ý nghĩ thoáng qua về một con điếm, kẻ đã mang lại cho gã hơi thở cuộc sống và ấn vào ngực gã cho đến khi tim gã đập trở lại, gã sẽ chẳng bao giờ quay trở lại với cuộc đời.

“Tao đã phải trả một cái giá cực đắt cho sai lầm đó”, Mohammed đáp. “Sự im lặng của bà chủ không hề rẻ chút nào”.

“Có thể ông trả tiền cho chúng, nhưng ông chẳng bao giờ trả tiền cho tôi”, gã Lùn trả lời. “Tôi đã dành một phần cuộc đời để đi tìm ông. Khi người Mỹ bắt giữ ông, tôi đã chuẩn bị để ông chết rục xương, nhưng rồi ông trốn thoát. Thế nên tối nay, tôi sẽ lấy lại những gì ông nợ tôi, cả vốn lẫn lãi”.

“Sao mày biết tao bị người Mỹ bắt giữ?”

“Vì hắn chính là kẻ đã tống ông vào tù”, Abdul Ali vừa nói vừa bước ra khỏi bóng tối của ngôi biệt thự.

Hiếm khi nào như thế, ngay cả hai con chó cũng không phát hiện ra tên sát thủ đang đến gần. Giờ chúng bắt đầu sửa cả Mohammed bin Mohammed và Abdul Ali.

“Bảo chúng câm ngay”, tên sát thủ chĩa khẩu Beretta giảm thanh vào gã Lùn nói. “Và bỏ vũ khí xuống”.

Khi gã Lùn do dự, Ali chĩa khẩu súng vào con chó Cáp-ca và siết cò.

Gã Lùn cảm nhận rất rõ viên đạn cứ như nó xuyên thủng tim gã. Gã muốn bật khóc, nhưng vẫn giữ bình tĩnh và ra hiệu cho con còn lại không sửa nữa. Sau đó, gã bỏ vũ khí xuống.

Từ chỗ núp, Harvath có thể nhìn rất rõ khuôn mặt của kẻ mới nhập cuộc và nhận ra hắn. Hắn chính là kẻ trong cuốn băng CCTV

về tòa nhà Li Bi. Hắn không chỉ giúp Mohammed bin Mohammed trốn thoát, mà còn chịu trách nhiệm về cái chết của các nhân viên Cơ quan an ninh quốc gia, những người lính thủy đánh bộ và tất cả các nạn nhân khác của những vụ tấn công khủng bố vào New York. Với Harvath, quan trọng hơn cả là chính tên đàn ông này, kẻ CIA gọi là Abdul Ali đã giao vũ khí cho Mohammed bin Mohammed và giúp hắn giết Bob Herrington.

Harvath đã chờ từ rất lâu cơ hội săn đuổi Ali nhưng giờ gã đàn ông này lại xuất hiện ngay trước mắt anh. Lời hứa của anh với Bob vào cái đêm anh ấy bị sát hại sẽ được thực hiện dễ dàng hơn anh tưởng.

Với thiết bị giảm thanh gắn với khẩu súng, Harvath nâng khẩu H&K lên và nhắm vào mục tiêu quan trọng nhất - kẻ duy nhất có súng trên tay. Mặc dù cái chết của Ali không kéo dài và đau đớn như anh mong muốn, nhưng hoàn cảnh buộc phải thế. Hít một hơi thật sâu, anh siết cò và nhìn nã Ali phọt ra nửa đầu bên kia. Phát đạn ấy đã gây ra sự huyền ảo.

Mohammed bin Mohammed ném thân hình đồ sộ xuống sàn và bắt đầu bò vào trong biệt thự càng nhanh càng tốt. Để buộc hắn giảm tốc độ lại, Harvath bắn vào mỗi bắp chân một phát đạn.

Khi tên trùm Al-Qaeda hét lên đau đớn, Harvath chuyển khẩu súng từ tay trái sang tay phải, tìm kiếm gã Lùn nhưng gã đã thành linh biến mất. Cuối cùng, anh cũng tìm thấy.

Với khẩu súng kì lạ trên vai, người đàn ông nhỏ bé đã leo lên con chó hộ vệ và túm lấy dây xích trên cổ con vật chuẩn bị phóng đi cứ như nó là giống thuần chủng.

Lần cuối cùng Harvath nhìn thấy cả hai là khi con vật nhanh nhẹn nhảy vọt qua bức tường cao ở đầu kia của hiên nhà và biến mất dạng. Trong khi chẳng có lí do gì để giết người đàn ông và con chó, trong đầu anh lại xuất hiện một loạt câu hỏi cần lời giải đáp - những câu hỏi anh chắc chắn Mohammed bin Mohammed sẽ không sẵn lòng trả lời. Mặt khác, Harvath cũng chẳng có tâm trạng để hỏi. Anh chỉ có tâm trạng trả thù.

CHƯƠNG 104

Túm lấy gáy bin Mohammed, Harvath lôi hắn vào trong và ném hắn vào cột tường màu trắng rất to. Lấy ra chiếc còng tay trói hắn vào một chiếc cột, Harvath nói “Cách đây 10 ngày, mày đã giết một người bạn rất tốt của tao. Tao tới để đòi nợ”.

Gã đàn ông nhìn Harvath. “Tao không sợ chết”.

“Tao hi vọng mày sẽ nói thế”, Scot lôi hai lọ nhỏ bằng thủy tinh từ trong chiếc túi đeo trên thắt lưng ra và đưa chúng cho Mohammed. “Mỗi sinh vật nhỏ này có tên gọi *Dermestes maculatus*. Các bảo tàng dùng chúng để lọc thịt ra khỏi xác súc vật để nghiên cứu những bộ xương. Một khi chúng ăn mòn da thịt, thì không có cách nào ngăn lại được”.

Mở nắp chiếc lọ đầu tiên ra, Harvath túm lấy đầu Mohammed và đổ chiếc lọ vào tai hắn. Ngay lập tức, hắn bắt đầu la hét. Harvath lấy bật lửa trong túi ra và đốt nóng chiếc lọ cho đến khi con bọ chạy ra, chui vào ống tai Mohammed. Khi đã chắc chắn sinh vật đã vào đủ sâu, anh làm y hết thế với tai bên kia và lùi lại.

Giống con thỏ bị nhốt trong hang, những con bọ cánh cứng sẽ hung hăng đào để tìm cách thoát ra ngoài. Nếu chúng rơi vào tai ai đó, hậu quả là kẻ đó sẽ phát điên. Harvath đã đọc được điều đó

trong một cuốn sách từ cách đây khá lâu, và mặc dù anh không phải kiểu người hay thức khuya để nghĩ ra các cách tra tấn mới, nhưng đây luôn là một trong những cách anh nghĩ đáng để thử.

Harvath lùi lại quan sát gã đàn ông quần quai, la hét, cố giữ những con bọt ra khỏi đầu. Hắn đang vô cùng khiếp sợ. Mặc dù như thế cũng đủ để thoả mãn, nhưng vẫn chưa đủ để bù đắp lại cho những gì hắn đã gây ra.

Nâng khẩu súng lên, Harvath siết cò và găm một viên đạn vào bụng Mohammed. Đó được xem là một trong những hình thức chết đau đớn nhất của con người và nạn nhân sẽ tiêu tụy nhiều giờ trong nỗi đau đớn không sao tả xiết cho đến khi chết hẳn. Theo Harvath, như thế vẫn còn quá tốt cho Mohammed bin Mohammed.

Anh đang tính đến chuyện đập vỡ xương bánh chè của tên khủng bố Al-Qaeda thì một tiếng động ngoài hiên nhà khiến anh chú ý.

####

Sau khi quấn băng tạm thời cho vết thương trên ngực con chó, Harvath nhẹ nhàng vác con vật lên vai và bước thẳng qua cơ thể đang co giật của Mohammed để ra khỏi biệt thự. Ra đến ngoài, anh có cảm giác lí do duy nhất ngăn cản một viên đạn bắn thẳng vào anh từ khẩu súng kì lạ đang ẩn đâu đó trong bóng đêm là vì chủ nhân của con chó sắp chết hiểu rằng Harvath đang cố cứu mạng con vật của gã ta.

CHƯƠNG 105

NHÀ TRẮNG
WASHINGTON, D.C

“Thế còn gã Lùn?” Harvath hỏi khi cuộc họp sắp kết thúc. “Vai trò của hắn trong chuyện này là thế nào?” Tổng thống nhìn vị giám đốc mới bổ nhiệm của cơ quan tình báo, Kenneth Wilson và nói “Anh có muốn trả lời câu hỏi này không?”

Wilson gật đầu và hắng giọng nói “Thực ra chúng tôi biết rất ít về người đàn ông anh gặp ở Gibraltar, nhưng dựa theo mô tả của anh, và đặc biệt là về hai con chó của gã, chúng tôi tin gã là kẻ được biết đến với cái tên Gã Lùn”.

“Gã Lùn?”

“Lời đồn đại về sự tồn tại của gã đã lan truyền trong giới tình báo kể từ trước khi bức tường Béc-lin sụp đổ.

Người ta nói rằng gã chuyên mua bán các thông tin cực kì nhạy cảm. Theo chúng tôi, gã chính là kẻ đã mua chuộc Joseph Stanton để có thông tin về những địa điểm trong chương trình Athena ở thành phố New York”.

“Điều gì khiến ông nghĩ thế?”

“Sau khi những nơi đó được đảm bảo an ninh, một cuộc rà soát kĩ lưỡng đã được tiến hành để tìm ra bất kì dấu hiệu nào cho thấy

những thông tin tình báo đang được thu thập và phân tích đã bị thoả hiệp từ trước”.

“Và có không?” Harvath hỏi.

“Rất đáng kể. Mọi thông tin NSA có trên máy chủ về những địa điểm đó đã biến mất”.

Lúc này chẳng gì có thể khiến Harvath ngạc nhiên.

Lấy một thiết bị nhỏ làm bằng silic từ trong túi ra, Wilson giơ nó lên và nói “Chúng tôi tìm thấy phần còn sót lại của những thiết bị giống thế này ở các địa điểm. Có thể chúng đã được lập trình để chuyển các dữ liệu của máy chủ sang một địa điểm ở xa trong khi các máy chủ vẫn có vẻ như đang thực hiện các chức năng một cách bình thường”.

“Đó là lí do tại sao không một người nào của NSA nghi ngờ điều gì và chẳng có lời cảnh báo nào cả”.

“Chính xác. Giải thích hợp lí nhất của chúng tôi là gã Lùn đã bán cho Al-Qaeda thông tin về địa điểm giam giữ Mohammed đổi lại chúng chọc thủng các địa điểm trong chương trình Athena và đặt những thiết bị này giúp gã, những thiết bị sẽ tự hủy sau khi các dữ liệu đã được chuyển xong và đó là lí do chúng tôi tìm thấy phần còn sót lại.

“Chúng tôi cũng tin rằng gã Lùn đã bắt liên lạc với người nào đó trong Cơ quan tình báo của Bộ Quốc phòng, kẻ đã tiết lộ nơi chúng ta giam giữ Mohammed bin Mohammed, số những người biết thông tin rất ít, vì thế chúng tôi hi vọng sẽ sớm có kết quả”.

Giám đốc Wilson tiếp tục nói nhưng Harvath không nghe thêm điều gì nữa. Sau khi giết Abdul Ali và Mohammed bin Mohammed,

anh tưởng đã hoàn thành lời hứa với Bob Herrington, nhưng giờ còn một cái tên nữa anh phải loại ra khỏi danh sách - gã Lùn.

Khi Wilson nói xong, tổng thống hỏi Scot có còn câu hỏi nào nữa không. Đây đúng là một sự hiếm hoi. Vì không phải lúc nào anh cũng được chia sẻ bí mật của bức tranh tình báo tổng thể, có rất nhiều trường hợp anh đã không nắm hết được tầm ảnh hưởng những thành công của nhiệm vụ mình thực hiện. Đôi lúc, anh cũng được phép biết những thông tin mà lẽ ra với một người như anh không được phép biết. Trước kia, khi họ tổ những cử chỉ hào hiệp này, anh đã có thể quên, dù chỉ một phút, sự thất vọng của anh về giới chính trị Washington. Ngày hôm nay hóa ra là một ngày như thế.

Tổng thống không nhất thiết phải tập hợp những nhân vật hàng đầu của mình lại để dành một tiếng rưỡi giải thích rõ ràng và trả lời mọi câu hỏi của Harvath, nhưng ông đã làm vậy, và Harvath rất biết ơn. Và anh đã hỏi một câu cuối cùng. “Thế Amanda sao rồi?”

Rutledge mỉm cười và nói “Cô ấy khá hơn rồi, cảm ơn anh”.

“Rách phổi là nghiêm trọng lắm đấy”.

Tổng thống gật đầu. “Tôi nghĩ cái chết của những người bạn nó và rất nhiều đặc vụ trong vụ việc này đã khiến nó khó bình phục hơn bất cứ chuyện gì”.

“Chắc chắn rồi” Harvath đáp lại.

“Tôi sẽ nói với nó là anh hỏi thăm”.

“Cảm ơn tổng thống”.

Luôn không thoải mái với việc tổng thống thay mặt đất nước khen ngợi những nỗ lực của anh một cách thái quá, Scot cảm ơn ông vì

đã rất thẳng thắn và đã dành thời gian cho anh rồi chuẩn bị đứng lên.

“Nếu anh không thấy phiền, tôi muốn anh ở lại thêm vài phút nữa”. Tổng thống Rutledge vừa nói vừa xin lỗi những người còn lại trong Phòng Bầu Dục.

Khi họ đi hết, tổng thống lôi chiếc phong bì trên bàn ra và đưa cho Harvath.

“Gì thế này?”

“Scot, anh là tài sản quý giá của quốc gia”.

Harvath cố xen ngang, nhưng tổng thống đã ngăn anh lại. “Tôi thấy chúng tôi cần làm nhiều hơn thế nữa để cảm ơn anh”.

“Tôi không làm những việc đó để lấy lời cảm ơn, thưa tổng thống”.

“Tôi biết, và tôi cũng biết anh không làm thế vì tiền. Chắc chắn có nhiều nơi sẽ trả anh số tiền còn cao hơn thế cho những thông tin anh có được”.

Harvath không chắc, nhưng anh có nghi ngờ rằng tổng thống biết gần đây anh đang đi tìm việc khác. Anh đã liên lạc lại với bạn bè ở Valhalla tại Colorado và cho họ biết anh sẽ tiếp tục công việc hiện tại.

“Sao?” Rutledge nói, đưa Scot trở về thực tại.

Nhìn xuống, Harvath nhận ra tổng thống đang nói tới chiếc phong bì anh cầm trên tay.

“Còn với hợp đồng thuê nhà đã kí, chúng ta cần chỉnh sửa lại để thể hiện rõ anh là người trông nom”. Rutledge nói thêm.

Harvath nhìn lên và nói “Xin lỗi, người trông nom á? Tôi không hiểu”.

“Hai ngày trước, tôi đã nói chuyện với Cục trưởng Cục Hải quân. Anh có quen với Cơ quan bảo tồn của Hải quân không?”

“Không, thưa ngài. Không thể nói là tôi quen được”.

Đúng lúc ấy, Chánh văn phòng của phủ tổng thống, Charles Anderson, gõ cửa và thò đầu vào căn phòng Bầu Dục. Sau khi chào hỏi nhanh với Scot, ông ta trở tay vào đồng hồ ngụ ý với Rutledge rằng họ cần phải đi.

Tổng thống chỉ vào chiếc phong bì và nói “Toàn bộ thông tin nằm trong này. Hãy nghỉ ngơi vài ngày và cho tôi biết suy nghĩ của anh”.

Không biết thật sự phải cảm ơn người đàn ông này vì điều gì, Harvath bắt tay tổng thống, nhét chiếc phong bì vào trong túi áo ngực và rời khỏi phòng Bầu Dục. Khi ra đến ngoài, anh mở phong bì ra và đọc nội dung bên trong. Mới lướt qua nửa trang đầu, Harvath không tin nổi vào mắt mình.

Rời khỏi Nhà Trắng, anh xuống đại lộ Pennsylvania tới chỗ đậu chiếc TrailBlazer và lái xe thẳng tới Hạt Fairfax, Virginia. Anh phải tận mắt chứng kiến mới được.

CHƯƠNG 106

Trên vài héc-ta đất trông ra sông Potomac ở ngay phía nam khu đất Mount Vernon Estate của George Washington là một nhà thờ đá nhỏ thuộc thế kỉ thứ 18 có tên gọi Bishop's Gate. Trong suốt cuộc chiến tranh cách mạng, giám mục của giáo phái Anh sống tại Bishop's Gate là một bề tôi trung thành trực tính, người đã che giấu và giúp đỡ các gián điệp của Anh, hậu quả là đã dẫn đến cuộc tấn công của đội quân thuộc địa vào nhà thờ và gây ra tổn thất lớn.

Bishop's Gate nằm trong hoang tàn đổ nát cho đến tận năm 1882, khi Cục tình báo Hải quân, hay ONI, được thành lập nhằm tìm kiếm và báo cáo về sự phát triển ồ ạt và nhanh chóng của công nghệ tiên tiến của hải quân các nước tiên tiến nhất thế giới. Một vài trung tâm đào tạo đặc vụ của ONI được dựng lên dọc vùng ven biển phía đông để hướng dẫn các tùy viên hải quân và sĩ quan quân đội thu thập các thông tin về công nghệ của nước ngoài và những tiến bộ hải quân của họ.

Vì là một vị trí cô lập, trọng yếu nằm không xa Washington D.C, Bishop's Gate đã được bí mật tái thiết và hỗ trợ tài chính để trở thành một trong những trường đào tạo sĩ quan đầu tiên của ONI.

Là cơ quan tình báo hoạt động lâu đời nhất của đất nước, cuối cùng ONI cũng phát triển nhanh hơn cả địa điểm Bishop's Gate. Vì thế nhà thờ có nhiều gốc cây nhưng quý phái cùng ngôi nhà bằng đá của mục sư bị hạ xuống làm nơi lưu trữ những tài liệu đã bị lộ. Rõ ràng vận mệnh của Bishop's Gate chẳng có gì đặc biệt cả. Khi đọc lá thư, Harvath nhận ra Hải quân thường bị giao cho những cơ sở vật chất bị bỏ xó, không đáp ứng nhu cầu hiện tại, nhưng có thể lúc nào đó trong tương lai lại rất cần đến. Số bất động sản “nằm tách biệt” này, cũng như rất nhiều tòa nhà có tính lịch sử như Bishop's Gate có thể chỉ nằm đó trong một thời gian ngắn, hoặc mãi mãi. Không kể đến việc số bất động sản này sẽ được dùng lại như thế nào, trong khi vẫn nằm trong quyền hạn của Hải quân, Hải quân buộc phải bảo vệ và bảo tồn tầm quan trọng mang tính lịch sử cũng như duy trì tính nguyên vẹn của chúng.

Hầu hết số bất động sản của Hải quân có thể dùng làm nhà ở đều được dùng cho những kẻ đào ngũ cấp cao và những nhân vật chính trị quan trọng khác mà chính phủ Mỹ thấy cần phải có trách nhiệm với họ. Trong trường hợp của Harvath, Cục trưởng Cục Hải quân, cựu sĩ quan ONI, hiển nhiên rất vui khi thấy một người Mỹ xuất chúng được giao phó số bất động sản này. Thực tế rằng Harvath là một cựu Người nhái Hải quân Hoa Kỳ có lẽ không ảnh hưởng xấu đến vị trí của anh trong mắt vị cục trưởng này.

Tổng thể của Bishop's Gate - nhà thờ và nhà ở của mục sư hiện là một ngôi nhà xinh xắn, nhà ngoài hiện là một gara và toàn bộ khu đất trải dài được chuyển nhượng cho Harvath trong hợp đồng kéo dài 99 năm của chính phủ cùng mức giá thuê để làm tin là 1 đô la Mỹ/năm. Đổi lại Harvath phải duy trì được giá trị lịch sử của khu nhà

và rời khỏi đó trong vòng 24 giờ nếu được Hải quân Mỹ thông báo dù có nguyên nhân kèm theo hay không.

Đã hơn 50 năm trôi qua kể từ khi Hải quân sử dụng Bishop'Gate làm nơi chứa tài liệu, nhưng Harvath vẫn sững sờ khi được đề nghị sử dụng nó. Không tính cả gara, duy nhất ngôi nhà - bao gồm cả nhà thờ và nhà ở của mục sư có diện tích sử dụng lên đến hơn 1200 mét vuông, và những gì Harvath phải làm là đảm bảo cỏ được cắt xén, cộng với số tiền thuê 1 đô la được trả đúng hạn. Anh không thể không tự hỏi anh sẽ làm gì với số tiền thuê thực sự không phải trả kia nếu chấp nhận lời đề nghị của tổng thống.

Tất nhiên phần thực tế trong con người Harvath sẽ tái đầu tư khoản trời cho vào các lĩnh vực có thể, nhưng phần kia lại muốn mua một chiếc du thuyền, và giờ anh đã có cơ hội sống ngay trên Potomac, có vẻ như không phải là một mục tiêu vô lý.

Anh dành thời gian còn lại trong ngày vừa lang thang khắp khu nhà và khám phá kiến trúc của nhà thờ cũ, vừa quyết định. Mặc dù không phải là con người của tín ngưỡng, nhưng anh hi vọng đâu đó trên đường anh đi tham quan sẽ có dấu hiệu hiện ra. Và chính tại gác mái của căn nhà mục sư sống, anh đã tìm thấy - dấu hiệu theo đúng nghĩa đen.

Trên một miếng gỗ chạm khắc tuyệt đẹp là khẩu hiệu của các nhà truyền giáo người Anh. Nó phù hợp một cách kì lạ với sự nghiệp mà Harvath đã quyết định tiếp tục đến cùng: TRANSIENS ADIUVA NOS - *Ta bỏn ba nước ngoài để cứu giúp.*

Lúc đó, Harvath biết anh đã về đến nhà. Còn nữa, anh không cần bưu điện Emily để thông báo rằng từ chối một món quà, bất cứ món

quà nào của Tổng thống nước Mỹ không chỉ bất lịch sự, mà còn là một quyết định tồi tệ cho sự nghiệp của một nhân viên liên bang.

Mặc dù anh vẫn dè dặt khi nhận một phần thưởng hậu hĩnh như thế, nhưng quả thật Bishop's Gate đã choán lấy Harvath và thật xấu hổ nếu để nó thêm một ngày nữa không có người ở.

Với sự giúp đỡ của vài người bạn, kể cả Kevin McCauliff, Harvath đã thuê một chiếc xe tải và dành ngày chủ nhật tiếp theo chuyển đồ đạc từ căn hộ nhỏ ở Alexandria tới Bishop's Gate.

Trong khi bạn bè rất ngạc nhiên trước may mắn của anh, họ đều nhất trí rằng Harvath còn phải sửa sang nơi này rất nhiều. Gordon Avigliano, bạn anh còn đùa rằng theo anh ta, Hải quân đã có một vụ thoả thuận hay hơn rất nhiều. Giờ họ không chỉ có Harvath gác đêm cho mình, mà còn được trả thêm tiền thuê. Cho dù chỉ là 1 đôla/năm cũng được. Dù sao thì cũng chẳng có ai tin lời Harvath.

Khi những cốc bia cuối cùng được uống cạn và mọi thứ đã được ăn hết, chỉ trừ những hộp bánh pizza, Harvath lịch sự cho các bạn 5 phút để ra về trước khi anh dọa thả chó. Tất cả cùng phá lên cười, và cuối cùng mọi người cũng ra về, anh muốn họ hứa sẽ quay lại để giúp anh cải tạo ngôi nhà. Còn rất nhiều việc phải làm.

Sau khi tắm nhanh, anh mặc quần jeans và chiếc sơ mi Polo lên người rồi nhảy lên xe tới sân bay. Trước đó, anh đã quyết định gọi Tracy Hastings hỏi xem cô có muốn tới ở vài ngày với anh tại nơi ở mới không.

Hastings rất hồi hộp, và đã đặt một trong những chiếc vé cuối cùng trong chuyến bay đêm đó. Họ tạt vào cửa hàng bán thức ăn mang tên A La Lucia ở Alexandria và có một bữa ăn tối theo kiểu pic-nic ở ngay trước lò sưởi tại nhà mục sư.

Sáng hôm sau, Tracy cứ để Harvath tiếp tục ngủ. Anh đã quá mệt mỏi trong nhiệm vụ vừa qua, cũng như việc chuyển nhà, và vẫn đang cần hồi phục vết thương khi anh lâm nạn ở New York. Công bằng mà nói, cô chưa bao giờ nhẹ nhàng với anh như vậy. Khi thật, họ đã rất tốt với nhau.

Với nụ cười trên khuôn mặt và một tách cà phê trên tay, Tracy mở cửa bước ra ngoài. Đó là một buổi sáng mùa hè rực rỡ, cô hít một hơi thật sâu và cố xác định những mùi hương ngọt ngào đang ùa đến với cô từ mọi phía. Cô đang ở rất xa Manhattan, và được ở đây cùng Scot là niềm vui chưa từng có của cô. Nếu cuộc đời cho phép, cô sẽ ở lại đây mãi mãi, không bao giờ rời xa.

Lúc cúi xuống nhặt bông hoa bị gió cuốn qua nhà ở của mục sư, cô nhận ra một chiếc giỏ đan bằng liễu gai ai đó để lại. Một dải ruy băng bằng sa-tanh được buộc bên trên và cô nghe thấy tiếng sột soạt ở bên trong.

Nhấc nắp đựng chiếc giỏ ra, Tracy phát hiện thấy một con chó màu trắng rất đẹp. Cùng với nó là cuốn sách về giống chó Cáp-ca và lời nhắn. Bế con chó vào lòng, cô đọc tấm thiệp bằng giấy cứng. *Cảm ơn vì đã cứu Argos. Tôi mãi mãi mang ơn anh. Một người bạn.*

Tracy không biết ai đã để lại tờ giấy nhắn, nhưng cô đoán có thể Scot biết. Dù thế nào nhất định anh sẽ thích con chó này. Cô biết thế. Đã đến lúc cuộc sống của họ tràn ngập những điều tốt đẹp.

Nâng con chó lên cằm, Tracy quay lưng để bước vào nhà, nhưng trước khi cô qua được ngưỡng cửa thì một viên đạn có tên cô trên đó xé tán cây lao đến.

Tháo khẩu súng ra, tên sát thủ trong quá khứ của Scot tự hào vì biết rằng đây mới chỉ là sự khởi đầu cho nỗi đau và cuộc báo thù

sắp diễn ra theo cách của Harvath. Harvath sẽ hiểu được là anh ta chưa bao giờ chôn vùi được ai trừ phi chắc chắn chúng đã chết.